N° 140 Juillet 1929

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

BÀI HỌC CỦA RABELAIS

Người An-Nam làm thế nào đổi mới được văn-minh của mình

RABELAIS là một bậc văn-hào nước Pháp về tiền-bán thế-kỷ thứ 16 (1490-1552). Hồi bấy giờ nước Pháp mới bắt đầu thoát ra khỏi thời-đại Trung-cổ, là một buổi tối-tăm trong lịch-sử văn-hóa Âu-châu. Về học-thuật thời là cái học « kinh-viện » (scolastique) phiền-toái, trọng hư-văn mà không thiết thực-sự, lấy hình-thức mà ám cả tinh-thần, tức cũng như cái học khoa-cử của nước Nam ta ngày trước, mà lại thêm cái tệ thiên hẳn về mặt tôn-giáo thần-quyền. Về văn-tự thời các văn-nhân học-sĩ nhất-thiết dùng chữ La-tinh cả, là một thứ « tử-văn » trong dân gian không ai nói không ai hiểu, tức cũng như nhà nho ta ngày trước chỉ biết dùng chữ Hán mà cho tiếng nước nhà là «nôm-na mách quê», không xứng-đáng làm văn-chương vậy. Cái thời-đại hắc-ám đó đã dài tới hơn nghìn năm, tự cuối thế-kỷ thứ 4 hồi La-mã đế-quốc bị đổ cho mãi đến cuối thế-kỷ thứ 15, đầu thế-kỷ thứ 16. Trong hơn nghìn năm ấy, cả Âu-châu như nằm trong giấc mộng thần-tiên, hồn điệp mơ-màng, cũng có lúc bay-bổng lên những chốn cao-siêu mà gây dựng ra những công-trình tuyệt-tác, như các kiểu nhà thờ « gô-tích » rải-rác khắp mọi nơi, nhưng đại-đề thời thiêm-thiếp giấc nồng, say-sưa mê-mần, không từng mở mắt mà xét đến cảnh-vật quanh mình. Mãi đến cuối thế-kỷ thứ 15, cái giấc ngủ nghìn năm đó mới thấy tỉnh ra dần-dần. Bắt đầu ở nước Ý, rồi kế đến nước Pháp, nổi lên một bọn những tay văn-nhân, tài-tử, bác-sĩ, thâm-nho, quyết phá hẳn cái nền học phiền-toái đương-thời, thoát-li ra ngoài vòng mê tín trong dân-gian, ngoài quyền độc-đoán của Giáo-hội, trực-tiếp với cổ-nhân La-Hi để bắt-chước lấy các kiểu mẫu đẹp về văn-chương mĩ-thuật mà tạo-thành ra một cái văn-hóa mới cho Âu-châu. Bấy giờ như trong đám đêm tối vụt nẩy ra một cái ánh sáng trói lọi, càng ngày càng lan rộng ra, càng ngày càng rạc-rỡ thêm. Kết-quả là cái văn-minh sán-lạn của Âu-Tây ngày nay vậy. Cái phong-trào cải-tạo văn hóa Tây-phương về thế-kỷ thứ 15-16 đó, tức trong lịch-sử gọi là cuộc « Văn-hóa Phục-hưng » (Renaissance), vừa là khôi-phục lại cái cổ-văn-hóa của La-Hi đã bị chìm-đắm mất trong nghìn năm có lẻ, vừa là phát-siển ra cái tinh-thần khoa-học đời nay, giúp cho các khoa thực-nghiệm phát-đạt biết dường nào.

Nói tóm lại thì thời-đại RABELAIS chính là buổi nước Pháp và cả Âu-châu vừa mới bỏ nơi tối-tăm mà ra chỗ sáng-sủa, đoạn-tuyệt quan-hệ với một cái xã-hội hủ-bại, một cái học-thuật phiền-toái đã áp-chế tinh-thần người ta trong hơn mười thế-kỷ, mà quả quyết hăng-hái ra tay gây dựng ra một nền văn-minh, một nền xã-hội mới vậy. Mà RABELAIS chính là một người có công to trong cái sự-nghiệp cải-tạo đó. Ông trước làm thầy tu, sau làm thầy thuốc, sau đi du-lịch khắp trong nước, y-học

đã thông, luật-học cũng thạo, các khoa-học khác đều cũng thiệp-liệp hết, mà cổ-văn La-Hi thời yêm-bác thâm-trầm, thật đã đáng mặt danh-nho một thủa ; nhưng ham đường tư-tưởng tự-do, ghét thói mê-tín độc-đoán, muốn trực-tiếp với dân-gian mà khai phóng cho công-chúng, biết rằng phàm văn-chương phải có sinh-hoạt mới có ích lợi cho đời, nếu chỉ dùng một thứ « văn chết » như chữ La-tinh thời chỉ là một cái phù-hiệu riêng trong một bọn bác-học khảo-cổ với nhau, không có ảnh-hưởng gì đến nhân-quần xã-hội cả, bởi thế nên không quản gì lời chê-bai của thiên-hạ, quả-quyết bỏ hẳn chữ La-tinh là cái văn-tự thông-thường của bậc thượng-lưu đời bấy giờ mà làm văn viết sách thuần dùng tiếng quốc-âm cả : tìm-tòi trong dân-gian những tiếng nào là tiếng thường tiếng tục, tiếng gốc tiếng lỗi, tiếng nôm-na sỗ-sàng của kẻ bình-dân làm-lụng, dùng làm văn-chương cùng với những tiếng mượn của cổ-văn La-Hi, thành một thứ văn-liệu rất phong-phú, mà rất có ý-vị, có hứng-thú. Ông có soạn hai bộ trường-thiên-tiểu-thuyết để là Gargantua và Pantagruel, *dùng lối khôi-hài để giễu -cợt những tục rởm thói hư của xã-hội, giọng nôm-na để cho người lớn trẻ con đều hiểu hết. Hai bộ sách ấy có nhiều tư-tưởng mới, thật là một cái kho tri khôn cho người đương-thời, lại có lắm cách nói lạ, thật là một cái kho tục-ngữ cho kẻ học tiếng vậy* (1). *Bắt đầu làm sách bằng tiếng « nôm » Pháp mà có tài nhất là tự ông : ông thật đã có công to để-tạo ra quốc-văn Pháp. Cho nên người đời sau thường tặng ông cái huy-hiệu là « ông tổ văn-học nước Pháp »* (le père des lettres françaises).

Nay xét cái tình-trạng nước Nam ta về đường văn-tự ngày nay cũng không khác gì nước Pháp về đời Rabelais. *Nước Pháp bấy giờ mới thoát cái học kinh-viện phiền-toái, cũng như nước Nam ta ngày nay mới thoát cái học khoa-cử hư-văn. Người Pháp bấy giờ mới bắt đầu bỏ chữ La-tinh mà dùng tiếng quốc-âm, cũng như người Nam ta ngày nay mới bắt đầu bỏ chữ nho mà dùng quốc-ngữ. Người Pháp bấy giờ mới gột rửa cái óc mê-tín độc-đoán trong mấy mươi đời mà luyện lấy cái tinh-thần cách-trí đời nay, cũng như người Nam ta bây giờ mới bắt*

---

(1) Hai bộ sách này bằng tiếng Pháp cổ, ngày nay khó đọc lắm, phải có người chuyên-môn mới hiểu hết được. Nay tóm tắt truyện trong sách như sau này :

TRUYỆN « *Gragantua* » — Vua nước Khổng-lồ tên là *Grandgousier* và vợ là *Gargamelle* có người con tên là *Gargantua*, giao cho bọn hủ-nho dạy theo lối học đời Trung-cổ, thành ra anh đỗ gàn, đỡ-đỡ ương-ương, ngu-ngu xuẩn-xuẩn. Bấy giờ vua cha mới cho ra *Paris* để cho ông phụ-đạo *Ponocrate* sửa lại tâm-tính ; ông vừa cho học văn-chương cách-trí, lại vừa cho tập bách-công thể-thao. Bấy giờ có vua láng giềng *Picrochole* đề binh sang đánh vua *Grandgousier* ; thái-tử phải về cấp-cứu cho cha, đánh tan được quân giặc, nhưng lấy nhân-đạo mà đãi lại. Rồi xây một nhà đạo-viện đặt tên là viện *Thélème* để họp những tài-tử giai-nhân trong nước, lấy câu : « Tùy-ý sở-thích » (*Fais ce que vondras*) làm lời châm-ngôn.

TRUYỆN « *Pantagruel* » — *Pantagruel* là con *Gargantua*. Cha muốn cho thiệp-liệp cả các môn tân-học đời bấy giờ, bèn cho đi du-học nhiều nơi, sau mới đến *Paris*. Đến đấy thời *Pantagruel* được biết một người tên là *Panurge*, là một tay giang-hồ lãng-khách, giảo-hoạt tinh-khôn, nhưng mà rất mực phóng-túng, vô-sở bất-vi, thường nói muốn kiếm tiền có sáu-mươi-ba cách, mà cách điệu nhất là cách biển, cách « xoáy » vậy. Hai người cặp-kè với nhau, xảy ra lắm chuyện kỳ-khôi nực cười. (Cả thiên thứ 2 kể những sự lạ-lùng đó) Cùng nhau đi du-lịch những nơi huyền-hoặc ; trước đi tìm những ông dồng bà đi để hỏi việc tương-lai, *Panurge* thì hỏi có nên lấy vợ không (Thiên thứ 3) ; rồi đến xứ *Chicanous* (là xứ thầy kiện thầy cò), tả cảnh xứ này thật là ghê quá ; lại đến xứ *Carême Prenant* (là xứ theo Cựu-giáo) và xứ *Papefiguès* (là xứ theo Tân-giáo) (Thiên thứ 4) ; sau đến đảo *Sonnante* có nhiều nhà thờ (tức là thành La-mã) ; rồi sau cùng đến một cái miếu thờ thần rượu (*dive Bouteille*), thần này chỉ dạy có một điều là : « Đánh chén hoài ! » (*Trink*), còn mụ thủ-tự thời giảng sách nói rằng : « Rượu có cái đức-tính làm cho linh-hồn được sáng-suốt, thông-thạo tân-giới. » (Thiên thứ 5).

đầu trừ bỏ những cái tập-quán hủ-bại từ bao lâu mà tập lấy phương-pháp khoa-học Thái-Tây. Trong lúc chúng ta đương gia-công gây dựng lấy một nền quốc-văn cho xứng đáng, những nông-nổi khó-khăn ta đương qua ngày nay, người Pháp đã từng qua cả. Cái tình-cảnh nhà làm văn Pháp đời bấy giờ cũng khốn-nạn như bọn mình viết quốc-ngữ bây giờ, khổ vì nỗi tiếng chưa thành văn, không biết thế nào là hay là dở. Tiếng Pháp mới thoát-li ở la-tinh ra, không thể bỏ hẳn chữ la-tinh được, cũng như quốc-ngữ mình không thể bỏ hẳn chữ nho được. Các nhà làm văn Pháp bấy giờ khổ vì nỗi thiếu tiếng dùng, thường phải mượn chữ la-tinh mà hóa ra tiếng thổ-âm, cũng như các nhà làm văn ta bây giờ cũng khổ về nỗi tiếng An-Nam còn khuyết-phạp, cần phải mượn chữ nho mà đọc ra Nam-âm. Người Pháp bấy giờ có người sinh dùng chữ la-tinh quá, lại có người phản đối chỉ muốn dùng toàn tiếng thổ-âm Pháp mà thôi, cũng chẳng khác gì ở nước ta bây giờ có người ưa dùng chữ nho nhiều, lại có người phản-đối muốn hạn-chế chữ nho lại. . . . . So-sánh hai bên, giống nhau như hệt. Tình-cảnh đã giống nhau thời sự từng-trải của người trước có thể làm bài học cho người sau.

Ông VAYRAC chắc cũng nghĩ như thế, nên mới soạn một quyển sách đề là « Bài học của RABELAIS và của thời-đại ông » (La leçon de Rabelais et de son époque), định để cống-hiến cho người An-Nam ta. Ông là quan cai-trị ngạch Đông-Pháp, lại là một tay văn-học giỏi, vẫn thường để ý đến cái vấn-đề dung-hòa hai văn-hóa Đông-Tây. Ông thấy về đường văn-học cái gương của RABELAIS có thể dùng cho người Việt-Nam ta soi chung được, thật là một dịp dung-hòa Âu Á, nên ông nhiệt-thành khuyên chúng ta nên theo đó mà cải-tạo văn-hóa nước nhà. Theo ý ông thời « bài học » của RABELAIS có bổ-ích cho người An-Nam về ba phương-diện như sau này : 1º) phương-diện chữ-nghĩa ; 2º) phương-diện tư-tưởng ; 3º) phương-diện văn-chương. Về phương-diện thứ nhất thời RABELAIS chính là người thông về cổ-văn La-Hi mà quyết bỏ hẳn chữ La-tinh, viết bằng tiếng nôm Pháp, dùng những lời thông-tục trong dân-gian, để nói cho mọi người đều hiểu được ; người An-Nam nên theo đó mà trau-dồi tiếng quốc-âm của mình, đừng mượn lắm chữ cũ tiếng ngoài mà tạo ra một thứ văn-tự không có căn-cứ trong dân-gian, không có trực-tiếp với công-chúng, không thể sinh-tồn phát-đạt được. — Về phương-diện thứ hai thời RABELAIS sinh vào giữa lúc giao-thời, cái học phiền-toái, những thói mê tín đời Trung-cổ còn dai-dẳng chưa dứt mà cái tinh-thần khoa-học đời nay thời chửa nẩy-nở ra được, ông quyết đoạn-tuyệt hẳn với những tư-tưởng hủ-bại đời trước mà nhiệt-thành theo cái phương-pháp cách-trí mới xướng lên ; người An-Nam cũng đương gặp cái tình-trạng như-thế, nên theo gương ông mà giảng-cứu các khoa-học Âu-Tây mới, mong đổi mới được văn-hóa nước mình, nhưng phải biết các khoa-học ấy cốt là trọng ở cái « tinh-thần cách-trí » (esprit scientifique), chứ không phải ở những sự ứng-dụng chế-tác thường mà thôi, mà tinh-thần ấy vừa thuộc về tri-thức, vừa thuộc về đạo-đức nữa, không nên hiểu lầm mà cho cái văn-minh của khoa-học đời nay là thuần vật-chất cả vậy.—Về phương-diện thứ ba thời RABELAIS khéo điều-hòa cái cổ-học La-Hi với cái tân-học hiện-thời, khéo lợi-dụng quốc-âm của mình mà dung-hóa với văn-tự đời trước, gây dựng ra được một nền quốc-văn có đặc-sắc, đáng đời sau tôn là ông tổ văn-học trong nước ; người An-Nam nên bắt-chước đó mà điều-hòa cái tư-tưởng của Âu-châu và của Trung-quốc cùng với cái quốc-túy riêng của giống mình, ngõ-hầu cũng có thể gây-dựng được một nền quốc-văn xứng-đáng sau này.

Sách của ông VAYRAC *chưa xuất-bản. Nhưng ông có cho ký-giả được xem bản thảo. Sách chia làm hai phần : Phần thứ nhất là nói về lịch-sử và sự-nghiệp của* RABELAIS ; — *phần thứ nhì chia làm hai thiên, mỗi thiên hai chương : Thiên thứ nhất xét về mấy phương-diện trong văn-hóa đời Trung-cổ và đời Phục-hưng (Chương thứ 1 : Đời Trung-cổ không được biết những kiệt-tác của tư-tưởng Hi-lạp ; — Chương thứ 2 : Đời Trung-cổ dùng một thứ tử-văn ; — Thiên thứ nhì xét về những điều người An-Nam có thể bắt-chước người Âu-Tây và thứ nhất là* RABELAIS *(Chương thứ I : Vấn-đề ngữ-ngôn văn-tự ; — Chương thứ II : Người An-Nam làm thế nào đổi mới được văn-minh của mình). Chương cuối cùng đó, ông* VAYRAC *mới rồi có cho tạp-chí* Extrême Asie *in riêng ra trong số tháng Juin* 1929. *Ông lại cho phép bản-chí dịch bài đó ra quốc-văn để cho được rộng người biết.*

Muốn cho hiểu rõ cái chủ-ý lập-luận của tác-giả, bản-chí lại xin phép tác-giả cho dịch luôn cả mấy trang tổng-luận ở đầu sách nữa.

Vậy bài sau này là dịch một chương đầu và chương cuối sách « Bài học của RABELAIS *» của quan cai-trị* VÁYRAC *vậy.*

THƯỢNG-CHI

Chủ-ý sách « Bài học của Rabelais » thế nào

Thiên lược-sử về RABELAI này là làm theo những sách-vở tối-tân của các nhà phê-bình văn-học. Tuy có nhiều chỗ thật sơ-lược, nhưng tác-giả cũng mong rằng xem đó có thể biết rõ được tính-cách cùng công-nghiệp một người đã bị thiên-hạ sàm-báng biết bao nhiêu. Người này là một bậc thiên-tài lỗi-lạc, không những là một tay đại-văn-hào của nước Pháp, mà lại gồm được cả cái chí hoài-bão về đương-thời, vẽ được cả cái chương-trình cho văn-minh đời nay phải thi-hành vậy. Nhưng mà giới - thiệu RABELAIS cho người An-Nam biết cũng chưa đủ : cần nhất là phải khuyên-nhủ cho họ ngẫm-nghĩ đến cái sự-nghiệp của ông, đến cách-thức ông thực-hành sự-nghiệp ấy thế nào, ở giữa một thời-đại xôn-xao đương phá đổ cả những cái tư-tưởng thiên-lệch từ trước mà thay đổi cả phương-châm cho thần-trí loài người. Sách này làm ra là chủ-ý giúp cho người An-Nam để tâm suy-nghĩ như thế, thuộc về một thời-kỳ quan-trọng trong lịch-sử nước Pháp mà ngữ-ngôn văn-tự trong nước đương bị đảo-điên biến-cách, văn-minh đương tấn-tới lạ thường. Người An-Nam xem đó thời biết rằng bao nhiêu những vấn-đề họ đương lấy làm băn-khoăn khó giải ngày nay, chúng ta đã từng qua biết cả, mà không phải là bao giờ chúng ta cũng giải-quyết được ổn-thỏa vậy. Ước gì ngày nay họ được may-mắn hơn ta !

Tôi tưởng trước hết cần phải đem mấy cái trạng-thái đời Trung-cổ và đời Phục-hưng mà bày tỏ ra cho hiểu rõ giữa lúc RABELAIS xuất-hiện thì cái tình-trạng của chúng ta như thế nào, sự hành-động của ông thế nào, và ông phải đối-phó với những nông-nỗi khó-khăn như thế nào. Đó là nội-dung của thiên thứ nhất trong sách này.

Giữa lúc hai bộ sách *Pantagruel* và *Gargantua* xuất-bản thời cái văn-hóa đời Trung-cổ đã xô-đẩy chúng ta vào một cái tình-cảnh thật khó giải, cũng có điều giống như tình-cảnh người Việt-Nam ngày nay. Tác-giả sẽ kể qua một vài điều quan-trọng, còn để độc-giả tự suy-xét mà so-sánh lấy, sẽ thấy còn nhiều điều hay nữa.

Thiên thứ hai thời chuyên xét về những điều người An-Nam có thể bắt-

chước chúng ta được, nhất là bắt-chước RABELAIS, để trước hết giải-quyết cái vấn-đề văn-tự, rồi cải-tạo văn-minh trong nước và gây-dựng lấy một nền quốc-văn xứng-đáng.

Vì những ý-kiến này là ý-kiến mới lạ cho người An-Nam, nên tôi tưởng trước khi vào mục nên tóm-tắt mấy cái yếu-điểm trong đề-mục như sau này.

Trong những nguyên-nhân khiến cho đời Trung-cổ bị kém-cỏi về đường văn-hóa, có hai mối ta nên chú-ý : một là đời Trung-cổ không được biết các cổ-văn La-Hi, nhất là những kiệt-tác của tư-tưởng Hi-lạp ; hai là đời Trung-cổ dùng một thứ tử-văn, là chữ la-tinh.

Trước hết thời những sách - vở của các tiền-triết Hi-lạp, hầu như không ai biết đến cả. Rồi các sách của ARISTOTE mới dần-dần xuất-hiện ra. Nhưng truyền cho sang đến Tây-phương thời những sách ấy đã phải qua một con đường dài, dịch ra ba thứ chữ : Tây-lý-á (*syriaque*) A - lạp - bá (*arabe*) và La-tinh, lại bị các nhà chú-thích Hi-lạp cùng A-lạp-bá biện-nạn, sai-lạc mất cả nguyên-nghĩa đi.

Vì những sách-vở của tư-tưởng Hi-lạp bị thất-truyền lâu như thế, nên đời Trung-cổ mới xuất-hiện ra hai cái quái-vật như sau này : là cái học kinh-viện (*la scolastique*) và cái học hóa-kim (*l'alchimie*). Sách của ARISTOTE, biết không đến nơi, hiểu sai-lầm cả, đem ra mà biện-nạn chú-giải, thành ra cái lối triết-học phiền-toái. Còn phải hóa-kim thời được biết một quyển *Timée* của PLATON. — trong các sách vấn-đáp của PLATON, duy quyển này là có dịch ra chữ la-tinh, — và quyển « Khí-tượng học » (*Météorologie*) của ARISTOTE, lại càng thêm mơ-tưởng hoang-đường về cái thuật huyền-hoặc đó.

Nay cái học kinh-viện với cái học hóa-kim, rồi hai đàng cứu-cánh khác nhau, cũng là một bài học có ích cho ta. Học kinh-viện không có kết-quả gì, vì đã dứt đứt cả quan-hệ với thực-tế. Còn học hóa-kim thời tuy sai-lầm cuồng-dại, nhưng kết-quả thành ra một khoa-học chân-chính, là khoa hóa-học đời nay, là vì biết quan-sát sự-vật và biết thực-hành thí-nghiệm.

Suốt đời Trung-cổ, tiếng la-tinh vẫn là thứ tiếng chung của cả Âu-châu. Nhưng chẳng may, ngay tự ở La-mã, thứ «tiếng viết» (*langue écrite*) là phỏng theo tiếng Hi-lạp, đã khác xa thứ «tiếng nói» (*langue parlée*) lắm rồi, khi các rợ Bắc-man tràn sang, làm mất cả các trường học, thì sự cách-biệt hai thứ tiếng đó tưởng cũng phải bớt dần đi. Trái lại, lại càng tăng thêm lên : Các nhà làm văn, tuy cũng cố viết cho đúng mẹo, nhưng mà học không đến nơi, thành ra vấn đề cho chữ la-tinh càng ngày càng suy-biến mãi đi ; không lập-tâm dùng thổ-âm mà tự-nhiên phải mượn nhiều lối-điệu của thổ-âm. Nhưng đồng-thời tiếng thổ-âm cũng biến-hóa mau lắm ; phân-biệt ra vô-số các tiếng địa-phương, trong đó có mấy thứ sau này thành tiếng « lô-man » (*langue romanes*).

Tiếng la-tinh về đời Trung-cổ vẫn cũng có biến-hóa, nhưng mà chậm lắm, không theo kịp các thứ tiếng nói. Hai đàng cách-biệt nhau cho đến nỗi tiếng viết không chuyên học thời không thể hiểu được nữa. Vả lại đời nào cũng có nhà làm văn muốn cố bảo-tồn lấy cái cốt-cách cổ-văn, giữ lấy cho toàn cái hình-thức cổ-điển. Các nhà ấy vẫn gia-công luyện-tập mà không phải là được trúng-cách luôn. Trong suốt đời trung-cổ, xét ra có hai cái phong-trào xô-đẩy tiếng la-tinh theo hai đường khác nhau : một đường tiến-hóa theo lối mới, một đường bảo-thủ lấy cổ-điển,

Phái cổ-học thịnh-hành thời cái phong-trào thứ nhì đó được thắng. Phái này cố cứu-vãn cho tiếng la-tinh hồi-cổ, cố trau-chuốt cho được lọc-lõi, thành ra làm thành một thứ tiếng « nhân-tạo », một thứ văn-tự của bọn khảo-cổ, đã khó hiểu, lại khó dùng, không thể tiến-hóa được, và không thể diễn được các tư-tưởng mới. Giữa lúc tưởng đã phục-hồi được cái cổ-văn rực-rỡ như xưa, thời bấy giờ tiếng la-tinh bị các tiếng thổ-âm lấn hẳn mất. Thành ra phái cổ-học, vì chất-chíu chăm-chút cho cổ-văn quá, mà thực đã diệt mất cổ-văn mà không biết vậy.

Sự tai-hại của các thứ tiếng nhân-tạo; cái nông-nổi văn-học khuyết-phạp của đời Trung-cổ; sự mê-tín về tiếng la-tinh ở nước Pháp di-truyền mãi cho đến đời văn-chương Pháp đã toàn-thịnh: đó là những điều đáng cho người Việt-Nam nên để ý suy-nghĩ. Cái gương của chúng ta ngót nghìn năm mất công vô-ích, nên khiến cho họ quyết bỏ cái khuynh-hướng ngày nay đương muốn đặt ra một thứ tiếng nhân-tạo bằng những mảnh cóp-nhặt của chữ nho vậy.

Phàm văn-chương, muốn cho có linh-hoạt, muốn cho được nảy-nở, thì phải gây-dựng bằng một thứ tiếng có nói, có sống, có phổ-thông trong dân-gian vậy. Sách nào viết bằng một thứ tử-văn hay bằng thứ tiếng nhân-tạo, thời dù cho đắc-thế thế nào mặc lòng, cũng không có kết-quả về sau; thực là những sách « hữu tác bất truyền » vậy. Lời văn đã là trang-tác, tư-tưởng cũng không tự-nhiên, phần nhiều các sách ấy chẳng qua là cái trò chơi của bọn hay chữ, hay là những bài viết phỏng theo cổ-nhân mà không biết, thật không có đặc-sắc, không có giá-trị gì.

Nay đã quyết dùng một thứ tiếng có sinh-hoạt, có phổ-thông, mà làm văn-chương rồi, thời mọi sự nguy-hiểm đã tránh được hết chưa? Quyết rằng chưa. Phải thường-thường giữ-gìn luôn cho nó khỏi mất tính-cách đi, cho khỏi bắt-chước những lối chữ cầu-kỳ cao-thượng mà sai mất cái bản-thể đi. Quốc-văn phải là một cái khí-cụ chung, cho khắp nhân-dân trong nước nói thứ tiếng ấy có thể dùng được cả. Không nên lấy cái cớ trang-điểm cho đẹp thêm, trau-dồi cho phong-phú, mà để cho từng đống từng khê những tiếng chữ cao-kỳ tràn-ngập mất cả các tiếng thổ-âm, làm cho mất cả cái ý-vị của nhiều tiếng tục hay; nếu không thì sẽ biến thành một thứ tiếng quái-gở của một bọn hủ-nho, người bình-dân không thể hiểu được. Lấy giờ thời tất xảy ra một cuộc cách-mệnh, — mà phàm cách-mệnh bao giờ cũng làm quá, — sẽ bài-trừ hết cả những tiếng chữ cầu-kỳ đi, chỉ giữ lấy những tiếng đã được thông-tục công-nhận mà thôi. Tiếng quốc-âm khi đó sẽ lại tiến-hóa như thường, nhưng đã bị sai-lạc mất tính-cách, phá-hoại mất cái vẻ thuần-túy đi rồi, hình như vẫn còn đeo-đẳng vô-số những cái mầm độc, vô-số những thói quen ác-liệt, cùng những tập-kiến vô-lý chỉ chực sẵn để lại truyền-nhiễm sang mà làm cho suy-biến đi nữa. Đã bị ép theo cái khuôn nhân-tạo mà phát ra thời thành ra hư-hoại đi mãi-mãi vậy.

Vấn-đề ngữ-ngôn văn-tự vốn vẫn là một vấn-đề rất quan-trọng, nhưng thực là thuộc về một vấn-đề cả-thể hơn nữa, là vấn-đề cải-tạo văn-hóa nước Nam vậy. Người An-Nam cần phải theo dõi khoa-học Âu-Tây, phải tập lấy cái « cách-trí-tinh-thần ». Như vậy thời dần dần xã-hội nước Nam cũng sẽ biến-đổi theo những lý-tưởng của ta. Nhờ có chúng ta ở đây, sự tiến-hóa đó sẽ cứ tuần-tự mà đi, không phải xô đẩy vấp-vấp gì. Nhưng muốn cho được hoàn-toàn thời kết-quả phải tạo-thành ra được một nền văn-

chương mĩ-thuật đặc-biệt. Cái gương các nhà cổ-học nước Pháp về đời Phục-hưng, nhất là cái gương của RABELAIS, sẽ bày-tỏ cho biết rằng hai cái văn-minh dầu bề ngoài xem ra cách-biệt nhau mà cũng có thể điều-hòa được vậy.

∴

Người An-Nam làm thế nào đổi mới được văn-minh của mình

I

CÁC DÂN-TỘC ĐỀU PHẢI TẬP LẤY KHOA-HỌC ÂU-TÂY. KHOA-HỌC RỒI SẼ BIẾN-ĐỔI HẾT THẢY, KHÔNG NHỮNG TRONG CÁCH SINH-HOẠT VỀ VẬT-CHẤT, MÀ CẢ TRONG CHẾ-ĐỘ PHONG-TỤC NỮA.

Rabelais là một tay khám-phá, thứ nhất là có công tán-dương khoa-học và làm tiên-phong cho cái tinh-thần cận-đại.— RABELAIS suốt đời theo đuổi về khoa-học, đem cái tài văn-chương rất lỗi-lạc mà phụng-sự khoa-học, tán-dương khoa-học. Chính tự mình đã gia công gắng sức cố thu-hoạch lấy những điều tri-thức đích-xác. Văn ông dường như không có văn mà thực là văn sảnh-sỏi, ông dùng để xưng-tụng một cuộc biến-cách lớn-lao nhất trong lịch-sử Âu-châu.

Sách ông ví như một bài trường-tụng vĩ-đại, rậm-rạp, phong-phú, phiền-phức, hoạt-động, có cái vẻ phồn-tạp như cuộc đời, bày cho ta xem cái cảnh-tượng đời cổ-đại với đời Trung-cổ xung-đột nhau thế nào, và cái tinh-thần cận-đại phôi-thai khó-nhọc là đường nào. Trong sách biết bao nhiêu là những chuyện bông-lơn bỡn-cợt, những câu thô-bạo tục-tằn, những đoạn thú-vị khoái-trá, mà sở-dĩ không đến nỗi loạn-tạp, vẫn có cái vẻ nhất-trí, là bởi tác-giả thủy-chung vẫn có cái chí quan-sát cho đúng sự thực, nghiên-cứu việc đời cùng sự-vật một cách tinh-tế, thường đem cái lý-tưởng đời Phục-hưng mà đối với những cái tập-kiến hủ-bại của thời-đại trước. « FRANÇOIS tiên-sinh » không bỏ qua một dịp nào mà không tuyên-bố tấm lòng nhiệt-thành đốc-tín của mình đối với cổ-điển La-Hi. Ông tán-dương công-đức của văn-học cùng mĩ-thuật, quyết-đoán rằng người ta cần phải giúp công cho khoa-học tấn-tới, không những khiến cho sự sinh-tồn của loài người được dễ-dàng hơn, mà lại có thể giúp cho văn-hóa được tiến-bộ nữa. Ông tán-dương nghề in sách, cho là có Thượng-đế giúp mới nghĩ ra được, cũng như trái lại nghề súng đạn là bởi Ma-vương xui mà đặt ra. Ông mong-mỏi rằng nghề trên sẽ diệt nghề dưới và khoa-học sẽ giúp được cho cái thiện thắng được cái ác vậy. Như vậy thời theo như ông, cái phẩm-giá cùng sự hạnh-phúc của người đời là thuộc cả ở cái phương-pháp nghiêm-nhặt của khoa-học vậy.

Văn-minh Hi-lạp đời xưa đã dụng-công cố phát-minh ra khoa-học. Gần đạt tới mục-đích thời bị khuynh-đảo mất. Nhân-loại bị những cái tai-nạn ghê-gớm nó xô-đẩy vào trong vòng dã-man, còn phải lo đến những chuyện khác, không nghĩ đâu tới việc đó. Đến thế-kỷ thứ 16 thời phải nối lại cái học-thống, tiếp theo cái sự-nghiệp đã bị gián-đoạn từ trước. Không những phải thu-thập lại những điều tri-thức của người Hi-lạp đã phát-minh ra, mà lại còn phải cốt nhất là khôi-phục lại cái tinh-thần của người Hi-lạp nữa; rồi cứ thế mà tiến-hành lên, dù bị ngăn-trở phản-kháng thế nào mặc lòng.

RABELAIS không phải chỉ thuật lại cái cuộc chiến-đấu kịch-liệt của thời-

đại ông đối với những cái ác - tập đời Trung-cổ, để mở đường cho cái tinh-thần phê-phán đời nay mà thôi; chính ông cũng tự đem cả cái bản-chất hăng - hái mãnh-liệt của mình cùng với cái khí-giới khả-kính là cái giọng mỉa - mai trào - phúng mà dấn mình vào trong đám cạnh-tranh đó. Ông thống-mạ những kẻ còn muốn duy-trì lấy cái học kinh - viện cũ, cùng tất cả những kẻ ngu - xuẩn bo - bo giữ lấy thói hủ đời xưa. Ông mỉa-mai giễu-cợt bọn đó một cách chua-cay độc-ác vô-cùng. Không ai thẳng tay trừng-trị họ một cách bất-nhẫn bằng ông. Không ai dụng-công trò tài bằng ông để làm cho bọn họ mất cả danh-giá, đem ra mà bêu xấu cho kẻ thức giả chê-cười.

Những khi này thì giọng mỉa-mai trào-phúng lại có công-hiệu hơn là lời nghị-luận cao-kỳ. Tuy-nhiên, ông làm như thế cũng là thất-đạo công-bình. Ông cho đời Trung-cổ là toàn dở hết, mà đời Phục - hưng là toàn hay cả, đem ra so - sánh với nhau thật là trái-ngược hẳn, cách so-sánh như thế dễ làm ra văn - chương hay được, nhưng cũng là một cách sơ - lược quá. Ông không biết giữ - gìn cho khỏi thiên - lệch. Ấy lệ thường, những người nhiệt - thành đổi mới, những kẻ hăng-hái tuyên-truyền, xưa nay vẫn như thế. Vì lòng tin thành-thực, cho nên thường hay làm quá. Cần phải kích-động cho mạnh, không quản gì những lẽ hoài - nghi cả. Cốt nhất là phụng-sự một việc nghĩa-vụ đích-đáng. Nay việc của Rabelais làm, thật không còn việc nghĩa-vụ gì đích-đáng hơn nữa. Ông hộ-vệ cho những cái lý-tưởng làm gốc cho văn-minh đời nay. Vả trong cuộc chiến-đấu đó, chính ông cũng không phải là được yên lành cả. Cuộc này không phải là cuộc không có nguy-hiểm gì. Ông dấn thân vào đó, không những là có nguy đến sự yên - ổn của mình, mà nguy đến cả tự-do, tính-mệnh nữa: như cái nguy có ngày bị thiêu sống vậy. Xem như thế thì dù lời công-kích của ông có điều quá-đáng, không được công - bằng, cũng nên vì ông mà bỏ qua đi vậy.

Vả lại đối với sự nguy-hiểm to như thế mà ông dám mạo-hiểm, thì cũng tỏ ông là người can-đảm, và lòng tin của ông là thành-thực vậy. Rabelais thực là người có công chủ-trì cho lẽ phải, tán-dương cho khoa-học, làm tiên-phong cho cái tinh-thần cận - đại. Trong sách ông thường có những đoạn văn hùng-hồn tả cái lòng tin của ông ở bụng nhân-từ, ở trí sáng-suốt, ở tài khôn-khéo của loài người, tin ở tiền-đồ của khoa-học, tin ở lẽ phải tất có ngày được toàn-thắng. Sách-vở ông là gồm cả cái lòng hoài-bão của thời-đại bấy giờ. Nhưng mà cái điều đặc-biệt hơn cả của ông, không phải là ý-kiến của ông về cổ-học, cũng không phải là cái tài lỗi-lạc làm văn đặt truyện, chính là cái trác-kiến của ông: người đương-thời không ai hiểu biết trước được như ông về cái cách nghiên-cứu của khoa-học, dự-đoán được cái sự-nghiệp lớn-lao của khoa-học về sau này, hiểu biết rằng khoa-học sẽ biến-cải cả văn-minh Âu-Tây vậy.

Khoa-học từ nay cần cho cả các dân-tộc.— Rabelais tiên-tri như thế, thật đã không lầm những điều ông dự-đoán đã xảy ra như thực. Con đường ông đã chỉ ra, đời sau theo đúng như thế. Văn-minh nào ngày nay cũng không thể khu-khu cả trong vòng văn-học được nữa. Khoa-học tràn khắp cả, đã tiêm-nhiễm cả cuộc đời ta. Từ nay về sau, người ta nhất-cử nhất-động cũng phải chịu ơn của khoa-học cả, không thể tránh khỏi được khoa - học bắt-buộc ta phải chú-ý đến, dù cái sở-

thích của ta không khuynh-hướng về mặt đó mặc lòng.

Ngày nay không có dân-tộc nào có thể tránh được cái văn-minh về khoa-học. Dù muốn hay dù chẳng muốn, cũng phải chuốc lấy cho được. Cái văn-minh đó nó có nhiều sự lợi-ích mà nhân-loại không bao giờ đành chịu bỏ được. Thiếu mất văn-minh đó, là một cái nguyên-nhân to phải chịu kém người. Ruồng-bỏ văn-minh đó, là cam-tâm tự-diệt mình. Có lẽ cũng có dân-tộc cam-tâm như thế. Nhưng phần nhiều thời chịu khó học-tập cho được thích-hợp với cách sinh-hoạt mới đời nay. Thích-hợp hay là tiêu-diệt, tạo-vật chỉ có hai đường đó mà thôi. Cái luật thiên-nhiên như thế.

Khoa-học sẽ làm cái nền gốc chung cho tất cả các văn-minh sau này. — Cái địa-vị của khoa-học trong các văn-minh sau này rồi càng ngày càng lớn mãi lên. Nói rằng khoa-học sẽ hợp-nhất được các văn-minh thì cũng là nói quá, nhưng mà sẽ cung-cấp cho các văn-minh một cái nền tư-tưởng chung, một cái gốc những điều tri-thức đích-xác, không văn-minh nào có thể khuyết được. Khoa-học đối với cả thế-giới sau này rồi cũng như đạo Thiên-chúa đối với các nước Âu-châu về đời Trung-cổ : sẽ là một cái giây liên-lạc, một cái sản-nghiệp chung, một cái phương-châm cải-tạo vậy. Âu-châu ngày xưa là cái « Thế-giới đạo Cơ - đốc » (*Chrétienté*), địa - cầu ngày nay là cái thế-giới của khoa-học. Duy đạo Cơ-đốc thời thống-trị về phần hồn. Luyện tâm-hồn người ta, khiến cho người khác giống cũng cùng một bụng-dạ chung. Khoa-học thời không có được cái quyền-lực như thế. Ảnh-hưởng của khoa-học trước còn thuộc về bề ngoài, và trong lâu năm nữa còn là thiển-cận mà thôi. Khoa-học sẽ đem bấy nhiêu thứ máy-móc, bấy nhiêu sự tiến-bộ về vật-chất mà cho tất cả các dân-tộc đều được hưởng. Sẽ truyền ra khắp mặt địa-cầu bấy nhiêu lối ăn mặc, bấy nhiêu sự tập-quán, bấy nhiêu cái « mốt » lưu-hành, bấy nhiêu cách làm việc cùng cách ăn chơi giống nhau. Khoa-học không có cái phép thần-thông nhất-đán biến - hóa được tâm - tính người ta như tôn-giáo.

Muốn học-đòi khoa-học của chúng ta, trước hết phải thu-hoạch cho được cái khoa-học-tinh-thần. — Tuy-nhiên khoa-học còn sẽ gây ra những sự biến-cách sâu-xa quan-trọng nhiều hơn nữa, chứ không phải như thiên-hạ thường tưởng thế đâu. Những dân-tộc các giống khác thường-thường chỉ ham biết khoa-học của chúng ta, để tìm lấy cái bí-quyết sự phú-cường của ta mà thôi. Họ chỉ yêu-cầu chúng ta có thế thôi. Lại có dân có nước chỉ muốn mướn kỹ-sư của ta, hay là mua máy-móc của ta, mà không muốn đổi gì phong-tục tập-quán của họ, họ lấy làm qui-chuộng hơn, cũng là lẽ tự-nhiên. Nhưng sự đời có phải dản-dị như thế đâu. Muốn bắt-chước cái thuật phú-cường, học-đòi lấy phép khoa-học của ta, thời không thể không chịu những sự biến-cách sâu-xa, không thể không chuốc lấy cái tinh-thần của ta và dần-dần nhiễm lấy cả cái hồn-tính ta nữa.

Các phần-tử trong văn-minh của ta là có liên-lạc với nhau cả. — Khoa-học cùng cả các phần-tử trong văn-minh ta, không phải là do nhiều cái nguồn khác nhau mà sinh ra. Hết thảy là cùng một nguồn một gốc cả, đều do những cái khuynh-hướng căn-bản của ta, do mấy cái tính tốt mà ta đã biết phát-siển ra trước, nhưng mà các dân-tộc khác cũng có thể bắt-chước mà gây lấy được. Khoa-học cùng các phần-tử văn-minh khác đều là do một cái tinh-thần sản ra cả, hay là ít nữa cũng do cái tinh-thần ấy hỗn-hợp cả các phần-tử kia, cải-tạo

lại cho thích-hợp với khoa-học. Không gì là lọt ra ngoài ảnh-hưởng cái tinh-thần ấy được. Cho đến khoa huấn-hỗ các kinh-điển về tôn-giáo cũng phải tùy theo sự tri-thức của ta thuộc về các thời-đại cổ về địa-chất-học mà thay đổi. Như vậy thì tất cả các phần-tử văn-minh của ta là đều có liên-lạc với nhau một cách mật-thiết hơn là người ta thường tưởng vậy. Không nên tưởng rằng trong các phần-tử ấy có thể chọn lấy một cái mà bỏ cả các cái khác được.

Người nào đã tập được những tính tốt làm ra cái khoa-học-tinh-thần thời tự tâm-tính mình cũng sẽ thay-đổi. — Gốc của cái khoa-học-tinh-thần, là tính ham biết, ham tìm, sáng-suốt, biết quan-sát đến nơi đến chốn, biết khéo dùng sự hoài - nghi cùng sự tự - do-phê-phán. Những cái tính tốt đó đem dùng ra khoa-học thời lại càng thêm sắc-xảo tinh-vi ra. Khoa-học làm cho cái sức chú-ý mạnh thêm lên, khiến cho tập quen suy-nghĩ, trọng sự đích-xác, sự hợp lẽ, tôn-phục trí-khôn và lẽ phải. Những sự cảm-giác do các giác-quan tràn vào trong tâm-trí ta, thời khoa-học cố gỡ cho ra mành-mối. Những sự tưởng-tượng phân-vân rối-loạn, thời khoa-học đem ra mà biện-biệt, phân-tích, chia ra loại-mục, đặt thành thống-hệ. Chỗ phiền-tạp hỗn-độn, thời khoa-học đặt cho có trật-tự, có phương-pháp; chỗ kinh-nghiệm di-truyền thời khoa-học đặt cho thành chuyên-môn, thành nghệ-thuật; chỗ nhân-tuần cẩu-thả, thì khoa-học đặt cho có kỷ-luật, có phép-tắc.

Người các giống khác tập được những thói quen đó thời đã hóa-thành người Tây đến quá nửa rồi. Nhưng mà những cái tính tốt đó thật cũng khó lợi-dụng thay! Nó chủ-trương mình hơn là mình chủ-trương được nó. Nó không có chịu cho mình muốn dùng lúc nào thì dùng, muốn gác bỏ một nơi cũng được; người ta không thể tùy-ý sử-linh nó được. Nó xuất-hiện luôn luôn, hoạt-động luôn luôn, mà chỉ thuận theo cái phép-tắc riêng của nó mà thôi.

Những người đó xét-đoán mọi sự như bằng con mắt của chúng ta vậy. — Những người đã tập biết lợi-dụng các tính đó, thời hình như vĩnh-viễn làm nô-lệ cho nó. Dù có cả-quyết tự-nguyện, cũng không thể chỉ dùng những tính đó trong việc quan-sát sự-vật hay về đường tiến-bộ vật-chất mà thôi. Dù cố-ý hay chẳng cố-ý, tất sẽ đem ra dùng để quan-sát cả cái xã-hội cùng cách sinh-hoạt của kẻ đồng-bang mình, so-sánh với xã-hội cùng cách sinh-hoạt của chúng ta, cân nhắc xem bên nào kém bên nào hơn, phân-đoán xem bên nào hay bên nào dở. Chế-độ, phong-tục, tập-quán, họ sẽ đem ra sát-hạch lại cả, bằng con mắt rất sâu-sắc, bằng con mắt của người ngoài, tức là con mắt của chúng ta đó; và dù chẳng muốn mặc lòng, họ cũng sẽ cư-xử theo những lý-tưởng của ta.

Nhưng mà họ tưởng họ không phải nhờ gì ta cả. — Nhưng mà nếu thế thì chẳng bao lâu, tất cả các dân-tộc trên địa-cầu sẽ đồng-hóa cả hay sao? Có phải thế đâu. Cái khoa-học-tinh-thần nó còn có một cái khóe sau cùng nữa để tặng cho các dân-tộc. Tinh-thần ấy, hễ họ mới rạng biết chút-đỉnh, họ đã tưởng ngay là tự trời bẩm-sinh cho rồi. Thành-thực tự tin rằng vẫn có xưa nay, không phải ơn nhờ gì thầy dạy cả, và từ nay có thể không cần đến thầy nữa. Chớ nên trách họ là bạc-bẽo, là kiêu-căng tự-phụ, là tự-mãn tự-túc, cũng không nên trách tội gì cả. Họ xử như thế chẳng qua cũng là thuận theo cái lẽ thiên-nhiên đó mà thôi.

Những cái tính tốt gồm lại làm thành ra cái khoa-học-tinh-thần đó, không phải riêng gì của chúng ta. Thực là của chung cả loài người. Vẫn biết rằng chúng ta đã có công phát-siển nó ra trước nhất. Nhưng mà nếu các dân-tộc khác tập được những tính ấy thì những tính ấy là của họ cũng như của ta. Họ tự nghĩ rằng họ không phải ơn nhờ gì ta. Chính ngay ta nữa, ta đã từng theo học biết bao nhiêu thầy mà nào tả có biết rằng thầy nào đã dạy cho ta cái khoa-học-tinh-thần đó không? Có phải ta cho như là tự ta đã thu-hoạch lấy được, như cái kết-quả của công-phu riêng của ta không? Cũng bởi thế nên các dân-tộc khác vẫn học ở ta mà không bao giờ chịu nhận ta là hơn. Họ đem những phương-pháp của ta mà ứng-dụng ra, nhưng họ tưởng là tự họ đã tìm lấy được. Họ sẵn lòng tin rằng họ có thể lợi-dụng những phương-pháp ấy hơn ta.

Các dân-tộc khác chịu sang học khoa-học của ta, vì họ tưởng rằng chỉ phải học « lỏm » lấy mấy cái phép kỹ thuật lạ mà thôi. Giả-sử ngay lúc đầu họ đã lượng biết tất cả cái kết-quả về sau thế nào, thời có lẽ họ cũng kinh-hoảng mà phải lùi lại. Sau, đến khi đã bắt đầu trông thấy rồi, đã biết rằng không có thuật lạ phép kỳ gì, thời muộn quá không quay trở lại được nữa. Vì tạo-vật vẫn là ân-cần lắm, đã bày sẵn cho một cái ảo-tưởng mới nữa, thế là lại phấn-phát bước lên một bước nữa. Bấy giờ liền tưởng rằng đã khám-phá được hết cả những sự bí-hiểm trong cõi đời cùng cõi học rồi, tưởng đã thừa biết cả rồi, không cần gì đến nước ngoài giúp đỡ nữa.

Tinh-thần Âu-Tây sẽ biến-cải cả thế-giới. — Ấy khoa-học theo cái trình-tự như thế, không thể không đổi mới cho cả các văn-minh cổ Á-châu. Hiện đã rung-động cho tỉnh dậy rồi; rồi sẽ dần-dần dà-dà tầm-nhiễm hết cả, cũng như là đã tầm-nhiễm cho văn-minh ta từ đời Phục-hưng đến giờ. Dần-dần dà-dà, rồi tất cả các dân-tộc trên địa-cầu sẽ lần-lượt nhau cải-tạo lại xã-hội mình theo cái tinh-thần, theo những lý-tưởng của ta, nhưng vẫn dùng các tài-liệu riêng của họ, không có đồng-hóa gì, mà cũng không phải bắt-chước gì. Có bắt-chước cũng là bắt-chước xa xa, một cách gián-tiếp, không trông thấy.

Họ không phải là mượn khoa-học của ta; mĩ-thuật, văn-chương, luân-lý của ta, lại càng không mượn nữa: chính là mượn cái tinh-thần của ta, tinh-thần ấy chuyển sang họ, rồi cũng sẽ kết-quả như ở ta, duy ra một cái thể-cách khác vậy. Vả lại họ mượn ta như thế, cũng là mượn một cách điềm-nhiên, thường thường không ngờ đến.

Nhưng mà sự biến-cải không phải là không có nỗi khó-khăn. Các dân-tộc khác không biết lợi-dụng sự từng-trải của ta. — Như vậy, thời cái tinh-thần Âu-Tây dường như có cái oai-quyền thống-lĩnh cả thế-giới. Nhưng mà quyền đó đặt cho được, không phải là không có nỗi khó-khăn, không có điều xung-đột.

Điều thứ nhất là các giống người khác muốn chuốc lấy cái tinh thần của ta, không thể sao cho hoàn-toàn được, chỉ thu được từng mảnh, chỉ tiến lên từng bước mà thôi. Còn lâu nữa, chỉ biết bắt-chước những tính hư thói dở của ta, chưa đến được cái trình-độ quân-bình mà ta đã tới ngày nay. Đó có thể gọi là những sự khó-khăn về phần trong, không thuộc gì ở cái ý muốn hay không muốn của người ta, và trực-tiếp với tâm-lý các dân-tộc.

Đến những sự trở-ngại về bề ngoài, thời cũng là gian-nan chẳng kém gì. Tinh thần Âu-Tây, muốn cho thắng được, còn phải đối-phó với

lắm nỗi do-dự cũng khả-nguyên, lắm sự chống-chỏi cũng kịch-liệt. Dân-tộc nào cũng thiết-tha gìn-giữ những phong-tục, chế-độ tập-quán của mình ; đó cũng là lẽ tự-nhiên. Nhất-đán phải đổi đi để theo những cái mới lạ mình chưa biết, không khỏi đem lòng thương-tiếc. Gia-dĩ, người nào cũng mang những cái thiên-kiến cố-chấp, lại còn khó giải hơn là cái lòng lo-sợ chánh-đáng. Sau nữa, lại còn một nỗi này cần phải châm-chước hơn nhất, là ai ai đối với sự gì mới lạ cũng lấy làm bỡ-ngỡ hết cả, mà các chính-đáng thì hay ngoan-ngạnh cố-chấp, kẻ lãnh-tụ thời thường tự-phụ quá-đáng, còn những kẻ kiêu-hãnh, kẻ tham-lam, kẻ tầm-thường, kẻ mộng-tưởng, không có giá-trị gì, không có lương-tâm gì, không có hoài-bão gì, thời xô-đẩy nhau mà tranh quyền, cướp vị. Thành ra cái thể-thống mới phải gây dựng lên ở giữa đám quyền-lợi tranh-dành, nhân-tâm rối-loạn. Mà cuộc tương-lai sẽ phôi-thai ở trong cơn giò-bão, giữa chốn kinh-hoàng, trên trường may-rủi, nhiều khi phải đến giải-quyết bằng mũi gươm hòn đạn vậy.

Thế nghĩa là những dân-tộc các giống khác, sẽ không biết lợi-dụng những sự từng-trải của ta, và không biết nghe theo những lời khuyên-bảo của ta. Dân-tộc cũng như cá-nhân, không hay biết khéo dùng sự kinh-lịch của kẻ khác. Mỗi người ta khi bước chân vào cõi đời vẫn là trong lòng chứa-chan những ảo-tưởng, tưởng như cuộc đời mới bắt đầu tự mình. Các dân-tộc cũng thế. Theo như cái câu châm-ngôn kiêu-ngạo của nước Ý rằng : « Ý-đại-lợi tự-kỷ lập-quốc » (*l'Italia fara dà se*), thời ai ai cũng muốn tự mình gây lấy cái tiền đồ cho mình, không phải nhờ ai giúp đỡ, không cần ngoại-quốc can-thiệp. Cái tính thiên dở đó, làm cho chậm mất bao nhiêu thời giờ, và sẽ bày ra bao nhiêu nỗi khó-khăn, bao nhiêu sự tai-hại về sau này !

II

Chúng ta ở đây là giúp cho sự tiến-hóa của người An-Nam được dễ-dàng. Những điều gì họ nên mượn của ta. Khoa-học ứng-dụng và khoa-học thuần-túy. Có tinh-thần khoa-học và có cái trí thực-tế thời sẽ tránh khỏi những sự mơ-tưởng hão-huyền

Người An-Nam có thể lợi-dụng sự từng trải của ta được nhiều. — Nhờ có chúng ta ở đây mà người An-Nam sẽ khỏi được những sự xô-đẩy vấp-váp mà phần nhiều các dân-tộc khác không tránh khỏi. Nhờ ta mà họ được khỏi cái nạn một vài phen cách-mệnh. Không những ta giữ cho họ khỏi kẻ ngoài dòm-dỏ, mà ta lại giữ cho họ khỏi tự mình nóng-nẩy hấp-tấp, không từng-trải kinh-nghiệm, hay mơ-tưởng hão-huyền. Họ đối với ta không phải là người dưng nước lã. Họ vẫn có địa-vị ở trong gia-tộc nước Pháp. Họ học ở trường học ta, cùng với con em ta. Bao nhiêu dân-tộc khác chỉ mới biết qua cái học của ta mà xét-đoán ta sai-lầm cả. Những dân ấy chỉ để ý về phần tiến-bộ vật-chất, là kết-quả của cái khoa-học ứng-dụng, thường không ngờ rằng còn có khoa-học thuần-túy nữa. Chứ như họ thì có thể quan-niệm được đúng hơn về hai đường học-vấn đó, có thể thu-hoạch được một cái học cách-trí thật hoàn-toàn, lại có thể thấu-hiểu được cả các phần-tử khác trong văn-minh ta nữa. Đã biết rằng cái tinh-thần Âu-châu sẽ thống-trị cả thế-giới, các xã-hội sẽ cải-tạo cả theo những lý-tưởng của ta, thời ai quen biết ta hơn sẽ có cái cơ tránh được khỏi lắm sự ngập ngừng do-dự, lắm điều lẫn-lạc sai-lầm.

Người An-Nam phải đến tận nơi nguồn gốc mà tìm tư-tưởng Âu-Tây, chứ không phải sang Tàu mà tìm. — Được những điều tiện-lợi như thế, phải biết khéo lợi-dụng. Người An-Nam không nên quay mặt về nước Tàu nữa. Vẫn biết rằng văn-minh nước Nam chẳng qua là phỏng chép của văn-minh Tàu mà thôi. Nhưng nước Tàu có thể giúp cho nước Nam được những gì thời xưa kia đã giúp cả rồi.

Ngày nay nếu người An-Nam cứ nhất-thiết ngưỡng-vọng cả ở thầy học cũ, thời không những là tỏ ra lười-biếng nhu-nhược, mà lại là tỏ ra cam-tâm nô-lệ về đường tinh-thần nữa. Tức là chịu thừa-nhận rằng nước Nam sau này cũng như trước kia chẳng qua chỉ là một bộ-phận nhỏ ở trong vòng-khuôn văn-hóa nước Tàu mà thôi. Thực ra, nước Nam còn có thể hi-vọng được một cái địa-vị cao hơn thế nhiều. Hiện nay đương ở vào một cái cảnh-ngộ thật là tiện-lợi để mà phát-siển ra được một cái văn-minh có đặc-sắc. Mà không phải khó-nhọc gì, cứ thuận-theo cái thế tự-nhiên là được; tự cái cơ-hội rồi nó sẽ đưa mình đến mục-đích. Nhưng muốn cho tìm được con đường sáng-tác, thời phải quay về mặt Tây-phương; phải noi cho đến tận nguồn.

Người An-Nam biết văn-minh của ta hơn là người Tàu. — Vì chính nước Tàu mà có canh-tân, có tiến-bộ được, cũng là nhờ thâu-thái được ít nhiều tư-tưởng Âu-Tây. Cái văn-minh cổ của nước Tàu có phỏng-chép của Âu-châu thì mới có cơ đổi mới được, hay ít ra cũng phải mượn của Âu-châu nhiều. Thế mà người An-Nam lại chỉ hi-vọng chép lại cái của người Tàu đã chép rồi, làm cho xã-hội mình thành như cái bóng truyền ở một cái bóng khác sang! Không biết rằng còn có thể hi-vọng được cao hơn, còn có thể thí-nghiệm được hay hơn nữa. Cái văn-minh chính-thức đã sẵn-sàng ngay đấy, mà văn-minh ấy họ còn biết hơn là người Tàu nhiều. Nay họ phải biết tự-tin ở mình, phải biết can-đảm, biết tự-cao, mà nhất-quyết bỏ hẳn cái gậy chống của người Tàu đi để thẳng bước tiến lên mà chinh-phục lấy các tư-tưởng mới. Kho-tàng của ta cả đấy, họ được tha-hồ mà lấy. Ta vui lòng mở rộng cho vào, không giấu-diếm chi, cũng không có ý gì khác. Không những thế, ta lại sẵn lòng hết sức giúp cho họ theo như lời các nhà văn về phái *Pléiade* đời xưa, muốn « phá » chừng nào thì « phá ». Cớ làm sao họ còn phải đi sang Tàu chuốc lấy những cái đồ giả-mạo, mà ở ngay đây chúng ta vẫn sẵn lòng đem chính-hiệu mà tặng cho? Người An-Nam không cần phải theo đuổi học mót nữa. Nước Tàu tự nay không còn gì mà dạy cho họ được nữa, mà có lẽ lâm-thời họ lại có thể dạy lại nước Tàu được.

Tổ-quốc ông Khổng ngày nay đương trong cơn cuồng-loạn. Chỉ có thể dạy cho người ta làm loạn mà thôi. — Chẳng may người An-Nam từ xưa đến nay đã chịu ảnh-hưởng của người Tàu sâu-xa quá, ngày nay muốn thoát-li ra được cũng lấy làm khó-khăn lắm. Có người xem chừng như đối với tư-tưởng Âu-Tây, hễ có qua người Tàu phiên-dịch rồi mới chịu chú-ý đến. Cái lòng mê bắt-chước người Tàu, trước nhất là một cái nhược điểm cho người An-Nam; sau nữa không phải là không có nguy-hiểm to. Vì đồng-bào ông Khổng, tuy xưa kia có dạy đạo-đức, dạy văn-hóa cho cả các dân-tộc Á-Đông, mà ngày nay hình như đã quên đi mất rồi; ngày nay thật là đương bày ra làm cái gương xấu cho thiên-hạ. Người Tàu đương ham làm chính-trị, cái chính-trị bằng thiết-huyết, lại đương nhiễm phải cái độc dân-chủ quá khích, bao nhiêu cái văn-hóa thanh-cao đời trước, hình như tiêu-diệt đi mất cả. Càng đi thời càng

xa mãi cái đạo trung-dung của các cổ-thánh-hiền trong nước đã tán-dương biết bao nhiêu, càng bỏ mất cái thói phong-nhã lễ-độ đã làm cho nước Tàu nổi tiếng từ đời xưa. Còn đến khoa-học thì người Tàu có bao giờ biết là gì đâu. Bây giờ đương đảo-điên rối-loạn cả, không phải là lúc có thể mong thu-hoạch lấy được. Nước Tàu của nhà nho, văn hay chữ tốt, học đạo thánh-hiền, thời bao giờ cũng vẫn đáng thiên-hạ mến phục ; còn nước Tàu của bọn Đốc-quân, của đảng Cộng-sản, thời chỉ là bắt-chước những cái xấu cái bậy của Âu-Tây mà lại làm xấu làm bậy hơn lên nữa.

Cái nước Tàu ấy, thì ngoài cái gương xấu ra, người An-Nam, thật không còn mong dợi được gì. Lịch-sử nước Tàu, nên nghiên-cứu cho kỹ, vì nước Nam đã ơn nhờ nước Tàu nhiều lắm ; nhưng mà cái cuồng-dại của người Tàu bây giờ, cái tình-thế điên-đảo của nước Tàu, sự vụng-về trong cách thâu-dụng các tư-tưởng Âu-Tây, thì An-Nam chớ nên bắt chước. Người Tàu hăm-hở thấy cái tư-tưởng gì là tư-tưởng kịch-liệt, tư-tưởng phá-hoại thì đổ xô vào theo ngay, khác nào như đứa con trẻ dại-dột thấy cái gì sặc-sỡ om-xòm thì tất-tả chạy lại. Không chịu khó xem xét trong văn-minh Âu-Tây phần nào là phần chắc-chắn bổ-ích, làm cho các nước được phú-cường ; chỉ kiếm lấy những cái mối họa-loạn, những cái mầm phá-hoại diệt-vong mà thôi.

Nói như trên đó không phải khinh-bỉ gì nước Tàu : nước Tàu về kỳ-vãng thật đã vĩ-đại trang-nghiêm, nước Tàu về tương-lai cũng không đến nỗi nào trụy-lạc. Phải nên mong-mỏi, phải nên ước-ao cho chóng thoát khỏi cái cảnh hiện-tại hỗn-độn này, sở-dĩ đến thế cũng là vì nghe lời khuyên dại của mấy kẻ ngoại-quốc vậy. Chắc rằng rồi cũng có ngày sẽ khôi-phục được cái tinh-thần cố-hữu, là cái tinh-thần hiếu hòa-bình, trọng nhân-đạo, để cùng với cả các dân-tộc khác hiệp-lực mà giúp cho cuộc tiến-hóa chung trong nhân loại vậy. Hiện nay thì cái tinh-thần ấy, hình như đã bị ruồng-bỏ hẳn rồi. Nước Tàu thành ra cái mồi của bọn chính-khách chỉ biết học-đòi những ảo-tưởng của nước ngoài ; chỉ đương mơ-màng những cái mộng phá-hoại, mà lại mong sớm trưa cải-tạo được cả xã-hội. Các chế-độ trong nước bị đảo-điên điên-đảo hết cả, không biết châm-chước gì với lịch-sử, với thực-tế cả. Đương như trôi-giạt trong cõi hư-huyền, phóng-đãng, giả-dối, mơ-hồ. Hình như cả nước mắc bệnh cuồng, say-sưa, mê-mẩn, mà tự mình lại phóng-khí cả mình. Nói tóm lại, nước Tàu ngày nay là cái gương tầy-liếp để bày tỏ cho ta biết những cái gì là cái không nên bắt-chước vậy.

Cái gì nên bắt-chước của ta. — Nên mượn của ta không phải là nên mượn những cái lý-tưởng ác-độc, sinh-sản ra ở những nơi hạ-lưu trong các xã-hội ta, những cái mơ-mộng của bọn điên-cuồng, những nỗi oán-thù của kẻ thất-chí ; nên mượn là mượn những cái hay của chúng ta : phép khoa-học thành-thực nghiêm-khắc, cách lý-luận quán-triệt thủy-chung, lòng tôn-trọng sự tri-thức và lẽ chính-đáng, sự tư-tưởng chắc-chắn vững-vàng, sự sắp-đặt nghiêm-trang chỉnh-đốn, lòng vô-tư-kỷ, lòng hiếu-công-bằng, lòng nhân-từ bác-ái đối với kẻ cực-khổ yếu-hèn. Đó là những cái tính tốt làm cho văn-minh của ta vừa cường mạnh, vừa cao-thượng ; lại khiến cho có cái vẻ sáng-sủa, điều-hòa, thích-hợp với tính tình người ta, ai đã biết đến cũng phải cảm-phục.

Muốn làm một dân-tộc lớn, không phải cứ tưởng-vọng những sự mơ-màng, bay tự-phụ những điều quá-đáng mà được đâu ; phải có học-vấn, phải

có lịch duyệt, phải có công-đức mới được ; cốt nhất là phải có cái trí-thức thông-thường, biết phân-biệt lẽ phải lẽ trái, điều dở điều hay. Thiên-hạ hay như làm thinh không biết đến những cái đức-tính làm gốc cho văn-minh của ta. Tuy-nhiên, sự phú-cường không phải là bỗng-dưng mà được : phải có đáng được mới được. Cả lịch-sử là làm chứng cho điều đó. Từ đời Phục-hưng đến giờ, Âu-châu thật đã sản được nhiều tư-tưởng, nhiều những ý-tứ cao-thượng, đạo-đức siêu-việt, bụng-dạ trung-thành hơn là cả các phần khác trong thế-giới. Bởi thế ngày nay mới được bá-quyền trong thiên-hạ. Người Âu-Tây về trí tuệ, về đạo-đức thật có hơn cả các dân-tộc khác. Bởi vậy nên ảnh-hưởng lan rộng được như thế. Tuy bề ngoài thế nào mặc lòng, chứ chủ-trương trong thế-giới vẫn là những sức mạnh về đạo-đức, về tinh-thần. Đó là một điều chân-lý mà ai muốn hiểu được những cuộc thịnh-suy trong lịch-sử loài người, cùng cái thế-giới đặc-biệt của Âu-châu ngày nay, cần phải nhớ đến luôn vậy. Muốn cho được ngang bằng chúng ta thời trước hết phải biết phân-biệt cho rõ cái nguyên-nhân sự đắc-thắng của ta ở đâu.

Khoa-học ứng-dụng và khoa-học thuần-túy. — Người Á-châu vẫn có cái « mốt » hễ nói đến văn-minh của ta thì chê là « văn-minh vật-chất ». Cái đề ấy làm ra văn-chương vẫn dễ, và chính chúng ta cũng thường tập lối văn-chương đó. Thiên-hạ chỉ chú-ý đến sự tiến-bộ về vật-chất của ta, khiến cho chúng ta có sức mạnh thắng-đoạt được tạo-vật. Họ chỉ quí chuộng của ta có cái đó mà thôi, và cố-chí học lỏm cho được. Nhưng sự tiến-bộ về vật-chất đó chỉ là kết-quả của khoa-học ứng-dụng mà thôi. Mà khoa-học ứng-dụng, dù chế-tạo ra trăm món lạ-lùng, chẳng qua cũng chỉ là kẻ nô-lệ hèn-hạ, nhặt-nhạnh những miếng vụn miếng thừa của khoa-học thuần-túy. Những sự tấn tới trong cõi tri-thức thực-dụng chỉ là theo sau sự tấn-tới về đường nghiên-cứu nghĩa-lý, học-vấn cao-thượng. Khoa-học thuần-túy chỉ cho được thỏa cái lòng khát-khao muốn biết của loài người. Tìm chân-lý là chỉ vì chân-lý, không có cái lòng ham lợi-ích gì. Khoa-học thuần-túy không có gì là vật-chất cả. Khoa-học như thế thời cũng là đồng-tính-cách với triết-học, thuần-lý học, chỉ khác là nghiêm-nhặt, đích-xác hơn, có thể khám-phá được những lẽ thiết-thực hơn mà thôi. Thật là một phép huấn-luyện rất cao-thượng, cần phải có những đức-tính rất hay về trí-tuệ, về nhân-phẩm mới được. Không có khoa-học thuần-túy thường thường phát-minh ra những lẽ mới lạ luôn, thời khoa-học thực dụng cũng không thể có được, hay là ít ra cũng không thể tấn-tới được. Sẽ đình-đốn lại tức-thì, tiêu-tụy đi ngay, như cái xác không có hồn vậy.

Khoa-học thuần-túy cần phải có những đức-tính rất hay về trí-tuệ, về nhân-cách. — Chính khoa-học thuần-túy cũng không thể sản-xuất ra ở một cái thế-giới chỉ biết lấy sự duy-kỷ làm luật-pháp. Cần phải có bụng trung-thành, lòng khắc-kỷ, nhiều khi lại phải đến hi-sinh cả tính-mệnh như người anh-hùng, kẻ liệt-sĩ nữa. Không những phải là người có trí-tuệ sáng-sủa mạnh-mẽ, lại phải là người có bụng-dạ vô-kỷ, có tính-cách kiên-nghị nữa. Có con mắt sáng-suốt, biết suy-nghĩ thâm-trầm, có trí phê-phán, có tài sáng-nghĩ, biết dò xét cẩn-thận, biết phán-đoán kỹ-càng, cũng chưa đủ, ngoài những tư-cách đó lại còn phải có cái lương-tâm rất nghiêm-chỉnh, lòng hiếu-học thực chân-thành. Sự nghiên-cứu của khoa-học, cho được có công-hiệu, phần nhiều ở lòng thành-thực cẩn-thận của người học-giả trong khi thí-nghiệm và nhất là trong khi giải-thích cái kết-quả

của sự thí-nghiệm. Không nên mang cái thiên-kiến gì sẵn, hễ thấy sự thực trái với ý-kiến mình thì phải chịu nhận là sai-lầm ngay, dù đến những điều mình vẫn thâm-tín xưa nay cũng phải dành bỏ hẳn, những điều mình vẫn tuyên-truyền dạy bảo đến giờ cũng dành khước đi cho rồi. Nói tóm lại thời thí-nghiệm thấy thế nào cứ như thế mà ghi chép lấy, không có cái ý thiên gì cả, dù sai hay dù đúng với cái thuyết của mình chủ-trì mặc lòng. Như vậy thời khoa-học vừa cần phải có những tư-cách tốt về phần trí-tuệ, lại vừa cần phải có một cái nhân-cách rất chân thành và rất kiên-nghị vậy.

Bấy nhiêu điều đã khó mà gồm được cả, vậy mà còn chưa đủ : nhà học-giả lại còn cần phải có lòng can-đảm, bụng hi-sinh nữa. Hằng ngày có người « tử vì khoa-học », vì liều mình để làm những sự thí-nghiệm nguy-hiểm. Mà những người dành liều mình như thế có phải là không biết sự nguy-hiểm đó đâu. Như những người bị-hại về khoa quang-chất-học (*radiologie*) biết bao nhiêu mà kể. Dùng chất ấy thì có cái ngay mắc phải một bệnh bí-hiểm nó ngấm-ngầm ở trong, dần dần ăn nát cả da thịt. Hễ đã thấy bị-thương chỗ nào thì chỉ có một cách chữa, là cắt bỏ hẳn chỗ ấy đi mà thôi. Trước còn cắt một đốt, sau cắt đến cả ngón tay ; rồi đến cả bàn tay, cả cánh tay. Có khi nó ăn vào mặt, vào mũi, vào mắt. Những người mắc phải cái bệnh ghê-gớm như bệnh hủi đó, vẫn biết rằng rồi nó ăn lan ra mãi, cắt hết miếng ấy đến miếng khác, rồi dần dần đến chết, chứ không khỏi được, thế mà vẫn cứ làm, không thôi. Chịu đau chịu khổ mà vẫn coi cái chết như chơi, cứ việc thí-nghiệm hoài. Hằng ngày vẫn cứ đem cái thân tàn cho bệnh nó ăn, cho đến ngày thần mệnh-số hình như trông thấy cái lòng kiên-nhẫn phi-thường như thế cũng phải lấy làm thương, bèn ra tay giải-thoát cho cái xác tồi-tàn kia vẫn còn mang một cái hồn bất-bạt. Ấy cái đại-giá của khoa-học như thế đấy. Nhà khoa-học chân-chính không những sánh vai được với những bậc hiền-triết thi-hào, mà lại là anh em với kẻ anh-hùng, trong liệt-sĩ, nhà đạo-đức, bậc thánh-nhân vậy.

Phương-pháp khoa-học cần phải nhất-thiết thuận theo sự thực. Muốn thi-hành phương-pháp ấy phải có đức khiêm-nhường cần-cù, kiên-nhẫn. — Chúng ta đã lập cái mưu muốn thắng-đoạt tạo-vật, sử-linh để dùng cho sự cần-dùng, sự phóng-ý của ta. Mưu đó có lẽ cũng là tự-cao lắm : không phải là không mạo-hiểm, không vĩ-đại. Nhưng phải dùng những phương-kế gì để thực-hành cho được ? Khoa-học ứng-dụng, tưởng là toàn-trí toàn-năng, thực là nhờ khoa-học thuần-túy mới có công-hiệu. Mà khoa-học thuần-túy sở-dĩ chi-phối được khoa-học ứng-dụng cũng là vì biết thuận theo lẽ thiên-nhiên. Vì theo như lời cách-ngôn của FRANÇOIS BACON, « chỉ có thuận theo tạo-vật mới mong thắng đoạt được tạo-vật ». Muốn phát-minh được những phép-tắc của tạo-vật, muốn khám-phá được những sự bí-hiểm của tạo-vật, thời chúng ta đã một lòng khiêm-tốn chịu nhất-thiết phục-tòng tạo-vật. Chúng ta đã hiểu rằng cái nghĩa-vụ thứ nhất của người ta, và cũng là cái cách khôn-khéo độc nhất của người ta nữa, là phải hết sức phục-tòng sự-thực, như cái tính phục-tòng của đứa con trẻ vậy. Ta có cái trí tưởng-tượng bông-lông, ta đã phải cắt cánh cho nó khỏi bay bổng tuyệt vời ; hay là nói thế này cho đúng hơn : ta đã cố tập-luyện hết sức cho có thể sai-khiến được nó ; vì cái trí tưởng-tượng ấy vẫn có một phần việc to trong sự cấu-tạo ra các « giả-thuyết » (*hypothèses*). Ta đã chịu đành bỏ những cái mộng-tưởng

li-kỳ, để lắng tai nghe bài học của sự-vật cùng lời dạy của thiên-nhiên. Ta đã chịu khó suy-nghĩ lắm, cố công cùng sức trong bao nhiêu đời mới hiểu rõ được rằng sự phục-tòng tuyệt-đối đó thực là cái gốc của các khoa-học, và là điều yếu-cần cho sự thành-công. Như thế thời đi hoặc có chậm, mà đi thật được chắc. Phát-minh được một điều gì nhỏ-mọn là chắc được hẳn điều đó, và có thể đem phụ thêm ngay vào những điều đã phát minh từ trước. Chính là bởi cái công góp-nhặt dần dần đó mà gây-dựng được nên cái kho báu chung của loài người. Đó là điều chân-lý sáng-sủa mà chúng ta đã tuyên-bố cho thế-giới vậy. Cái mầm sự phú cường của ta là ở cái lòng phục-tòng, cái gốc tự-cao-đại của ta là ở cái lòng khiêm-tốn đó.

Ta đã tạo-thành ra một cách huấn-luyện khắc-khổ hơn, khó-khăn hơn và nhất là có hiệu-quả hơn là cách huấn-luyện của các nhà tu-hành; cách huấn-luyện của ta là cách huấn-luyện độc-nhất chân-chính về thần-trí. Duy có cách này mới sản ra được những kỳ-công, mà thiên-hạ trông thấy vẫn ghen ta, tuy ngoài mặt làm ra khinh-bỉ mà kỳ-thực vẫn gia-công bắt-chước cho được.

Cái tính xấu thứ nhất nên tránh cho được, là sự nóng-nảy hấp-tấp. — Nhưng mà thiên-hạ tưởng những kỳ-công ấy nhất-đán có thể làm được ngay, không cần phải theo con đường kỳ-khu chật-hẹp mà chúng ta đã qua mới tới được. Họ muốn học lỏm của ta ngay những cái kết-quả của khoa-học ứng dụng, thường thường không chịu khó thử xét qua xem khoa-học thuần-túy là cái gì nữa. Họ đến nước chúng ta học là đã có cái dã-tâm ích-kỷ rồi. Họ thật không phải là thành-tâm cầu đạo vậy. Mà đáng lẽ trái lại mới là phải: phải nên chỉ có cái mục-đích học cho biết, cho hiểu mà thôi.

Ai muốn cưỡng-ép mà chiếm lấy khoa-học là không chiếm được bao giờ. Khoa-học nó bắt-buộc người ta phải hoàn-toàn phục-tòng các phương-pháp nghiêm-nhặt, kỷ-luật khó-khăn của nó. Bắt phải tập lấy những cái đức-tính khiêm-tốn, cần-cù, vừa nhẫn-nại, vừa nhiệt-thành trong khi làm việc, lại vừa thành-thực, vừa vô-tư nữa. Ấy muốn cho được thành-công thì phải có những tư-cách như thế. Nếu không thời không huấn-luyện được thần-trí của mình, mà lại làm cho nó sai-lệch đi, đem chứa chất vào trong óc vô-số những điều tri-thức vụn-vặt hão-huyền, những cái lý-thuyết chưa hiểu rõ đầu đuôi, những cái tư-tưởng chưa tiêu-hóa được hẳn. Thà dốt đặc còn hơn phần trăm cái cách học nhồi óc đại-dột đó. Người vô-học có khi suy lẽ đúng lắm: chứ người học vội-vàng chỉ biết chứa cho đầy óc những điều tạp-nhạp, không biết cẩn-thận, không có phương-pháp, thời không được như thế.

Ấy chính cái cách học đó là tiêu-biểu cho một cái quan-niệm thuần vật-chất về văn-minh. Khoa-học coi như một thứ đồ hàng, một thứ vật-liệu, cố lấy được bao nhiêu thì lấy; mà thần-trí thời coi như một cái đồ đựng để chứa cho đầy vậy. Không biết rằng học không phải là chỉ chứa lấy cho nhiều những điều tạp-nhạp đâu. Như lời MONTAIGNE nói, sự cần không phải là có lấy một cái óc cho đầy, nhưng mà có lấy một cái óc cho khôn. Vậy thời cốt nhất là phải huấn-luyện lấy thần-trí và sự phán-đoán của mình, phải tập lấy một cái phương-pháp học-hành, khiến cho tự mình có thể thu-nạp được những bài học trên cõi đời vậy.

Chỉ có cái tinh-thần khoa-học, cái tri-thức sáng-suốt, lòng đạo-đức vững-vàng, sự quan-sát kỹ-càng về thực-tế, là có thể cứu cho các người Á-châu trẻ khỏi tuổi cái bệnh mơ-tưởng hão-

huyền.— Vẫn biết rằng những người Á-châu trẻ tuổi sang học các trường đại-học Âu-Mĩ, không phải là ai ai cũng có thể trở nên những tay bác-học đại-danh được cả. Tuy nhiên, đối với khoa-học cũng như đối với mọi sự khác, phải làm thế nào cho biết quan niệm được chánh-đáng. Phải hiểu rằng khoa học có phép-tắc rất nghiêm, và phạm vào phép-tắc đó thời thiệt-hại là dường nào Khoa-học đã phát-minh được mấy cái nguyên-lý chủ-trương sự tiến-hóa của các xã-hội loài người. Không biết các nguyên-lý ấy là vô-ích và có nguy-hiểm. Muốn làm được công-việc ích-lợi thì cần phải hiểu rõ những nguyên-lý đó. Các kẻ thanh-niên kia đi học ngoại - quốc về, không nên chỉ đem về một mớ tri-thức hỗn-tạp, có điều lợi ích cũng có điều nguy-hiểm, nhưng phải đem về một cái óc huấn-luyện theo phép khoa-học, biết suy-xét đến nơi đến chốn, biết trọng phương-pháp, trọng trật-tự, ghét sự hỗn loạn trong tư-tưởng cũng như trong việc đời. Có thế thì mới có tư-cách hiểu được cái cách thế-giới ngày nay tiến-hóa ra làm sao, định được phương-hướng cho mình ở giữa đám phong-trào tư-tưởng đương xô-đẩy kịch-liệt, phán-đoán được đúng các sự thắng-lại trong cuộc đời cùng các vấn-đề về thời-thế. Đi du-học về phải có cái trí-tuệ sáng-sủa thành-thực, phải có sự phán-đoán ngay-thẳng đứng-đắn. Nếu không, thì thà cứ ở nhà còn hơn. Không cần phải đi xa như thế mới học được cái lòng kiêu-căng muốn ngang bằng được chúng ta, tự-phụ muốn hay hơn chúng ta nữa ; đi xa như thế chính là để cầu lấy sức khỏe về trí-não, về tinh-thần, cầu lấy nhân-cách được vững-vàng chắc-chắn. Nếu không có những tư-cách như thế, thì làm thế nào mà chi-phối được cái mớ những cảm-tưởng phồn-tạp nó tràn-ngập vào mình ? Bấy giờ sẽ như cái rơm bềnh-bồng trôi-giạt trên mặt nước, biết tựa vào đâu mà biết đi đến đâu. Nay nếu chính mình đã không biết tự-chủ được mình, xét đoán mập-mờ, nghị-luận bông-lông, thời có cái phép thiêng-liêng gì làm cho có đủ tư-cách hướng-đạo được kẻ đồng-bào mình ? Thần-trí đã rối-loạn thời không thể không gây loạn trong xã-hội. Đã không biết quan-sát thực-sự, cảm-giác thực-tế, thời tất sinh ra nông-nổi vội-vàng hay là làm quá lẽ phải và bông-lông theo đuổi những cái ảo-tưởng không đâu.

Nên giúp cho sự tiến-bộ, chứ không nên lợi-dụng sự tiến-bộ. — Tạo-vật chỉ đi bước một, không có nhảy vọt lên bao giờ, đó là điều cần phải hiểu trước nhất. Sự tiến-bộ thường thường là gồm vô-số những điều cải-lương nho-nhỏ, dần-dần tích-lũy lại mà thành ra có hiệu-lực thêm. Sự tiến-bộ cũng như là khoa-học, phải góp-nhặt từng mảnh một mà gây-dựng lên, có chậm-chạp, có kiên-nhẫn, có phương-pháp. Tiến-bộ cũng cần phải có con mắt trác-kiến, cái bụng vong-kỷ, cái đức khiêm-tốn và cái lòng thành-thực. Người nào muốn giúp cho sự tiến-bộ, thì không nên để cho tự-hoặc mình bằng cái lòng ham muốn đảm-đương những công việc to-tát hay là thực-hành được ngay một cái chương trình lớn-lao, cũng không nên để cho tự-hoặc bằng những lời ngụy-biện do tấm lòng quảng-đại nhưng chưa biết suy-xét mà ra. Không nên cố làm những việc to quá, mà nên làm những việc có ích-lợi, dù nhỏ-mọn mặc lòng. Có khi làm công-việc như thế mà không ngờ trở nên danh-giá cũng có ; nhưng không nên lấy đó làm mục-đích. Nói tóm lại, phải nên sẵn lòng giúp cho sự tiến-bộ, cũng như giúp cho khoa-học, nhưng phải biết ngăn cái lòng cám-dỗ muốn lợi-dụng sự tiến-bộ để cho thỏa cái bụng ham danh-lợi của mình. Vả lại,

dù lòng ta khao-khát điều công-lý, sự hạnh-phúc, cho là đến chậm quá, mà tấm lòng mong-mỏi đó cũng không đủ làm cho mất tri-khôn lẽ phải đi được. Vì lòng tham danh-lợi mà khinh-suất vội-vàng đã cố nhiên là không nên rồi, mà vì lòng nhân-từ bác-ái, hoài-bão cao-thượng mà vội-vàng khinh-suất cũng vẫn là không nên nữa. Ta không thể viện cái lẽ gì mà không để ý phân-biệt cho kỹ cái gì là cái có thể làm được với cái gì là cái chỉ mơ-mộng hão-huyền, không quan-sát đến nơi, không ảnh-hưởng gì cả.

Phải nên uốn mình cho thích-hợp với thực-tế, chứ không nên tự-phụ khiến được thực-tế phải thuận theo ý muốn riêng của mình. — Vẫn biết rằng bao giờ trong tâm trong trí cũng phải có hoài-bão một cái lý-tưởng cao. Nhưng mà muốn vun-trồng cho cái lý-tưởng ấy, thời không cách gì bằng nên quan-sát cho kỹ, cho biết rõ mình định đi đến đâu. Cứ quay cuồng ở trong khoảng không, lăn-lộn ở trong đám mộng, mà định kết-cấu ở trong cõi tuyệt-đối, thời có ích gì? Phải nghiên-cứu cho kỹ cái hiện-tại trước mắt, lấy đó làm căn-cứ, rồi cứ nơi đất vững mà bước lên, đừng có đưa chân vào những nơi không biết, sợ trượt ngã vào giữa khoảng không vậy. Cái bí-quyết cho được thành-công, là phải biết uốn mình cho thích-hợp với thực-tế, chứ không phải tự-phụ khiến cho thực-tế phải thuận theo ý muốn riêng của mình được. Cái thói thuyết-lý hư-không, cái thói chỉ-hoạch trong cõi trừu-tượng, thời chỉ dùng được ở trong cõi đời siêu-hình tưởng-tượng mà thôi. Trên địa-cầu ta này, không khỏi thành ra kết-quả tai-hại.

Sự cách-mệnh là sự xô-đẩy vào nơi vực sâu, càng sa xuống bao nhiêu càng nguy-hiểm bấy-nhiêu. — Cả thế-giới ngày nay như mắc phải bệnh cuồng. Các xã-hội càng ngày càng bị khủng-hoảng, khiến cho bọn hạ lưu càng xuẩn-động. Bị những kẻ mơ-tưởng hão-huyền, những đảng chuyên-môn làm loạn nó xui dại xui khôn, khích-thích cổ-động, thành ra chỉ theo bóng những chuyện hư-không mà gào-thét vang lầm. Kể biết bao nhiêu công-phu vô-ích, biết bao-nhiêu ý-chí uổng không! Biết bao nhiêu hi-vọng chứa-chan, mà thành ra kết-quả hão-huyền! Nào những nơi thiên-đường cực-lạc bày ra cho đám công-chúng khát-khao, bây giờ đâu cả rồi? Ngạn-ngữ có câu: « Cái núi đẻ ra con chuột »; nay cái núi thật đã chuyển-động đảo-điên, mà kết-quả không đẻ được con chuột nhỏ. Thử phóng con mắt nhìn quanh mình ta. Đâu đâu cũng thấy những cảnh-tượng đủ khiến cho ta biết qui sự ôn-hòa. Những dân-tộc đương ham cái mới lạ, đến phát cuồng xuẩn-động, chỉ bày cho ta những cái cảnh rùng mình như trong cơn ác-mộng. Mà chịu khổ chịu nhục, chịu tàn-phá hủy-hoại như thế, rút cục lại cũng lại đến mắc phải một cái quyền áp-chế nặng nề hơn cả các cách áp-chế mà lịch-sử còn ghi-chép đến giờ. Ấy bao nhiêu cuộc cách-mệnh quá-khứ, hiện-tại và tương-lai, đều qua một con đường tất-nhiên như thế cả. Đều bị một cái luồng sóng rất mạnh nó xô-đẩy vào nơi khốn-nạn cả; cho đến ngày thảm-khốc quá chừng, chán chường quá đỗi, kiệt-quệ lắm rồi, bấy giờ mới có một kẻ kiệt-hiệt chuyên-chế xuất-hiện ra mà giải-thoát cho để lại qui-phục dưới quyền mình. Phàm cách-mệnh đầu tiên là rối-loạn, rồi tiến lên thành khủng-hoảng, mà kết-cục đến chuyên-chế, hoặc là một người chuyên-chế, hay là một đảng chuyên-chế, lại càng tệ hơn nữa. Cách-mệnh là cách sậu-biến, không hay gì. Duy có cách tiệm-biến hay là cách tiến-hóa là vừa có vẻ khoan-dung và vừa có hiệu-quả tốt.

Không nên phá-hoại gì. Nên lợi-dụng cái hiện-tại. — Phải nên tấn-tới bước lên, nhưng không nên bước liều bước bậy; phải nên sửa-sang thay-đổi, nhưng phải làm cho phải lúc hợp-thời; phải nên tiến-hóa luôn luôn, nhưng phải cho vững-vàng cẩn-thận. Cuộc tương-lai là phải gây-dựng ở nơi bình-tĩnh yên-ổn, chứ không phải giữa chốn nóng-nẩy bạo-động được. Không nên đi vội quá mà nuốt cả độ đường, sợ sinh ra họa-loạn và gặp sự chẳng may. Muốn đi mau quá thời không có người theo. Trên tờ giấy, muốn quyết-nghị những sự cải-cách to-tát như thế nào mà chẳng được; chỉ đến khi đem ra thực-hành mới biết những việc nhỏ-mọn làm cũng khó thay. Mà chính những việc đó mới là quan-hệ. Không cái gì phương-hại cho sự tiến-bộ chân-chính bằng sự nóng-nẩy hấp-tấp. Vừa hại cho xã-hội tiến-hóa, vừa hại cho nhân-cách thành-lập.

Về phần người An-Nam thì tôi tưởng nên theo mấy điều như sau này: cũ có cái gì hay nên bảo-tồn lấy, cái gì có thể châm-chước được nên cẩn-thận mà châm-chước dần, đừng nên đổi mới gì lắm, chỉ khi nào rõ là cần phải thay đổi mới nên thay đổi. Không nên phá-hoại, không nên bạo-động, không nên nhất-đán bỏ cả nền-nếp cũ; phải tiến-hóa dần-dần, một cách ôn-hòa điều-độ. Xét tình-thế hiện-thời, có thể làm được tới đâu, nên hạn-chế một chút, đừng nên làm quá bao giờ. Thà chịu lỗi là cẩn-thận quá còn hơn là mạo-hiểm quá. Có điều cần là không nên phá-hoại những cái chế-độ cũ đã có công từ trước đến giờ, mà phải biết khéo lợi-dụng theo lẽ công-bằng, theo đường tiến-bộ. Nếu người An-Nam biết theo mấy điều đó, thời sẽ có ngày lấy làm lạ trông thấy cái xã-hội cổ của mình đổi mới mau là đường nào, không, đoạn-tuyệt quan-hệ với đời trước, cũng không bị lay-chuyển rối-loạn gì.

Nhờ chúng ta, người An-Nam có thể tạo-thành một cái tính-cách đặc-biệt ở giữa các dân-tộc Á-Đông. — Nói thế không phải là nói rằng người An-Nam không thể bắt-chước của ta được nhiều. Nhưng mà đã am-hiểu xã-hội ta, đã thông-thuộc cả các phần-tử trong văn-minh ta, thời có thể tự ý mình chọn lấy cái gì là nên mà bắt-chước. Như thế thời sẽ có ngày tạo-thành được một cái tính-cách đặc-biệt ở giữa các dân-tộc Á-Đông, vì biết khéo châm-chước sửa-đổi, bổ-cứu những chỗ khuyết-điểm, không có nhất-đán canh-tân mà dùng theo mới cả.

Tưởng trên đường tiến-hóa của các dân-tộc, không có dân nào được những cách-thức tiện-lợi bằng dân này. Cứ cách-thức như thế thời không có lẽ gì phải lo cho người An-Nam bắt-chước quá mà thành ra nô-lệ. Họ đã am-hiểu chúng ta lắm, thời họ không có phỏng-chép ta một cách vụng-về được. Họ chỉ mượn của ta những cái có ích mà thôi; mà ta cũng sẽ sẵn lòng giúp cho họ khỏi phân-vân do-dự, khỏi lẩn-lạc sai-lầm.

Vả lại văn-minh Âu-châu không phải là nhất-thể cả. Thật là thiên-hình vạn-trạng, mỗi nước một khác. Có lẽ truyền sang người An-Nam cũng dễ đổi ra hình-trạng mới cho thích hợp với dân-tộc này.

Văn-minh Tây thời trong thời-gian cũng như trong không-gian, không có thay hình đổi dạng tí nào. Đi đến đâu là làm cho tiêu-diệt cả cái đặc-sắc cố-hữu ở đấy. Đi đến đâu cũng bắt-buộc người ta phải theo một cái hình-thức xã-hội thiên niên bất-dịch, nghiêm-khắc vô-cùng. Hình như đem cả các dân-tộc mà đổ vào cái khuôn đúc chung. Duy có nước Nhật-bản là có đủ sức mạnh vượt hẳn ra ngoài được.

Ở Tây-phương thời kể tự Hi-lạp ngày xưa cho đến Âu-châu bây giờ, các trạng-thái văn-minh biết bao nhiêu mà kể. Như Hi-lạp ngày xưa, khu-vực nhỏ-hẹp như thế, mà các thành-thị khác nhau biết đường nào? Thành Nhã-điển (*Athènes*) với thành Ti-ba-đạt (*Sparte*), chế-độ thật là khác nhau, tưởng không có hai cách nào quan-niệm về đời người trái nhau bằng ở hai nơi ấy. Mà hai thành cách xa nhau theo đường thẳng không đầy 150 cây-lô-mét.

Văn-minh của Âu-Tây ta cũng như cảnh-vật của Tạo-hóa, thật là lắm vẻ khác nhau. Văn-minh ấy vừa đẹp, vừa mạnh và vừa giàu, là bởi vì có tự-do, có uyển-chuyển và có cảm-hóa. Không có điều gì bắt-buộc như phép-tắc của nhà đạo, không có điều gì cưỡng-ép, không có đem một cái khuôn nhất-định mà buộc cho ai nấy cũng phải theo. Nhưng vẫn được tự-do xét-đoán, được tự-do mà mở-mang tấn-tới lên mãi; ít ra thời cũng có cái khuynh-hướng muốn tấn-tới luôn, cố-công cùng sức cầu cho được hay được tốt hơn lên. Lại khiến cho các cái tiềm-lực sinh-hoạt có thể nẩy-nở ra được hết, cho cái đặc-tính của mỗi giống, dù là người ta hay là dân-tộc, có thể hoàn-toàn phát-siển được. Động đến cái gì thì hình như khéo thúc-giục cho tinh-tao hoạt-bát lên, không hề làm cho tiêu-tắt đi hay ngưng-trệ lại chút nào? Thực là hằng khuyên nhủ cho mọi người cứ tấn-tới lên hoài, đừng có bao giờ cho là đã được hoàn-toàn mãn-nguyện rồi mà đứng dừng lại.

Người An-Nam đối với ta không sợ có thiệt mất gì, chỉ có lợi cả thôi. Nếu biết theo gương ta, nghe lời ta, thời không sợ bỏ mất những tính-cách đặc-biệt của mình. Chỉ có thể phát-siển cho nó nẩy-nở lên, vì trút được cái gánh nặng của văn-minh Tàu đã bị đeo-đẳng trong bấy lâu. Không phải sợ gì cái nạn đồng-hóa cả. Họ càng mượn của ta nhiều, thời càng có cách bồi-thực được nhân-cách của mình. Dần-dần sẽ mất hẳn cái nếp cũ của Tàu đi mà không sợ mắc phải cái nếp mới của nước Pháp: bấy giờ mới thực hẳn là mình.

III

Người An-Nam làm thế nào có được một nền văn-chương đặc-biệt

Cái gương của phái cổ-điển. — Sự tiến-hóa của người An-Nam cho được tròn vẹn thời phải kết-quả tạo-thành ra được một nền văn-chương mĩ-thuật đặc-biệt. Xem gương của phái cổ-điển và nhất là Rabelais thời biết phải làm thế nào điều-hòa được hai cái văn-hóa dường như cách-biệt nhau. Vấn-đề này với vấn-đề ngữ-ngôn văn-tự là việc quan-trọng nhất của họ.

Phái cổ-điển ở nước Pháp về thế-kỷ thứ 16 là phái điều-hòa làm một hai thời-kỳ trong tư tưởng Âu-Tây: cái đạo học của cổ-đại và cái tinh-thần đạo Cơ-đốc. Người An-Nam ngày nay cũng phải dung-hòa làm một cái văn-minh của Âu-châu và cái văn minh của Trung-quốc. Vậy thời công việc của họ xem ra có phần khó-khăn hơn công-việc của phái cổ-điển. Nhưng mà dự-tưởng cho là khó, chứ chưa chắc đã là khó.

Xã-hội Tây-phương với xã-hội Đông-phương bề ngoài xem như khác nhau mà thực không phải khác nhau. — Mới xét thì tưởng không có hai cái văn-minh nào phản trái nhau bằng văn-minh Âu-Tây với văn-minh nước Tàu. Lại chẳng may gặp giữa vào lúc cái xã-hội dân-chủ của chúng ta xuất-

hiện ra khác hẳn với cái xã-hội bản-xứ quen theo về chế-độ quân-chủ. Các quan đại-thần An-Nam giá được vào chầu vua Louis thứ 14 thời trông thấy cái cảnh triều-đình trang-nghiêm rực-rỡ cũng phải lấy làm khiếp-phục. Nhưng mà có lẽ không ngượng-ngập bằng đứng trước một ông nghị-viên về đảng xã-hội được bổ làm Toàn-quyền, chìa tay ra bắt một cách bình-đẳng lắm, không phân-biệt gì, giá đối với những kẻ hạ-lưu ti-tiện mà dám đường-đột lên chào cũng đãi như thế vậy. Một ông công-tước ROHAN hay công-tước RICHELIEU chắc còn có phong-thể hơn. Cách tiếp-đãi không đến nỗi loạn cả trật-tự tôn-ti, sai cả lễ-nghi nghiêm-chỉnh như thế.

Cái hình-thức bề ngoài vẫn là có quan-hệ lắm. Chúng ta thường hay quên điều đó. Tuy-nhiên, nếu các quan đại-thần An-Nam kia thử để ý nghĩ kỹ thời sẽ liền thấy rằng cái xã-hội Pháp về thế-kỷ thứ 17 đó còn cách xa với xã-hội họ hơn là xã-hội ta ngày nay. Xã-hội cổ ấy là gốc ở cái tập-tục cha truyền con nối, tức là cái chế-độ thế-tập : chứ xã-hội ta cũng như xã-hội họ chỉ căn-cứ ở cái tài riêng của mỗi người, ở sự tuyển-cử tự-do của dân-chúng. Ở ta cũng như ở họ, muốn cho được quyền-chức danh-giá thời phải qua con đường thi-cử, hay phải được công-dân bầu lên. Ông nghị-viên đảng xã-hội kia xuất-thân cũng phải thi-cử đã. Rồi được công-dân bầu lên, cũng như người lý-trưởng trong làng vậy. Sau lại được các bạn đồng-liêu có chân Nội-các tuyển-bổ sang làm Toàn-quyền. Vậy thời không nên nói ngoa rằng hai xã-hội ta cách-biệt nhau hẳn. Nếu xét cho đến nơi đến chốn thời chỉ có khác nhau ở bề ngoài, chứ không phải thực hẳn là cách-biệt nhau.

Điều-hòa đời Trung-cổ Cơ-đốc với đời Cổ-đại La-Hi mới thật khó, không nên coi là thường (1).—Trái lại thời không có hai cái tinh-thần nào tương-phản nhau bằng tinh-thần đời Cổ-đại La-Hi và tinh-thần đời Trung-cổ Cơ-đốc. Đời Cổ-đại biết trọng cái đẹp của thân-thể, tôn cái đẹp như một vị thần. Muốn cho các năng-lực của thân-thể cũng như của tinh-thần đều được phát-siển hoàn-toàn cả. Cho sự hạnh-phúc tuyệt-đối là ở như các năng-lực ấy được tác-dụng điều-hòa, coi cõi lai-sinh chỉ như một bản phỏng tờ-mờ, một cái hình-ảnh phai-nhạt của cõi đời này mà thôi. Trong mĩ-thuật, trong văn-chương, trong các trò công-cộng du-hí, đâu đâu cũng thấy tán-dương ca-tụng về nhục-thể. Trái lại thời đạo Cơ-đốc cổ nhất-thiết khinh-miệt thân-thể, và đối với những tư-chất thông-minh về trí-tuệ, nếu không có lòng tín-ngưỡng chủ-trương, cũng khinh-thường cả. Cái gì không giúp được cho việc cứu-tế linh-hồn là đều không coi ra gì cả. Làm việc phúc-đức, chịu sự khổ-hạnh, để cứu lấy linh-hồn, đó là cái mục-đích độc-nhất vô-nhị của người ta.

Giá người Hi-lạp La-mã đời xưa mà được đọc những lời thóa-mạ nhục-thể của các giáo-sĩ Cơ-đốc đời Trung-cổ, thời lấy làm kinh-ngạc biết dường nào! Xin trích ra sau này hai ba đoạn về lối văn-chương đó theo sách *Le Latin mystique* (Tiếng La-tinh thần-bí) của RÉMY DE GOURMONT :

«Thân-thể đẹp là ở cả cái da. Nay nếu ai ai cũng có thể trông qua lần da mà thấy được ở trong, như tục truyền giống mèo rừng đất *Béotie* có con mắt sắc

(1) Đoạn này nguyên-văn có mà trong tạp-chí *Extrême-Asie* bỗ không đăng. Nay dịch cả cho đủ.

trông suốt qua được các vật, thời nhìn một người đàn bà mà tởm thay. Cái đẹp hão-huyền của bọn phụ-nữ chỉ là máu-mủ dơ-dáy cả thôi. Thử xem trong lỗ mũi, trong cuống họng, trong bụng có những gì: toàn dơ-bẩn cả... Giá ta phải lấy đầu ngón tay mà mó vào đống nôn-mửa hay đống phân thối, thì đã lấy làm ghê rồi, vậy há lại nên ham ôm vào mình cái bọc ô-uế đó dư! » (Sách *Collationes* của ODON DE CLUNY, quyển II)

« Đàn bà mặt sáng dáng xinh, trắng bạch như sữa, nhà ngươi thích lắm đấy nhỉ? Ôi! giá lục-phủ ngũ-tạng mở cả ra mà xem được, thời thấy dưới cái da trắng kia biết bao nhiêu là thịt thối. » (Sách *Le Mépris du monde* của ANSELME DE CANTERBÉRY).

« Thử nghĩ đến lúc chết sẽ ra sao, nào thở nào rên, nào ngất-ngoải thổn-thức, đau-đớn kinh-hãi vô-cùng. Thân-thể rồi xám lạnh ra, thối nát ra, cho trùng cho bọ nó ăn... » (Sách *La Demeure intérieure* của SAINT BERNARD).

Những người thốt ra những câu chửi rủa cái nhục-thể như thế thời thật là xa-cách với cái lý-tưởng đời Cổ-đại hơn là Đông-phương xa-cách với Tây-phương vậy.

Công-nghiệp phái Cổ-điển.—Như vậy thời công-việc của phái cổ-điển thật có nhiều nỗi khó-khăn lắm. Phải cần đến hai thế-kỷ công-phu khó-nhọc, ở giữa những cuộc biến-loạn vô-cùng. Cái phong-trào Phục-hưng, có kẻ chuyền sai đi cho theo về mặt mê-tín tôn-giáo, đến gây ra cuộc tôn-giáo chiến-tranh, thật là cái đoạn thảm-khốc nhất trong lịch-sử của ta. Dù gặp những trở-lực như thế, qua những hoạn-nạn như vậy, mà phái cổ-điển cũng làm nên được cái công-nghiệp đổi mới cho văn-minh Âu Tây, công-nghiệp to cho đến nỗi ảnh hưởng ngày nay cũng vẫn còn.

Phái cổ-điển mong khôi-phục được cái văn-chương bằng chữ la-tinh. Về khoản đó thời hoàn-toàn thất-bại. Nhưng cái phong-trào tư-tưởng của họ gây nên, lúc đầu còn lộn-xộn, phải đến ngót một thế-kỷ mới chỉnh-đốn lại dần dần, rồi kết-quả đến nẩy-nở ra một nền văn-chương cổ-điển bằng tiếng Pháp rất rực-rỡ. Văn-chương này còn quá thiên bắt-chước cổ-văn La-Hi. Tuy-nhiên không đến nỗi kém-cỏi, vì là dùng một thứ tiếng mới, thứ tiếng của một xã-hội rất văn-minh, rất lạc-lối, cổ-kim chưa từng thấy bao giờ. Xã-hội ấy lại cung-cấp cho các nhà văn những kiểu-mẫu nhân-vật để diễn tả ra bằng những tên Hi-lạp La-mã. Nay nếu các nhà văn về thế-kỷ thứ 17 vẫn cứ làm văn bằng chữ la-tinh, thời có lẽ cũng đến thất-bại như phái cổ-điển trước. Kết-quả chỉ đến thêm một bản phỏng mới và vô-số những bản phỏng cũ từ trước. Quyết là không thể xây dựng nên cái lâu-đài văn-học trang-nghiêm vĩ-đại kia đã làm cho cả Âu-châu phải cảm-phục vậy.

Vậy thời phái cổ-điển, hễ còn muốn viết bằng chữ la-tinh, còn muốn phỏng chép văn CICÉRON hay văn các danh-sĩ đời AUGUSTE, thời sự-nghiệp không thành kết-quả gì. Tự khi chịu dùng một thứ tiếng nói, thời tạo-thành nên được một áng kỳ-công vĩ-đại nhất của thần-trí loài người. Các nhà văn thế-kỷ thứ 16, 17, quả là học-trò, là con cháu của phái cổ-điển, điều đó không còn ngờ được. Tự mình vẫn còn tiềm-nhiễm cái cổ-học La-Hi nhiều lắm. Sở-dĩ được có đặc-sắc hơn người trước, là biết dùng thứ tiếng nói ở nơi triều-đình bấy giờ mà diễn được hết cả các tư-tưởng. Bao nhiêu những danh-từ phiền-toái của cái học kinh-viện cũ, bài-trừ đi hết, danh-từ ấy ngày nay thiên-hạ lại hiếu-kỳ đương muốn khôi-phục lại. Nhưng nếu không

có phong-trào cổ-điển nổi lên trước, thì MONTAIGNE, các thi-nhân về thi-xã *Pléiade*, các văn-hào về thế-kỷ LOUIS XIV không thể nổi lên rực-rỡ được như thế.

Sự bắt-chước các đề-mục, các ý-kiến các tư-tưởng là một sự cần. — Sự bắt-chước chỉ đáng chê là khi nào bắt-chước quá đến phỏng chép cả chữ dùng cùng lối văn của người ta. Nhưng bắt-chước những đề-mục, ý-kiến, tư-tưởng, có thể cho là sự yếu-cần cho văn-minh phát-đạt. Có thể theo lời của RÉMY DE GOURMONT mà nói rằng: muốn làm cho bột mình phồng lên thời cần phải đi lấy men ở nhà hàng xóm vậy (1). Tiếp-xúc với ngoại-quốc, tuy cũng có một đôi khi sinh tệ, nhưng thường vẫn là có lợi. Nhờ đó mà đổi mới, mà thêm giàu ra được. Chịu ảnh-hưởng của ngoài chỉ có ích-lợi mà thôi, miễn là không nên chịu một cách « thụ-động » quá. Dân-tộc nào bắt-chước ngoài, thời phàm thâu-thái cái gì mới lạ, phải hóa theo tinh-thần của mình. Không nên bắt-chước một cách nô-lệ mà cứ của người ta thế nào đem về như thế. Phải hóa nó ra đồ ăn, ra tinh-tủy, để dùng mà nuôi mình cho thành sức mạnh, nhưng cốt nhất phải giữ lấy cái cốt-cách của mình.

Ấy bắt-chước mà như thế thời không những có ích-lợi mà lại là cần nữa. Tôi đã từng nói ở sách khác: văn-minh cao-thượng là bởi các dân-tộc hiệp-lực mà thành ra, cũng như xã-hội là bởi các cá-nhân họp lại mà thành ra (2). Như vậy thời những sự gặp-gỡ, sự xung-đột, dù có nặng-nề một chút, cũng không nên ngại gì. Bao giờ cũng sản xuất ra cái hay được: chỉ phải dụng-tâm là được.

Ta đem cho người An-Nam nhiều cái mầm tốt. — Ta đem cho người An-Nam vô số cái mầm tốt. Hễ biết chú-ý biết kiên-nhẫn, thời sẽ làm được nẩy-nở ra lắm cái hay, cải-tạo được hết thảy trong cõi tư-tưởng và cõi hành-động. Cho dẫu hai văn-minh ta không thể điều-hòa được, — cái đó quyết không có lẽ, — thời người An-Nam cũng còn có thể mượn của ta cái men để làm cho nẩy-nở văn-minh của họ được. Không phải là nên phỏng-chép ta, cũng như không nên phỏng-chép người Tàu. Phải nên thâu-thái cả hai bên lấy cái gì là cái thích-hợp với mình, rồi tự tạo-thành ra một cái văn-minh đặc-biệt, một nền quốc-văn có giá-trị, có hứng-thú riêng. Người An-Nam vẫn phải giữ lấy cốt-cách An-Nam và phải viết bằng tiếng bản-quốc của mình (3).

Cái chương-trình người An-Nam nên theo. — Cái chương-trình người An-Nam nên theo thời nhân tình-thế của họ ngày nay đã bày rõ ra đó. Có thể tóm lại ba câu như sau này: nghiên-cứu các văn-hóa của Âu-châu, nghiên-cứu văn-hóa cổ của Tàu, đừng bỏ phần quốc-túy riêng của mình. Chương-trình đó ai chẳng bảo là in đúng như chương-trình của RABELAIS ngày xưa? Phải nên dịch cho thật nhiều các sách Tây sách Tàu. Lại phải cẩn-trọng mà thu-thập lấy cái kho báu của tổ-tiên để lại, không những văn-chương thành sách hay văn-chương truyền-khẩu, mà cả những truyện cổ-tích xưa, phong-tục, tập-quán, những sự tư-tưởng sai lầm nữa: nói tóm lại là hết thảy cái gì do

(1) Trong sách: *Le problème du style.*

(2) Xem sách: *Le Parfum des Humanités*, trang 278.

(3) Đây là nói về văn-chương mà thôi. Chứ khi nào người An-Nam có thể phát-minh về khoa-học thời sẽ dùng tiếng Pháp để kỹ-thuật ra. Bấy giờ thời không phải nói cho đồng-bào nghe mà thôi, mà là nói cho cả các bậc học-thức trong thế-giới hiểu. — (*Lời chú của tác-giả.*)

hỗn chung cả nước tự-nhiên sản-xuất ra, và đã qua đời ấy sang đời khác gồm cả sự sinh-hoạt của dân-tộc về đường tri-thức tinh-thần vậy.

Ba bộ-phận đó cũng thừa công-việc cho ba hạng người làm. Khi nào cái phần việc dự-bị như thế tiệm-thành, thời bấy giờ các nhà văn An-Nam mới xuất-hiện. Tài-liệu đã sẵn-sàng, có thể ra tay tạo-thành ra một nền văn-chương đặc-biệt. Ba cái nguồn văn đã biết rõ, sẽ lấy vật-liệu ở đấy, dung-hòa hỗn-hợp lại mà kết-cấu ra sách-vở.

Nhưng cái mạch văn có đặc-sắc hơn nhất là cái khỏ báu những truyện xưa tích cũ cùng là tục-ngữ ca-dao, xưa nay thường không hay chú-ý đến. Ấy cái kho đó là cái kho vô-tận, nếu biết khéo lợi-dụng thời cũng đủ tài-liệu mà làm nên văn-chương hoạt-bát hùng-hồn. Chính nhờ đó mà văn-chương Việt-Nam sau này sẽ có một cái giọng điệu mới lạ, trong rừng văn thế-giới chưa từng nghe thấy bao giờ.

Người Pháp cùng người Nam, lịch-sử đã đặt chúng ta ở đây mà bày cho chúng ta một cái công-việc kể cũng khó thật, nhưng đủ khiến cho chúng ta nhiệt-thành tận-tụy, cố gắng mà làm cho nên. Gặp được cái vận-mệnh tốt, chớ có nên phàn-nàn. Phải nên làm thế nào cho được xứng-đáng. Chúng ta nên cùng nhau hiệp-lực cho làm nổi cái việc lớn-lao đó. Chúng ta đối với thế-giới văn-minh cùng nhau làm sự thí-nghiệm này, không thể không thành kết-quả tốt cho ta, thành bài học hay cho thiên-hạ. Cõi Đông-dương này cũng ví như cái phòng thí-nghiệm để thử điều-hòa Đông-phương với Tây-phương vậy.

Nguyên Pháp-văn của E. VAYRAC
T. C. *dịch*

GÁI ĐỜI NAY

Lời một vị phu-nhân có nền-nếp mắng răn con gái là bậc tân-học

Con ơi ! con nghĩ mà xem : con là gái nhà nền-nếp, có được học-hành, có được dạy bảo, mà so ra dung công ngôn hạnh, không được lấy một nết gì cả, như thế phỏng có đáng buồn, đáng thẹn không ?

Con chỉ chăm trau-chuốt cái hình dáng bề ngoài, mà đến nữ-công nữ-hạnh là phần cốt-yếu bề trong, thì không lo đến. Khốn-nạn ! sao con lầm đến thế ? Kìa kìa : con hãy ngắm thử hoa hải-đường có đẹp không ? Nhưng hữu-sắc vô-hương con ạ, cho nên lòng người cũng rẻ-rúng. Thế thì con người ta cũng vậy, chẳng cứ là đàn ông hay đàn bà, người con trai khuôn mặt đẹp, bộ cánh sang, mà học-thức không ra gì, tài kém, hạnh kém, thiên-hạ cũng khinh-bỉ, chê là dễ-cùi lốt mã, liệt cho vào hạng « óc rỗng » « công-tử bột » đấy, con có biết không ? Huống-hồ đàn bà con gái, phương-ngôn đã có câu : Cái nết đánh chết cái đẹp, thì đẹp người mà không đẹp nết, bóng dáng bề ngoài, có làm gì những con người ấy. Thà rằng xấu người tốt nết, còn hơn đẹp mẽ mà hư.

Mẹ thường đến chơi nhà các bà chị em bạn hàng phố thấy con gái nhà người ta học ít, chỉ thông quốc-ngữ, biết tính-toán gọi là, mà nết-na dịu-dàng, khâu vá khéo, cỗ bàn bánh trái một tay, cơm nước trông nom, việc nhà việc cửa đảm-đang, trên giúp đỡ cha mẹ, dưới săn-sóc các em, trong nhà cắt đặt công việc, sai bảo đầy-tớ, đâu ra đấy; nghĩ đến con gái nhà mình trường này trường khác, học nhiều, tính nết lại đoảng, ăn làm lại hư, mà chán ! Sao con không biết thẹn với chị em thế ? Thử xem có gái nhà nào mười-chín, hai mươi tuổi, lớn bằng con, mà đoảng ăn, đoảng làm đến như con không ? Hay con cho rằng : con đỗ được cái bằng ở trường Nữ-học ra, là bậc thượng-lưu nữ-giới rồi, đọc sách là cao, thổi cơm là hèn, mà không cần tập làm ăn, học công việc trong nhà nữa. Chết nỗi ! nếu con nghĩ thế thì lầm ! Đàn bà con gái mà không thạo việc gia-đình, sành việc nội-trợ, là hạng đàn-bà thừa, đáng khinh đáng bỉ, dẫu hay chữ cũng vất đi. Kìa kìa : gái tân-học tốt-nghiệp trường nọ trường kia ra, chán chi người về nhà việc bếp nước mù như sầm, muối cái dưa không biết, ghế nồi cơm không xong, những hạng gái ấy, phỏng đã đáng khen chưa ? Tưởng cứ như ý mẹ, thì không bao giờ dám dùng đến những bà con dâu quá hay chữ ấy. Gái văn-minh quá, mẹ sợ. . . . . con ạ, con đừng tưởng thế là hay. Con nên biết rằng : một cảnh gia-đình nền-nếp của người Đông-phương ta, bao giờ cũng chuộng người đàn-bà tề-gia nội-trợ giỏi cho nên đàn-bà càng đảm-đang việc nhà bao nhiêu, càng đáng qui đáng trọng bấy nhiêu. Mẹ nói thế, con chớ vội tưởng ý mẹ không muốn đàn-bà con gái Việt-Nam hay chữ, mẹ rất mong lắm, mẹ chỉ cầu sao trình-độ nữ-học nước nhà cũng tiến-bộ được như bên Âu-Mĩ thôi. Nhưng học giỏi, mà nữ-công phụ-xấu, đức-hạnh không thẹn với bổn phận mình, thì cái học ấy mới là quí. Gái thẩm-phán, gái nghị-viên, gái bác-sĩ, gái giáo-sư, mà cửa nhà không ngăn nắp, mọi việc trong nhà phó liều cho đầy tớ, gạo để bồ-đái,

muối để bàn chân, cả thâm, dưa khứ, thì cũng là hạng đàn bà thải, phàm những gia-đình có khuôn phép ở nước Nam, không thể nào dung được hạng đàn-bà ấy. Mẹ bảo thật đó, con nên liệu đấy mà học ăn, học làm, lo việc bổn-phận mình, chớ để mẹ phải bận lòng vì con lắm.

Về sự trang-sức làm đỏm, con thực quá lắm. Đã hay con gái cũng nên làm dáng. Nhưng con cần gì mà phải cạo mặt, kẻ lông mày, đánh tóc con, phấn trát bự vào thế kia? Con ơi! đàn bà con gái đánh phấn quá, không trông được đâu. Mẹ nhìn gần những khuôn mặt phấn bự chẳng những đã thấy vô-duyên tẻ ngắt, mà lại thêm ghê nữa, có khác gì mặt nạ? Tưởng nét mặt con người ta, còn gì ưa nhìn hơn là cái vẻ mộc-mạc nữa. Mộc-mạc tuy không bóng-bẩy, nhưng bao giờ cũng ẩn cái duyên mặn-mà khiến người dễ yêu. Người đẹp đánh phấn, chẳng những đã giảm mất vẻ đẹp tự-nhiên, lại thêm hại da nữa. Người xấu, da đen, mượn mầu son phấn, càng thêm xấu, những người ấy vì biết mình, thà rằng cứ để tự-nhiên lại giòn.

Mẹ tuy nói thế, song con thích làm dáng, mẹ cũng không nghiệt gì mà cấm con gương lược, ép con chốn đài-trang không được có son phấn. Vả chăng nữ-giới là hoa của nước nhà, nếu đàn bà con gái trong nước mà đầu bù tóc rối, ăn mặc sưởi-sinh lôi-thôi quá, thì trông làm sao được. Vậy thì trang-điểm là sự cần của đàn bà. Nhưng trang-điểm thế nào cho nhã-nhặn mới là đẹp. Làm dáng mà đến: mặt vôi trắng xóa, mày kẻ đen xì, môi son đỏ loét như trát phẩm hồng, mặt cạo nhẵn trơ, thì trông gần có khác gì mặt nữ phường tuồng trên sân khấu, chẳng những đã xấu, lại thêm một trò hề cho con mắt người phong-nhã nữa. Vậy thời, con nên nghe mẹ, có muốn dùng phấn, chỉ nên điểm qua loa gọi là hơi một chút cho tôn nước da, đừng để đến bự, mà kinh mắt người ngoài.

Còn sự cạo mặt, đánh lông mày, thì con phải bỏ hẳn đi, vì trơ lắm. Tóc mai tóc trán trên khuôn mặt người đàn bà chẳng những đã trang-điểm cho người đẹp được thêm vẻ đẹp thiên-nhiên, đầu mày cuối mắt thêm duyên, thêm nhị; mà lại còn che cỡ giúp cho khuôn mặt người xấu đỡ trơ, đỡ tẻ nữa. Đàn bà con gái ta không biết yêu cái vẻ đẹp ấy, cứ đua nhau nhổ trơ, cạo nhẵn đi, trông lắm người thật xấu quá. Lông mày cũng vậy, nên để tự-nhiên, dù xấu đẹp cũng vẫn dễ coi. Làm sao con lại đánh nhổ lông mày mình đi, rồi kẻ trì đen vào, là ý thế nào? Con cho cái bộ lông mày kẻ như mặt hình-nhân ấy là đẹp ư? Thôi! dơ lắm! không thương được! Đừng trang-điểm theo cái «mốt» quá văn-minh ấy nữa. Con càng tô-điểm nhiều, mẹ càng thấy xấu, khó coi. Chẳng xem con gái nhà quê, chân chỉ người mộc-mạc mà có duyên, có nhị biết bao nhiêu! Vẻ đẹp ấy, mới là đẹp lâu bền, ăn đứt hẳn phấn son đấy con ạ.

Như con cách ăn mặc cũng nhố-nhăng lắm, hàng tây, hàng tàu sặc-sỡ quá, có coi được đâu. Một sự theo thời-trang, pha sắc áo, đổi mầu khăn, mẹ cũng không cấm con. Dùng hàng mùi chẳng những đã sáng-sủa vui mắt, lại thêm đẹp nữa, mẹ rất ưng đàn bà con gái mặc đồ mùi. Nhưng dùng mùi cũng phải sánh mới được, hoa hòe hoa sói, lòe-loẹt quá, chẳng những đã giảm mất vẻ phong-nhã, lại ra con người lẳng-lơ. Con nên dùng những sắc áo nhã-đạm ăn với mầu da dáng người mình là hơn. Mà mẹ tưởng không cần gì phải « Bông-bay », nhiễu tây, Thượng-hải mới là sang là đẹp. Con muốn lịch-sự, the La, lĩnh Bưởi, nhiễu Qui-nhơn, lụa

Cổ-đô ngả đủ các mầu, tưởng cũng đẹp chán rồi, tơ lụa của nước nhà chế ra vừa bền, vừa rẻ tiền, lại là nội-hóa ta cũng nên qui nữa, con là người có học mà cứ đua thời-trang, tham thanh chuộng lạ, nay hàng Tàu, mai hàng Tây, gánh vàng đi đổ sông Ngô, há chẳng thẹn ru? Mỗi năm vất của cha mẹ bao nhiêu tiền ra ngoài để mua cái hảo-nháng không đâu, học mà không biết suy tính lợi hại, thế thì học có ích gì? Thôi! một sự ăn mặc, con cũng nên nghe mẹ mà sửa đổi đi, đừng lòe-loẹt, chớ xa-hoa, và phải tập thói quen dùng hàng nội-hóa, để cần-kiệm tiền cho cha mẹ, có như thế mới là gái biết nghĩ. Dầu sao nữa, con là gái mẹ không lẽ không dạy bảo qua-loa về cách ăn mặc, lỡ làm đáng. Song con nên biết rằng: giá-trị con người, không phải ở áo quần và mẽ mặt đâu. Nếu con hư ăn, hư làm, tính nết không ra gì, mà chỉ cốt dồi mặt phấn cho đẹp, thằng bộ cánh cho sang, thời chỉ là một gái đài-điếm ăn chơi, khiến người thêm khinh-bỉ, dầu đẹp mấy mươi, cũng là con người rẻ-rúng không ai cầu. Kể choáng bề ngoài, còn ai hơn « công-tử bột », nào là áo tây, áo ta, mũ nỏ, giầy kia, xa-hoa đủ lối, phong-lưu đủ mùi, lịch-sự biết bao nhiêu, mà nào có ai coi ra gì, cả bộ cánh với con người không đáng giá nửa trinh! Con nên lấy cái gương ấy làm nhục. Đừng trau-chuốt bề ngoài lắm, phải lo sửa cái đức bên trong.

Mẹ xét lời ăn tiếng nói, cách đi đứng của con cũng nhiều chỗ đáng chê lắm. Sao con là gái mà không một chút gì là vẻ dịu-dàng thế? Trong phái tân-nữ-giới nước nhà ngày nay, thấy lắm hạng đàn bà nhỡ-nhăng quá mà chán. Nhiều người con gái lên bộ mình Tây-học giỏi-dang, mà nói-năng sỗ-sàng, trên xe lửa, cửa nhà ga, trong chỗ công-chúng, nhiều cách cử-chỉ rất đáng chê, những hạng gái ấy thực quá « ngông-nghênh », không còn chút gì gọi là ý-nhị nữa. Con ơi! mẹ e cái văn-minh sai nghĩa, cái tự-do lạc đường nó lầm con đấy. Con phải biết rằng: người con gái đáng yêu, là ở vẻ thùy-mị, nói-năng mềm-mỏng, đi đứng khoan-thai, chứ có phải ở cái bộ-điệu « ngông-nghênh » kia đâu. Văn-minh mà đến trật hẳn lốt đàn bà đi, thì còn gì là vẻ khuê-các nữa. Mẹ không bắt con phải khép-nép đến nỗi: cười chớ hở hàm răng, đi chớ động chân quần, vì giữ-gìn quá như thế, không khỏi câu-thúc mất cả cái vẻ tự-nhiên của con người đi. Nhưng mẹ khuyên con trong ngôn-ngữ dung-nghi, nên thế nào cho tự-nhiên, mà vẫn giữ được vẻ đoan-trang thùy-mị của người con gái thì hơn. Đừng nhiễm cái lối « tây quá » của mấy gái tân-học, « quá ư văn-minh » « quá ư tự-do » nọ, nói thì khoa chân, khoa tay, so vai rụt cổ, nghiêng mặt, bĩu môi; đi thì xông-xáo tráo-trâng như « công-tử bột » vào đám gái lạ, mẹ lấy làm dơ mắt lắm. Gái đời nay lại có kẻ dởm đời, ngôn-ngữ cử-chỉ, muốn bắt-chước hẳn như đàn ông, thế thì thương làm sao được. Trời sinh ra đàn bà cốt để làm đàn bà, đời không hiếm gì đàn ông, mà phải cầu đến hạng gái dở hơi biến-tướng làm trai. Mẹ e con nhỡ-nhăng như thế, không khỏi ra đường người ta chê cười là con gái nhà vô-giáo-dục.

Nay mẹ lại hỏi đến việc làm ăn trong nhà phỏng con có biết tí gì không? Nói ra mẹ không khỏi chán. Con lười quá! cả ngày chỉ quyển tiểu-thuyết, ngoài ra không muốn cất nhắc một việc gì nữa. Con gái cũng phải làm-lụng, có cử-động luôn thì mới được săm-sắn khỏe mạnh con người chứ. Ăn dưng ngồi rồi, dầu có béo cũng là trẻ, mà gầy thì lại càng ẻo-lả bấy-bớt, không có tinh-thần khỏe mạnh. Con đừng học lối những gái nhà phú-quí kiểu-dưỡng, một bước ra ngoài một bước xe, trong nhà hơi một việc gì cũng vủ già, đầy tớ đỡ

chân đỡ tay ; hồ cất nhắc chút gì nặng đến thân là sái gân, mỏi vương, có ai con gái đương độ trẻ-trung mà lại hư thân như thế không ? Tưởng thế là sung-sướng, có biết đâu ngồi rồi là thuốc độc ! Chẳng những sự lười biếng đã hại sức khỏe, hại tinh-thần, mà lại hư thân, hư nết nữa. Đương tuổi con bây giờ chính là thời-kỳ phải học ăn, học làm, một là tập chỏ thạo công việc, hai là luyện tinh-thần, nuôi sức khỏe, ba là giúp đỡ cha mẹ. Cứ như thế, đáng lẽ việc gì con cũng phải chịu khó tự mình làm lấy mới phải. Mẹ không hiểu sao mà con lười quá như vậy. Hay con chắc rằng : con là gái nhà giàu có sang-trọng, mai sau thế nào cũng lấy được chồng làm nên, có bấc có dầu chán vạn người khéo, đầy tớ sẵn, mình không cần phải biết việc gì cả. Con ạ, con đừng vội tưởng thế, có tiền nuôi đầy tớ mà khó đấy. Mình có biết công biết việc, mới sai bảo nổi nó ; mình u-mờ không biết gì, chẳng những tôi-tớ nó nhờn, khinh thầm mình là bà chủ nhà không đủ tư-cách, mà việc nhà cũng không chạy nữa. Lại còn một lẽ thứ hai : con mà hư lười không biết làm ăn lo liệu gì, thì dẫu có lấy được chồng tử-tế, mình không đủ tài-năng cáng-đáng nổi việc nhà người ta, chỉ cứ ra ngẩm vào vuốt, không nên cung-cách gì thì chồng có ngày cũng phải chán vợ, ái-ân đềnh-đoảng xem thường xem khinh ngay. Những cảnh gia-đình tan nát vì người vợ không đảm-đang cũng nhiều. Vậy con phải chịu khó tập cho quen tính siêng-năng đi, đừng để cái lười nó làm cho mình hóa ra con người hư đoảng.

Đàn bà cần nhất là khâu-vá phải giỏi, nấu-nướng phải sành. Còn gì đoảng hơn là con gái mà không biết vá may nữa ! Con từ ngày đi học đến giờ, mẹ tưởng may vá giỏi thế nào, chẳng ngờ chỉ khéo tỉ-mỉ những cái lặt-vặt, nào đan « đăng-ten », túi đồng-hồ, thêu mặt gối, rút « mùi-soa », mà đến quần áo cần dùng của mình thì không biết mảy-may gì cả ; chăn màn, nệm gối, quần áo đàn ông đàn bà, người lớn trẻ con, đơn mền lạa vải những sự may-vá cần dùng trong một gia-đình người An-Nam, con là gái Việt-Nam phải thuộc hết, cắt được may được, mới gọi là khéo. Mẹ xem con chỉ kim đã vụng, đến việc bếp nước lại càng đoảng. Con không chịu săn-sóc gì đến bữa cơm cả, như thế thì bao giờ cho biết nấu được món ăn ? Con đừng nghĩ nấu ăn là dễ mà coi thường. Cơm giẻo, canh ngọt, luộc được cái rau cho xanh, bát nước dầm cho trong, quả cà không thâm, dĩa dưa không khứ, cũng là khó đấy. Phàm việc gì cũng thế, chính mình phải chịu khó mó tay vào làm, thì rồi mới biết được. Nhất là bánh mứt đồ nước, cùng các thức đồ nấu đồ sào, sơn-hào hải-vị càng làm qua nhiều lần, càng thêm thạo thêm khéo. Con ạ, đàn bà con gái mà vụng lẹp, thì thực là một điều đáng thẹn lắm. Mẹ mỗi khi đến ăn cơm nhà ai, thấy cỗ bàn sang, mà món ăn nấu vụng, hoặc mâm bát không sạch sẽ, hay đồ ăn cơm lẫn sạn, rau lẫn tóc, thời trong ý cũng chê thầm : nhà ấy đàn bà kém. Vậy thời, một sự bếp nước là rất cần, phàm là người đàn bà có tư-cách, biết bổn-phận mình, đều không thể coi thường bỏ qua được. Con đừng nghĩ rằng : thì buổi này có tiền nuôi bếp là được ăn ngon, mình khéo vụng không cần gì. Phải rồi ! Cứ như đàn bà văn-minh ngày nay : bà tham, bà phán, bà đốc, bà giáo, chồng ngoại trăm bạc lương, làm gì không nuôi nổi bếp ? Vì thế nhiều bà ỷ rằng có bếp, nên không thiết gì đến việc điều-canh, thậm-chí có người tháng ngày chỉ biết quân bài, cả năm không bước chân đến cửa bếp, chồng con ăn uống thế nào xong thì thôi, miễn cứ quăng tiền cho bếp, ngày hai bữa bưng mâm lên là được. Con thấy cái cảnh những gia-đình đàn-

bà thế ấy, hẳn cho là phong-lưu chăng? Mẹ bảo đàn bà ấy là nhục đấy con ạ. Dẫu mất tiền nuôi bếp nữa, nó cũng khỉnh, mà chưa chắc nó đã cho ăn ngon. Muốn được bữa cơm ngon và sạch-sẽ, phí có tay có mắt mình vào là không xong. Vả chính mình có chịu đi chợ mua bán, về lại trông nom qua bữa ăn, thì mới cần-kiệm được, hột muối rơi vãi, giọt nước mắm phí-phào, là hại của mình rồi. Nuôi bếp chỉ nên coi như có để đỡ nóng tay, chứ mọi việc phó-thác cả cho nó thế nào được. Chẳng những trong hạng làm bếp, ít kẻ thực-thà, giao tiền chợ nó đã bớt đầu bớt đuôi mà thôi; cơm nhà chúa mùa tối ngày, đờ-ơ đờ-ẩi, làm ít chơi nhiều, lại thêm ăn chài bỏ vãi, công việc bếp đã chắc đâu nó cẩn-thận hàn-gắn cho mình, vén tay áo sô đốt nhà táng giấy, những hạng ấy nó xót gì của chủ. Mình có của không biết trông nom là mình thiệt. Mẹ nói qua như thế, con đủ hiểu, việc cửa nhà bếp nước là việc cốt-yếu của đàn-bà. Bổn-phận bắt buộc đàn bà con gái ai cũng phải sành việc nội-trợ, người nào không đảm là hư, không thể viện lẽ mình tài cao học rộng mà bỏ qua được. Càng có học, càng có tài, lại càng phải lo việc bổn-phận của mình nhiều.

Con đừng cậy con có chút tài riêng biết văn-chương, sành âm-nhạc, là sau này đủ khiến chồng phải yêu quí, các phần việc khác của đàn-bà không cần phải biết cũng được. Ấy gái đời nay, mẹ thấy phần nhiều người vọc-vạch chút tài-hoa, vẫn hay hợm mình thế đó. Song con có biết không: đàn ông đến cái thú phong-nhã, thì ai cũng yêu người bạn gái thơ hay, đàn giỏi. Nhưng đến vợ, thì phàm làm trai ai cũng ước được người nết-na thủy-mị, khéo chiều chồng nuôi con, tài thu-vén cửa nhà, đảm gánh vác giang-sơn, để chia cái gánh nặng trăm năm với mình. Đến như cầm-thi, may được người vợ có tài ra, thời bất-quá cũng chỉ là một thú tiêu-khiển cùng nhau những buổi trăng trong gió mát, rảnh việc gia-đình mà thôi. Nửa ngày chưa cơm, hẳn ông chồng tốt nhịn đến đâu, cũng không thể cứ ngồi suông mà nghe vợ ngâm thơ gảy đàn được. Đành rằng văn-chương là nghề chơi cao-thượng, âm-nhạc là món tiêu-khiển phong-nhã, đàn bà con gái biết cũng hay lắm. Nhưng người con gái không nên cậy ngón tài-hoa mảnh, mà hờ-hững việc bổn-phận mình.

Làm gái, còn một điều nữa rất cần phải giữ-gìn, tức là mối ái-tình nam-nữ vậy. Con phải giữ mình làm sao cho trong sạch, đừng có những điều tình-tứ lôi-thôi bên ngoài, vừa dơ đục đời mình, vừa mang tiếng xấu đến cha mẹ.

Thường thấy con gái ngày nay hơi biết chữ, viết nổi bức thư là thư từ nhân-tình, nhân-ngãi không ra gì ngay. Nhiều con nhà khuê các, tuổi xuân hơ-hớ, cha mẹ chưa hứa-hôn cho ai, mà tự mình cách buồng đào ngầm giao tin-tức, để nay thư mai giấy hẹn hò ân-ái, trai này, trai nọ. Con gái như thế thực là hư quá! Có phải làm gái không cần đến mối manh cha mẹ, cứ thư giấy mà lấy được chồng tử tế đâu. Những hạng gái nhẹ dạ chẳng qua chỉ hư đời mà thôi. Trai nào thấy gái chẳng ước-ao, nhưng ước-ao không được thì giá người con gái kia mới là cao, là quí. Nếu để phong thư trăng gió lọt tay, tin đi mối lại, thề ân-ái, nguyện đồng-tâm rồi trong Dâu trên Bộc nhởm-nhỡ tấm thân, thì bụng trai nó cũng khỉnh thầm, mười phần rẻ-rúng nhau ngay cả mười, coi như chuyện bên vườn gặp đóa hoa ngon mắt, cợt ghẹo mà chơi, chứ tình riêng, dẫu kẻ sĩ đến đâu, cũng không khi nào lại lấy người con gái

sớm-sỡ mình đã ghẹo được lấy về làm vợ, tại nhân tắc ái kỳ duyệt ngã, qui ngã tắc ái kỳ mạ nhân, 任人則愛其悅我。歸我則愛其罵人。*tính đàn ông ai cũng thế cả, con nên lấy đấy mà suy, đừng có nhẹ dạ, một bước lỡ-làng muôn đời đề hận ; ngọc đã có vết không mong gì chuốt được sạch nữa. Những kẻ không biết giữ mình, để đến nỗi hoa trên ngành hóa thân tiều-tụy, thẹn-thùng son phấn, làm-lỡ một đời, đã nhục thân mình, lại bêu-diếu đến cha mẹ, thật cũng đáng tiếc cho.*

Phần nhiều những gái được theo đòi nghiên bút, võ-vẽ văn-chương lại hay bị lừa vì những bức thư hoa-mĩ tả-tình, những câu Kiều *lấy. Nào là gợi tình :*

Người đâu gặp-gỡ làm chi,
Trăm năm biết có duyên gì hay không.
Từ phen đá biết tuổi vàng,
Tình càng thấm-thía, dạ càng ngẩn-ngơ.

Nào là thề giới :

Khuôn thiêng dù phụ tấc thành,
Cũng liều bỏ quá xuân-xanh một đời.

Nào là chung-tình hão :

Dẫu rằng sông cạn đá mòn,
Con tằm đến thác cũng còn vương tơ...

Đọc những câu Kiều *ấy, lại nghe những giọng thư tình não-nuột, gái nhẹ dạ làm gì chẳng siêu lòng, tưởng kẻ viết thư kia là tri kỷ chung-tình lắm, nào có biết đâu cái xảo-thuật quyến oanh rủ yến của bọn trai chim gái đời nay, chỉ toàn trong những câu văn-chương sáo ấy cả. Mẹ nói rõ hẳn như thế, để con biết mà giữ mình, con có thân thì phải lo, cha mẹ không thể lúc nào cũng kèm bên con được. Con ơi, nếu con không giữ mình được trong sạch, tấm thân làm dục, vì dù mai sau có gặp người chồng trung-hậu thực-thà, trong âu-yếm, chồng vô-tình không ngờ đến điều lỗi của mình nữa, nhưng vẽ phần danh-tiết, đối với lương-tâm cũng hối-hận suốt đời, mà trong chăn gối cũng thẹn thầm với bạn. Con đừng có tưởng mập-mờ che lỗi, giấu được sự xấu của mình, không ai biết là đành lòng đâu. Làm trai thả rằng lấy gái góa, chứ không ai cam lấy vợ thất-trinh ; nếu điều kín của mình có một ngày lộ ra, người chồng biết được, thời dẫu mười con cũng chán nhau. Mẹ dạy con đến thế là cặn-kẽ hết lời. Con chớ có coi thường lời mẹ.*

Khuyên con ăn khuyên con làm, chỉ vẽ cho con điều hơn lẽ thiệt, là lòng mẹ mong cho con khá. Con đừng có nghĩ rằng : thời buổi này là thời buổi văn-minh, gái Đông-phương hầu hết sắp theo Âu theo Mĩ, mà mẹ còn giữ lối cổ, đem cái giáo-dục gia-đình cũ để kiềm-chế con. Con ơi, sinh giữa buổi ô-tô, xe lửa, tầu bay, tầu ngầm này, những chuyện thế giới văn-minh, mẹ cũng biết lắm. Nữ-lưu các nước : nào nữ-y-sĩ, nữ-văn-sĩ, thôi thì đủ mặt, nào người đương chức ngoại-giao, người tham chính-sự, trong sĩ, nông, công, thương đều rạng vẻ mà hồng, bậc thang văn-minh bóng xiêm-y nay đã rực-rỡ muôn phần khác xưa. Trông người lại ngẫm đến ta mà thẹn thùng. Mẹ có đâu lại không mong cho con cũng được như người. Nếu tài-đức con có thể tới được những bậc ấy, mẹ lại càng mừng lắm, được như thế, chẳng những đã vẻ-vang cho con, vẻ-vang cho cha mẹ, mà lại vẻ-vang cho cả nước nhà nữa, mẹ thật hi-vọng lắm thay, con ạ. Ước cho con nên một đóa danh-hoa trong vườn Hồng-Lạc giữa thế-kỷ thứ hai-mươi này, là điều kỳ-vọng của mẹ đó. Vậy thì con liệu sức con, có thể bay nhảy thi-thố với đời được đến thế nào, mẹ cũng chiều. Nhưng mẹ chỉ khuyên con có một điều : dù con muốn đặt mình vào địa-vị nào sau này mặc lòng, song bao giờ con cũng phải xử

cho trọn cái bổn-phận làm vợ, làm mẹ, làm người nội-tướng giỏi-giang của cái gia-đình đã ủy-thác cho con, thì con mới xứng-đáng làm gái Nam-Việt. Muốn như thế, trước hết con phải lấy gia-đình giáo-dục làm cốt, và phải luyện dần tài-năng đức-hạnh của mình, thì rồi mới hoàn-toàn nhân-cách được. Mẹ ngày đêm không dám trễ-nải việc dạy bảo con, là mẹ lo rằng : con ngày nay đương thời-kỳ phải cần uốn-nắn, còn ở với cha mẹ mà không được sự dạy bảo tốt, thì một mai ra đời, dầu có tài nữa, cũng không khỏi là con người hữu-tài vô-hạnh. Thật thế đấy, con ạ, hầu hết những người hữu-tài vô-hạnh trong xã-hội, đều là hạng người thất-giáo ở chốn gia-đình cả. Thế thì con được cha mẹ dạy bảo là may, chớ có lấy những điều mẹ bắt nạ bắt nết con làm khó chịu. Song nói đây, chẳng qua thấy con là gái nhiều điều hư kém, nên mẹ cũng là ràn bảo qua loa, để con biết mà sửa đổi dần, điều lỗi bỏ đi, điều hay bắt-chước. Chứ luận đến gia-đình giáo-dục, thì dẫu từ điều nhỏ nhặt lắm-thường cũng phải chú-ý đến, không phải chỉ trong tóm-tắt mấy câu mẹ dạy con đây mà đủ được.

Dẫu sao nữa, con ơi, kiếp sinh con người ta chỉ có một, thì đời làm gái cũng không thể có hai lần, ta mà để tấm thân đến hư hỏng, ấy là uổng phí một đời đó, nghìn vàng dễ có, tấm thân lỡ rồi, không mong gì còn chuộc lại được. Con nếu biết yêu quí đời mình, thì phải nên tự-trọng, đừng để đến thân rẻ-rúng ra đời bỏ đi. Cũng thì làm gái, có người đẹp người đẹp nết, giá cao như ngọc ; có kẻ hư thân, đoảng nết, đời rẻ như bùn. Song ngọc hay bùn đều tự mình cả, con nên ngẫm-nghĩ sâu-xa lời mẹ...

VÂN-HƯƠNG nữ-sĩ

THANH-BẠCH TIÊN-SINH TRUYỆN

Ngày nay phái quan-trường cầu được người chính sự giỏi thời dễ, cầu được người thanh-liêm thời rất khó, vì đã đứng vào vòng danh-lợi, ai là không chuộng cách sang-trọng, ai là không muốn vẻ xa-hoa, người ta sa-hoa mà mình đạm-bạc thời người ta cười là phường keo, người ta sang-trọng mà mình hà-tiện thời người ta cười là phường hủ; có ở trong vòng ấy thời mới hiểu được thế-tình như vậy. Nào vợ con sầm-sửa, nào thầy tớ nghênh-ngang, nào thủ-từng thượng-quan, nào khoản-đãi tân-khách, trăm món, món gì cũng nhằm vào việc quan, việc quan sẵn đó mà việc tiêu đã đến nơi, dù có muốn thanh-liêm, cũng không thể thanh-liêm được. Bởi thế cái thói tham-ô thành ra chứng truyền-nhiễm làm hại lẫy cho nhau, chưa biết lấy thuốc gì mà chữa cho khỏi được, thực cũng đáng nên phàn-nàn lắm thay!

Tôi thường hâm-mộ những bậc thanh-liêm đời trước, như ông Trần Kiến 陳見 nhà Trần, ông Ngô Tuấn-Kiệt 吳俊傑 nhà Lê, còn ghi trong sử sách, nhưng cổ-nhân ảnh-hưởng đã xa, sự hành-động khiến cho người ta cảm-khích cũng rất khó, không bằng lấy những bậc thanh-liêm mới gần đây vẫn còn phảng phất ở bên tai trước mắt có phần dễ cảm-khích được lòng người ta.

Triều vua Tự-đức ông Đặng Đức-Địch là một bậc thanh liêm có danh tiếng ở nước ta vậy. Danh-khoa hiển-hoạn, sự-nghiệp không kém gì cổ-nhân, chủ-khảo trường thi, kén chọn nhiều người danh sĩ, giám-sát khoa đạo, tham-hặc những bọn quyền-thần, quyên tiền giúp nạn, người Tàu cũng tụng phúc-tính; phát thóc chẩn-bần, dân hạt đều ca sinh-phật; khi tại-quan vẫn có bổng-lộc mà tài quan cũng không thừa, khi về hưu cũng thường thiếu tiêu, mà hưu-bổng cũng không lĩnh, trong ngoài lịch-lị hơn 30 năm, quan đến nhất-phẩm thế mà vẫn giữ lối học trò, quần vải áo nâu, ăn mặc rất là tiết-kiệm.

Xem thế biết hai chữ cần-kiệm chính là bài thuốc chữa chứng tham-ô, rất có công-hiệu. Vậy xin đăng truyện này để cống-hiến chư-độc-giả.

⁂

Thanh-bạch tiên-sinh người họ Đặng 鄧, húy là Địch 迪, tên tự là Cửu-tuân 九恂, hiệu là Ngôi-phong 嵬峯, đời viễn-tổ vốn là họ Trần, ở huyện Chương-đức. Triều nhà Lê niên-hiệu Khánh-thụy, người Trần Tôn tự xưng con cháu nhà Trần, nổi loạn hãm đánh Kinh-sư, vua Lê đem quân đánh được Trần Tôn, họ Trần sợ vạ lây mới đổi làm họ Đặng. Có một chi là Đặng Chính-Pháp đem gia-quyến dời xuống ở trang Hành-cung (thuộc huyện Giao-thủy tỉnh Nam-định); trang Hành-cung gần xã Ngọc-cục có vườn kim-quất, vua nhà Trần thường ngự đến chơi, nhân gọi tên là Hành-cung. Đến triều Lê Cảnh-hưng, sông Nhĩ-hà lở, phải dời xuống ở gần bến Mang-Rô. Triều vua Minh-mệnh năm thứ tư mới đổi tên Hành-cung gọi là Hành-thiện. Kiểu đất làng hình con cá chép, chung quanh có sông, đằng trước có một khoảng đất vuông hình như cái nghiên, đằng sau có miếng đất dài như cái bút,

thật là một nơi hình-thắng, nên sinh ra nhiều người tuấn-tú, đương lúc triều-đình trọng khoa-cử, khoa-hoạn cũng nhiều, đến nay đổi sang tân-học, thời phái thiếu-niên học-hành tấn-tới không kém gì các nơi, nên ngạn-ngữ có câu « Xứ Đông Cồ-am, xứ Nam Hành-thiện. »

Đương triều vua Gia-long năm thứ mười-lăm (tây-lịch năm 1817), ông mới giáng-sinh, diện-mạo khôi-ngô, hình-dung cao lớn, thiên-đình rộng-rãi, địa-các nở-nang, tai có thành-quách, sống mũi cao và đỏ như quả cam sành vậy ; tính nết trì-trọng, không hay nói không hay cười, còn ít tuổi đã có khí-khái người lớn, Cha là Đức-Tú, mẹ là Thị-Huỳnh vốn người nhân-hậu, trọng việc nho-học, các người văn-học đến chơi nhà, khoản-đãi tử-tế, thấy học-trò nghèo sẵn lòng chu-cấp, mất bao nhiêu cũng không tiếc.

Ông Đức-Tú trước vẫn theo nghề thi-cử, triều vua Gia-long năm thứ năm, gặp khoa thi, theo lên tỉnh học quan Hoàng-giáp Thở, có chỉ quyết-khoa, không may thân-phụ tạ-thế không đi thi, đến năm đinh-hợi thứ tám, Phan Bá Vành nổi loạn đóng quân ở làng Trà-lũ, gần làng nhà ông, ngày đêm cùng với huynh-thứ đốc-suất dân-phu ra hãn-ngự địa-đầu, sau giặc kéo vào làng, huynh-thứ chưa kịp lên tỉnh báo quan, quan có ý ngờ cho làng mình thông-phỉ, toan về tàn-phá, huynh-thứ lo sợ, cử chín người lên tỉnh kêu quan, quan liền đem chém cả chín người ; ông Đức-Tú nhân trong làng nhiễu-nhương như vậy, bèn bỏ nghề học.

Phan Bá-Vành người làng Minh-giáng huyện Vũ-tiên, Vành sinh ra tay dài đến đầu gối, khéo nghề bắn, có sức khỏe, phóng giáo đâm người xa hơn trăm bước không sai người nào, trước đi theo giặc ở Hải-dương, giỏi việc chiến-trận, trong quân có câu : « Vua Câu chúa Mẫn tướng Ba-Vành », lại có câu phong-dao : « Trên trời có ông sao tua, ở làng Nguyệt-giám có vua Ba-Vành » Khi ấy Vành ở Hải-dương, bị quan-quân đánh thua, chạy về Nam, gặp Vũ Đức-Cát trước làm trấn-thủ ở cửa Ba-lạt, bị phải cách-chức, có ý thù với triều-đình, bèn mưu với Vành dấy loạn ; lại nhân có tên Ba-Hằm đem mán thổ ở Thanh-hóa ra ba nghìn người đều là tay giỏi bắn, cùng hợp với Vành tìm một đảng, tự đấy Ba-Vành vũ-dực ngày càng mạnh thêm, bèn suất bộ-thuộc là lũ người Văn người Thước người Đáng, kéo đến đánh phủ Kiến-xương, giết quan trấn-thủ Sơn-nam là Lê Mậu-Cúc, chánh-lãnh-binh là Nguyễn Văn-Thinh, giữ làng Trà-lũ, đất Phú-nhai làm sào-huyệt, dân chỗ ấy bị quân Ba-Vành đốt phá, nhân có câu : « Ai sinh ra giặc Ba-Vành, ba thôn Trà-lũ tan-tành ra tro. » Triều-đình nghe tin cáo-cấp, lấy làm lo sợ, sai ông Phạm Văn-Lý làm Thống-lĩnh, ông Nguyễn Công-Trứ chức Tham-tán-quân-vụ, và Thủy-quân đô-thống là Phan-Bá-Hùng đem quân đi thuyền triệt cửa Hà-lạn, rồi chia các đạo để giữ các đồn ; quân Ba-Vành bấy giờ không có lối tiến-thoái, đêm sai quân-sĩ đào sông từ làng Trà-lũ qua làng Lạc-nghiệp đến sông Ngô-đồng kể dài hơn trăm trượng, một đêm đào xong, chực mưu kéo quân ra ngoài bể, nhưng vì nước cạn thuyền không đi được, quan-quân thừa cơ mới kéo quân vây bắt quân Ba-Vành được hơn bảy trăm người, lúc ấy Ba-Vành phải đạn bị thương, chạy ẩn ở bãi cỏ bên sông Ngô-đồng. Sau có Lê Tuấn là Cai-tổng ở tổng Hoành-nha do-thám bắt được Ba-Vành bỏ cũi giải lên tỉnh, mới đi đến làng Đồng-phú (thuộc huyện Thượng-nguyên tỉnh Nam-định), Ba-Vành cắn lưỡi chết, các quan truyền đem phân thây bêu đầu đưa các chợ để mọi người xem.

Tự bấy giờ lo nghĩ quá sức mới sinh ra bệnh khái - thấu, gọi ông Địch bảo rằng : « tiền-nhân tích-đức, đến ta ngày nay cũng muốn công danh hiển-đạt để cho chúng con theo đòi, nhưng vì thời-thế như vậy, ta bệnh-chứng lại như thế này, tinh-thần lao-quyện, không có thể theo việc trường-ốc được, vậy con nên cố chí học-hành để trả nợ lều chiếu cho ta, thời ta mới được yên dạ »

Ông Địch vâng lời, từ đấy kinh-sử dùi-mài, sớm khuya không lúc nào dời quyển sách, trên nhờ có cha đôn-đốc, sau nhờ có thầy ở trong nhà rèn-cặp dạy bảo, bấy giờ chữ nghĩa một ngày một tinh-thông. Nhân nghe tiếng trong làng có ông Nguyễn Bá-Huống giáo-thụ phủ Thừa mới về hưu, cũng là bậc văn-chương mô-phạm, nhân gặp dịp ngài mở trường dạy học, bèn xin vào nhập - môn. Ngài thấy người học được, có lòng yêu mến, thường bảo rằng : «Nhà ngươi có phúc, may ra sau này cũng được đại-thành.» Ngài có một người con gái trưởng kén chồng tên là Nguyễn Thị-Bình, ngài định gả cho làm vợ, đến năm 19 tuổi làm lễ hôn. Ông bấy giờ văn-phòng đã có nội-trợ, phụng - dưỡng nghiêm-đường, thuốc thang chầu-chực, có người giúp đỡ cho, mình mới yên lòng học-tập. Cách năm sau cha mất, tấm lòng thương nhớ, nghĩ rằng công cha như núi Thái-sơn, chưa từng báo bổ, nay còn mẹ già, lại gặp cơn đen vận túng, biết lấy gì mà nuôi mẹ, lấy gì mà ăn đi học, cái tình-cảnh gian-truân như vậy, dưới cửu-tuyền cha có biết cho không ? Đầu tang tóc rối, gia - sự phân-mang, đèn sách ra chừng chểnh-mảng.

Mẹ khuyên rằng : « Số cha đã đành vậy, dẫu thương tiếc cũng không được, nay em còn dại, trông cậy có con là khôn lớn để ta nhờ, tuy nhà không có, nhưng ta cũng có thể vay tạm, vận lương cho con đi học, con đừng ngại chi ». Ông gạt hai hàng nước mắt thưa rằng: « Bẩm lạy mẹ, con xin vâng lời, nhưng nay học ở nhà không bao giờ tấn-tới, vả nhạc-đường hiện nay nhà giả tuổi lão, dạy không được chăn, vậy con xin phép mẹ để con đi tìm thầy học.» Mẹ hỏi : « Đi tìm thầy ở đâu ?» — « Bẩm con nghe có quan nghè làng Nguyệt-áng, mỹ-hiệu ngài là Lưu-Dũ, thiết-trường ở làng La-xá, học trò danh-sĩ đến học cũng đông, xin mẹ yên lòng cho con đến đấy học tập, may trời trông lại, để mẹ được cập-kiến, chả là hạnh-phúc lắm dư ? » Bèn các-biệt, đến làng La-xá học.

Học được hai tháng bỗng có tin ở nhà mẹ yếu, vội vàng xin phép thầy về quê thăm mẹ, mẹ phải chứng hàn-thấp uống thuốc không khỏi, nghe chỗ nào có danh-sư cũng thân-hành đón thầy về nhà điều-trị, hơn một năm mới khỏi. Lúc ấy việc nhà việc cửa, và phụng-dưỡng mẹ già, giao một tay nội-trợ quản-cố, bèn theo học quan Phạm Nghị (đỗ tiến-sĩ) ở làng Tam-đăng, khoa ấy ông đỗ tú-tài, nhân nhà nghèo, ở nhà không đủ chi-độ, tìm đến thành Vĩ-xuyên (tỉnh Nam-định) ngồi tư-lương để tiện nơi học-tập.

Năm mậu-thân Tự-đức năm đầu, gặp Ân-khoa đỗ cử-nhân, tới tháng giêng vào Kinh thi hội, đỗ phó-trúng-cách, đưa tin về nhà, bà phu-nhân nửa mừng, nửa lo, lo vì nhà nghèo lấy tiền đâu mà khao-vọng, may nhờ được họ-đương nội ngoại, sẵn lòng giúp đỡ, tiệc vinh-qui cũng được chu-tất.

Bà thái-phu-nhân tính hiền-hậu, nết đoan-trang, 15 tuổi đã đi gánh vác việc nhà chồng, coi sóc việc nhà rất là cần-kiệm, phụng-sự tổ-tiên rất là thành-kính, xử với họ-hàng rất là hòa-nhã ôn-tồn, vận nhà gặp buổi gian-truân, một mình lo ngược lo xuôi, không có quản-ngại gì cả, có nghề buôn tơ lụa cũng được phát-tài, chỉ vì thực-thà, gặp tay buôn

hùm bán quỉ, bị nó lừa-đảo mất cả vốn, đến nỗi bấn-túng, đến nỗi phải đợ ruộng bán nương, vay công lĩnh nợ, để cho con đi học, may mà trời cũng đền công, ông đỗ đại-khoa, em đỗ tú-tài, thế mới biết sách có chữ: *Hoàng-thiên bất phụ hảo tâm nhân*, là lẽ thế vậy.

Khi về khai-hạ xong, được năm tháng có chiếu đòi vào Kinh, thưởng-thụ Hàn-lâm kiểm-thảo, sắp ra sơ-khảo trường Thừa-thiên và trường Hà-nội. Chấm trường xong, sắp được thăng-thụ tri-huyện, đợi khuyết sẽ bổ. Lệ xưa được bổ ngay, nhưng ông không có ý cầu-cạnh, ba năm mới bổ tri-huyện Hàm-yên.

Khi đề-ly, sai người về đón bà thái-phu-nhân ra huyện, để tiện thần-hôn. Huyện ấy phần nhiều thổ mán, ít việc quan, việc tạp-tụng chỉ khẩu-phân khẩu-xử, không có phiền dân, duy tuế-thời ai có đưa gì thời lấy, còn việc quan thời không có lấy gì của ai. Lúc tại quan ăn mặc tiết-kiệm cũng như lúc đi học vậy, lương-bổng còn thừa được hơn trăm quan tiền, mua tre gỗ sửa từ-đường, chứ không có xa-phí chút nào cả.

Ở huyện hơn ba năm có chiếu thăng chức đốc-học tỉnh Bình-định, không bao lâu cải-bổ chức giám-sát ngự-sử đạo Sơn-tây Hưng-hóa Tuyên-quang. Khi tại-chức nhân việc điều-trần không hợp ý vua, châu-phê phạt bổng một năm, và nhân việc tham-hặc đình-thần phải giáng nhất cấp-điệu, đến năm tân-hợi sung chức kinh-duyên-khởi-cư-chú, rồi sắc ra phân-khảo trường Nghệ-an, việc trường-vụ thanh-thỏa cáo về quê thăm mẹ. Lúc ấy tự nghĩ rằng:

Ơn hội-ngộ đức cù-lao,
Chữ trung chữ hiếu chữ nào nặng hơn.
Mẹ già tóc điểm hơi sương,
Công-danh đã vậy lỗi đường thần-hôn.
Đường mây muôn dặm bước chồn,
Nghĩ sao hiếu-đạo cho tròn thủy-chung.

Nhân thác cớ có bệnh xin ở nhà điều-dưỡng, và nuôi mẹ già, nghỉ quan không có bổng-lộc, thiếu ăn thiếu tiêu, nhân gặp được quan Tổng-đốc bản-tỉnh là ông Đào Vi-Phú (người Phú-an) là người quân-chủ quen biết đã lâu, có lòng chu-cấp cực là tử-tế; sau nhân có thế-lực xuất người trong họ và thực-hộ khách-hộ đứng trưng một cánh ruộng ở tổng Hà-cát hơn bốn nghìn mẫu, bộ y cho được phép trưng, bèn cùng các điền-hộ đắp đê ngự-hàm, để cấy lúa trồng cói, không ngờ năm ấy gặp kỳ hạ-tấn, nước to gió lớn, sóng vỗ vỡ mất cả đê, phí mất đến hơn vạn quan tiền, không được lợi gì, mà phải nộp thuế cống, người tùy-khẩn ai cũng chán-nản, thành ra cái ruộng ấy phải chịu bỏ hoang. Không may gặp phải hồi đen bà thái-phu-nhân lại qui-tiên nữa. Bấy giờ gia-kế ngày thêm quẫn-bách, nhà nho giở nghề gì cũng khó có lợi, làm quan thời bị giáng, làm ruộng thì mất mùa, thà rằng ta lại cầy bằng bút, cấy bằng lưỡi, có phần lợi cho mình và lợi cả cho người, bèn thiết-trường ở làng Trà-lũ, tuế-bổng mỗi năm làng ấy tặng được năm trăm quan tiền. Ngồi được ba năm đến tháng mười năm quí-dậu, đương triều vua Tự-đức thứ ba mươi sáu, đương ngồi dạy học nghe tin nước Pháp đem quân đánh thành Nam-định, rỏn cả tóc gáy, bèn thu sách-vở, tìm nơi lánh nạn, để đợi xem cơ-cục thế nào.

Cách được một tháng tỉnh-thành cử ông sung chức Thương-biện tỉnh-vụ, ông cố từ, tỉnh-thần tâu rằng tỉnh-vụ phân phồn, viên ấy cáo bệnh không dường nổi, nay chức đốc-học khuyết, xin cử viên ấy sung vào chức ấy, ông bất-đắc-dĩ phải tựu chức cho khỏi ngoại-nghị.

Ông tại-chức bốn năm dạy học được hơn ba trăm người, phàm những văn-

chương phủ bạc, nhất thiết đánh hỏng, kỳ hạch kỳ khóa, giữ mực công-bằng, không có thiên-vị ai, cho nên sĩ-phu tín-phục, tỉnh-thần ai cũng trọng.

Đoạn rồi bạn học là ông Phạm Thận-Duật đương chức Khâm-sai kinh-lý hà-đê sớ rằng: « Viên đốc-học, phẩm-hạnh thuần-chính, thông-đạt thời-vụ, lại hay vì Triều-đình giữ phép công, không có chút gì tư-tuẫn, khi trước thí-chính ở huyện Hàm-yên, có tiếng tuần-lương, sau sung chức Ngự-sử Tập-hiền, đều hay xứng chức, có tài chính-sự, khả kham được chức Á-khanh duy phẩm-hàm còn thấp, quan trong thời đáng bổ biện-lý bộ Lại, bộ Hình, quan ngoài thì đáng bổ Án-sát tỉnh lớn ». Sớ vào Bộ, vua sắc hỏi: « Cớ gì cáo bệnh đã lâu, hiện nay bệnh-tình thế nào, phải phúc-tấu ngay để trẫm biết ». Tâu rằng: « Mười năm nay có chứng đau chân, điều dưỡng chưa khỏi, tỉnh thần cử cho chức đốc-học, miễn-cưỡng phải ra, đến nay tuổi đã ngoài 60, nhờ ơn Thánh thượng cho được yên nghỉ chốn điền-viên, tiểu-thần đội ơn muôn tạ ». Chiếu không cho, đòi vào Kinh, sung chức sử-quán toản-tu.

Ông vâng chiếu vào Kinh sung chức. Trước thì sử-quán sách vở đôi-tích, không có trật-tự, từ khi ông đến, một tay xếp-đặt đều được chỉnh-đốn cả, vua ban khen, châu-phê cải-bổ biện-lý bộ Lại.

Tháng giêng năm ấy chiếu ra Phó chủ khảo trường Hà-nội, trường-vụ xong, chiếu sung chức Phó-chủ-khảo trường thi võ, đều được thanh-thỏa, mông ơn phong-tặng, ông tâu xin về quán làm phần-hoàng, sĩ-phu ai cũng lấy làm vinh-hạnh, nhưng ông vẫn thường lo sợ, tự nghĩ tiền-nhân lũy-công tích-đức mới có ngày nay, bể hoạn ba-đào biết đâu là bờ bến, nghĩ sao bảo-toàn chung-thủy, để khỏi phụ công đức của tiền-nhân, nay ơn được phong-tặng, cũng được hạnh-phúc cho mình, còn dám xa-vọng gì nữa, nhân biện lễ tam-sinh cáo-yết gia-từ, mời thân-thích tân-bằng, gọi là chén rượu xuông, chứ không dám bày vẽ xa-hoa gì cả.

Xong rồi vào Bộ cung-chức, không bao lâu cải-bổ Hình-bộ Thị-lang, xét việc án kiện, cứ lẽ công-bằng, dẫu quyền-quí cũng không có a-vị. Nhân bấy giờ tỉnh Phú-yên có việc dân kiện quan Bố-chính là Đinh Nhã-Quang, về sự tham tang mười hai lạng bạc, việc kiện ấy gian-thác, tỉnh-thần xét mãi chưa ra, ông vâng mệnh khâm-sai đến tỉnh ấy hội-đồng tra xét, đưa nguyên-khống xin thú tội, ai cũng lấy làm phục-tình.

Năm Tự-đức thứ ba-mươi-nhăm, sung chức đồng-lý, thanh-tra nội-vụ, kế thăng chức Tuần-phủ Quảng-nghĩa, Quảng-nam. Tỉnh ấy trời làm đại hạn mất mùa, dân-tình cat-cứ, ông quyên được một vạn quan tiền trợ-cấp cho dân; lại nhân khi gió bão, các thuyền buôn ở tỉnh Quảng-đông qua nước Xiêm-la nhân bị bạt-phong trôi vào cửa Quảng-bình hơn bốn trăm người, tỉnh-thần Quảng-bình giao về phủ Thừa-thiên. Vua sắc giao cho tỉnh-thần Quảng-nam phải nhận hơn bốn trăm người ấy mà cấp-dưỡng, đợi bao giờ có thuyền đáp sẽ đưa về Tàu.

Ông tâu xin trích lấy thóc kho hai trăm phương và năm-trăm-ba-mươi-nhân quan để chu-cấp và hiểu-dụ các người Bang-trưởng, quyên được tiền 3.645 quan, gạo 12 tạ, cấp-phát cho những người ấy; sau dân Quảng-đông đưa sang một bức đại-tự thêu bốn chữ « *Chu huệ cùng-minh* 周惠窮俱 », hai bức ca-công tụng-đức

Dịch chữ quốc-âm như sau này: *Dân bị nạn tỉnh Quảng-đông ca-tụng đức-chính.*

« Xưa vua Văn-vương nhà Chu phát chính thi nhân, trước những người cùng-khổ không biết kêu ai được, đương bấy giờ đều ca-tụng đức-chính coi như cha mẹ vậy.

« Song những người cùng-khổ ấy còn được ở nơi thiên-địa, đến như người đi thuyền ở ngoài bể, chiếc lá lênh-đênh, gửi tính-mệnh ở trên mặt sóng, nhịn đói nhịn khát hơn bốn trăm người, còn được hơi thở, giạt vào chỗ đất khách quê người, may nhờ ngài đem lòng nhân-tuất, phát tiền gạo cho mà ăn, dẫn đường lối cho mà về, được trông thấy quê cha đất tổ, thời ơn tái-tạo ấy không những là riêng một người ấy đáng nên kỷ-niệm mà những anh em họ-hàng đều cảm-tạ vô-cùng.

« Nay chúng tôi hơn bốn trăm người đinh-số đều thuộc về huyện Văn-xương, tỉnh Quảng-đông, có một hai người thuộc về huyện Quỳnh-sơn, năm Quang-tự thứ chín, ngày mười tám tháng giêng, theo thuyền buôn cùng đi sang nước Xiêm-la, không may gặp trận sóng to gió lớn đổ cả buồm, gẫy cả chèo, một trời một biển mông-mênh, không biết đâu là bờ cõi, người trong thuyền cơm ăn chẳng có, nước uống thì không, di-duyên được 20 ngày thuyền mới giạt vào cửa bể, hỏi ra mới biết chỗ ấy thuộc huyện Thanh-hà nước An-Nam ; khi ấy cũng có người bệnh chết ở thuyền, có người lên bờ mới chết, lý-trưởng địa phương chỗ ấy nhờ được quan Tuần-phủ tỉnh Quảng-nam ban cấp tiền gạo, và sai lính về hộ-vệ dẫn lối cho mà đi, ân-huệ rất là chu-chí, lại quyên những người Thanh-khách buôn-bán ở xứ ấy tặng cho được hơn nghìn vàng, rồi được ông Đặng Giám-Chi có thuyền đi qua đó làm ơn chở về nước, đến ngày mồng một tháng tư năm ấy đến cửa bể Quỳnh-châu, nghe tin họ-hàng ra đón vui-vẻ đầy nhà, hành-khách qua xem chúc mừng chật đất, đều tấm-tắc khen ơn quốc-vương và công đại-thần che-chở đều được chu-tất, vua tôi một đức đều là thể cái lòng hiếu-sinh của trời đất làm lòng, coi người nước khác như người một nước, nay hơn bốn trăm người chúng tôi coi như cha mẹ ơn tái-sinh vậy, vậy muốn hát câu Lạc-chỉ mà phủ thơ Nam-sơn, đọc lời Tê-bỉ mà nghiêng chén Bắc-hải, để dãi tỏ một chút cảm-tình của chúng tôi. Kinh *Thi* có câu : « Vô thử-cương bỉ-giới » nghĩa là đừng có chia cõi này bờ khác, nên biết nước Nam khi trước mở Trung-quốc có vị thánh-nhân, vượt thuyền qua bể mà dâng chim trĩ, không những ngày trước như vậy, mà nay cầm cờ tiết-mao qua đến nước Nam khen dị-bang có người, chính tự ngày nay trước vậy.

« Lời tụng rằng :

« Rộng thay Lạc-hùng, tiếp-giới Quảng-đông ;

« Chính-giáo như một, ý-khí giao-thông.

« Thuyền buôn tới đó, gặp cơn sóng gió,

« Giạt vào bể Nam, nhờ ai tế-độ.

« Quốc-vương tỉnh-thần, một niềm khoan-nhân ;

« Hết lòng chu-cấp, ơn khắp xa gần.

« Kẻ già người trẻ, nhờ được mạnh khỏe ;

« Trở về hương-quê, chúc mừng vui-vẻ.

« Khen bậc can-thành, phù-tá thánh-minh ;

« Lòng nhân làm trước, việc chi cũng thành.

« Hoa-phong kính chúc, trong ngoài đẹp phục,

« Nước mạnh dân yên, trời cho trăm phúc. »

Nguyên-văn chữ Hán:

昔先王發政施仁。必先窮獨而無告者。一長咸稱父母焉。其人猶處於善地也。若乃寄命於大海。飄泊之壞舟。思饑思渴者四百餘人。奄奄一息以抵異境。而乃哀而生之。發倉給之食。護路導之歸。晏然得返鄉土。其再造之恩固不獨身受者感頌於無已也。茲四百餘人者皆籍隸廣東之文昌縣。惟一二人隸瓊山。光緒九年。正月十八日。附商船同往暹羅。不幸遇大風。挫壞檣折。撤所載迷漫。滄波中。水乏炊觀。延二十餘日始達安南之清河港埠中已有病而沒於舟者沒於岸者。長地方里長爲報上官蒙廣南巡撫鄧公奉國王命。頒給餼米。遣兵護導。恩恤周至。同鄉諸人買茲土者亦互贈千金。而鄧君鑑芝輪船。慨然惠載以歸。於四月初一日至瓊州之海口。親戚相與慶於家。行旅相與頌於路。藉藉稱國王惠之周。大臣護之力。君臣一德。是皆體天地之心以爲心。視異邦之人猶其人。茲四百餘人。何異父母之再生。能不歌樂只而欣上南山之什。詠蹻彼而願頌北海之樽者哉。詩曰。無此疆彼界。吾知梯航獻雉重譯而慕中國之有聖人者。匪惟昔爲然。而旌節乘龍歷聘而稱異邦之多君子者。正自今以始爰作頌曰。

南郊晌勇。與中國鄰。政教如一。氣誼異親。嗟茲賈舶。遇推昏惑。衆困不支。幸抵南國。國王寬仁。大吏德均。無令失所。惠茲遠人。曷壯曷老。一體懷保。安返故鄉。頌聲載道。藹藹公侯。克贊王猷。仁心爲質。何政不修。華封致祝。中外悅服。邦本不搖。受天百祿。

粵東文昌縣中憲大夫舉人吳景平頓首拜撰

粵東學生陳璧光拜書

大清光緒玖年孟秋月穀旦

沐恩商民陳昌永王載晟暨四百一十三名等頓首拜奉。

Tháng sáu năm ấy vua Dực-tôn băng-hà, vua Kiến-phúc lên ngôi. Nhân có thuyền nước Pháp đi qua cửa Đà-nẵng, các quan đồng-sự ai cũng kinh sợ toan bắt dân-cư phòng-bị, ông nói bất-nhật Triều-đình có hòa-ước, không phải phiền dân, nếu bắt dân phòng-bị, lại dễ người ta sinh nghi thì vô-ích.

Năm giáp-thân, có chiếu đi chủ-khảo thi hội, tháng ba phụng mệnh về Kinh, ngày đăng-trình thân-sĩ trong hạt đến tiễn chân, ai cũng có lòng ái-mộ, người thời nói: «Hạt ta đã ngoại ba-mươi năm nay bằng bị mất mùa, bây giờ lại được phong-phú, mong ông ở lại cho dân được nhờ.» Người thời nói: « Hạt ta tự ông Nguy Khắc-Tuần đến nay may lại gặp ông hết lòng yêu dân, thực là đáng chức Phương-bá.» Đi qua đến dân, dân-sự đón rước, người ca sinh phật, kẻ tụng phúc-tinh, muôn nghìn người cũng một lòng kính mến vậy.

Khi tới Kinh vào yết quan Phụ-chính-đại-thần Nguyễn Văn-Tường, quan Phụ-chính hỏi rằng: « Ông vốn người điền-tĩnh đối với dân-sự không thấy làm việc gì, sao mà dân Quảng-nam cảm-mộ đến như thế ?» Ông nói: « Tôi đề-lị mới hơn một năm, chỉ tuần-thường biện-sự, chưa từng có ơn-trạch gì cho dân nhờ, chỉ đem một tấm lòng thành-

phác đối với dân, không có sự gì phiền-nhiễu, may mà trong hạt được mùa, trộm cắp cũng yên, cho nên dân-tình tín-ái như vậy, chứ thực không có tài-cán gì cả. »

Cách được hai năm, hạt Quảng-nam trời làm tật-dịch, mất mùa, thóc kém, dân-sự đói-khát, nào là việc tiễu-phủ Man dân, nào là việc tống-nghinh hải-khách (binh nước Pháp thường đi lại), dân-sự rất là phiền-nhiễu, già trẻ trong hạt, ai cũng mong ông đề-lị lần nữa, để điều-tễ cho dân.

Trong Triều ngoại quận, nức tiếng chính-thanh, ông Phạm Thận Duật hỏi rằng: « Khi ông ở tỉnh Quảng-nam sao ít việc, nay ông về Triều, sao lắm việc như vậy, ý-giả muốn ít việc thời việc ít, muốn nhiều việc thời việc lại sinh nhiều, có phải không ? » Ông cười rằng: « Ngài dạy vậy cũng có lẽ. »

Chủ-khảo thi hội xong, tháng sáu khâm-sai ra chủ-khảo trường Thừa-thiên, khoa ấy lấy trúng được nhiều danh-sĩ.

Năm ấy vua Kiến-phúc mất, nhân gặp ninh-lăng-đại-lễ, ông phụng-mệnh giúp lễ đề-chủ. Kế thăng chức Hình-bộ Tham-tri, lĩnh Thượng-thư, kiêm chức Sử-quán Phó-tổng-tài.

Năm ất-dậu vua Hàm-nghi lên ngôi, chỉ-chuẩn bổ Thượng thư bộ Lễ.

Tháng hai thay mặt vua đi tế Nam-giao, vào điện Cần-chính lĩnh mũ áo, nghi-vệ coi như là nghi-vệ thiên-tử vậy. Làm lễ xong, mông thưởng kim-tiền, ông bèn sớ xin về hưu. Lại-bộ phiến xin lưu lại để giúp việc.

Ngày 20 tháng năm năm ấy ông Tôn-thất Thuyết âm-mưu đánh nước Pháp, quân nước Pháp kéo vào Kinh-thành, đầu canh tư chợt nghe tiếng súng nổ, ông cùng với quan đại-thần Nguyễn Văn-Tường, hiệp-biện Phạm Thận Duật, thấy sự thế nguy-cấp, phụ-giá vua ra ngoài thành, đến trường thi La-chử, đi bộ theo không kịp, trở về ngụ ở làng An-ninh (huyện Hương-trà) cách ba ngày nghe tiếng ông Tôn-thất Thuyết rước vua ra Cam-lộ, rồi lại rước ra Hà-tĩnh sơn-phòng, không bao lâu lại rước vua đi chỗ khác, lưỡng-cung lúc bấy giờ cũng giá ra tỉnh Quảng-trị.

Ông Nguyễn Văn-Tường đón ông Linh-mục ở xã Kim-qui (gần Kinh-thành) cùng đến sứ-quán thương-thuyết giảng-hòa, và rước hai cung về Khiêm-cung để yên xã-tắc, khi rước về ông làm lễ vấn-yên, xong ngụ ở nhà ông Hồng-Uẩn (Kỳ-ngoại-hầu), đợi xem hòa-cục.

Lúc kinh-thành hữu-sự, ông chực ở trong điện, không kịp về Bộ, bà phu-nhân cùng các con bỏ chạy lấy người, lúc ấy súng bắn vào trong thành như mưa, nhưng bắn chỉ-thiên, không hại đến người, tôn-nhân và cung-nữ chạy ra ngoài thành, vòng bạc khăn áo và đồ-vật bỏ đầy cả lối đi, coi thấy rất là thảm-trạng; quân nước Pháp vào trong thành, niêm khóa các cửa kho không lấy chút nào cả.

Ông Nguyễn Hữu-Độ (Tổng-đốc Hà-ninh), ông Phan Đình-Bình (Tổng-đốc Định-an), cùng với Pháp-quan ở Bắc-kỳ đi tầu vào Kinh, định tờ hòa-ước, dựng con nuôi thứ hai đức tiên-đế lên ngôi, kiến-nguyên Đồng-khánh, ông cùng các quan vào cung Thái-hòa làm lễ đăng-quang, khâm mông thực-thụ Thượng-thư bộ Lễ, sung chức Kinh-duyên, mỗi một tháng ngày hai ngày tám vào điện Khâm-văn giảng sách cho vua nghe. Ông có tuổi mỏi mệt, thường thảo sớ xin về hưu. Ông Nguyễn Hữu-Độ, ông Phan Đình-Bình xin lưu lại, sẽ đợi ít lâu.

Đương lúc ấy đình-thần nghĩ chế Tấn-tôn kim-sách và lưỡng-cung kim-sách, viện Cơ-mật thương-thuyết cùng

bộ Lễ, tâu xin tư cho tỉnh-thần Hà-nội Nam-định chi vàng bạc chế-biện, phí hơn ba trăm lạng bạc, năm trăm lạng vàng, việc ấy không tư sang sứ-quán, quan Đô-thống Pháp đưa thư hỏi rằng: « Hiện nay của kho không thừa, chế vàng bạc số nhiều như vậy, không hợp, chuẩn nghĩ bộ-dường phải giáng nhất-cấp, còn Thượng-thư bộ Lễ tuổi đã cao được miễ -nghị, cho về hưu ». Vua nói :« Bộ-trưởng tuy tuổi già nhưng trẫm xem còn mạnh khỏe, muốn lưu ở lại giúp trẫm một hai năm nữa. » Ông viện niên-lệ, quyết ý xin về, vua không muốn cưỡng, bèn ban cho hai lạng vàng, hai-mươi lạng bạc. Ngày đăng-trình làm tiệc, các quan liêu-hữu đến tiễn, chúc mừng thơ văn, cũng là một việc y-quan thịnh-sự.

Về tầu thủy từ Đà-nẵng ra Hải-phòng, sóng gió đều yên cả, từ Hải-phòng đáp tầu về Nam-định, nghỉ ở công-quán hơn chủ-nhật, quan tỉnh sai chế cờ biển tiễn chân về quê.

Ông Đặng Hi-long người đồng-hương và bạn đồng-liêu có thơ mừng, diễn như sau này :

Thơ mừng :

Lòng son sắt vững,
Đồng tuyết sương pha ;
Được danh gồm được thọ,
Vừa hoạn lại vừa khoa ;
Trong triều ngoài quận đã từng qua,
Một bước công-danh thế mới là ;
Vua muốn lưu ông ông chẳng ở,
Ông về ông nghỉ bạn cùng ta ;
Cầu Bùi Độ, thuyền Đông-pha,
Thơ bạch-tuyết, rượu hoàng-hoa ;
Khi bầu phong-nguyệt,
Khi thú yên hà ;
Khi núi Gôi cụm cúc,
Khi sông Vị chén trà ;
Mừng nhiều ơn vũ-lộ,
Vừa khỏi bước phong-ba ;
Thế-sự gác ngoài chi nọ biết,
Thôi thôi một giấc mộng nam-kha ;
Trời còn để sót người tri-kỷ,
Thi-xã từ đây kết bạn già.

Đoạn rồi ở nhà ba năm dưỡng-nhân kỷ-lý làng Trà-lũ đón về làng dạy học, sau lại ngồi ở làng Động-trung, trước sau hơn bốn năm, tuổi đã gần tám-mươi, nghỉ ở nhà, nhiều lúc thiếu tiền, môn-sinh đến kêu rằng nay có tân-nghị, nhị-phẩm-quan trở lên về hưu, cấp bổng mỗi tháng được trăm quan tiền, xin viện lệ bẩm lĩnh hưu-bổng. Ông nói rằng : « Ta đội ơn Triều-đình như vậy, cũng đã quá hậu, nay có lệ được hưu-bổng mỗi tháng lĩnh lương phải lên tỉnh, đi lại giao-thiệp, thêm bận đến mình, thôi đành chịu túng, trời sinh trời dưỡng, có lo chi. »

Ông làm tiên-chỉ ở dân, dân-sự có đưa lễ gì đến nhất-thiết không nhận, thường chỉ khăn lượt, mặc áo vải, đội nón sơn, không chuộng xa-xỉ, gia-pháp rất nghiêm, con cháu hay người ngoài đến hầu, phải khăn áo chỉnh-tề, đi đứng có lễ-độ, ở gần xóm không ai được nói to.

Hưởng-thọ tám-mươi-mốt tuổi, khi gần mất, bắt con cháu đọc sách ngâm thơ mà nghe, dặn con cháu việc tang theo như gia-lễ không được quá xa, lúc mất, nhà-nước cấp tiền tuất bảy trăm quan, bà qui-phu nhân cũng hưởng-thọ ngoại tám-mươi tuổi, thật là ngũ-phúc kiêm-toàn.

ĐẶNG XUÂN-VIỆN

CÁC NƠI CỔ-TÍCH ĐẤT NGHỆ-TĨNH

VI

Lịch-sử ông Nguyễn Xí

Ông là con ông Nguyễn Hội 阮會 và bà Nguyễn Thị-Hạch 阮氏核, sinh năm đinh-sửu 丁丑 (1396) ở làng Thượng-xá 上舍, tổng Thượng-xá, huyện Nghi-lộc 宜祿, tỉnh Nghệ-an. Ông có ông anh tên là Nguyễn Biện 阮汴. Hai anh em đều có sức khỏe hơn người.

Nhà ông khi trước làm muối. Cứ thường thường ông thân ông và ông anh ông gánh muối ra bán ở tỉnh Thanh-hóa. Khi lên bán ở làng Lam-sơn 藍山, ông Lê Lợi 黎利 là một người hào-trưởng trong làng ấy thấy ông Nguyễn Biện có sức khỏe thì lưu ở lại trong trại, vì lúc bấy giờ ông Lê-Lợi đã có ý thu-dụng các người hào-kiệt để lo việc khởi-nghĩa. Còn ông Nguyễn Hội thì trở về nhà với ông Nguyễn Xí. Nhưng chẳng được bao lâu thì mất. Năm ấy là năm ất-dậu 乙酉 (1404) mà ông Nguyễn Xí mới lên chín tuổi. Khi ông Nguyễn Hội mất rồi thì ông Nguyễn Biện lại đem cả ông Nguyễn Xí ra ở với Lê Lợi. Ông Lê Lợi thấy hai anh em đều có sức khỏe dị-thường, thì lấy làm mừng, rồi có ý trọng-đãi lắm. Ông Lê Lợi thường giao cho ông Nguyễn Xí chăn nuôi hơn một trăm con chó săn. Đến bữa cho chó ăn, ông Nguyễn Xí cứ chia trước ra mỗi con một phần riêng, rồi rung một hồi đạc kêu chó về bắt mồi con chạy lại một phần mà nằm chờ, chứ chưa được con nào ăn cả. Đoạn lại rung một tiếng nữa thì con nào con nấy mới được nhận phần mà ăn. Ông cứ làm mấy bữa luôn rồi hơn một trăm con chó đều theo y như lệnh ông, không có con nào dám hỗn và tranh-giành nhau khi nào cả. Ông Lê Lợi thấy vậy lấy làm lạ mới khen rằng : « Loài vật là vô-tri mà còn tập được như thế, nếu cho cai-quản quân-sĩ thì giỏi biết chừng nào. Tài này thiệt là tài phi-thường, chắc làm nổi được việc phi-thường không sai. » Từ đó ông Lê Lợi lại càng thêm lòng yêu mến.

Tới năm đinh-dậu 丁酉 (1416), ông Lê Lợi khởi-binh, thì hai anh em ông đều được làm tướng cả. Năm ấy ông mới 21 tuổi.

Năm mậu-tuất 戊戌 (1417), ông Lê Lợi bị quân Minh vây đánh nguy cấp, ông hết sức xung tên đột pháo, giết được nhiều quân nhà Minh, cứu được ông Lê Lợi thoát khỏi vòng vây, rồi vua tôi lại cùng nhau thu tàn-quân lên đóng ở núi Chí-linh 至靈. Trận đánh với quân Ai-lao 哀牢 năm tân-sửu 辛丑 (1420) và trận đánh ở thành Trà-long 茶隆 (Tương-dương, Nghệ-an) năm giáp-thìn 甲辰 (1423) ông đều có quân công cả.

Năm bính-ngọ 丙午 (1425), ông Lê Lợi sai các tướng ra đánh ở Đông-đô 東都 (Bắc-kỳ), thì ông cùng ông Đinh Lễ 丁禮 lĩnh tinh-binh thẳng tới đất Đông-quan để tráng thanh-thế quân minh. Tháng mười năm ấy, bọn ông Lê Triện 黎篆 đuổi theo quân của tướng Minh là Vương Thông 王通 rồi mới bị chúng phải rút về đóng ở xã Cao-bộ 高步 (thuộc Hà-nội). Nghe quân ông Đinh Lễ và ông Nguyễn Xí đóng ở đất Thanh-đàm thì lập-tức sai người tới báo. Ông Nguyễn Xí nghe tin liền chọn ba ngàn quân tinh-nhuệ cùng ông Đinh Lễ đương đêm kéo sang đất Cao-bộ rồi chia quân mai-phục ở đất Thốt-động 卒鋼 và đất Chúc-động 祝鋼, lại nhân bắt được quân của giặc

rồi hỏi biết rằng Vương-Thông đã tiến lên đóng ở cầu Đồn-ninh 屯寧, mà sai một toán quân qua sông, lại một toán nữa lẻn tới sau đồn ông Lê Triện, hẹn nhau khi nào nghe tiếng pháo nổ thì các toán quân ấy họp lại mà đánh mặt trước và mặt sau quân ông Lê Triện. Hỏi được tin ấy, ông Nguyễn Xí liền sai quân tới chỗ yếu-hại nổ pháo lên để lừa giặc. Giặc nghe pháo tưởng là hiệu của quân mình, rồi tranh nhau kéo quân chạy thẳng tới. Khi quân giặc tới nơi Thốt-động thì quân phục của ông Nguyễn Xí và Đinh Lễ bốn bề nổi lên hết sức mà đánh giết được tướng Tàu là Trần Hạp 陳洽 và Lý Lương, quân Tàu phần thì bị giết, phần thì bị bắt, phần thì dẫn lên nhau mà chết, tới hơn năm vạn người. Quân Tàu lại chết đuối nhiều quá làm cho nước sông Ninh-giang chảy không được. Tướng giặc là tụi Vương Thông, Phương Chánh 方政 và Mã Kỳ 馬騏 trốn về thành Đông-quan. Trận đánh này khí-giới của quân Tàu bị quân ông Nguyễn Xí và ông Đinh Lễ lấy hết đi nhiều, cho nên Vương Thông phải phá cái chuông Qui-điền 龜田 và cái vạc Phồ-minh 普明 để đúc các đồ khí-giới.

Năm đinh-vị 丁未 (1426), Vương Thông kéo quân tới đánh thành Tây-phù-liệt 西扶烈. Lê Lợi sai ông và ông Đinh Lễ đưa quân đi cứu. Khi đi tới xã Mi-động 眉峒 (thuộc huyện Thanh-trì, Hà-nội), Vương Thông kéo quân tới đón đánh, quân của ông và ông Đinh Lễ ít quá địch không nổi, lại bị vây sụp lấy rồi đều bị bắt cả. Ông Lễ thì bị giết, còn ông thì nhân đêm mưa gió lập kế thoát được. Khi ông về, ông Lê Lợi trông thấy mừng quá kêu to lên rằng : « Ta không tưởng nhà ngươi còn sống mà về được đó. » Rồi lại cử được lĩnh quân đi đánh.

Trận đánh ở sông Xương-giang 昌江 (thuộc tỉnh Bắc-ninh), ông cùng ông Lê Vấn 黎問 và Lê Khôi 黎魁 đưa quân đi tiếp-ứng ông Lê Sát, rồi bắt được tướng Minh là Hoàng Phúc 黃福 và Thôi Tụ 崔聚 và hơn ba vạn quân.

Khi thiên-hạ bình-định rồi, ông Lê Lợi lên làm vua, tức là vua Thái-tổ 太祖 nhà Lê, thì ông được phong làm Huyện-hầu 縣侯 và được đổi họ làm họ Lê, là họ nhà vua, để tỏ rằng vua xem các ông như người anh em trong họ vậy.

Năm qui-sửu 癸丑 (1432), vua Thái-tổ mất, ông chịu tờ di-chiếu giúp vua Thái-tôn 太宗 lên nối ngôi, đêm ngày lo-lắng hết trung-thành với nhà vua.

Vua Thái-tôn băng-hà, ông lại chịu tờ di-chiếu giúp vua Nhân-tôn lên nối ngôi. Lúc bấy giờ ông làm chức Nhập-nội-đô-đốc 入內都督. Năm thứ ba Thái-hòa 太和 vua Nhân-tôn (1445), ông đi đánh được Xiêm-thành rồi được thăng làm Thái-bảo 太保 coi cả việc quân và việc dân.

Năm kỷ-mão 己卯 (1456) là năm thứ sáu hiệu Diên-ninh 延寧 vua Nhân-tôn, Nghi-dân 宜民 (1) lập mưu với bọn Phan-Ban 潘班 và Phạm Đồn 范屯 ban đêm lẻn vào hoàng-thành giết vua Nhân-tôn và bà Hoàng-hậu đi rồi tự lập làm vua. Lúc bấy giờ ông làm thủ-tướng, thấy nổi biến-cố, khôn xiết lo sầu, mà ác-đảng thì nhiều, hở ra sợ lộ có bại-sự. Ông bèn giả lòa để xin về hưu cho dễ lo-liệu. Khi ông về nhà rồi, thì đi đứng đều bảo thị-tì dìu-dắt làm như lòa thật. Bọn nghịch-đảng thấy vậy cũng có lòng nghi, bèn sai một người tâm-phúc giả

(1) Nghi-Dân nguyên là anh khác mẹ với vua Anh-Nhân-tôn. Khi trước đã được lập làm Thái-tử, sau vì vua Thái-tôn thấy mẹ có tính xấu thì nghĩ mẹ hư, con cũng hư, cho nên giáng đi không cho nối ngôi.

tới xin làm quân hầu, để dò xem thế nào. Một hôm thằng tớ hầu ấy đứng trước mặt ông cố ý gheo người hầu non của ông. Nghe tiếng động, ông giả làm như không thấy mà hỏi rằng : « Làm gì rứa bay ? » Chúng nó bẩm rằng : « Bẩm, các con đâm trà, ạ. » Ông cũng giả cách như không biết gì cả, rồi trả lời rằng : « Ừ, đâm trà được rồi đưa pha nước cho ta uống. » Tên trà-đồng đưa việc ấy về nói với tụi Đỗn, Ban, nhưng họ cũng chưa tin lắm, họ lại cử sai tên ấy tới dò thăm nữa. Một hôm nhân khi ông đương lững-thững đi giữa nhà, tên trà-đồng ấy ẵm đứa con trai út của ông mới sinh mà đặt ra cửa nhà đàng trước lúc ông đi, để xem ông có thấy không. Ông thấy thế biết ngay là nó thử, nhưng khi ấy nếu ông mà lùi bước lại, thì chẳng những việc nước không thành mà cả nhà ông, cho đến cả cậu bé này cũng đều phải bị hại, cho nên ông phải chịu nỗi đau ruột đau gan, nhắm mắt mà bước liều lên trên cậu bé. Từ đó bọn nghịch-đảng không nghi gì nữa.

Cơ-mưu đã sắp đặt rồi, ông bèn bàn với các quan cựu-thần như bọn ông Đinh Liệt 丁列 rằng : « Chúng ta làm tôi nhà Lê mấy đời, chịu lời di-chiếu tiên-đế, để giúp đỡ nhà vua, ơn vua nghĩa nước, biển rộng trời cao, nếu bây giờ nhắm mắt làm thinh, để cho quân nghịch-đảng tung-hoành, thì sau xuống suối vàng còn mặt mũi nào mà trông thấy tiên-đế nữa. » Các quan văn võ trong triều ai cũng xin theo ông cả. Sắp đặt đâu vào đấy rồi, một hôm ông giả lấy cách lão-thần lâu ngày nhớ cửa khuyết, xin phép cho con dìu-dắt vào triều. Tháng tám năm ấy, gặp ngày triều-hội, ông bèn giấu gươm vào trong mình rồi cùng tới dự hội mà giả cách mủ-lòa, ra vào chập-chững. Khi triều-hội xong, các quan lại kéo nhau về nhà Nghị-sự-đường để bàn việc nước. Khi tới nơi ai nấy yên tọa rồi, ông bèn rút gươm trong mình ra hô cho chúng biết rồi giết ngay Phan Ban và Phạm Đỗn ở đó. Đoạn lại truyền lệnh đóng các cửa thành và cửa cấm lại mà bắt các nghịch-đảng, xong rồi thì giáng Nghi-Dân làm Lệ-đức-hầu 厲德侯, bắt phải tự-tử. Lúc bấy giờ triều-thần chưa biết rước ai lên nối ngôi, tới ngày triều-hội ông cứ phải ôm áo cổn-bào ra đứng thay vua cho các quan triều-bái. Con đầu ông là Sư-Hồi 師回 thấy vậy mới bàn với ông rằng : « Bây giờ thiên-hạ ở trong tay cha, mà trăm quan ai cũng phục cha cả, sao cha không nhân dịp ấy mà giữ lấy ngôi vua. » Nhưng ông không nghe, cứ cùng các quan hội-nghị về việc người lên nối ngôi mãi, đến sau ông nhất-định sai quan đi rước ông con thứ tư vua Thái-tôn tên là Tư-Thành 思誠 ở chốn Gia-đề 嘉邸 về tôn lên làm vua, tức là vua Thánh-tôn, đổi niên-hiệu là Quang-thuận 光順, năm ấy tức là năm canh-thìn 庚辰 (1457).

Vua Thánh-tôn lên ngôi rồi, thì tiến thăng cho ông chức Nhập nội-thái-phó Binh-chương-quân - quốc-trọng-sự 入內太傅平章軍國重事, tức là Tể-tướng, và tiến phong tước Qui-quận-công 英郡公. Trong bài chế-phong có câu rằng : *Phụ-tử nhất môn, cộng chấp ngôn nhi thảo tặc* 父子一門共執言而討賊, *Quân - thần thiên tải, thân phù nhật dĩ đăng thiên* 君臣千載親扶日以登天. Nghĩa là cha con một nhà, giữ lời ngọc để trừ đảng nghịch, vua tôi ngàn thuở, nâng vầng kim thẳng tới trời xanh. Năm thứ ba hiệu Quang-thuận là năm nhâm-ngọ 壬午 (1459), ông được thăng làm Tả-tướng-quốc 左相國 (Tể-tướng đầu triều).

Năm thứ năm hiệu Quang-thuận là năm giáp-thân 甲申 (1461), vua Thánh-tôn chiếu cho các con cháu công-thần khi trước được đổi họ làm họ Lê bấy giờ được đổi lại theo họ gốc của mình

thì họ ông lại đổi lại họ như trước là họ Nguyễn.

Lúc bấy giờ vua Thánh-tôn trọng ông lắm. Thường dụ ông rằng : « Nước nhà yên nghèo là ở nơi vài người như ông. Phàm có quốc-chính gì thì ở trong tay ta tự quyết-đoán lấy mà ở ngoài thì các ông hết lòng thi-hành. Các ông phải hết lòng hết sức giúp ta, để kỳ cho nước ta được thịnh-trị.» Một hôm có người cáo với vua rằng con ông là Sư-Hồi có mưu làm phản. Nhưng vua nghĩ rằng nếu ông Nguyễn Xí có lòng lấy nước thì khi giết được Nghi-Dân rồi cứ giữ lấy mà làm vua có khó gì. Bây giờ ông hiện đương làm quan tại triều thì chắc ông không để cho con ông làm việc ấy. Vua bèn gọi ông Sư-Hồi vào mà dụ rằng : « Ta lên làm vua được bốn năm nay, nhà ngươi một nhà, cả cha con đều được vinh-hiển, trong các quan không nhà nào bì nổi, ta đây vẫn còn đem lòng ỷ-trọng và tin cậy cha con nhà ngươi lắm. Tuy có cái giấy này mà lòng ta cũng không khác. Từ nay về sau, nhà ngươi nên lo kiếm cách mà phòng thân mới được.»

Tháng mười năm kỷ-dậu 己酉 (1462), ông đau nặng, vua đưa sắc tới thăm ông, lời sắc rằng : « Ta khi xưa đương ở chốn thanh-phiên, có mong gì nơi hoàng-ốc, các ông đồng lòng giúp-rập, giết quân nghịch-đảng, rồi tôn ta lên làm vua, tới nay đã được năm năm rồi, mà chưa kịp đền ơn các ông. Thảnh-thơi con hát con hầu, ông chưa được sung-sướng như ông Thạch Ti ông Cao 高 ở nhà Tống, mà lo-lắng cháy gan cháy ruột, ông lại càng săn-sóc hơn ông Phòng 房 ông Đỗ 杜 ở nhà Đường. Bây giờ yếu bèn, phải nên gắng-gỏi. Ông nghĩ đến nước thì cơm cháo phải ăn, ông nghĩ đến dân thì thuốc-thang phải uống. Thế thì ta lấy làm trông lắm. » Vua lại bảo ông Sư-Hồi rằng:« Người đời xưa cũng có tế trời tế thần để trừ tai nhương hạn ; người làm con cũng nên hết thành hết kính, vì cha cầu phúc xem sao.» Vua lại sai quan đưa tặng cho ông một ngàn quan tiền để làm tiền uống thuốc. Nhưng bệnh ông cứ mỗi ngày một nặng thêm, rồi tới ngày 30 tháng ấy thì mất. Vua nghe tin thương tiếc mãi, rồi giảm triều ba ngày. Vua lại sai quan đưa lễ tới tế và lấy tiền kho 1000 quan cấp cho vợ con để sắm đồ tống-táng. Tới năm sau, vua sai thầy địa về làng chọn huyệt mả, rồi sai quan đưa linh-cữu ông về mà yên-táng. Năm đinh-hợi 丁亥 (1464) vua phát tiền kho giao quan sở-tại về lập nhà tại làng để thờ ông, và tặng cho ông tước Cương-quốc-công 剛國公.

Ông thọ được 69 tuổi. Con gái thì lấy các đức Hoàng, con trai mười lăm người cũng có ông lấy công-chúa và đều làm quan to cả, bảy người ở trong coi quân thị-vệ 侍衛, còn tám người thì làm tổng-binh 總兵 các tỉnh. Cháu chắt ông tuy đều là quan võ, nhưng đời nào cũng có quan to, nhất là về hồi nhà Lê trung-hưng lại lắm ông có sự-nghiệp hiển-hách.

Lịch-sử ông Nguyễn Đình-Đắc

Ông tên tục là Cảnh 景, tên chữ là Đình-Đắc 廷得, cháu mười hai đời ông Cương-Quốc-công 剛國公, ông thân tên là Thúc 叔, mẹ là Nguyễn Thị-Diên 沇氏筵, đều làm nghề cày-cấy cả.

Khi trẻ ông ham tập đánh giáo múa gươm, chứ không chăm về sản-nghiệp. Năm mười tám tuổi đã có khí-khái hơn người, thường có cái chí muốn dẹp yên thiên-hạ, để nối nghiệp cha ông ngày xưa.

Năm hai-mươi-lăm tuổi ra làm gia-thần quan trấn-thủ tỉnh Thanh-hóa, rồi được lĩnh quân đi tuần ở cửa biển Thần-phù 神符.

Năm nhâm-dần 壬寅 (1782) ông ra chơi ở Trường-an 長安 (kinh-thành),

thấy quân ba phủ giết ông Hoàng Đình-Bảo 黃 廷 寶 mà lập Trịnh Khải lên làm chúa, rồi cậy công mà kiêu-căng làm càn. Trịnh Khải 鄭 楷 tuy làm chúa nhưng còn ít tuổi không trị nổi, cho nên quân ba phủ càng ngày càng sinh kiêu-tứ, không sợ gì ai nữa. Ông thấy vậy tự nghĩ rằng chúa còn trẻ, nước đương hồi nguy mà quân lại kiêu nữa thì nước sẽ mất ; hiện bây giờ hai toán đại-quân đương đóng ở Phú-xuân 富 春 và ở Quảng-nam 廣 南, nếu ta giao-kết cùng các tướng-súy, lấy nghĩa mà cổ-động họ rồi kéo quân về Kinh, thì cái công giết Trịnh 鄭 tôn Lê 黎 tự-khắc thành ngay được.

Nghĩ như vậy rồi lập-tức vượt biển về Nghệ-an, chiêu-tập các quân nghĩa-dũng, sắm-sửa các đồ khí-giới. Tới tháng mười năm ấy thì kéo quân lên tới đóng ở cửa Càn 乾. Khi đi đường, gặp quan coi quân Hậu-kiên 後 堅 là Nguyễn Viết-Tuyển, ông bèn đưa việc quân kiêu-binh bỏ chúa cũ lập chúa mới nói cho ông ấy nghe, rồi hai người rủ nhau lên đồn Lãng-điền 朗 田 (thuộc Anh-sơn tin cho ông Nguyễn Hữu-Chỉnh biết. Nguyễn Hữu-Chỉnh là bộ-thuộc của Hoàng Đình-Bảo, lúc bấy giờ đương làm đồn-trưởng đồn Lãng-điền, nghe tin ấy thì lấy làm kinh-hãi, sợ bị Trịnh Khải bắt giết, bèn đem toàn quân Tiên-ninh là quân bộ-thuộc của mình, lẻn ra biển đi tới châu Bố-chánh, định cùng ông Hoàng Đình-Thể 黃 廷 體 (cháu Hoàng Đình-Bảo) đồ-mưu lấy thành Phú-xuân. Chẳng may việc phát-lộ ra, quan trấn-thủ thành Phú-xuân bắt ông Hoàng Đình-Thể giam lại rồi sai quân đi tầm-nã bọn ông và ông Nguyễn Hữu-Chỉnh. Lúc bấy giờ khí trời rét mướt, sóng biển ầm-ầm, mà quân của hai ông lại toàn là quân mới mộ, cho nên không đánh cũng tan.

Khi ông Hoàng Đình-Bảo còn làm trấn-thủ ở Phú-xuân, thường sai ông Nguyễn Hữu-Chỉnh vãng-lai với anh em Nguyễn Nhạc 阮 岳 và Nguyễn Huệ 阮 惠 để dò xem hư-thực. Nguyễn Nhạc đã thường khen Nguyễn Hữu-Chỉnh là bậc đại-tài và thường vẫn trọng-đãi lắm. Bấy giờ Nguyễn Hữu-Chỉnh bèn nói dối với ông Nguyễn Đình-Đắc và ông Nguyễn Viết-Tuyển rằng : « Ta lấy cô-quân mà vượt biển ra khơi, đã không có chỗ nào mà đánh hay giữ được, lại không có quân-lương thì khó lòng mà chống nổi quân Trịnh. Bấy giờ chúa Nguyễn ở đất Tây-sơn 西 山 là con cháu công-thần nhà Lê, mình tạm tới đó nhờ quân lính khí-giới của họ mà dưỡng-uy súc-nhuệ rồi sau lại cất quân ra Bắc mà đánh. »

Ông Nguyễn Đình-Đắc nghe nói cả mừng. Nguyên là Nguyễn Hữu-Chỉnh mượn tiếng chúa Nguyễn để dối ông Nguyễn Đình-Đắc đó mà thôi, chứ kỳ-thực thì cốt đi tới quân Tây-sơn. Mấy người bèn cất buồm thuận gió, thẳng tới cửa biển Đại-chiêm 大 占 ở Quảng-nam rồi vào yết-kiến Nguyễn Nhạc.

Nguyễn Nhạc được Nguyễn Hữu-Chỉnh qui-phụ thì rất lấy làm mừng, rồi hậu-đãi lắm ; ông Nguyễn Đình-Đắc cũng ở với ông Nguyễn Hữu-Chỉnh.

Ông Nguyễn Đình-Đắc ở đó thường thấy anh em Nguyễn Nhạc làm lắm điều ngang trái, không có độ-lượng đế-vương, biết là không phải dòng-dõi chúa Nguyễn, cho nên không có lòng giúp việc với họ. Thường cứ nghĩ bụng rằng ta bỏ nhà đi ra ở ngoài muôn dặm để tìm chúa mà thờ, là vì việc nhà việc nước, bây giờ lẽ nào lại cầu-thả đi thờ người không phải chúa mình ; bất-nhược ta cứ âm-cầu các hào-kiệt mà lo việc ta. Nghĩ như vậy rồi đưa ý-kiến mình nói với ông Nguyễn Hữu-Chỉnh mà Nguyễn Hữu-Chỉnh cũng không nghe ; nhưng ông cũng cứ dùng-dằng ở đó chưa dám quả-quyết bỏ đi.

Tới tháng hai năm qui-mão 癸 卯 (1783), Nguyễn Nhạc sai ông cầm quân đi đánh phủ Gia-định 嘉 定. Khi hạ

được thành rồi có bắt được quan Cai-cơ của chúa Nguyễn là Huấn-Trung 訓忠 hỏi thăm biết chỗ chúa Nguyễn ở, rồi cùng nhau bỏ trốn. Nhưng bị quân Tây-sơn theo kịp rồi ông Huấn-Trung bị giết, còn ông thì trốn thoát được. Nguyễn Nhạc nghe tin sai Nguyễn Hữu-Chỉnh đi tìm. Ông đang đêm chạy trốn, rơi xuống dưới vực, nhưng quân đuổi theo tìm mãi không thấy.

Ngày mười tám tháng hai năm ất-tỵ 乙巳 (1785), Nguyễn Nhạc bắt được ông, đã toan đem ra giết, may có quan Vệ-úy thành Gia-định của Tây-sơn ra sức xin cho, rồi ông lại ở nhà quan Vệ-úy ấy, mà chiêu-tập nghĩa-binh để làm thủ-hạ.

Khi nghe vua Cao-hoàng ở kinh-thành Tiêm-la 暹羅 đã xuống thuyền ra biển, ông bèn lên đi tìm được thuyền vua. Vua Cao-hoàng gặp ông lấy làm mừng lắm, rồi thường cùng nhau bàn việc đánh phá Tây-sơn, cho nên trong bài sắc vua Cao-hoàng phong cho ông có câu rằng :

Uẩn bão cự trung-lương chi thế-khoán, tiếu-tử khắc gia.

蘊抱具忠良之世券。肖子克家。

Thuận nghịch minh khứ tựu chi tiên-cơ, anh-hùng trạch chủ.

順逆明去就之先幾。英雄擇主。

Nghĩa là : Uẩn bão sẵn nếp nhà trung hiếu, thực đáng khen hiếu-tử khắc-gia ; Thuận nghịch sành lối chính tới lui, thế mới gọi anh-hùng trạch-chủ.

Tháng mười năm ấy vua Cao-hoàng tiến quân lên đóng ở châu Định-viễn 定遠, rồi sai em (?) làm Chánh-tướng đạo Trung-quân mà ông Nguyễn Đình-Đắc thì làm Phó-tướng để chống nhau với tướng Tây-sơn là Uyên 淵 và Trì 持, lại đánh phá được quan Thái-phó của Tây-sơn là Tham 參 ở đồn Mỹ-lung 美籠, rồi đuổi theo hai ngày đêm tháng tới tổng Kiến-đăng 建登 huyện Kiến-yên 建安.

Ngày mười bảy tháng mười một, ông tiến quân lên đánh đồn Ba-dài 巴臺, nhưng không hạ được rồi phải lui về đóng ở đất Trà-lộc 茶祿 (?).

Tháng chạp vua Cao-hoàng trao cho ông một con cờ, một con gươm, sai quản ba toán quân, tiến lên đóng ở đất Đong-sao, để đánh quân Tây-sơn. Quân Tây-sơn bỏ đất Ba-dài, lui về đóng ở Cây-giẻ. Vua Cao-hoàng sai quan Tiền-quân là Dũng-quận-công 勇郡公 giữ đất Đong-sao. Ông Dũng-quận-công sai ông đưa quân qua sông tới đóng ở đất Đong-sầm, rồi sai quân cất cầu đi và đặt súng, rắc chông ở trên bờ bên nam sông, để bắt ông phải liều chết mà giữ. Quân Tây-sơn tiến lên gần đồn Đong-sầm để chống nhau cùng ông. Thấy quân giặc thì nhiều mà quân mình thì ít, ông tự-đắc địch không nổi, rồi ban ngày thì sai hạ cờ lặng trống, ban đêm thì sai lấy cỏ bện làm người giả, mỗi người mang hai bó đuốc để làm quân nghi. Ông làm như thế mà chống nhau với quân Tây-sơn trong hai tháng trời, mà quân Tây-sơn không biết được quân của ông nhiều hay ít.

Đêm mồng sáu tháng hai năm mậu-thân 戊申 (1788) trời mưa tuyết to lắm, chỉ đứng cách nhau trong mấy bước mà không thấy nhau. Ông nhân nhịp ấy bèn chia quân đi mai-phục, rồi sai quân trong đồn ra đứng trước đồn mà nói chuyện với quân Tây-sơn, ông lại gọi quân bên đồn Tây-sơn mà nói như cách giễu-cợt rằng : « Chúng bay về nói với quan Đô-đốc rằng hôm nay ta sang phá đồn bên ấy đó.» Quân Tây-sơn lại trả lời rằng : « Đó là Tướng-quân nói dối chúng tôi đó chứ ? ». Quân Tây-sơn vẫn tưởng là ông nói chơi cho nên không phòng - bị gì cả. Ông bèn sai quân sang đào lũy của Tây-sơn rồi tới đầu canh tư ông đi trước các tướng-sĩ, theo lỗ đào đánh trống hô reo mà vào trong đồn. Quân

Tây-sơn nghe biến kinh-sợ, rồi xô đẩy nhau bỏ đồn mà chạy, ông thừa-thắng đuổi dài, lại gặp được đại-quân kéo tới nữa, bèn tiến lên đóng ở đồn Cây-giề.

Ngày mười sáu ông sai quân bắc cầu rồi kéo quân qua sông tới đánh phá được đồn Cai-trí 該智, chém được quan Đô-đốc của Tây-sơn là Thiện 善, lại thừa-thắng tiến lên đánh được đồn của quan Đô-đốc là Nghi 宜. Ông Nghi bỏ đồn chạy trốn, ông lại tiến lên đóng ở đồn Biều-ngu 瞧 虞.

Ngày 28, tướng Tây-sơn là Tham 參 và Hưng 興 kéo quân tới đánh nhưng không được. Quan tướng đình Hậu-quân là Tôn-thất Hội 尊室會 thấy ông cô-quân, thế khó ở lâu được đó, bèn triệu ông rút quân về đồn Cai-trí. Bọn Tham và Hưng lại kéo quân tới bốn mặt vây đánh; ông bèn chia quân ra mai-phục rồi đánh lui được quân hai tướng ấy.

Năm kỷ-dậu 己酉 (1789), vua Gia-long thấy ông biết binh-pháp, bèn sai ông đem các phép bố-trận mà tập-luyện cho các tướng-sĩ.

Tháng sáu năm canh-tuất 庚戌 (1790), vua nghe tin quân Tàu bị quân Tây-sơn phá tan, đã không dám đánh nữa mà vua Tàu lại phong cho Nguyễn Huệ 阮惠 làm vua An-Nam rồi, bèn sai ông đem năm chiếc thuyền chiến vượt biển ra bắc để dò xem tin-tức vua Chiêu-thống 昭統 thế nào, và để chiêu-dụ các hào-kiệt ngoài bắc luôn thể.

Khi thuyền tới châu Khâm 欽州 (Tàu) thì nghe tin vua Chiêu-thống đã vào kinh Yên 燕京 (kinh-đô Tàu) rồi, không có thể nào gặp được nữa, ông lại xuống thuyền vượt biển trở về. Ông vẫn định vượt về đất Vân-đồn 雲屯, nhưng chẳng may gặp cơn sóng tố to lắm, rồi thuyền mỗi chiếc giạt đi một nơi, mà chiếc thuyền ông ngồi thì dạt vào Cửa-Việt 越門 (Thừa-thiên). Ông bèn cho mấy người đi theo ông cứ chia nhau tìm vào nhà dân-gian mà ở, còn ông thì lại một mình lên đi ra bắc.

Khi ra tới huyện Yên-quảng 安廣, nghe tin ông Lê Duy-Mại 黎維邁 ở tỉnh Hà-nam thì lại thân-hành tới nơi yết-kiến rồi cùng nhau đi tới đất Đồ-sơn 塗山, âm-triệu các hào-kiệt để cất quân đánh ở phía bắc, làm ngoại-ứng cho vua Cao-hoàng. Việc ấy phát-lộ ra rồi bị quân Tây-sơn tới vây bắt, một mình ông chạy thoát được, rồi lên đi tới ở xã Hoàng-xá 黃舍 huyện Đông-quan 東關.

Lúc bấy giờ ông Lê Duy-Kỳ 黎維祺 khởi quân ở đất Bảo-lạc 保樂, sai người đưa ấn và cờ trao cho ông mà sai thống các đạo quân thủy và quân bộ ở đất Sơn-nam 山南 và hẹn ngày cất quân đi đánh. Ông lĩnh mệnh tới úp đánh đồn Thần-khê 神溪, nhưng vì quân Tây-sơn kéo quân tới cứu đông lắm, ông phải lui về đóng ở xã Đông-hồ 東湖.

Tới năm tân-hợi 辛亥 (1791), ông Lê Duy-Kỳ bị quân Tây-sơn bắt được, rồi quân cần-vương ở các trấn cũng đồng-thời giải-tán. Từ đó khi thì ở đất Thanh-quan 青關, khi thì ở đất Thanh-trì, cứ nay đây mai đó, không nhất-định ở đâu cả, mà các nhân-vật có danh-vọng ở Bắc-hà thì dẫu ở đâu xa ông cũng tìm tới nơi yết-kiến cả: như quan Binh-bộ Thượng-thư là Đặng Trần-Thường 鄧陳常 ở đất Chương-đức 彰德, quan Chưởng-cơ là Nguyễn-Xuyến 阮釧 ở đất Thanh-oai 青威 và mấy người khác nữa, tất cả tới vài mươi người, ông đều tới nơi chiêu-dụ rồi đưa về Nam cả.

Ông và bọn ông Đặng Trần-Thường vừa đi tới tỉnh Thanh-hóa thì bị quân Tây-sơn theo bắt, rồi phải chạy vào trốn ở nhà cố đạo ở xã Như-áng 如鞍 huyện Ngọc-sơn 玉山. Ở đó được ít lâu lại soạn thuyền vượt biển vào Nam. Khi tới cửa biển Đại-chiêm 大占 (Quảng-nam) và của biển Xuân-đài 春臺 (Phú-yên) đều bị quân Tây-sơn

Miếu thờ vua Lê ở xã Lộc-điền (Lam-thành)

Đền thờ ông Nguyễn Biểu ở làng Phúc-hải (Lam-thành)

Kinh ảnh Trần Đình-Quán—Vinh

Tượng ông Lê Khôi thần ở đền
Triều-khẩu (Chiêu-trưng)

Kinh ảnh Trần Đình-Quán — Vinh

và quan Tàu-ô đón đánh, ông cứ vừa đánh vừa chạy, đều thoát khỏi được cả.

Khi vào tới thành Nha-trang 牙莊 thuộc phủ Diên-khánh, thì đức Đông-cung (tức là Hoàng-tử Cảnh) sai người ra đón vào, rồi đưa về Gia-định để yết-kiến vua Cao-hoàng. Vua Cao-hoàng thấy ông về thì vui-vẻ lắm. Khi hỏi tới sự-thế ngoài Bắc-thành, thì ông đem việc đầu đuôi thuật lại một lượt, ông lại nói rằng : « Ở ngoài Bắc quân Tây-sơn còn thịnh lắm, Lê Duy-Kỳ và Lê Duy-Mại là con vua Lê, đã lo toan cử-nghĩa, nhưng đều bị bắt cả, cho nên các bậc anh-hùng không biết nương dựa vào đâu, mà dân trong nước thì trông chúa-công như con trẻ trông mẹ. Bây giờ nếu chúa-công lấy được thành Phú-xuân rồi thì dân từ tỉnh Quảng-bình trở ra bắc, sẽ tranh nhau ra mà đón rước chúa-công, cho nên từ sông Danh (Quảng-bình) trở ra thì không phải đánh cũng dẹp yên được.» Nói rồi ông bèn hiến mưu tiến-thủ, vua Cao-hoàng khen phải mà yên-ủi một hồi lâu. Đoạn ông lại tiến ông Đặng Trần-Thường mà nói là ông ấy có tài đương được chức Tể-tướng và đưa mấy người kia cùng vào yết-kiến. Vua đều thu-dụng và theo tài mà cho làm quan cả.

Ngày hai-mươi tháng năm, vua cho ông làm chức Cai-cơ, lĩnh ba trăm quân Lí đánh đồn Tam-tòa 三座 và đồn được-lãng 掠朗, đều phá được cả, và bắt được tướng-sĩ hơn tám trăm người, bốn-mươi bảy khẩu súng lớn, còn các khí-giới khác thì không biết bao nhiêu mà kể. Lần thắng-trận này ông được thăng làm Chánh-vệ-úy 正衛尉 vệ Hùng-uy 雄威.

Năm ất-mão 乙卯 (1795), ông cùng quân Tây-sơn đánh nhau ở Lò-chum, đánh ba trận được cả ba, lấy được ba khẩu súng đại-bác rồi đuổi dài tới thành Bàn-xà 蟠蛇. Tháng chạp năm ấy ông được thăng làm chức Hậu-đồn Chánh-thống 後屯正統 mà quản năm vệ quân là : Hùng-uy 雄威, Long-võ 龍武, Uy-võ 威武, Phấn-võ 奮武, Toán-phong 算峯.

Tháng mười-một năm đinh-tị 丁巳 (1797), vua cho ông làm Chánh-thống quân Thần-sách 神策.

Năm mậu-ngọ 戊午 (1798), vua sai ông lĩnh quân đi cứu nước Tiêm-la. Tới tháng sáu năm ấy lại triệu về thành Gia-định.

Tháng tư năm kỷ-vị 己未 (1799), vua cho ông làm chức Phó-tướng 副將 phủ Nguyên-soái toán Tả-quân mà theo vua đi đánh thành Bình-định. Khi hạ được thành ấy rồi, ông lại đi đánh ở Tân-quan 新關, Sa-oanh 沙榮, Miên-khê 綿溪 đều phá được cả.

Tháng ba năm canh-thân 庚申 (1800), vua ngự-giá thân-chinh, trao cho ông con cờ Chỉ-huy, quản chiến-thuyền năm-mươi chiếc, tiến lên đánh đất Bình-khương 平姜, đuổi được quan Tư-đồ của Tây-sơn là Dũng. Ông đóng quân ở Bình-khương được vài ngày, vua lại sai theo quan Trung-quân bình-tây-đại-tướng là ông Thành 誠 đi đánh đồn Đồng-nghệ 同乂 và đồn Ba-hai 巴台, bắt sống được quan Đô-đốc là Hoan 歡, rồi thừa-thắng phá được bảy-mươi-hai sở phục-binh của Tây-sơn, thẳng tới đất Đồng-thị 同市 đắp đồn để chống nhau với quân Tây-sơn. Ông đóng quân ở Đồng-thị mà chống nhau với quân Tây-sơn trong sáu tháng, đến sau vua sai các tướng hội quân tới mà đánh, chém được hơn vạn người, bắt được voi ngựa và súng không biết bao nhiêu mà kể, rồi thừa-thắng đuổi dài tới lũy Đồng-tuần 同循.

Ngày mười hai tháng chạp năm ấy, ông đánh được đồn Đồng-tuần rồi đóng quân ở đó. Lúc bấy giờ đồn đắp chưa xong, lũy còn thấp, hào còn cạn,

ngày hai-mươi, quan Thiếu-phó của Tây-sơn tên là Diệu 耀 đưa bốn vạn quân và bảy-mươi con voi, kéo tới vây đồn. Diệu cậy có nhiều quân, liệu thế ông địch không nổi, cho nên hạ lệnh cho các quân mỗi người sắm một cái dây, để khi nào phá được đồn rồi thì bao nhiêu tướng và quân trong đồn đều bắt sống mà trói lại đưa về, truyền lệnh xong ông Diệu lên lầu đứng xem quân vào phá đồn, ngó bộ kiêu-căng lắm. Còn ông Nguyễn Đình-Đắc thì cứ nói cười như không, mà cấm quân không được động. Tới chiều tối, ông liệu chừng khí giặc đã suy, bèn mở cửa thành đem quân ra đánh, rồi giết được một quan Đô-đốc và vài ngàn quân. Ông Diệu thấy thế cả kinh, bỏ quân mà chạy, rồi sáng hôm sau sai người đưa thư tới dỗ : hẹn rằng sẽ nhường cho đất tỉnh Nghệ-an để làm thực-ấp và trả lại các ân-điển của nhà Lê ban cho con cháu công-thần. Nguyên khi trước vua Lê có ban cấp lộc-điền cho ông Nguyễn Xí và các ông con cháu ông mà có công với nước. Ruộng đất ấy cứ đời đời giữ làm của riêng, và con cháu trong họ thì đều được miễu-trừ tất cả các việc quan và việc binh, lại có được mấy người được trừ cả thuế thân để lo việc tế-tự trong các nhà thờ. Từ khi vua Tây-sơn lên làm vua, thì ruộng đất phải nhập-công, còn con cháu thì đều phải chịu sưu-sai tạp-dịch như dân thường. Ông Nguyễn Đình-Đắc nhận được thư của ông Diệu thì sai người đưa tới ngự-dinh tiến trình vua Cao-hoàng và ngỏ ý là không bao giờ chịu theo Tây-sơn. Vua Cao-hoàng sai quan thay ông mà thảo thơ trả lời để gửi cho ông Diệu.

Tháng giêng năm tân-dậu 辛酉 (1801), khi đánh được lũy Đồng-tuần 同循, lũy Đồng-diệp 同葉 và lũy Lò-giấy 爐紙 rồi thì vua Cao-hoàng thân hành tới nơi đồn yên-ủy các quân-sĩ và chỉ vẽ hình thế cho ông biết mà tùy-cơ tiến-thủ, nhưng cứ sai cùng ông Thành lưu lại giữ đồn Cầu-ngõn 线 山 mà tự mình thì đốc các quân thuyền tiến ra úp đánh thành Phú-xuân. Lúc bấy giờ tướng Tây-sơn là ông Diệu và ông Dũng đã hạ được thành Bàn-xà 蟠蛇 (Bình-định) rồi, bèn thừa-thắng lên đánh đồn Lò-giấy. Khi thành gần hãm, thì vừa lúc ông kéo quân tới nơi, ông bèn ra sức đánh một trận rất kịch-liệt, rồi Diệu, Dũng đều phải bỏ chạy. Ông lại thừa-thắng lên đánh lấy được đồn Bà-hào 婆豪 và đồn Cây-da 核耶. Nghe tin thắng trận, vua mừng lắm, rồi ban thưởng cho ông một trăm đồng hoa-viên (đồng bạc).

Đánh được hai đồn ấy rồi thì ông lại kéo quân tới đóng ở địa-phương đất Quần-úc 羣郁 để chống nhau với quân Tây-sơn.

Tháng tám năm ấy ông Diệu đưa quân tới vây đồn, nhưng bị ông đánh đuổi được. Trận ấy vua lại thưởng cho ông ba ngàn quan tiền. Tới tháng chín, ông lên đánh phá được đồn Tháp-cây rồi giao đồn ấy cho quan tiền-phong ở lại giữ-gìn mà ông thì lại đem quân trở lại đóng ở đồn Quần-úc. Tháng mười, quan Thống-tướng của Tây-sơn tên là Đức đem quân thủy tới úp đánh đồn, nhưng lại bị ông đánh thua.

Tháng giêng năm nhâm-tuất 壬戌 (1802), ông đem quân đi đánh đồn Kỳ-sơn 祈山 và đồn Bào-quăng 胞胱 tất cả bốn đồn đều hạ được cả. Lúc bấy giờ ông Thành đưa voi tới đánh đồn Kỳ-sơn, bị ông Diệu kéo quân tới vây, cho nên quân ta trước sau đều có quân giặc cả. Ông thấy vậy kéo quân qua sông thúc vào áp đánh, ông đi trước các tướng-sĩ mà ra sức đánh tả đánh hữu, tới đâu quân Tây-sơn tan đó, rồi ông Diệu phải rút quân mà chạy. Ông đưa ông Thành ra khỏi vòng vây rồi lại cùng nhau kéo quân đuổi theo đánh ông Diệu và ông

Dũng ở đồn Quần-ác và đồn Phú-trung 府中, ông Diệu và ông Dũng đều phải bỏ thành vào núi trốn chạy. Ông lại kéo quân về đóng ở thành Bản-xá.

Ngày mồng năm tháng năm, vua triện ông về kinh ban thưởng cho bốn nén vàng, một trăm nén bạc và một ngàn hoa-viên, rồi sai làm Phó-tướng đạo quân thủy để ra đánh Bắc-hà. Ông cố từ chức ấy mà xin đi làm tiền-phong một đạo quân khác, nhưng vua không bảo mà cho đi hộ-giá vua.

Khi ra tới trấn Nghệ-an, vua hạ-chiếu cho ông làm Trấn-thủ Nghệ-an, nhưng ông nghĩ rằng lúc bấy giờ thiên-hạ đã gần bình-định, mà ông thì đã công-thành danh-toại rồi, và phong-trần hơn hai-mươi năm trời, trong lòng đã chán việc võ, mà muốn về nghỉ-ngơi, bèn cố từ không nhận chức Trấn-thủ mà xin về nhà làm ruộng, nhưng vua cũng không cho.

Ngày mười sáu tháng sáu, quân vua tới Sơn-nam-thượng-trấn. Vua thấy trấn ấy ở gần núi Hoành-sơn 橫山 (?) có nhiều quân vô-lại ẩn-nấp ở trong núi ấy mà thường ra làm rối sự trị-an trong xứ, không phải tay giỏi thì không trị được, bèn sắc cho ông làm Trấn-thủ ở đó. Lần này ông không dám từ nữa, nhưng thường khi nói chuyện với ai thì cứ tỏ ý buồn-bã không vui. Ở trấn được vài tháng thì xin từ chức mà về thành Thăng-long để vào yết-kiến vua. Lúc bấy giờ ông thấy thiên-hạ đã yên rồi không muốn chen thân vào trường công-danh làm gì nữa, bèn lại dâng biểu xin về hưu-trí, nhưng vua không cho mà sai đi lĩnh chức Phó-tướng đạo tiền-quân. Ông lại cố từ không chịu phó-chức, vua lại sai ở lại Bắc-thành mà giúp việc cho ông Thành.

Năm quí-hợi 癸亥 (1803), giặc biển vào cướp đất Thần-khê 神溪, ông Thành sai ông lĩnh quân đi đánh, nhưng được ít lâu lại sai qua Chưởng-dinh là ông Long 龍 và quan Binh-bộ là ông Thường ra thay.

Năm ất-sửu 乙丑 (1805), vua Gia-long có chiếu triệu về Kinh. Khi ở Kinh, các việc chính-sự vua thường hỏi ông luôn, ông lại có điều-trần mười tám điều tiện-nghi, vua đều thi-hành cả.

Ông ở Kinh được mấy tháng lại dâng sớ xin về nghỉ một năm. Hết hạn nghỉ, ông lại ra lĩnh chức ở Bắc-thành. Lúc bấy giờ ở ngoài Bắc có ông Lê Duy-Địch 黎維迪 khởi quân ở núi Hoành-sơn, đặt niên-hiệu là Thái-bảo, các đảng trộm cướp trong mười một trấn đều theo cả, các châu huyện phần nhiều bị bọn ấy cướp phá tàn-hại lắm. Quan Trấn-thủ Sơn-nam là ông Dĩnh 頴 vì việc ấy mà phải cách chức hoàn dân. Quan Tổng-trấn là ông Thành bèn sai ông quyền lĩnh chức Trấn-thủ trấn ấy để tiễu-trừ đảng giặc. Ông đào-nhậm thì dẹp yên được ngay, mấy huyện hoàn-trấn như huyện Thanh-kim 青金, huyện Duy-bình 維平 đều nhờ đó mà được yên-ổn.

Tháng hai năm canh-ngọ 庚午 (1810) có chiếu vua triệu về Kinh. Ông ở Kinh chưa được mấy lâu lại theo vua đi Quảng-nam để đo đất đắp thành.

Ngày mười bảy tháng ba năm tân-vị 辛未 (1811), ông bị chứng đau bụng, trầm-mê bất-tỉnh, rồi tới ngày hai-mươi-bốn thì mất. Ông thọ được năm-mươi-bảy tuổi.

Chỗ này trong gia-phả chép một cách hồn-hàm không hiểu được rõ là ý nói làm sao. Nguyên gia-phả chép rằng :

« Vua ngự-giá về Kinh thì gặp khi bà Lê Đức-phi 黎德妃 mất, đến Thái-miếu và đến Cần-chánh cũng hiện đương làm, nước Tiêm-la 暹羅 và nước Ai-lao 哀牢 cũng đều tới triều-

cống, đấng nhân-chủ một ngày muôn việc, cho nên cũng không kịp hỏi-han gì đến ông, mà ông thì cũng tuổi già, cho nên cũng biếng vào triều-yết.....»

Vua nghe tin ông mất thì sắc cho bộ Lễ phát tiền kho mua gấm vóc và quan-tài tới khâm-liệm, sai quan đưa về quê nhà và gia-tặng hàm Thiếu-bảo. Tháng sáu năm ấy vua lại sai quan Hiệp-trấn Nghệ-an đưa đồ lễ và bài văn tế của vua tới nhà mà dự tế. Vua lại sai phát tiền mua vôi mua gạch và sai quan Quản-phủ phủ Anh-sơn làm đốc-công xem việc xây lăng cho ông. Vợ con đều được ăn lương tới chung-tang ông.

Ông người công-bình và thanh-liêm lắm, khi làm quan, trừ lương-thưởng và tiền vua ban thưởng ra, thì không có bổng-lợi gì ngoại nữa, cho nên khi ông mất rồi thì vợ con nghèo lắm.

NGUYỄN ĐỨC-TÍNH

HI-LONG DI-THẶNG

希龍遺乘

Dật-sử một nhà nho nước Nam : Cụ Đặng Xuân-Bảng tự Hi-long (1)

IX

XXI

Mở trường dạy bảo học sinh, Bỏ tiền khắc sách khắc kinh khuyên người.

Triều vua Thành-thái năm thứ bảy.

(Tây-lịch năm 1895)

Sáu-mươi-tám tuổi, thiết-trướng ở xã Lại-trì, học trò các nơi đến học cũng đông. Nhiều người thành-đạt ; có khoa đỗ thủ-khoa, cử-nhân, tú-tài hơn hai mươi người.

Ông dạy học không những dạy văn bài, mà dạy cả đường ăn lẽ ở. Thường biểu học trò rằng : « Văn-chương là cái bước khoa-danh, đạo-đức là cái nền sự-nghiệp, có văn-chương có đạo-đức mới là nho-nhân thượng-lưu. Kia xem các nước Âu-châu người ta học có ba điều : một là đức-dục, hai là trí-dục, ba là thể-dục. Trí-dục là gì ? học cho biết đường tính-toán, sự làm-ăn, cách giao-thiệp. Thể-dục là gì ? học để biết cách thao-luyện, phép vệ-sinh. Đức-dục là gì ? học cho biết cương-thường luân-lý để đối-đãi với nhân-quần. Trong ba điều ấy, gọi là phổ thông. Đến khi lớn mới học chuyên-môn khoa-học, nên nhiều người thành-tài. Nước ta nhiều nhà nghèo để con giông-dài, có bảo cho đi học thì bố mẹ lại bảo rằng không có lương ăn. Nhưng không biết để con thời phải nuôi con ăn ; nuôi con mà không biết dạy con, đến khi lớn lên, ăn không nên đọi nói không nên lời, sau phải nô-lệ người ta, đầu đội vai mang, chân bùn tay lấm, thế là để khổ cho con một đời. Còn như nhà giàu đón thầy cho con

(1) Xem Nam-Phong từ số 132.

học, chỉ tập lấy văn bài kinh-nghĩa, thơ phú văn-sách cho hay để vào trường thi giật được cái cử-nhân, lấy lối ra làm quan, thế là thỏa cái lòng hi-vọng; đến như đường luân-lý, cách sinh-nhai không có dạy đến. May mà đỗ được ra làm quan, lúc bấy giờ đắc-chí, hai chữ danh-lợi làm cho tối cả khúc ruột, đen cả khúc lòng. Những lời thánh-hiền dạy ở trong ngũ-kinh tứ-thư, giờ đến bụng không còn chữ nào cả, chỉ chăm chăm buộc dân vào tội, khoét dân lấy tiền, không sợ đạo trời, sợ phép nước, sợ miệng người ta cười. Thế thời dạy học mà không dạy nghĩa-lý, chỉ dạy lối thi đỗ để ra làm quan, thì khác gì thả một đàn cọp ra để cắn hại người ta. Cái lối ấy không những tại người học mà tại người dạy học. Nay các anh đến học phải nghe lời tôi thời tôi mới dám bảo. »

Xã ấy họ Nguyễn nhiều nhà giàu nhưng ít văn-học, thường bị huyện-thứ họ khác áp-chế, tức mình muốn lập riêng một xã khác. Ông gọi những học trò họ Nguyễn đến bảo :

« Các anh đã biết phân xã là lợi, nhưng không nghĩ đến cái hại sau này, công việc quan và thuế-lệ điều gì cũng thêm tốn ra mà họ các anh ruộng nhiều hơn các họ khác. Nay lập riêng xã chiếu số ruộng chia ra, ruộng cũng về địa-phận xã các họ khác một nửa, thời các anh lại phải đi phụ-canh, tiền lúa sương, tiền phí lệ, họ lại bổ nặng nữa, bấy giờ lại càng tức thêm. Việc phân xã cũng không dễ : có mất tiền cho quan thời người ta mới cho phân. Các anh học, tôi vẫn thường dạy chữ « *nhẫn khí miễn thương tài* 忍氣免傷財 » cũng như lời tục nói : « một câu nhịn là chín câu lành ; chữ nhẫn là chữ nghìn vàng, hễ ai nhẫn được mọi đàng mọi hay. » Các anh nên nghe lời tôi thôi đi. »

Người xã ấy là Bùi Bán-Thiên học hay chữ, đỗ ba khoa đầu-xứ. Ông giáo Dục người ở xã Đan-loan nghe tiếng gọi gả con gái cho. Anh ta nhà nghèo, tính vẫn đài-điếm, chè tầu thuốc lá, rõ cách phong-lưu, coi như « công-tử bột » vậy. Vợ con nhà quan, mình con nhà dân, lại hay hách với vợ. Người vợ đảm-đang, cũng đáng là nội-trợ, thức khuya dậy sớm, giã gạo kín nước để phụng-dưỡng anh ta ; nhưng gặp anh ta cơn nóng lên thì bị dùi đục nện vào lưng dăm bảy cái.

Ông nghe chuyện tìm lại mắng rằng: « Anh học cũng khá, nhưng chỗ gia-đình anh không thiện-xử. » Anh ta chối. Ông bảo rằng : « Anh hay hách với vợ, đánh vợ nhiều trận đau lắm, tôi biết đã lâu. Tôi nghe nói vợ anh con nhà tử-tế và có nết-na, sao anh phũ tay đánh làm vậy ? » Anh ta kêu rằng : « Nó khinh con nghèo, bảo nó không nghe, lúc giận lên có đánh đập qua-loa cho nó biết sợ. »

Ông bảo : « *Phụ-nhân nan hóa* 婦人難化, vì là đàn bà nước ta không học. Đã không học thì còn hiểu lẽ gì phải, lẽ gì trái ; làm người chồng phải nên răn-bảo dần dần, lâu cũng có thể hóa được. Nhưng cốt phải mình ăn-ở đứng-đắn, tính-nết khoan-hòa, thời mới bảo người ta được. Vả đàn ông nghe vợ cũng không phải, ghét vợ cũng không phải, trong cửa trong nhà ở sao cho trong ấm ngoài êm là hơn. Tôi xem tướng anh sau này cũng đáng quan. Bây giờ anh làm học-trò anh còn hách với vợ, mai sau anh đỗ ra làm quan thời lại hách với dân đến thế nào. Anh còn nhớ chữ « *Tiên tu thân nhi hậu tề gia tiên tề gia nhi hậu trị quốc* 先修身而后齊家，先齊家而后治國 » hay không ? Nghĩa là phải sửa-sang cái đức-hạnh của mình, rồi sau mới tề được nhà, tề được nhà mới trị được dân, được nước. Nếu quên, anh về giở sách *Đại-học* ra mà xem kỹ lại. »

Tự đấy nghe lời, anh ta mới tỉnh-ngộ,

Khoa ấy thi đỗ cử-nhân, quyển thi ba kỳ bài đều phê ưu bình đáng đỗ thứ nhất thứ nhì, nhưng quan trường thấy tên đặt là Bán-Thiên, có ý ghét đặt tên kiêu-ngạo. Hỏi ra thời khoa trước anh ta hỏng thi không được vào phúc-hạch, tị với người làng học kém mình mà đỗ, nên đánh xuống cử-nhân gần thứ ba mươi. Khi đến bái-môn xin ông đổi tên cho là Bùi Khiêm-Chi.

Lại có một người học-trò ở xã Kiếu-xương đỗ cử-nhân về làm tiên-chỉ, bị phải tên chánh-tổng cựu nó lừa-dảo làm cho nhiều điều đau-đớn, như kim châm vào ruột.

Nhân có việc sự-lệ tế thần, người chánh cựu nói với thầy cử rằng: « Làng ta khoa-mục vẫn hiếm, may ngài nhờ ơn thần thánh bước lên, dân-sự lấy làm mừng lắm. Nay có việc tế thần cũng nên vào đám chèo hát, trước là sự thần, sau là để dân-sự ta vui-vẻ. » Thầy cử tưởng thật, xin vâng. Bấy giờ vào đám năm đêm ngày, chèo hát, tổn-phí đến hai trăm bạc.

Khi xong đám, tiền phu đài-đệ, tiền chèo hát, các thứ tiền tên chánh cựu cứ xui lũ ấy vào nhà thầy cử đòi. Thầy cử ngạc-nhiên bảo rằng: « Việc ấy là việc đồng-dân, lũ ngươi cứ ra trình với cụ chánh và kỳ-lý các ông ấy tính cho, chứ không phải việc riêng ta. »

Lão chánh cựu bảo rằng:

« Thầy cử nói lạ; làng ta xưa nay có lệ chèo hát đâu, việc ấy là thầy cử bày ra để phụng thần và mừng dân đó. Sao cứ sự vui-vẻ, sự sung-sướng thời thầy nhận, đến sự mất tiền thời thầy ấy lại đui cho dân là lẽ gì? »

Thầy cử mới ngã ngang ra, biết mình đã mắc phải hợm nó rồi; không biết đổ cho ai, phải bỏ tiền túi ra, lấy làm cay quá.

Lệ làng ai làm tiên-chỉ được ăn cả phần sỏ. Nhân năm ấy mất mùa, dân làng túng đói. Lão chỉ cựu bàn với dân đến nói với thầy cử rằng hung-niên sái-lễ, năm nay chước lễ trâu lễ lợn, chỉ mua mấy con gà để lễ mà thôi. Lễ xong lão chỉ cựu bảo dân đem biếu thầy cử rặt những đầu gà. Thầy cử đằng ngắt.

Sau thầy cử lại phải cái lừa rất to nữa. Làng ấy nhân có việc cấp ruộng, người chánh cựu định làm hại thầy cử, nhưng không ra mặt, lại mượn tay các người huynh-thứ đến nói phỉnh rằng: « Làng ta việc cấp ruộng trước xưa dân anh cứ đem con cháu ra nhận lấy phần ruộng tốt, còn phần xấu dùn cho con em, nên không được công-bằng, dân ta-thán mãi. Nay ngài đỗ lên, làm tiên-chỉ, dân cũng trông mong có ngài, xin ngài đứng ra để cấp lại, chúng tôi cảm ơn lắm ».

Thầy cử bảo: « Tôi học-trò, may nhờ phận bước lên, dân bầu làm tiên-chỉ, cũng xin đa-tạ lòng dân. Còn việc cấp ruộng chưa quen, bởi vì ruộng làng ta linh-tinh các sở, chỗ nào xấu chỗ nào tốt tôi chưa hiểu, không biết có cấp nổi không? Thôi, việc này đã có cụ chánh với các ông quen việc, theo như mọi trương cấp thế nào thời bây giờ cấp thế vậy. »

Huynh-thứ nói rằng:

« Ngài là người công-minh, xin ngài đứng ra làm trụ, còn thừa-hành đã có kỳ-lý chúng tôi. Phỏng khi có sự gì nói với quan trên thì nhờ một lời nói của ngài bằng trăm lời nói của chúng tôi. Ngài làm tiên-chỉ mà ngài lại từ chối, thì việc dân bỏ cả. »

Thầy cử nghe nói bùi tai, xin vâng. Bấy giờ mới thân-hành lên kêu với quan huyện sở-tại về xin cấp ruộng lại, quan huyện y cho. Hội cấp ở đình, kỳ-lý mỗi ngày ăn hết một con lợn. Đến hai tuần-lễ cấp cũng không xong, người ganh phần ruộng tốt, người chê

phần ruộng xấu, chửi mắng lôi-thôi, không thể cấp được. Tiền lợn gạo thời người ta cứ đến đình đòi hỏi. Lão chánh cựu bảo người có lợn gạo ấy rằng hỏi ông nào xướng-suất việc này cứ ông ấy mà đòi. Ký-lý nói : « Xướng-suất thì còn có ai, có quan cử là tiên-chỉ đó. » Bấy giờ các người ấy kéo đến thầy cử réo tiền. Thầy cử ta cuống lại không biết tính thế nào, nói rằng : « Việc đồng-dân phải tính số tiền công hay bỏ tay ra trả người ta, không có lẽ riêng mình tôi phải chịu. »

Lão chánh cựu nói : « Ngài không chịu thì ai chịu. Nếu việc cấp ruộng xong, tốn đến mấy trăm dân cũng chịu; nhưng làm dở làm dang như thế này mà bỏ phí cho dân chẳng mang tiếng lắm ru ! »

Lúc ấy huynh-thứ và đồng-dân đều nói như lời lão chánh cựu ; bè dân đông không thể nói lại được. Thầy cử cay quá, mới biết mình cần phải ớt lần nữa.

Một hôm đến hầu chuyện ông, ông hỏi đến chuyện làm tiên-chỉ, mời kể lai-lịch để ông nghe. Ông bảo : « Thôi, anh nghe tôi từ tiên-chỉ đi, nếu còn đa-mang cái phần sỏ thời còn hại nữa. Người ta nói : *phải một cái trái đến già*. Nhưng tôi nghe anh đã phải nhiều cái oái-oăm, có phải không? Bọn cường-hào họ lừa-lọc dảo - điên, mình thì thẳng như ruột ngựa, tưởng bụng họ cũng như bụng mình, ngờ đâu đến những sự bất-trắc như thế, vì là phải nhà nho chỉ quen rung đùi ngâm thơ, vuốt râu xem sách, hỏi đến việc dân thời không biết tính-thế ra làm sao, mưu-mẹo ra làm sao, mù-mịt như đứng trong đám mây tối vậy. Vả làm anh học trò nhất-đán bước lên, ăn trốc ngồi trên, phần đưa cỗ biếu, ngồi mình một chiếu, ăn mình một mâm, bọn cường-hào họ vẫn cắm, họ không nói ra miệng, nhưng lòng họ vẫn chực làm hại mình. Mình thì thế cô, họ thì vai cánh nhiều, không thể chống lại được. Anh nên từ tiên-chỉ đi, rồi mà đi dạy học, hoặc làm giáo-chức thì hơn.

Khi ông dạy học có bài ca diễn sau này :

— *Thầy thi đỗ, thầy thi đỗ, đã trót đa-mang cái tiếng thầy đồ, gánh cái nền đạo-đức với cái bồ văn-chương ;*

Rừng nho dây tỏ nẻo đưa đường, bén lòng trung hiếu vẫn chán cái tuồng lợi-danh ;

Ngọn đèn quyển sách lúc đêm thanh, mực đen bút đỏ ấy là mình nhân-duyên;

Lôi văn bài điểm - điểm khuyên-khuyên, kinh ông thánh truyện ông hiền đó cùng tinh ;

Sự trên đời ngoảnh mặt làm thinh, con đàng tiến-hóa để dành cho các đàn sau ;

Mặc ai khanh-tướng ai công-hầu, giang-hồ lang-miếu đã trải cái mùi giàu mùi sang ;

Đội ơn trời cho thọ lại cho nhàn, cùng - thông bĩ-thái vẫn coi thường chẳng có lo ;

Có tâm-điền trời hẳn phúc cho, tha-hồ phóng-khoáng chẳng có bo-bo cái của đời.

Ai nghe lão nói đừng cười !

Ông ngồi dạy học được tuế-bổng bao nhiêu, đem khắc sách cả, và phải xuất tiền nhà mua vào, chi công thợ. Tìm thợ khắc người làng Liễu-chàng đến khắc. Ông hỏi khắc gỗ gì tốt ?

— Bẩm, tiên-sư chúng tôi dạy xưa rằng chỉ khắc bằng gỗ thị.

Ông hỏi :

— Tiên-sư là ông gì.

— Bẩm ông Lương Như-Hộc người Thanh - liêu, tỉnh Hải - dương, đỗ Thám-hoa triều vua Nhân-tôn nhà Lê, đi sang sứ Tàu học được nghề khắc sách về dạy làng Thanh-liễu và làng chúng tôi, nên thợ chúng tôi phải tuân theo không khắc bằng gỗ khác được.

Nghe lời ông sai người đi mua gỗ thị. Ở làng ấy có một cây thị to, dùng làm ván khắc được, nhưng cây ấy có ma thiêng, cả xóm chỗ ấy phải thờ. Ông định mua, xóm ấy sợ không dám bán.

Ông gọi bảo rằng:

— Nay ta cần dùng ván khắc, bán bao nhiêu tiền ta cũng trả, còn như thần thiêng ở đó không ngại.

Người xóm bẩm rằng:

—Ngài mua để khắc kinh sách cũng là nghĩa-sự, chúng tôi không dám tiếc, chỉ vì dức thần tối-linh, nếu bán đi sợ thần quở phạt, rầy đến xóm chúng tôi, thì ngài dạy như thế nào?

Ông bảo:

— Thần có quả thiêng, tôi làm việc phải chắc cũng vui lòng, không ngại.

Bèn làm bài văn tế sai người đem đến lễ, khấn xong lập-tức chém cây thị, cưa làm ván khắc. Sau xóm ấy cũng được yên-ổn, không thấy có sự gì.

Tiền ván tiền khắc tuế-bổng chi không đủ, nhà lại không sẵn tiền, phải bán ruộng.

Phu-nhân nói:

— Ông đi làm quan bổng-lộc không được mấy, nay về nhà đã đi dạy học, mỗi năm bao nhiêu tiền tuế-bổng, tôi chẳng được tiêu đồng nào, mà cứ thấy bán ruộng khuân tiền đi làm gì, mà mất lắm như thế?

Ông nói:

— Bán để khắc sách.

— Tôi thấy nhà đã chán sách ra rồi, còn khắc làm gì nữa?

— Sách nhà những sách cũ, học về lối khoa-cử, còn như sách khuyến-thiện thời không có, nên tôi khắc để con cháu nó xem, và có ai muốn thì cũng cho người ta in; xem sách ấy có bổ-ích hơn sách cũ.

— Sách ấy có bổ-ích, nhưng cứ phải bán ruộng mãi, thì sau này lấy gì mà ăn, lấy gì mà tiêu, lấy gì mà sinh-cơ lập-nghiệp cho chúng nó? Không biết con cháu sau này có thể đem sách ấy mà ăn, mà mặc, mà tiêu được hay không? Ông thực lạ quá, hễ muốn làm gì thì làm ngay lập-tức, chẳng nghĩ gần nghĩ xa gì cả.

— Để của cho con mà không biết tích-đức, không biết dạy bảo, thời con cháu nó nghĩ ông cha đã sẵn của đó rồi nó cứ ngồi nó ăn nó tiêu, nó chơi nó phá, cũng là giao-du với những đồ vô-loại, cờ-bạc giông dài, của núi cũng hết. Không bằng để sách cho chúng nó, đứa học được thì cho học, đứa làm được thì cho làm; lúc rỗi bắt chúng nó giở thiện-thư ra xem, biết lẽ phải chăng, biết việc cần-kiệm cho chúng nó. Bà thử xem nhà cụ Nghè Phát ở xã Quần-anh gần đây. Cụ trước làm Đinh-điền-sứ, phần khẩn mấy ngàn mẫu ruộng tư, thế mà chưa được bao lâu đến nay đã gần hết. Không những là nhà cụ ấy, nhà các quan cũng thế nhiều. Tôi thường vào nhà chơi với ông quan bạn đồng-liêu, thấy nhà lát rặt những cối đá chung quanh nhà, và bốn chung quanh ao, lòng ao đều lát cối đá cả. Tôi hỏi sao nhiều cối đá thế? Ông ấy nói để ruộng cho chúng nó thời chúng nó dễ bán, để cối đá thời sau này chúng nó có đói bán dần từng chiếc nó ăn. Đến bây giờ tôi hỏi thăm thì con cháu ông ấy đã móc đến cối đá bán gần hết. Tôi lại đến chơi một nhà ông quan, thấy mấy cái nhà làm rất kiên-cố, đầu cột, đầu sà đều chốt đinh sắt. Tôi hỏi thời ông ấy bảo rằng làm thế này để ngày sau không cho chúng nó bán; vì là người mua nhà ngại không dỡ được thời không ai muốn mua. Nay tôi hỏi thăm thì người làng ấy nói con cháu đã bán cả nhà và đất rồi. Thế biết ở đời, tiền của là cái vật ở ngoài thân, cối

đức là cái vật ở trong thân ; vật ở trong thân mà không giữ được thì cái vật ở ngoài thân giữ thế nào được ? Tiền của cũng tiền của trời, hễ ai có phúc thì trời mới cho. Nếu không có phúc, để cả cho thiên-hạ, thành vàng ao bạc cũng chả giữ được, nữa là của nhà riêng.

— Ông nói cũng phải, nhưng ông chỉ hay nói chuyện đường đài. Ở đời được lúc nào hay lúc ấy. Nếu một mai ông lại muốn khắc bộ sách gì, về lại bán ruộng thì đói ngay đến nơi, chả phải đợi đến con cháu.

— Kể chi đường dài, xem ngay như nhà mình thì biết. Cụ Thượng sinh ra bà mày lúc làm học-trò chỉ vay được sáu-mươi đồng tiền kẽm đi lên Hà-nội học. Đến như cụ sinh ra tôi, cơm không có mà ăn, dầu không có mà học, mà cũng làm nên được như thế này, có phải cần gì tiền của đâu, cũng nhờ về phúc của tổ-tiên và quyển sách đó.

Phu-nhân lặng im không nói gì nữa.

Khắc những bộ sách ấy mất đến hơn hai nghìn quan tiền ; đã bán ruộng và tuế-bổng cũng còn thiếu. Thợ khắc nó đương đòi tiền, về bán ruộng nữa, ngại thất-ý bà phu-nhân.

Đương ngồi ngơ-ngẩn nghĩ cách làm tiền, bỗng thấy người nhà ông Cao-Xuân Dục (người Nghệ-an, đương làm Tổng-đốc Nam-định) đem bốn-mươi đồng bạc giúp về sự khắc sách. Ông mừng quá: mình đương lúc cần tiền mà lại có người giúp cho mình, thực là trời tựa. Thế mới biết việc gì phải nghĩa, đáng làm thì cứ làm, nếu mình cứ ngồi dẫn-do đợi bao giờ có tiền sẽ làm thời không có việc gì làm được.

Ông khắc bộ « *Cổ-nhân ngôn-hành lục* 古人言行錄 » chép những lời nói việc làm của người đời xưa, bộ « *Nam-phương danh-vật khảo* 南方名物攷 » sách soạn những tên vật của nước ta ; bộ « *Bắc-sử thông-giám tập-lãm* 北史通鑑集覽 » sử của nước Tầu soạn lại ; bộ « *Huấn tục* 訓俗 » là những lời răn bảo thói đời. Còn như bộ Tứ-thư 四書 Ngũ-kinh 五經 là sách kinh truyện, rút những lời chú-thích ngắn lại, để học cho tiện ; bộ « *Nam-sử tiện lãm* 南史便覽 » là sách sử nước Nam soạn lại, từ đời vua Hồng-bàng cho đến đời vua Gia-long, và bàn thêm nghĩa rộng ra nữa ; bộ « *Sử-học bị-khảo* 史學備攷 » chép kỹ những việc thiên-văn địa-dư, và quan-chế của nước mình ; sách « *Thiện-ác kinh* 善惡鏡 » là sách chép những truyện thiện ác để làm gương ; bộ « *Cư-gia khuyến-giới tắc* 居家勸戒則 » là những lời dạy bảo phép-tắc ở trong nhà. Đó là những sách tay ông soạn viết lấy, ngoại bảy-mươi tuổi vẫn còn nắm viết, không phải đeo kính. Thực trời cho ông thọ mà lại khang, không mấy người được như thế.

Ông học rộng, thiên - văn, địa-lý, nhâm-độn, số-bói và sách thuốc, sách nào ông cũng có xem. Quan Tổng-đốc Cao Xuân-Dục nghe tiếng ông, khoản-đãi cực là trân-trọng, mượn sách của ông sao viết để con cháu học. Năm ấy quan Cao có sớ tâu triều-đình rằng : « Ông có văn-chương, có đạo-đức, tự khi hưu-dưỡng đến nay chăm việc soạn sách, dạy học trò thành-đạt được nhiều, thực là « Nam-châu lĩnh-tụ 南洲領袖 ». Nghĩ xin cho khai-phục nguyên-hàm tuần-phủ hưu-trí ở nhà. »

XXII

Tuổi già đã bảy mươi hai
Dạy răn con cháu vui chơi cảnh già

Triều vua Thành-thái năm thứ 11
(Tây-lịch năm 1899)

Bảy-mươi-hai tuổi. Năm ấy gặp làng có trương yến-lão. Kể quan lão ông là tuổi hơn cả, có thơ tự-thọ:

Cảnh xuân nào biết có hôm nay,
Mọi vẻ trời cho mọi vẻ hay ;
Lầu ngạc hương đưa bên gối xếp,
Thềm lan hoa nở dưới màn vây ;
Trải nơi chung-đỉnh trăm mùi ngọt,
Vui cuộc sơn-hà một chén cay ;
Gió lệch mưa tà chừng mấy độ,
Mảnh gương thanh-bạch vẫn còn đây.

Khi ông bị chứng thương-hàn, phu-nhân lo-sợ, mời thầy lang đến xem bệnh. Thầy lang án mạch xong, phu-nhân hỏi bệnh thế nào, có chóng khỏi không.

Thầy lang nói :

—Bẩm, cụ lớn bệnh lão còn phải tốn nhiều thuốc.

Phu-nhân bèn bảo nhờ thầy cần về cắt một chén để ông xơi. Đến lúc thuốc mang về trình, ông hỏi :

—Thầy ấy bốc bài gì mà chén thuốc to lắm vậy ?

Mở ra xem thì thấy rặt sài-hồ, xương-truật, xuyên-khung, cát-cánh, độn vào cho nhiều.

Ông bảo :

—Thuốc thế này uống thế nào được. Thầy thuốc chỉ học võ vẽ được vài quyển y-học đã tự-đắc lên mặt ông lang, chẳng biết mạch-lạc ra làm sao, bệnh-chứng ra làm sao, hễ chữa bệnh thì giở phương cũ ra cho người ta uống, thậm-chí bệnh người ta chẳng sao cũng dọa người ta bệnh nặng, để ra chuyện mình chữa được, sau còn vòi tiền ; lại có thói hay nuôi bệnh để bắt người ta phải uống thuốc của mình, bốc thuốc thì bốc những vị ít tiền, sau để tính từng chén đòi tiền của người ta. Đàn bà không biết lối họ, hễ hơi bệnh cứ uống thuốc, mất tiền vô-ích.

Bà nói rằng : « Bệnh lão có phải như bệnh trẻ trẻ, ốm nọ bò dậy đau. Bệnh lão mỗi ngày mỗi khác, không uống thì khốn to. »

Ông bảo :

—Đàn bà không học thuốc không biết sách thuốc có chữ : « *vô dược đắc trung y* 無藥得中醫 », nghĩa là không uống thuốc cũng như là thầy thuốc bậc trung vậy. Vì rằng uống thuốc không phải mặt thời một ngày thêm phá chứng ra, bấy giờ lại phải đem thuốc chữa thuốc không những là chữa bệnh. Nhiều người bệnh su-sơ uống thuốc vào thì bệnh giất-giây đến hàng tháng. Thuốc ấy tôi không uống, tìm anh ta đến mắng cho một phen để bận sau chừa những thói ấy đi.

— Thuốc anh ta cũng khá, trẻ nhà này vẫn thường uống thuốc của anh ta, đưa nào cũng thấy khỏi.

— Số không chết, thuốc nào uống chả khỏi, chỉ có một chóng một chậm mà thôi.

— Ông không uống thuốc anh ta thì uống thuốc ai ?

— Chứng thương-hàn thì uống bài bại-độc, hoặc là lấy hương-nhu, kinh-giới, tử-tô nấu một bát rõ đặc uống cho ra mồ-hôi rồi cũng khỏi ; thuốc ấy tôi không uống.

Ngày mai ông bệnh đã đỡ, ông đã ra ngoài được. Thầy lang lúc bấy giờ không thấy đến lấy thuốc nữa bèn đến thăm bệnh, xem thế nào.

Thấy bóng thầy lang đến phu-nhân sợ ông mắng, liền nói rằng : « Thầy lang đến đó, ông đừng nói gì nữa kẻo thầy ấy mất lòng. »

Thầy lang vào thấy ông ngồi chơi như thường, mừng rỡ nói :

— Bẩm cụ lớn nay bệnh đã đỡ rồi ?

Ông nói :

— Không ngờ thuốc thầy lang giỏi.

Thầy lang ta nghe nói nghĩ thực có ý lên mặt thuốc mình hay :

— Bệnh cụ lớn hôm mới rồi tôi xem chứng ngoại-cảm mà mạch trầm-tế vô-lực, nên tôi cắt ghé bổ, uống phải mặt thời một chén khỏi ngay.

— Thuốc thầy hay nhỉ, đã ngoại-cảm thì mạch phải phù hay là hồng, sao lại trầm-tế vô-lực là nghĩa gì?

— Bẩm ấy là bệnh với mạch tương-phản.

Hỏi đến cùng-lý thầy lang trả lời nghe ra lúng-túng.

Ông lại nói :

— Thầy thuốc ta chỉ làm mò, thuốc tây người ta có kinh-nghiệm, có chân-kiến không như mình. Làm thuốc phải xem sách y-học của mình mà sách thuốc tây cũng nên biết. Nên mua bộ *Trung-Tây hối-thông* 中西匯通 của ông Đường Đôn-Hải (người nước Tàu đời vua Quang-tự) mà xem ; sách ấy tham cả trung-tây y-học.

— Bẩm thuốc tây ta uống không chịu. Tôi xem nhà thương chữa bệnh ngoại-khoa châm-chích thì cũng có cái thần-hiệu ; nhưng chữa chứng thương-hàn thời mười bệnh hỏng cả mười.

— Thế chả còn hơn thầy thuốc nước mình ngoại-khoa nhiều bệnh không chữa khỏi, nội-khoa cũng chẳng biết gì, chỉ giở *Y-học* 醫學, hoặc bộ *Cảnh-nhạc* 景岳, bộ *Hải-thương Lãn ông* 海上懶翁 ra xem, thấy bệnh nào như thế, cứ in bài thuốc ấy cho người ta uống, còn biết đến bệnh-căn hàn nhiệt hư thực biểu lý ra thế nào, tờ-mờ như xẩm sờ gậy, may mà trúng khỏi được một vài cái bệnh đã nói khoác một tấc lên đến trời.

— Bẩm cụ lớn dạy thế nào nên thế vậy, tôi không dám nói lấy hay, nhưng nhà cụ đây, lỡ khi giở trời trái gió cũng chả khỏi tay tôi, hiện có bà lớn biết đó.

Ông gọi Phu-nhân hỏi :

— Tôi phải cảm mới rồi cũng uống thuốc thầy lang đấy à ?

Phu-nhân chưa kịp trả lời, thầy lang ta liền bẩm :

— Khi cụ lớn cảm mệt, bà lớn có bảo tôi cắt thuốc, cụ xơi đó.

Ông sai cầm chén thuốc ra đưa cho thầy lang xem. Thầy lang ta nhận rõ chén thuốc của mình bốc còn nguyên đó, không biết nói làm sao tự nghĩ thẹn quá.

Các cô con gái nghe nói ông phải cảm, rủ nhau đến hỏi thăm, rồi lại hầu chuyện phu-nhân. Ngồi rồi kể chuyện nhà chồng lôi-thôi. Cô thời kể mẹ chồng nghiệt, cô thời kể chồng rượu chè, cô thời kể ở nhà chồng khó nhọc. Phu-nhân nghe nói có ý ân-hận cho các con. Bấy giờ ông đi qua nghe thấy mẹ con phàn-nàn tiếng nhỏ tiếng to, ông bảo : « Con con mẹ, dâu dâu người, hay dở cứ ở nhà chồng, thôi đừng kể-lể nữa. »

Phu-nhân nói :

— Các con nó đến thăm ông, ngồi rồi nói chuyện mà nghe.

— Tôi đã biết rồi, thôi con gái đi lấy chồng hễ về nhà bố mẹ thời cứ kể chuyện nhà chồng, chứ còn biết nói chuyện gì nữa.

— Ông chưa biết nông-nỗi nhà chúng nó. Mình có mấy cô con gái gả cho những chỗ tử-tế sang-trọng cả, nhưng chỉ vì cô thời phải chồng rượu, cô thời phải mẹ chồng nghiệt, cô thời phải làm vất-vả xấu-sa cả người ra, kể tình-trạng lại cho tôi nghe.

— Nghe làm chi cho bận tai. Lời ngạn nói : « Khoai chẳng ngừa cũng lăn-tăn, mẹ chồng chẳng độc cũng lân-nhẩu với nàng dâu » ; lại có câu : « Xấu-sa cũng thể chồng nhà, dẫu rằng tốt đẹp cũng ra chồng người. Lấy chồng theo thói nhà chồng, đừng như thói cũ ở cùng mẹ cha. » Thôi từ nay các cô ấy có nói chuyện việc nhà chồng thì đừng nghe, kẻo nữa thêm điều thêm chuyện.

Ngày hôm sau ông khỏi đi chơi các nhà, các con bẩm :

— Thầy mới yếu khỏi đã đi chơi ngay, sợ cảm nắng cảm gió, mình già tuổi lão nên phải kiêng-khem mới được.

Ông bảo :

« Tao chả như chúng con, hơi bệnh đã uống thuốc, trong trường ngoài màn, kiều-dưỡng lắm nó quen tính đi. Tao tự lúc trẻ tuổi đến nay có mấy khi yếu đâu. Nhớ ngày ở tỉnh Tuyên đi việc quân-thứ ở chỗ rừng núi nước độc, các quan và lính-tráng bị ốm chết cũng nhiều, thế mà ta có việc gì đâu. Chúng con bây giờ hơi ra nắng ra mưa thời đã đức đầu, sốt mình, cũng bởi tại không quen nắng gió, không tập khó-nhọc nên hay yếu làm vậy.

Khi bệnh bình-phục như thường gọi bảo các con : — Năm nay ta ở nhà không đi dạy nữa, mở trường ở nhà để cho chúng con học và ai có đến học cũng dạy.

Có một người tú-tài họ Trần người làng Yên-chỉ, tỉnh Thái-bình, đến xin học và xin ở trọ. Anh ta cổ thì cao, mũi tẹt lỗ, miệng nói ra rồng, mắt nhanh như thỏ, quần trắng ra tuồng, kính đen giở bộ, nói chỉ nói bông, chơi hay chơi xỏ, hát thạo chống chầu, rượu hay kề hũ.

Ông gọi nhủ rằng :

— Làm người học trò phải theo lễ-độ, đừng có xa-hoa, đừng nên trăng gió, không học thời thôi, đã học phải cố. Anh nghe có tài, cố học cũng dỗ.

Khoa ấy anh ta đi thi được vào phúc-hạch, vẫn tới ngay vào trường, mà vẫn hát ở nhà cô đào suốt đêm. Quan trường bấy giờ xướng đến tên thời anh ta mới lật-đật mang lều chiếu đến cửa trường mà vẫn có ba ả đào theo sau. Anh ta tính hay chơi, ít học nhưng văn-chương có tài-hoa. Khoa ấy đỗ cử-nhân thứ nhì. Đến bái-môn. Ông bảo rằng: « Anh vốn dòng thi-lễ, nay nhờ phận dỗ lên kế được nghiệp của tiên-ấm, tôi có bụng mừng. Nhưng tôi sợ lúc làm học trò còn chơi như thế, mai sau anh ra làm quan thời lại chơi đến thế nào. Thử nghĩ xem người ta như cái hoa vậy; hoa thì chỉ được sắc, hoa thì chỉ được hương, không mấy cái được kết-quả. Trong một khoa đỗ bao nhiêu người, nhưng cứ đến kết-cục, không mấy người toàn-thủy toàn-chung, anh phải nghĩ lại mới được.

Tự đấy phép thi và phép học đổi ra quốc-ngữ, chữ tây, tuổi ngày thêm lão, chán việc dạy học, chỉ chăm xem sách và dạy bảo con cháu chăm việc làm ăn.

XXIII

Ơn trời trường-thọ linh-hoa, Lâm-chung di-chúc gần xa mọi điều.

Triều vua Duy-tân năm thứ hai.

(Tây-lịch năm 1908)

Ông tám-mươi-mốt tuổi thường nằm chẳng sách xem sách thạch-ấn, chữ nhỏ cũng còn rõ. Tám-mươi-mốt tuổi khang-cường, già càng tốt lộc, cảnh càng thêm hoa. Tai chưa điếc, mắt chưa lòa, xương gân chưa mỏi, nước da chưa mồi.

Nhân gặp làng có lệ yến-lão, con cháu bẩm với ông rằng xin làm một tiệc thọ. Ông bảo :

— Ta tự bảy-mươi tuổi đến nay, kể hương-lệ ba năm một lần yến-lão, ta đã được sáu lần rồi ; vẫn lấy làm lo sợ. Sợ chúng con gặp thời buổi bây giờ không biết làm việc gì để giữ được cái gia-thanh của ông cha ngày trước, ta lo sợ lắm, nên không muốn bày giờ làm gì.

Phu-nhân nói :

— Ông đã ngoại tám-mươi tuổi rồi, gần đất xa trời, được năm nào hay năm ấy, giờ chỉ có việc vui chơi với

con cháu, hơi đâu mà lo nghĩ cho mệt. Lời ngạn rằng : « Đời cua cua máy, đời cây cây đào », nợ phong-trần đến đâu hay đấy, thôi đừng lo.

Ông nói :

— Đã biết vậy, nhưng nay việc yến-lão ta không muốn bày giờ làm gì, đợi mẹ chúng con được tám-mươi-tuổi lúc bấy giờ trời còn để ta tráng-thọ, hãy làm tiệc thọ một thể

Con cháu bẩm rằng :

— Cha dạy xin vâng, nhưng thọ là thiên-tước, trời cho mới được. Các quan trong làng ai cũng bày tiệc thọ, nay nhà mình lại chước đi thời người ta cười không hay qui cái thiên-tước của trời.

Ông không cưỡng được, bất-đắc-dĩ phải nghe :

— Làm tiệc thọ thời làm, chỉ làm chiếu-lệ, không xa-hoa. Nếu thừa tiền để sau làm việc công-ích.

Khi làm tiệc thọ, con trai, con gái, cháu, chắt, quanh dưới gối, chúc ba tuần rượu thọ xong, ông bắt đọc bài huấn-tục để con cháu đều nghe.

Ca huấn-tục :

Trời cho vẫn tính hiền lành,
Tập rồi tính mới ra tình điêu-ngoa.
Người ta như thể cây hoa,
Bé mà chẳng uốn lớn ra gẫy cành.
Khuyên con chăm-chỉ học-hành,
Trước cho biết lẽ sau dành quyết-khoa.
Tìm bạn tìm kẻ nho-gia,
Những người cờ bạc trăng hoa chớ [cùng.
Sớm khuya đèn sách nức lòng,
Một mai thi đỗ bõ công học-hành.
Dẫu mà còn muộn công-danh,
Khoa này chẳng đỗ để dành khoa sau,
Nào trời có phụ ai đâu,
Xưa nay sĩ vẫn đứng đầu tứ-dân.
Cao thời tri-chúa trạch-dân,
Thấp thời bản chữ độ thân lo gì ?
Làm thầy làm lại làm nghề,
Y-gia lý-số cũng vì chữ nho.
Khuyên con chăm chỉ học trò,
Nông tang con cũng phải cho chuyên-[cần.
Văn-chương thi đỗ tri thân,
Làm ruộng lấy thóc nuôi tằm lấy tơ.
Tằm có lứa ruộng có mùa,
Lam-làm theo lứa theo mùa chớ sai.
Được thua thời sự bởi trời,
Chớ thấy sóng cả mà rời tay ra.
Đi buôn lấy lãi nuôi nhà,
Dẫu mà làm thợ cũng là tứ-dân.
Việc gì cũng để độ thân,
Khuyên con phải biết kiệm-cần là hơn.
Làm gì cốt giữ cương-thường,
Xưa nay chữ hiếu tam cương đứng đầu.
Chín tháng mang nặng đẻ đau,
Ba năm bú-mớm nâng-niu ân-cần.
Nuôi con khó nhọc mười phần,
Nâng chừng như trứng hắng chừng [như hoa.
Cả khôn mong kịp người ta,
Sớm khuya dạy bảo cửa nhà dựng gây.
Ơn ngài trời rộng đất dầy,
Về già nâng giấc đêm ngày cậy con.
Khi thời miếng ngọt miếng ngon,
Khi thời bát nước lưng cơm đáng ngài.
Có khi đá đổ mồ-hôi,
Thuốc thang coi-sóc chẳng rời nơi nào.
Mẹ cha dạy bảo làm sao,
Đạo con thời phải lọt vào trong tai.
Chớ như nước đổ lá khoai,
Cậy công cậy của khoe tài khoe khôn.
Chẳng nên nghe vợ nghe con,
Điều nặng điều nhẹ tránh khôn nhiều [lời.
Cha nói một con đối mười,
Bực lòng cha mẹ kẻ cười người chê.
Nước mưa dưới giọt xa gì,
Để con bắt chước sau thì kêu ai.
Anh em bát máu xẻ đôi,
Khuyên nhau ăn ở hòa hài là hay.
Anh em như chân như tay,
Như rừng lâm cỗi như cây liền cành.
Một người ra ý bất bình,
Một người phải nhịn theo tình cho êm.
Sinh con rồi lại anh em,
Để cho đàn chán gương xem sau này.
Làm ra giàu có thì hay,
Của chung mồm miệng ray tay làm gì.

Ganh nhau cửa cắt nhà chia,
Anh em cốt-nhục khác gì chông gai.
Dù ai khinh rẻ mặt ngoài,
Tục rằng chị ngã em thời phải nâng.
Trước hiếu-thuận sau làm ăn,
Ở đời nên biết học dần mới khôn.
Đi về dạy vợ dạy con,
Thức khuya dậy sớm lam làm mà ăn,
Cửa nhà có nắp có ngăn,
Việc làm có mực việc ăn có chừng.
Chớ nên dức-lác tưng-bừng,
Thuận chồng thuận vợ ắt rằng phải [tong.
Vợ chồng khi nhạt khi nồng,
Cùng nhau khuyên nhủ ở trong cho rồi.
Những người mỗ-mãng chơi-bời,
Chớ cho sớm tối vào chơi nói nhảm.
Trước là mất việc mất công,
Sau là bày dại vợ con trong nhà.
Ở nhà giữ đạo tề-gia,
Ở làng lại dạy con ra việc ngoài.
Chẳng nên cạy thế cạy tài,
Cạy giàu cạy mạnh khinh người bần- [nhân.
Tôn-tôn trưởng-trưởng thân-thân,
Kính già yêu trẻ thánh-nhân dạy
Khi con ra chốn việc làng, [thường.
Sự thần phục phật sửa sang đền chùa.
Việc làng cho đến việc vua,
Việc gì cũng phải lo cho đủ đồng.
Việc quan thời cứ phép công,
Của dân thì chớ ra lòng tham-lam.
Ăn vàng chịu tiếng cho cam,
Của chung có nọc chớ tham hại mình.
Còn như thứ-vị ngoài đình,
Đừng cao đừng thấp xứng tình thì thôi.
Lộc lộc trời, ngôi ngôi trời,
Kìa ai có phúc thì trời mới cho.
Chẳng nên tranh-cạnh hằn thù,
Kẻ trên người dưới ở cho kính nhường.
Miếng ăn đừng lấy làm sang,
Chẳng qua nhập-khẩu thành tàn mà [thôi.
Người đông ta phải liệu lời,
Người ta cả tiếng ta thời chịu đi.
Gà gáy tiếng gáy hơn gì,
Người khôn ta dại vậy thì mới thanh.
Chẳng nên sinh sự sự sinh,
Hại nhân nhân hại ấy mình chẳng oan.
Kiện nhau thời phải đến quan,
Đến khi được kiện đã tan của mình.
Lại còn năm việc thời đừng :
Đừng sinh cờ bạc, đừng sinh rượu chè,
Đừng ham thuốc sái rủ-rê,
Xe xe lọ lọ bùa mê giết người.
Những điều tổn của hao tài,
Khuynh-gia bại-sản ra người hư-sinh.
Con người khác gì con mình,
Cũng đừng trông thấy ra tình trăng-hoa.
Con nhà sao chẳng suy ra,
Dù ai động đến hẳn ta không đánh.
Sao ta quen thói lầu xanh,
Chẳng lo tội-nghiệp chẳng kính qui- [thần.
Đừng như những kẻ vô-luân,
Sinh ra làm kiếp bất-nhân bất-nghĩ.
Phù-vân của ấy ra gì.
Nó vào cửa trước nó thì ra sau.
Của phi-nghĩa nếu có giàu,
Những người bạc-ác để đâu hết tiền.
Khuyên con phải ở thảo-hiền,
Chẳng ai nên giận chẳng ai nên hằn.
Đêm ngày con giữ vào thân,
Lại khuyên con gái ân-cần mấy câu.
Khuyên con từ thuở làm dâu,
Trước thờ cha mẹ mà sau kính chồng.
Chữ rằng nữ hữu tam-tòng,
Tấm lòng phải giữ chữ trinh làm đầu.
Nghĩ-gia là đạo làm dâu,
Chỉ dâu cho nề em dâu cho đành.
Mẹ chồng xem như mẹ mình,
Cha chồng xem với cha sinh khác gì ?
Việc nhà coi sóc sớm khuya,
Đồ ăn thức đựng vật gì phải xem.
Lại nên khuyên nhủ chồng con,
Ngoài hòa làng họ trong siêng sách đèn.
Vợ chồng là kiếp là duyên.
Số trời đã định ở trên thiên-tào.
Đói no dù có phận nào,
Giàu ăn khó chịu làm sao cũng đành.
Chẳng nên bán tiếng bán danh,
Sự thế nhà mình kể chẳng ai thương.
Thà rằng đắp điếm mọi đường.
Có câu tục-ngữ « xấu chàng hổ ai ».

Chồng giận thời phải lui lời,
Cơm sôi bớt lửa chẳng rơi hột nào,
Lửa cháy chớ đổ dầu vào,
Vùng-vằng nói tức trách sao phũ-phàng.
Chữ nhẫn là chữ nghìn vàng,
Hễ ai nhẫn được mọi đường mọi hơn.
Lời ăn tiếng nói dịu-dàng,
Có khi làng nước họ hàng đến chơi.
Đói no giận dữ cũng tươi,
Trầu cau tiếp-đãi vui cười chị em.
Giàu làm phúc khó làm duyên,
Tu nhân tích-đức vững bền được lâu.
Phải nên để phúc về sau,
Đừng nên đong ít khảo nhiều làm chi.
Dù ai vay mượn của chi,
Có cho không chớ can gì nói chưa.
Lời nói chẳng mất tiền mua,
Liệu lời mà nói cho vừa lòng nhau.
Nhà cha nhà mẹ sang giàu,
Chẳng nên cậy của cơ-cầu đắng-cay.
Đỡ ai nằm mãi cả ngày,
Kẻ kia chớ nói người kia chớ cười.
Dầu mà giàu vẹn một đời,
Chẳng qua dữ của cho trời mà thôi.
Chẳng nên khêu sự việc ngoài,
Chẳng nên cả tiếng với người tranh [khôn.
Việc người chớ nói chớ bàn,
Chớ chăm ngồi xuống đã toan đặt lời.
Chớ nên đòi chối lôi-thôi,
Chớ nên hỗng-hát ra người chua-ngoa.
Ở cho trung-hậu thực-thà,
Ở cho trên thuận dưới hòa là hay.
Đói no giàu khó bởi trời,
Đói thời cho sạch rách thời cho thơm.
Chẳng nên nói dối nói gian,
Chẳng nên lừa đảo khôn ngoan làm gì.
Chẳng nên độc dữ làm chi,
Lời cha dạy bảo con thì phải nghe.

Đọc bài ca xong, ông bảo con cháu : « Nên nghe lời ta dạy để ta vui lòng thời thọ không phải chúc mà ta cũng thọ thêm được ít tuổi nữa. »

Khi tiệc thọ các cụ lão trong làng đến mừng ông, cụ ho lụ-khụ, cụ lưng lọm-khọm, cụ mắt kèm-nhèm, cụ tai nghễnh-ngãng, xem ra cụ nào già cũng đời-tật, chỉ có một cụ Huyện Thiếp (trước tri-huyện Thanh-chương đã vào bậc thượng-thọ, nhưng còn quắc-thước lắm, không cụ nào bằng. Tai không điếc, mắt không lòa, tóc không pha, lưng không khọm, mà không lõm, răng không long, da tía hồng hồng, cười vui ha-hả, lại có một cách rất lạ là cằm không có một cái râu nào.

Ông khen : — Cụ khỏe sao ! năm nay tuổi cụ nhường nào, mà còn bảnh-bao như con trai vậy ?

Cụ nói : — Tôi kém cụ lớn một tuổi thôi.

Các cụ lão đều lấy làm lạ cho cụ, tuổi đã tám mươi mà cô hầu còn đẻ con trai.

Ông cười pha trò rằng :

Con cụ con hươu con nai có phải không ?

Cụ Huyện nói :

Nhà tôi làm gì có nhung hươu nhung nai, cũng nhờ được trời cho chân tiên-thiên tốt.

Sau cụ ấy tám-mươi-hai tuổi lại lão-bạng sinh châu một lần nữa. Thọ được chín-mươi tuổi. Người ta có câu chúc rằng :

Càng già lại càng cứng gân,
Cụ già nhưng vẫn cái xuân chửa già.
Cụ già cụ khác người ta,
Sự kia sự nọ cụ ma hơn người.
Mười-tám với lão tám-mươi,
Lộn lên lộn xuống cũng người đồng- [canh.
Đúc được mấy cậu như tranh,
Coi ra giống cụ rành-rành chẳng sai.
Giống mắt giống mũi giống tai,
Có phải con hươu con nai đâu mà !

Ông cũng đã thọ, nhưng tinh-lực so với cụ ấy còn thua. Ông thọ được tám-mươi-ba tuổi, đương triều vua Duy-tân thứ bốn, tây-lịch năm 1910, kể từ năm đỗ cử-nhân khoa canh-tuất đến

năm ấy cũng canh-tuất, cộng sáu-mươi năm. Cổ-lễ gọi là « *Lộc-minh trùng-yến* » 鹿鳴重宴 rất là long-trọng, xưa nay chưa được mấy người.

Ngày mồng một tháng mười-một năm ấy là ngày kỷ-niệm ông qui-tiên vậy.

Lúc ông yếu mệt, con cháu ngồi hầu dưới mân đều có ý thương tiếc. Ông bảo rằng : « Ta nay nhờ ơn trời phúc tổ thọ kém mười-bảy tuổi chẵn một trăm. Giá có thể lột được đầu. Dẫu ta có mệnh nào chúng con cũng chả nên phàn-nàn nữa. Nhưng chúng con phải chăm giữ lấy sách của ta mà học để khỏi phụ công ta, thế là báo-hiếu đó. »

— Bẩm chúng con nhờ được công cha dạy bảo, khắc sách soạn sách để lại cho chúng con học. Nay sự học đổi thay, không biết những lời cha dạy có ai nghe nữa không, những sách cha soạn có ai dùng nữa không ?

Ông bảo rằng :

Nghe, không nghe, dùng hay không dùng cũng mặc ; lòng ta chỉ mong chúng con nghe lời ta nói, học sách ta soạn thời cũng đủ đối-đãi với xã-hội, cũng đủ giao-thiệp với người ta.

Con lại hỏi :

— Bẩm sự học mới thế nào ?

Ông nói :

— Học chữ nước nào cũng có nghĩa phải có lẽ hay. Học không phải học nghĩa đen, học tiếng nói ; học cốt biết ý-tứ của người ta, cách khôn-khéo của người ta, tính-tình phong-tục của người ta. Học mà biết suy biết nghĩ lại càng hay lắm. Học Tây so với đạo ông Khổng không khác.

Ông nói xong hồi lâu tắt nghỉ, thoát đã hơi chính-khí bay lên trời, sao khuê-tinh rơi xuống đất. Nghe tin ông mất thức giả ai cũng có lòng ái-tích. Cụ Khiếu Năng-Tĩnh, người Chân-mỹ, tỉnh Nam-định, đỗ Tiến-sĩ làm chức Tế-tửu dạy trường Quốc-học ở Huế cũng là người có đạo-đức ở nước ta, có câu viếng :

Nhất sinh khoa hoạn đương bình thế.
一生科宦當平世。
Tứ bích đồ thư đáo mộ niên.
四壁圖書到暮年。

Nghĩa là :

Nhất sinh khoa-hoạn đương đời thịnh,
Bốn vách đồ-thư mãi tuổi già.

Đương năm ấy bà phu-nhân cùng bà thứ-thất đều sáu-mươi lăm tuổi. Con trai năm người, gái bảy người, rể dâu cháu chắt một trăm hai-mươi người. Bà phu-nhân thọ được sáu-mươi-chín tuổi. Bà thứ-nhất tuổi nay đã tám-mươi-ba (1925), hỏi ra vẫn còn khỏe-mạnh sáng-sủa như lúc còn trẻ tuổi vậy.

. . .

Kết-hậu có bài cảm-tình

Than ôi !
Cơ trời mở máy, quả đất xoay vòng.
Mây phơi khói biếc, gió thổi bụi hồng.
Sao Khuê mờ biết bao giờ rạng,
Sông Vị đục đợi lúc nào trong ?
Cổ lai, bậc chí-sĩ, vị anh-hùng, tạo-vật sinh ra đó, có ý gì không ?
Tiếc thay ông Hi-long ! Thương thay ông Hi-long !
Từ lúc hài-đồng, đến khi đầu bạc răng long,
Trải mấy trận cười mấy trận khóc, kể sao cho cùng.
Cung tiên bẻ quế, vườn ngự hái bông,
Bỗ những lúc : ruộng bùn quẩy rạ, bãi nước bó chông ;
Phỉ nguyền sánh phượng, đẹp duyên cưỡi rồng,
Bỗ những lúc : cầu ô lỡ dịp, đờn nguyệt ngang cung.
Lầu son gác tía, ngựa ruổi xe giong,
Bỗ những lúc : nhà gianh mưa giọt, vách đất gió rung.
Tiệc hoa thưởng tướng, sắc vàng ơn phong,

Bỗ những lúc : chống gươm dặm liễu,
gối giáo rừng thung.
Nếu sau không phải mắc nạn tỉnh Đông,
Đường mây ngàn trùng, một bước hanh-thông,
Cho đến lúc bầy-mươi tri-sĩ, một gậy long chung.
Vui với cúc, bạn với tùng.
Sinh-bình hy-vọng đến thế là xong

Còn rồi đâu :

Đồn-điền lập ấp, mở cuộc canh-nông,
Khắc kinh soạn sách, dạy đường hiếu-trung.

Còn rồi đâu :

Mở mang trường học, khuyên bảo đồng-mông ;
Cải - lương hương - ước, chỉnh - đốn dân-phong.

Thế mới biết :

Ông Tạo-vật đảo-điên điên-đảo, có ý ma-nung.
Khiến cho trải mái lưu-lạc, bước bình-bồng,
Mới hay có tư-tưởng, có sự-công,
Đem một tấm lòng, giãi với non sông.

Than ôi !

Cuộc đời chong-chóng, đâu bể đùng-đùng.
Người về chín suối xa cách âm dung.
Nhưng hương-hồn vẫn phảng-phất, gió sông Nhị, khói non Nùng.
Hỡi ông Hi-long ! Tài đây ai biết, học đấy ai dùng ?
Công-danh ai bia đá, sự-nghiệp ai tượng đồng ?
Thương cho ông, tiếc cho ông ; nhưng lại mừng cho ông :
Đông Tây một lẽ, nam bắc cùng lòng.
Còn nước còn non còn truyện cổ,
Còn gương luân-lý để soi chung.

(Hết)

ĐẶNG NGUYÊN-KHU

KHẢO VỀ SÁCH XUÂN-THU TẢ-TRUYỆN

XII

13 - K. — Thúc-tôn Báo sang sứ Tấn.

T — Mục-Thúc (tức Thúc-Tôn Báo) sang sứ Tấn. Phạm Tuyên-tử ra đón và hỏi rằng : « *Cổ-nhân có câu rằng : Chết rồi mà bất-hủ* (1) *là nghĩa làm sao ?* » Mục-Thúc chưa trả lời, Tuyên-tử nói : « *Tiên-tổ nhà tôi từ đời nhà Ngu về trước thì là họ Đào-Đường. Đến đời nhà Hạ thì là họ quan Ngự-long. Đến đời nhà Thương thì là họ vua nước Thỉ-vi. Đến đời nhà Châu thì là họ vua nước Đường-Đỗ. Đến nước Tấn làm minh-chủ ở Trung-quốc bây giờ, thì họ tôi đổi là họ Phạm, cái nghĩa bất-hủ thực là thế chăng ?* »

Mục-Thúc nói : « *Cứ như Báo tôi đã xem ở trong sách, thì họ nhà ông như thế là « thế-lộc », chứ không phải là « bất-hủ ». Như là ông Tang Văn-Trọng là quan đại-phu nước Lỗ tôi trước, ông mất rồi mà lời nói của ông vẫn còn truyền lại ở đời, thế mới là « bất-hủ ». Báo tôi nhớ sách nói rằng : « Bậc thái-thượng thì lập đức, bậc thứ thì lập công, bậc thứ nữa thì lập ngôn. Dẫu lâu ngày mà sự-nghiệp ba bậc ấy vẫn*

---

(1) Bất hủ 不朽 = Chẳng bao giờ mục nát.

không mất, thế gọi là « bất-hủ ». Còn như nối aõi lấy họ-hàng mà thờ-phụng tổ-tông, lưu-truyền vạn-đại, thì nước nào mà chẳng có. Như ông nói là phúc-lộc lâu dài, chứ không phải là sự-nghiệp bất-hủ. »

Phạm Tuyên-tử chấp-chính nước Tấn, bắt chư-hầu nộp cống-khoản nặng lắm. Trịnh Tử-Sản viết thư cho Tuyên-tử rằng: *« Ông chấp-chính nước Tấn mà bốn mặt Chư-hầu chưa ai được nghe thấy chính-lệnh gì hay, chỉ nghe thấy đòi cống-khoản cho nặng. Như thế thì Kiều tôi lấy làm lạ quá. Kiều tôi nghe có câu rằng: « Quân-tử giúp quốc-gia chỉ lo không có tiếng khen chứ không lo gì không nhiều của-cải. » Bởi vì của-cải của Chư-hầu mà tụ vào nhà vua Tấn thì chư-hầu người ta lìa nước Tấn. Nếu mà ông lại lợi-dụng cái của-cải ấy thì người nước Tấn người ta lìa ông. Chư-hầu lìa nước Tấn thì nước Tấn đổ, mà người nước Tấn lìa ông thì nhà ông nguy. Sao ông lần-thần thế, dùng nhiều của-cải làm để làm gì! Ôi, tiếng khen là cái xe để chở đức mà đức thì là cái nền của quốc-gia. Muốn cho quốc-gia có cái nền vững thì đừng vì của-cải mà làm cho bại-hoại đi. Ông phải nên nghĩ lại. Có đức thì mới hòa vui, hòa vui thì mới dai bền được, cho nên Châu-thi có câu rằng: « Vui thay quân-tử, móng nền quốc-gia (1) ». Quân-tử tức là người có đức tốt đó. Lại có câu: « Trên trời soi đức, dưới dân tin lòng (2) » Thế tức là có tiếng hay đó. Lấy bụng công mà thi-hành đức tốt thì cái tiếng hay nó đưa cái đức tốt ấy đi xa mãi ra, như xe chở đồ đem đi vậy. Thế cho nên kẻ ở gần thì được yên mà kẻ ở xa thì qui-phục. Ông đừng có nên để cho người ta chê-nghị mình rằng: « Anh thực có thể giúp sự sinh-hoạt cho chúng tôi mà ngờ đâu anh lại bòn rút của chúng tôi để mà ích vào sự sinh-hoạt của mình. » Ôi! con voi kia vì có cái ngà mà thân bị chết thiêu, cũng là vì nó có của đó mà thôi. »*

Tuyên-tử xem thư bằng lòng, bèn rút nhẹ bớt công-khoản đi.

14 — K. — Thôi-Trữ nước Tề giết vua là Quang.

T. — Tề Thôi Vũ-tử thấy nàng Khương là vợ góa của Đường-công đẹp, bèn lấy làm vợ. Tề Trang-công tư-thông với nàng ấy ở trong nhà họ Thôi, Vũ-tử bèn giết Trang-công đi. Án-tử đến đứng ở ngoài cửa nhà họ Thôi. Có người bảo ông rằng: *« Ông đến để chết theo vua đấy chăng? »* Án-tử trả lời rằng: *« Để thường vua của một mình tôi đấy ư, mà tôi chết. »* Người ấy lại hỏi: *« Thế thì ông định bỏ nước mà đi hay sao? »* Án-tử nói: *« Tội ấy vì tôi đâu mà tôi phải đi. »* Người ấy lại hỏi: *« Thế sao ông không về nhà đi. »* — *« Vua chết rồi, tôi còn về nhà làm gì. Vua của dân là để chủ-trương xã-tắc chứ có phải để mà lăng-bức dân đâu; bầy-tôi của vua là để phù-trì cho xã-tắc chứ có phải chỉ vì miếng ăn đâu. Thế cho nên vua vì xã-tắc mà chết thì bầy-tôi phải chết theo. Vua vì xã-tắc mà trốn đi thì bầy-tôi phải trốn theo. Còn như vua vì mình mà bị chết, vì mình mà bị trốn, thì phi những kẻ thân-thiết riêng của vua, ai chịu trách-nhiệm vào đấy. Vả vua là vua chung mà họ giết đi thì tôi hà-tất phải chết theo, hà-tất phải trốn theo, và tôi còn về nhà làm gì. »*

Bấy giờ nhà Thôi-tử mở cửa ra thì Án-tử liền đi vào, nằm gối đầu lên đùi tử-thi Trang-công mà khóc. Khóc xong đứng dậy nhảy lên ba bận rồi ra về. Có người bảo Thôi-tử phải giết Án-tử

---

(1) Câu thơ này ở thiên Tiểu-nhã: 樂只君子。邦家之基。*Lạc chỉ quân-tử, bang gia chi cơ.*
(2) Câu thơ này ở thiên Đại-nhã: 上帝臨女。無貳爾心。*Thượng-đế lâm nhữ, vô nhị nhĩ tâm.*

đi. Thôi-tử nói : « *Hắn là người của dân ngưỡng-vọng, tha cho hắn thì mới phục được lòng dân.* » Thôi-tử bèn lập vua Cảnh-công lên mà mình làm Thừa-tướng, Khánh-Phong thì làm Tả Thừa-tướng. Hai họ Thôi Khánh bắt người trong nước thề ở miếu vua Thái-công rằng : « *Ai mà không thuận với hai họ Thôi Khánh thì . . .* » Án-tử bèn ngửa mặt lên trời mà than rằng : « *Thằng Anh này chỉ thuận với kẻ trung với vua, lợi cho xã-tắc, xin Thượng-đế chứng-minh cho.* » Nói rồi mới sáp-huyết.

Quan Thái-sử Tề chép vào sử-ký rằng : « *Thôi-Trữ giết vua.* » Thôi-tử bèn giết quan Thái-sử đi. Em quan Thái-sử lại chép lại như thế, lại bị giết chết. Hai người em đã bị giết chết như thế rồi, còn người em nữa lại chép như thế. Thôi-tử mới tha không giết nữa.

Có một nhà làm sử là họ Nam-sử nghe thấy tin anh em quan Thái-sử bị giết chết cả. Ông bèn mang thẻ đi định đến để chép lấy việc « *Thôi-Trữ giết vua* » vào sách sử-ký của mình. Nhưng lại nghe được tin đã có người em út của Thái-sử chép lại rồi. Ông mới trở về.

15 — K. — Trịnh Công-tôn Hạ đem quân đánh nước Trần.

T. — Trịnh Tử-Triền, Tử-Sản đánh nước Trần rồi đem quân vào nước Trần. Tử-Sản thì sang Tấn hiến-tiệp, khi tiếp lễ Tử-Sản mặc đồ nhung-phục. Người Tấn hỏi : « *Trần có tội gì ?* » Tử-Sản thưa : « *Ngày xưa ông Ngu Ất-phủ làm quan Đào-chính nhà Châu mà phục-sự đức Tiên-vương ta. Đức Tiên-vương ta nhờ những khí-dụng của ông chế ra dùng được nhiều việc, và lấy rằng ông là con cháu đấng thần minh, nên ngài gả con gái cả là bà Thái-cơ cho Hồ-công là con ông mà phong ra nước Trần để đủ vào số Tam-khác (1). Thế thì Trần bây giờ là con cháu ngoại của nhà Châu ta mà công-đức nhà Châu ta ở Trần đến bây giờ cũng vẫn còn. Cuộc loạn ở đời Trần Hoàn-công, người nước Sái họ đình lập cho Lệ-công là vua Trần châu ngoại vua Sái bị xuất-bôn. Đức Tiên-quân bên tôi là Trang công thì lại lập cho Ngũ-phủ làm vua Trần. Người Sái bèn giết Ngũ-phủ đi, nên bên tôi với Sái lại cùng giúp cho Lệ-công. Sau đến Trần Trang-công và Tuyên-công cũng là bên tôi lập cho cả. Hồi họ Hạ làm loạn ở Trần, vua Trần Thành-công bị trốn tránh, bên tôi lại phải đưa về. Ấy đầu đuôi thế nào, đức vua bên ta ngài đã hiểu cả đó. Nay Trần quên cả ơn-đức của nhà Châu ta và của các tiên-quân bên tôi. Chẳng nghĩ gì đến tình nhân giao, chỉ cậy đã nhờ có binh Sở nhiều mà lấng-áp tệ-ấp tôi. Cái bụng giông-dỡ đối với Trịnh tôi không biết đến thế nào. Vì vậy năm ngoái bên tôi phải sang cáo với Tấn, chưa kịp tiếp được mệnh-lệnh của Tấn cho phép đánh Trần, thì Trần đã đem binh đánh cửa Đông-môn bên tôi rồi. Trận ấy ở bên tôi phàm những chỗ đường bị quân Trần đi qua thì bao nhiêu giếng phải lấp, bao nhiêu cây phải chặt đi hết. Bên tôi bấy giờ lo sợ lắm, chỉ sợ đến lại-vong mà làm xấu đến dòng giống nhà bà Thái-Cơ. May trời xui khiến, mở-mang cho lòng người tệ-ấp tôi, ai nấy đều quyết-*

---

(1) Tam-khác 三 恪 = Nhà Châu phong cho con cháu nhà Hạ làm vua nước Kỷ, con cháu nhà Thương làm vua nước Tống, con cháu nhà Ngu làm vua nước Trần, gọi là Tam-khác. Nghĩa là ba họ con cháu các vua đời trước có công-nghiệp với dân, đáng nên kính-trọng.

chiến. Trần phải phục tội, vua phải ra hàng. Vậy chúng tôi đem chiến-công sang dâng nước Tấn. »

Người Tấn lại hỏi : « *Cớ sao lại lấn một nước nhỏ yếu hơn mình?* » Tử-Sản thưa : « *Cứ theo mệnh-lệnh tiên-vương thì phàm kẻ có tội là phải chịu hình-phạt. Vả cứ phép xưa thì cõi đất của Thiên-tử chỉ có một « kỳ »* (1000 dặm). *Liệt-quốc mỗi nước chỉ có một « đồng »* (100 dặm). *Còn đến những nước bậc kém nữa thì cõi đất lại giảm xuống. Nay một nước liệt-quốc lớn, rộng đến vài « kỳ », nếu không lấn của nước nhỏ khác thì lấy ở đâu vào.* »

Người Tấn lại hỏi : « *Cớ sao ông lại mặc đồ nhung-phục để vào tiếp lễ?* » Tử-Sản thưa : « *Ngày trước hai vua Vũ-công, Trang-công bên tôi làm quan Khanh-sĩ cho hai vua Bình-vương, Hoàn-vương. Đến trận Thành-bộc, vua Văn-công bên ta truyền mệnh-lệnh cho chư-hầu rằng : « Nước nào phải giữ lấy chức-vụ của nước ấy.* » *Ngài lại truyền cho vua Văn-công bên tôi được mặc đồ nhung-phục để giúp Vương mà nhận lễ hiến tiếp đánh được Sở. Vì vậy bây giờ chúng tôi không dám bỏ vương-mệnh.* »

Tấn Sĩ Trang-bá không hỏi căn-vặn vào đâu được nữa. Bèn thuật lại với Triệu Văn-tử. Văn-tử nói rằng : « *Họ nói thế là phải. Họ nói phải mà mình còn bắt-bẻ thì không gặp hay.* » Tấn bèn nhận lễ tiếp của Trịnh.

Lời phê của Tả-Thị — Ông Trọng-ni bàn về việc này có nói rằng : « *Sách có câu : « Văn đề giúp cho lời nói, lời nói để tả cái chí mình. Nếu không nói ra thì ai biết cái chí mình thế nào. Cho nên lời nói mà không có văn-chương thì lưu-hành đi không được xa. Tấn làm được bá-chủ, Trịnh đánh được Trần, nếu không nhờ có những lời văn-từ hay như thế, thì không thành-công. Vậy lời nói phải cẩn-thận.* »

— Trịnh Tử-Sản hỏi Nhiên-Minh về việc chính-trị. Nhiên-Minh nói : « *Phải coi dân như là con, thấy kẻ bất-nhân thì giết đi như là con cắt nó đuổi bắt loài dã sẻ vậy.* » Tử-Sản mừng lắm nói chuyện lại với Tử Thái-Thúc rằng : « *Mọi ngày tôi chỉ biết mặt ông Miệt tên Nhiên-Minh mà thôi, bây giờ tôi mới biết bụng ông.* » Tử Thái-Thúc lại hỏi Tử-Sản về việc chính-trị. Tử-Sản đáp : « *Làm chính-trị cũng như làm ruộng. Ngày đêm phải lo nghĩ, lo nghĩ sao cho trước sau trọn vẹn. Sớm hôm phải thi-hành, thi-hành sao cho không quá những điều mình tư-tưởng, như người làm ruộng phải giữ lấy cái bờ. Ít ai vượt qua được cái bờ ấy bao giờ.* »

— Ngày trước Ngũ-Cử nước Sở chơi thân với Thanh-tử nước Sái. Năm Tương-công 26, Ngũ-Cử phải xuất-bôn sang Trịnh rồi lại sắp sang Tấn. Ngũ-Cử gặp Thanh-tử ở ngoài cõi nước Trịnh, giải cỏ xuống đất cùng ngồi ăn cơm với nhau và bàn tính về việc Ngũ-Cử trở về nước. Thanh-tử nói : « *Anh đi nhưng thế nào rồi tôi cũng đem anh về Sở.* »

Đến sau Thanh-tử sang sứ Tấn, lúc trở về đi qua Sở. Sở Lệnh-doãn là Tử-Mộc hỏi về việc Tấn và hỏi rằng : « *Ông xem các quan đại-phu Tấn với các quan đại-phu Sở thì có ai là hơn?* » Thanh-tử thưa : « *Kể về quan Khanh Tấn thì không bằng quan Khanh Sở. Nhưng về hàng đại-phu thì nhiều người giỏi hơn Tấn, nhiều người có tài làm khanh tướng được, ấy cũng giống như những thức gỗ quí đẹp ở Tấn, là sản-vật của Sở đưa sang cả. Tuy Sở có sẵn tài-liệu đấy mà thực Tấn được dùng.* » Tử-Mộc nói : « *Hà Tấn họ không có những nhân tài ở trong họ-hàng thân-thích dư?* » Thanh-tử thưa : « *Cũng có, nhưng vẫn dùng nhân-tài của Sở nhiều lắm. Qui-sinh tôi nghe nói rằng : « Người khéo cai-trị nước là việc*

thưởng không lầm mà việc hình không lạm. Thưởng lầm thì sợ may cho kẻ dở, hình lạm thì sợ oan cho người hay. Nếu khi nào chẳng may mà dùng sai thì chịu thưởng lầm chứ không chịu hình lạm. Vì bằng để oan cho người hay thì thà để may cho kẻ dở còn hơn, chứ không có người hay thì nước không còn được. Châu-thi thiên Đại-nhã có câu rằng : « Nước nhà tan nát vì không có người ». Nghĩa là không có người hay đó. Sách Hạ-thư cũng nói : « Nếu mà giết kẻ vô-cô thì thà tha cho kẻ lầm-lỡ. » Thơ Thương-tụng cũng có câu : « Chăm lo việc thưởng việc hình, phép công phục dưới, phúc lành để sau. » Ấy trời sở-dĩ giáng phúc cho vua Thang là thế.

« Người xưa cai-trị dân, vui làm việc thưởng mà sợ làm việc hình. Tấm lòng thương dân không bao giờ biết mỏi. Xuân hạ là mùa sinh-trưởng thì ban thưởng, thu đông là mùa túc-sát thì hành-hình, cho nên sắp-sửa ban thưởng thì đặt tiệc cho trên dưới đều được no say. Thế là vui làm việc thưởng đó. Sắp sửa hành-hình thì bớt bữa và triệt cả âm-nhạc. Thế là sợ làm việc hình đó. Thức khuya dậy sớm, xem xét chính-lệnh suốt ngày. Thế là thương dân đó. Ba điều đó là ba cái đại-tiết của lễ-pháp, mà có lễ-pháp thì mới không thất-bại.

« Nay Sở làm nhiều việc lạm-hình, các quan đại-phu nhiều người trốn tội chết mà phải chạy ra bốn phương rồi làm chủ-mưu cho nước người ta để hại Sở, thành ra cái thế không thể cứu lại được nữa. Thế là tại Sở không biết dùng đó.

« Xem như ngày Sở có cái loạn Tử-Nghi (đời Sở Trang-vương) thì Tích-công xuất-bôn sang Tấn. Người Tấn đặt Tích công làm mưu-chủ ngồi sau xe nhung-xa, cho nên trận đánh ở Nhiễu-giác, quân Tấn sắp bỏ trốn. Tích-công bảo người Tấn rằng : « Quân Sở họ nóng-nảy, dễ khiến rối loạn. Nếu cứ khua ran trống lên, đến đêm hãy đánh vào thì họ tất thua. » Người Tấn nghe lời, đêm ấy quân Sở thua. Tấn bèn đánh Sái rồi tập-công nước Thầm mà bắt mất vua Thầm. Lại đánh được bọn thủ-binh ở Thân-tức của Sở tại Tang-toại, bắt được Thân-Lệ đem về. Từ đó Trịnh không dám về bè với nam-phương, thế là Sở mất cả thế-lực ở trung-nguyên là bởi Tích-công khiến nên đấy. Lại như Ung-tử bị bọn cha-anh gièm-pha mà Sở không khéo xếp để Ung-tử xuất-bôn sang Tấn. Người Tấn phong cho Ung-tử ở ấp Sức để làm mưu-chủ. Trận đánh ở Bành-thành, hai quân Tấn Sở gặp nhau ở hang Mi-giốc. Quân Tấn đã xắp bỏ chạy. Ung-tử truyền lệnh cho trong quân rằng : « Cho ông-già, con trẻ, kẻ bô-côi và người có tật bệnh về, nhà nào hai người tùng quân cũng chỉ để một người ở lại mà thôi ; bao nhiêu binh-khí cùng xe binh-xa đều kén chọn cả lại, sắp lương-thảo cho người ngựa ăn sớm, rồi dàn quân ra mà đốt bỏ chỗ thứ - xá đi để sớm ngày thì quyết-chiến. Còn những người được về thì cho về mà tù Sở thì tha ra. » Quả đến đêm thì quân Sở trút hết. Tấn hạ được Bành-thành rồi trả lại cho Tống mà bắt bọn đại-phu là Ngư-Thạch đem về. Thế là Sở mất thế-lực ở đông-di. Quan Lệnh-doãn Tử-Tân phải tự-tử là bởi Ung-tử khiến nên đó.

« Lại như Tử-phần với Vu-thần tranh nhau nàng Hạ-cơ mà Tử-phần làm hại Vu-thần đến phải xuất-bôn sang Tấn. Người Tấn phong cho Vu-thần ở ấp Hình để làm mưu-chủ mà hãn-ngữ rợ Bắc-địch và thông sứ với Ngô cho Tấn. Vu-thần bèn xui Ngô phản Sở, dạy cho người Ngô phép cưỡi xe phép bắn cung và phép chiến-trận. Con Vu-thần là Hồ Dong thì làm chức Hành-

nhân cho Ngô. Vì vậy Ngô mới đánh Sào lấy ấp Giả ấp Cức kéo vào ấp Lai-châu. Sở phải ứng - tiếp khốn - khổ đến bây giờ còn lo. Thế là bởi Vu-thần khiến nên đó.

« Lại còn hồi loạn Nhược-Ngao, con Bá-Phần là Phần-Hoàng xuất-bôn sang Tấn. Người Tấn phong cho ở ấp Miêu để làm mưu-chủ. Trận đánh ở Yển-lăng, sáng sớm hôm ấy quân Sở đàn trận áp vào quân Tấn. Quân Tấn sắp trút, Miêu Phần-Hoàng nói : « Sở chỉ có toán trung-quân là bọn vương - tộc thì giỏi mà thôi. Nếu ta lấp giếng dọn bếp đi cho phẳng mà dàn quân. Cho họ Loan họ Phạm thì đem toán quân lơ-thơ ra dụ, họ Trung-hàng với hai họ Khước thì đánh lấy cho được hai toán quân của hai họ Mục bên Sở, còn tôi thì đem binh bốn mặt đánh vào toán quân của bọn Vương-tộc nó, như thế là ta tất được. » Người Tấn nghe ngay, quân Sở đại-bại, vua bị thương, quân thì tan-tác, Tử-phần phải tự-tử. Vì thế Trịnh làm phản, Ngô khởi lên, Sở mất cả các nước Chư-hầu là bởi Miêu Phần-Hoàng khiến nên đó. »

Tử-Mộc nói : « *Có thế thật.* » Thanh-tử thưa : « *Bây giờ lại có việc còn tệ hơn kia, tức là việc Ngũ-Cử đó. Ngũ-Cử lấy con gái Thân-công. Thân-công bị tội xuất-bôn mà vua với các quan cứ đổ cho rằng bởi Ngũ-Cử xui giục vì thế hắn sợ phải xuất-bôn sang Trịnh. Ở Trịnh hắn vẫn ngóng trông về nam-phương mà mong rằng : « May ra nước ta tha tội cho ta. » Nhưng mà Sở có nghĩ đến đâu. Bây giờ thì hắn sang ở Tấn rồi. Người Tấn đã đang sắp-sửa phong cho hắn một huyện để sánh với Thúc-Hướng. Nếu hắn mà chủ-mưu để hại Sở thì há không đáng lo dư ! »* Tử-Mộc nghe nói sợ lắm, bèn nói với vua thêm tước-lộc cho Ngũ-Cử mà tìm về.

16. K.— Thúc-Tôn Báo đến hội với Tấn Triệu-Vũ, Sở Khuất Kiến, Sái Công-Tôn Qui-sinh, Vệ Thạch Ác, Trần Khổng Hoán, Trịnh Lương Tiêu, người Hứa người Tào ở nước Tống.

T. — Hướng-Tuất nước Tống chơi thân với Triệu Văn-tử nước Tấn và Tử-Mộc nước Sở. Vì vậy Hướng-Tuất muốn xếp các nước chư-hầu để thôi việc binh-tranh đi mà mình được tiếng khen. Hướng-Tuất bèn sang Tấn nói với Triệu Văn-tử. Triệu Văn-tử bàn với các quan đại-phu. Hàn Tuyên-tử nói rằng : « *Binh-tranh là sự tàn-hại cho dân, là cái trùng mọt cho của dùng, là cái đại-tai của nước nhỏ. Thế mà nay lại có người ra muốn thu xếp cho thôi đi, tuy biết rằng không có thể thôi được nào, nhưng ta cũng cứ phải nhận lời. Nếu ta mà không nhận thì tất Sở họ cũng nhận. Sở nhận tất họ hợp được chư-hầu mà ta sẽ mất cái ngôi minh-chủ* ». Người Tấn bèn nhận lời. Hướng-Tuất lại sang Sở. Sở cũng nhận. Hướng-Tuất cho báo-cáo cả các nước nhỏ cùng đến hội ở Tống. Chỗ các nước đóng quân-doanh chỉ cách nhau bằng một cái phên ; Tấn, Sở thì đóng ra hai bên cạnh.

Tấn Bá-Túc bảo Triệu Văn-tử rằng : « *Tôi xem ý-tứ của quân Sở ra dáng không tốt, e có sự rắc-rối.* » Triệu Văn-tử nói : « *Nếu có xảy ra sự gì, ta kéo quân đi về tay tả mà vào thành Tống thì chúng nó làm gì được.* »

Lúc sắp làm lễ minh-thệ ở ngoài cửa đông thành Tống, quân Sở đều mặc giấu áo giáp vào trong. Bá Châu-Lê (trước là người Tấn rồi trốn sang ở Sở) nói với người Sở rằng : « *Hội binh Chư-hầu mà làm sự bất-tín như thế thì không nên. Vì Chư-hầu người ta tin ở Sở mà đến hội. Nay lại làm sự bất-tín như thế là mình trái với cái đạo phục lòng Chư-hầu vậy* ». Bá Châu-Lê

cố xin cho quân cởi giáp ra. Tử-Mộc nói : « *Tấn Sở đối với nhau bấy lâu nay chỉ có lợi thì thôi, còn có gì là tín nữa. Nếu mà đắc-chí thì cần gì tín.* » Bá Châu-Lê lui ra nói chuyện với người ta rằng : « *Chỉ trong ba năm nữa là Lệnh-doãn chết mất thôi, hắn muốn sinh-chí mà bỏ tín thì sinh-chí thế nào được. Biểu-phát cái chí mình ra là ở lời nói, lời nói là để định sự tín, sự tín là để thành cái chí mình, ba điều ấy hợp lại mới yên thân, thế mà thất-tín thì sống làm sao được* ».

Triệu Văn-tử lo về sự quân Sở mặc giấu áo giáp vào trong bên bàn với Thúc-Hướng. Thúc-Hướng nói : « *Chả sợ gì, đến như thằng bố-cu bố-đĩ mà làm một điều bất-tín cũng chẳng được lại thiệt đến thân, nữa là hội các quan Khanh các nước lại mà làm sự bất-tín thì tất không xong được. Cái đứa nói lời rồi lại ăn lời kia nó còn chả lo, nữa ngài sợ gì. Sở mượn điều tín-ước để mời người ta đến rồi chực lừa thì ai còn theo. Tất họ không làm gì được ta.* »

— Quan Tả-sư Tống là Hướng-Tuất xin vua Tống thưởng cho mình về cái công đi thu xếp thôi binh-tranh cho Chư-hầu. Y nói rằng : « *Xin ngài ban ấp cho kẻ xuất chết này.* » Vua Tống bèn thưởng cho sáu-mươi ấp. Hướng-Tuất đem tờ giấy lệnh thưởng đưa cho Tử-Hãn xem. Tử-Hãn nói : « *Phàm những nước Chư-hầu nhỏ mà sợ Tấn với Sở là chỉ sợ về binh-uy. Có binh-uy thì trên dưới mới hiền-hòa với nhau. Có hiền-hòa với nhau thì mới yên được quốc-gia để thờ nước lớn và mới sinh-tồn lại được. Nếu không có binh-uy thì sinh kiêu-ngạo. kiêu-ngạo thì sinh biến-loạn mà đến diệt-vong. Năm thứ tài-liệu (1) của trời sinh ra, dân đều phải dùng đến cả, bỏ một tài-liệu nào không được. Vậy ai bỏ được đồ binh (loài kim) đi. Người ta đặt ra đồ binh đã lâu rồi, sở-dĩ đặt ra là để răn những kẻ bất-pháp mà làm rỡ-rệt đức-hóa ra. Cho nên thánh-nhân lên thì loạn-nhân phải bại. Ấy cái đạo-thuật sở-dĩ khiến cho nước nhà thành hay bại, sinh-tồn hay diệt-vong, văn-minh hay hôn-ám, là bởi ở việc binh mà ra cả. Thế mà ông đi cầu cạnh cho thôi đi thì chả hóa ra ông cũng vu-hoặc lắm dư ! Ông đem một cái đạo vu-hoặc đi để lừa Chư-hầu như thế là tội to lắm. Ông đã không bị trừng-trị nghiêm-trọng mà lại còn xin thưởng thì ra ông không biết thế nào là chân thật.* » Nói rồi xé tờ giấy ấy vất đi.

Quan Tả-sư bèn xin trả lại ấp cho vua. Họ nhà Tả-sư chực đến đánh Tử-Hãn. Tả-sư nói : « *Xuất nữa thì ta nguy, nhờ có ông ấy can mà dựng lại cho ta. Vậy ơn ông ấy chả hết lại còn đánh gì ông ấy.* »

Đồ-nam-tử cần-án — Cuộc hội-minh « tức-binh » của Hướng-Tuất ở đời Xuân-thu này cũng chẳng khác gì bản điều-ước « hưu-chiến » của ông KELLOG ở nước Mĩ năm 1928 mới rồi đây. Tâm-sự KELLOG không biết có vì hiếu-danh tham-lợi về phần riêng cho mình như Hướng-Tuất không, nhưng mà cái thâm-ý lợi-dụng điều-ước KELLOG của các cường-quốc Âu-Nhật ngày nay thì thực không khác gì hai nước Tấn Sở. Nhất là cái mưu cho quân mặc giấu áo giáp của Sở thì tức là những việc tiềm-tàng của các cường-quốc ngày nay, ngoài đã ký điều-ước KELLOG mà trong vẫn đúc tầu chiến, mở trại binh vậy.

---

(1) Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ là năm hành trời sinh ra

Tuy thế nhưng mà chúng ta cũng phải thề-tất cho các nhà mưu quốc trên kia, bởi vì lập-quốc ở giữa cái thời buổi cạnh-tranh, mạnh được yếu thua, cái thế nó bắt phải như vậy. Thực ra thì như lời Tử-Hãn nói trên kia : « Cái đạo thuật sở-dĩ khiến cho nước nhà thành hay bại, sinh-tồn hay diệt-vong, văn-minh hay hôn-ám là bởi ở việc binh mà ra cả.» Thế mới là đúng, mới là chân-tình.

∴

— Năm Tương-công thứ 28, Tử-Sản làm tướng-lễ cho Trịnh-bá đề sang Sở. Đến nơi chỉ dựng nhà thảo-xá chứ không đắp đàn. Một viên quan hầu nói rằng : « *Ngày trước các tiên-đại-phu làm tướng-lễ cho các đức tiên-quân đề đi sang các nước thì bao giờ cũng đắp đàn cả. Nay ông chỉ dựng nhà thảo-xá thôi, có lẽ không phải chăng?* » Tử-Sản nói : « *Vua nước lớn đến nước nhỏ thì đắp đàn. Vua nước nhỏ đến nước lớn thì chỉ dựng nhà thảo-xá là đủ, chứ dùng đàn làm gì. Tôi nghe trong sách nói rằng : Vua nước lớn đến nước nhỏ có năm điều tốt là : Nước nhỏ ấy có tội thì khoan cho, có lỗi thì tha cho, có tai-hoạn thì cứu giúp cho, có đức-nghĩa càng pháp-luật thì thưởng cho, có điều gì bất-cập thì dạy-bảo cho. Nước nhỏ ấy không bị sự gì khốn-đốn, mà qui-phục như người đi về nhà. Cho nên mới đắp đàn đề ghi công mà truyền-cáo cho con cháu về sau chớ quên công-đức. Còn vua nước nhỏ đến nước lớn thì có năm điều xấu là : Phải nói giải những điều tội lỗi của mình đi, phải xin giúp cho những sự thiếu-thốn, phải tuân chính-lệnh, phải cung chức cống và phải theo mệnh-lệnh đi triều-hội cho đúng hẹn. Không những thế lại còn phải sắp nhiều ngọc lụa đề nước lớn ấy có việc vui thì đưa mừng, có việc tang thì đưa phúng. Bỏ là những cái tai-vạ cho nước nhỏ cả, lại còn đắp đàn đề ghi lấy tai vạ làm gì. Cho nên không đắp đàn là đề dạy cho con cháu đừng gây vạ ra nữa.* »

∴

Tề từ khi có loạn họ Thôi họ Khánh giết vua, các vị Công-tử phải xuất-bôn ra nước ngoài cả. Năm Tương-công thứ 27, họ Thôi bị diệt. Năm thứ 28, họ Khánh bị đuổi. Người Tề mới triệu các vị Công-tử về. Vua phong cho Án-tử thành Bội-điện và 60 ấp. Án-tử không chịu nhận. Tử-Vĩ nói : « *Ai không muốn giàu mà sao ông lại không muốn.* » Án-tử thưa : « *Họ Khánh muốn nhiều ấp mà được thỏa lòng dục, cho nên bị diệt-vong. Tôi thì vẫn muốn nhiều ấp nhưng không được, nay vua thêm Bội-điện cho tôi, thế là tôi cũng được thỏa lòng dục. Tội được thỏa lòng dục thì tôi sẽ cũng bị diệt-vong ngày nào không biết chừng, mà nếu đã phải trốn đi thì một ấp nào nữa cũng chẳng còn. Vì vậy tôi không nhận ấp Bội-điện là tôi sợ mất cái giàu sẵn của tôi, chứ không phải tôi chê giàu đâu. Vả người ta với tài-sản cũng như vải lụa có từng bức đề chế-hạn cho khỏi thiên-lệch. Người ta ai cũng cốt cho sự sinh-hoạt của mình được đồi-dào và tài-dụng được lợi-tiện, cho nên phải lấy điều chính-đức mà ngăn ra từng bức như bức lụa một đề khỏi quá lạm mà sai lệch đi, thế gọi là « lợi-bức ». Lợi mà quá lạm thì phải bại, cho nên tôi không dám tham nhiều, tà đề giữ lấy cái «lợi-bức» ấy.* »

17. – K. — Kẻ hôn-nhân (1) giết vua Ngô là Dư-Tế

T — Người Ngô đánh nước Việt bắt được một tên tù Việt đem về cho làm kẻ hôn-nhân giữ thuyền. Năm Tương-

(1) Hôn-nhân 閽人 = Người có tội bị cắt gót đi, rồi cho canh cửa gọi là hôn-nhân.

công thứ 29, lúc vua Ngô là Dư-Tế ra xem đua thuyền, tên hôn-nhân ấy cầm dao giết chết.

Đồ-nam-tử cần-án.— Việt với Ngô, Sở là ba dân-tộc ở mé nam nước cổ Trung-quốc, khác với dân-tộc về giống Hoàng-đế là giống chính người Tàu. Xét đất nước Việt thì ngày nay ở về miền phủ Thiệu-hưng, tỉnh Triết-giang. Đời Xuân-thu về trước, dân-tộc nước Việt cũng như hai dân-tộc Ngô, Sở; đều còn chất-phác, nên người Trung-quốc bấy giờ vẫn khinh-bỉ mà gọi là các rợ Nam-man. Đến đời Xuân-thu thì ba nước đã dần-dần đồng-hóa với cái văn-minh Trung-quốc mà lập-thành ba nước lớn. Hồi đầu đời Xuân-thu, Sở đã cường-thịnh lắm, tự xưng vương-hiệu, kháng-hành với vua nhà Châu. Trung-gian thì Ngô nổi lên đánh Sở, giao-thông với các nước Trung-quốc. Nay *Tả-truyện* chép việc báo thù vua Ngô của một tên tù người Việt, thì cái tên nước Việt mới bắt đầu xuất-hiện ra ở sử Trung-quốc từ đấy, mà nước Việt cũng từ đấy lừng-lẫy lên. Ông vua danh-giá nhất của Việt, tranh quyền bá-chủ ở Trung-quốc, ấy là ông Câu-Tiễn vậy. Việc ông nhẫn-sỉ phục-thù với Ngô đã gây nên một đoạn lịch-sử vẻ-vang có thú-vị ở sử-sách Đông-phương xưa nay, tức là bộ *Ngô-Việt Xuân-thu* đó.

Bấy giờ Việt diệt Ngô, không được bao lâu Sở lại diệt Việt. Đến cuối đời Chiến-quốc, Tần lại diệt Sở và năm cường-quốc bắc-phương nữa mà hỗn-nhất nam bắc lại làm một nước Trung-quốc bàng-đại mới. Từ đó cái tên nước Việt và người Việt không thấy nhắc đến ở sử Trung-quốc nữa. Ai không cho rằng bọn dân vong-quốc Việt này dù không tiêu-diệt cho hết thì cũng cùng một số-phận hỗn-hóa với giống Hoàng-đế làm một dân-tộc Trung-quốc mới như anh em Ngô, Sở kia.

Nay bỗng có ông AUROUSSEAU người Pháp, làm Chánh-đốc trường Viễn-đông Bác-cổ Hà-nội, căn-cứ ở sách ông Ban-Cố đời nhà Hán, làm ra bài luận «*Khảo về giống người Việt-Nam*». Ông quyết-đoán rằng người Việt-Nam ngày nay tức là dòng giống người nước Việt ông Câu-Tiễn ở đời Xuân-thu đó. Ông xét ra rằng cái bọn dân vong-quốc nước Việt bị Sở diệt ấy, rồi bỏ nước cũ theo mé bể thiên-tỉ sang phương nam. Trước mở đất Giao-chỉ (Bắc-kỳ) lập nên nước Đại-Việt như các đời Lý, Trần, Lê. Sau mở thêm vào đất Chiêm-thành (Huế), đất Thủy Chân-lạp (Nam-kỳ) mà dựng thành một nước Việt-Nam đế-quốc, một dân-tộc Việt-nam phồn-thịnh ở giải Nam-dương ngày nay.

Xưa nay nói về dân-tộc Việt-Nam ta có hai thuyết. Một thuyết cổ của người bản-quốc tương-truyền thì cho là một ngành con cháu họ Thần-nông Trung-quốc phân sang, bắt đầu khai-thác ở miền thượng-du sông Cái. Một thuyết mới là các nhà bác-học Thái-tây theo cái nguyên-lý của các dân-tộc đi mở đất, ban đầu đều từ các miền cao-nguyên theo nguồn sông to mà tìm xuống, nên cho rằng dân-tộc Việt-Nam vốn là giống Mông-cổ qua Tây-tàng xuống chiền sông Hồng-hà (sông Cái).

Vậy hai thuyết này tưởng cũng có thể dung-hòa với nhau được. Thế mà thuyết ông AUROUSSEAU thì lại khác hẳn với hai thuyết ấy và khác với cái nguyên-lý của khoa nhân-chủng-học đi. Ông thật là một người sáng-kiến.

Tuy-nhiên, dù thuyết nào mặc lòng, ta còn phải đợi hễ có được nhiều chứng-cớ nữa giúp vào cho thêm chắc-chắn, thì ta mới quyết-ý định lấy thuyết ấy để làm căn-cứ cho khoa nhân-chủng-học người Việt-nam ta được.

. .

—Trịnh Tử-Triền mất, con là Tử-Bì lên nối chức quan Khanh. Bấy giờ nước Trịnh đói kém mà chưa kịp mùa gặt, dân đói nhao lên. Tử-Bì mượn tiếng là mệnh-lệnh của cha cấp cho trong nước mỗi người một chuông (1) thóc. Vì thế được lòng dân Trịnh lắm.

Quan Tư-thành nước Tống là Tử-Hãn nghe tin nói rằng : « *Ai cũng mong ở hàng-xóm với người thiện, sẽ học được điều hay* ». Nhân lúc ấy Tống cũng đói kém. Tử-Hãn xin Bình-công phát thóc công ra cho dân. Các quan đại-phu đều phải bỏ thóc nhà mình ra cho dân vay. Nhà quan Tư-thành Tử-Hãn thì phát thóc cho dân mà không biên vào thẻ. Ông lại phát cho dân để bù vào cái số những quan đại-phu nào nhà không còn thóc nữa. Vì thế Tống không có người nào bị đói.

18.-K. — Ngô-tử cho người Trát vào nước ta làm lễ sinh

T. — Ngô Công-tử Qui-Trát vào sinh nước ta, xin cho xem âm-nhạc nhà Châu. Ta cho nhạc-công hát những bài thơ ở hai thiên Châu-nam, Thiệu-nam (2). Công-tử Trát nói : « *Hai thơ này hay lắm! Ý tả ra cái cơ-sở văn-hóa buổi mới. Nhưng cũng chưa lấy làm mãn-túc mà vẫn siêng-năng chứ không oán-nộ.* » Nhạc-công lại hát những bài thơ quốc-phong nước Bội, nước Dong và nước Vệ (3). Công-tử Trát nói : « *Ba thơ này hay mà thâm lắm! Tả ra ý lo mà không chán-nản. Tôi nghe thơ này thì biết công-đức của vua Khang-thúc và vua Vũ-công (4) đã gây dựng nên phong-hóa cho nước Vệ là thế nào.* »

Nhạc-công lại hát những bài thơ Vương-phong (5). Công-tử Trát nói : « *Hay lắm! Có ý lo-nghĩ mà không sợ hãi gì, rõ ra lúc nhà Châu phải đông-thiên.* »

Nhạc-công lại hát những bài thơ quốc-phong nước Trịnh, Công-tử Qui-Trát nói : « *Hay! Song chính-sự phiền-toái quá, dân không chịu nổi, Trịnh có lẽ diệt-vong sớm mất thôi.* »

Nhạc-công lại hát những bài thơ quốc-phong nước Tề. Qui-Trát nói : « *Hay! lớn-lao thay phong-hóa của ông Thái-công thật như một cơn gió lớn lồng-lộng làm tiêu-biểu cho cả vùng đông-hải. Nước Tề này còn thịnh không biết chừng.* »

Nhạc-công lại hát thơ Mân (6). Qui-Trát nói : « *Hay lắm! Quảng-đãng lắm! Vui làm việc chứ không ham giong-chơi. Những thơ này ý-giả lúc ông Châu công sang đông-phương dẹp loạn mà làm ra.* »

---

(1) Chung 鐘 = Cái chuông để đánh và cũng để đo thóc, chứa được 10 bộc.

(2) Châu-nam 周南, Thiệu-nam 召南, là hai thiên thơ nói về đức-giáo vua Văn-vương cảm-hóa đến phương nam. Đây trở xuống đều ở sách Châu-thi cả.

(3-4) Bội, Dong hai nước đều phụ vào nước Vệ 衛. Khang-thúc là vua đầu, Vũ-công là vua Trung-hưng nước Vệ.

(5) Nhà Châu đông-thiên suy yếu cũng như một nước ở hàng liệt-quốc, nên thơ của nhà Đông-Châu đứng vào hàng quốc-phong, không được vào hàng Nhã-Tụng là hai thứ thơ lúc nhà Châu đang thịnh, nên gọi là thơ Vương-phong.

(6) Mân 豳 là một nước hưng vương của nhà Châu, nói về sự làm ruộng cần-lao.

Nhạc-công lại hát những bài thơ quốc-phong nước Tần (1). Qui-Trát nói : « *Đó là giọng thơ của hoa-hạ, là âm-điệu cũ của nhà Châu, Tần biết theo văn-hóa hoa-hạ như thế, nên càng thịnh lắm.* »

Nhạc-công lại hát những thơ quốc-phong nước Ngụy. Qui-Trát nói : « *Giọng thơ phơi phới như gió, hay thật. Ý thi to-tát mà điềm-đạm, thói thì kiệm-ước mà giản dị. Vua nước này mà biết lấy đức-hóa giúp vào thì thành nước hay được.* »

Nhạc-công lại hát thơ Đường (2). Qui-Trát nói : « *Từ thơ sâu-sắc lắm. Nếu không phải là bọn di-dân của nhà Đào Đường là một đời thịnh-đức thì sao có biết lo nghĩ sâu-xa như vậy.* »

Nhạc-công lại hát những thơ quốc-phong nước Trần. Qui-Trát nói : « *Thơ nước này không có chủ-nghĩa gì thì nước ấy thọ sao được.* »

Còn Nhạc-công lại hát những thơ quốc-phong từ nước Cối trở xuống thì Qui-Trát không khen chê điều gì. Nhạc-công lại hát những bài thơ ở thiên Tiểu-nhã (3). Qui-Trát nói : « *Nhờ công-đức mà không dám ở hai lòng, oán bạo-ngược mà không nỡ nói rõ. Những thơ này làm lúc nhà Châu đã suy, nên vẫn còn có cái thói kẻ di-dân của tiên-vương sót lại.* »

Nhạc-công lại hát những bài thơ ở thiên Đại-nhã (4). Qui-Trát nói : « *Thơ này thì rộng-rãi mà vui vẻ biết bao! Lời gẩy gọn mà nghĩa ngay-thẳng, thật tả ra được cái thịnh-đức của vua Văn-vương.* »

Nhạc-công lại hát những bài thơ Tụng. Qui-Trát nói : « *Những thơ này đạo-lý hay đến rất mực! Thẳng mà không ra ý ngạo, nhún mà không ra ý nịnh, gần mà không bức-bách, xa mà không li-cách, thiên chuyển mà không trệ, phẫn-phúc mà không chán, thương mà không ưu-sầu, vui mà không dâm-dật, dùng đủ mà không thiếu-thốn, chứa rộng mà không phô-bày, tuy có cho mà không phí, tuy có lấy mà không tham, vẫn ở yên đấy mà không yêm-lưu, vẫn lưu-hành đấy mà không phóng-đãng. Điều-hòa được cả ngũ-âm, bát-phong, có tiết-độ, có trật-tự. Ba thiên thơ Tụng này thật là cùng một thịnh đức như nhau* ».

Qui-Trát lại xem Nhạc-công múa ống sáo ống thược (5) là hai khúc nhạc của vua Văn-vương chế ra, Trát nói : « *Khúc này hay lắm nhưng vẫn còn có ý ân-hận chưa ra cảnh thái-bình.* »

(1) Tần là nước ở gần rợ Tây-nhung rồi kiêm đất cũ nhà Tây-Châu mà lập ra nước lớn.

(2) Đường 唐 là nước con cháu vua Nghiêu họ Đào-đường.

(3, 4) Sách Châu-thi là một bộ thi-tập của đời nhà Châu. Đây là bộ thi-tập về trước đời ông Khổng-tử. Sau ông Khổng-tử có san lại, nên đời tôn gọi là kinh Thi. Thơ chia ra có ba thể là : « *Phong* » tức là quốc-phong của 15 nước ; « *Nhã* » nghĩa là lời thơ điển-nhã bởi các bậc danh-nhân làm ra, có hai thiên là *Tiểu-nhã* và *Đại-nhã* ; « *Tụng* » là để ca-tụng công-đức các vua, có ba thiên là : *Châu-tụng*, *Lỗ-tụng* và *Thương-tụng*.

(5) *Sáo* 笙 một âm là sóc tức « sáo ». Lại một âm là tiêu. « Sáo » tiêu là hai cái ống thổi. Vừa múa vừa thổi ống « sáo » là khúc nhạc vũ-công, vừa múa vừa thổi ống « thược » là khúc nhạc văn-đức. Vua Văn-vương chưa thống-nhất được Trung-quốc, nên chưa ra cảnh thái-bình.

Nhạc-công lại múa khúc Đại-vũ là nhạc của vua Vũ-vương chế ra. Trát nói : « *Khúc này rõ ra nhà Châu đang thịnh, hay lắm !* »

Lại múa khúc Thiều-hộ là nhạc của vua Thang chế ra. Trát nói : « *Khúc này tỏ ra đức vua Thang rộng lắm, nhưng cũng còn có ý tàm đức* (1) *thế mới biết thánh-nhân đến như vua Thang mà cũng khó sử như vậy.* »

Lại múa khúc Đại-Hạ là nhạc của vua Vũ chế ra, Trát nói : « *Phi vua Vũ ai làm được công-nghiệp ấy* (2), *thế mà khúc này ra ý cần-mẫn mà không khoe. Hay quá* »

Lại múa khúc Thiều-tiêu là nhạc của vua Thuấn chế ra. Trát nói : « *Đức vua Thuấn như trời che đất chở, thật là lớn-lao, không còn ai hơn được* (3). *Ca nhạc đến đây là đủ rồi, xin thôi. Dù còn có khúc nào tôi cũng không dám xem nữa.* »

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

HỒN DU-KÝ

(Ảo-tưởng tiểu-thuyết)

II

Quanh đi quẩn lại, nghĩ vơ nghĩ vẩn thì đã thấy gà vừa gáy sáng, trời đà rạng đông rồi, không nỡ sai hẹn với mẹ, nên lại phải vội-vàng hóa-thân về. Về đến nhà thì người nhà đã dậy, mẹ tôi đã thấy ra nhà ngoài nom tôi, thì xác tôi vẫn còn nằm trơ ra như gỗ đá. Mẹ tôi lại khóc oà lên, tôi phải vội-vàng nhập hóa-thân vào xác mà nói rằng : « Mẹ ơi, nay con đã sống lại rồi. » Nguyên tôi không yếu đau gì nên giở mình bò dậy được ngay, mẹ tôi thấy thế, thì nỗi mừng chen nỗi sợ, sự vui lẫn sự buồn, không bút mực nào tả ra cho hết.

Còn thằng Phi-luật-tân thấy tôi dậy, chạy vội ngay vào đỡ tôi, lẩm-nhẩm nói một mình rằng : « Trời đất ơi, thật là phúc bẩy mươi đời, kiếp này ai lại còn cầm gặp đây ? » Gớm tôi nghe thấy ghét quá, song nghĩ đi nghĩ lại bảo : Thôi ! Người đời ai cũng như vẫy mà thôi, tội chi than - vãn rặm lời.

Phi-luật-tân lại nói với tôi rằng : « Thưa thầy, thầy mới khỏi hãy nên nằm tĩnh-dưỡng không nên dậy vội làm gì. » Rồi lại thưa với mẹ tôi rằng : « Thầy con rất hiền-lành trung-hậu, chả lẽ mà lại không thọ à. Nếu thầy con mà qui-ẩn thật, thì cái quyền thưởng-

---

(1) Vua Thang là bầy tôi mà giết vua Kiệt là bạo-quân, nhưng mình lại thay mà làm vua.

(2) Vua Hạ-Vũ trị thủy cứu dân, đào sông khai núi, công-nghiệp lớn-lao.

(3) Vua Thuấn nối ngôi Thiên-tử của vua Nghiêu truyền cho, sau rồi lại truyền cho vua Hạ-Vũ. Nghiêu Thuấn cùng truyền thiên-hạ cho người hiền-đức, chứ không truyền cho con. Thế là lấy nước lấy dân làm trọng mà nhà làm thường, nên Đông-phương xưa nay nói đến quân-đức thì xưng-tụng hai ông ấy là hai vị thánh-nhân.

phạt của Thượng-đế lấy chi làm công-bằng, thế mà Sáng ngày con cứ ngồi phàn nàn bảo Thượng-đế đãi nhà ta rất nghiệt, thực là điên-đồ đại-dột quá, giờ con lấy làm hối-hận quá, giá thầy con không sống lại, thì con cũng chờ xong việc thầy con rồi, con cũng gửi thân vào chốn am mây, nguyện làm sư làm tiều cho trọn đời con thôi. » Mẹ tôi cũng xuôi mồm bảo: « Phải! giờ thì thỏa lòng mày rồi. » Vừa dứt lời thì hai anh tôi chạy đến. Bát-tuyết-tư thì ôm đầu tôi; Ngột-lỗ-chân thì bá vai tôi bảo rằng: « Sao em nỡ bỏ ta em đi? khiến cho ta thương thương tiếc tiếc, lòng đau như cắt, ruột rối như vò, suốt đêm chả ngủ, chỉ ngồi ôm đầu mà khóc. May sao em sống lại, thực là hạnh-phúc cho nhà ta quá chừng. » Vừa nói vừa khoa chân khoa tay rất là vui-vẻ. Bát-tuyết-tư thì sai người nhà đặt rượu, rồi cho Phi-luật-tân đi gọi Khảo-tư đến lại làm quỉ-thuật. Xong quay lại thưa với mẹ tôi rằng: « Xin mừng mẹ, thực là phúc của mẹ mà là sự may cho nhà ta, nên em con lại tỉnh lại được. » Chao ôi! tôi lại chả đi guốc trong ruột họ rồi hay sao, nên vội gạt đi rằng: « Em yếu vừa khỏi, rượu dễ thương ốc, em không muốn uống, mà diễn quỉ-thuật thì huyên-náo lắm, xin đừng cho nó đi gọi nữa. » Bát-tuyết-tư cũng thôi, bảo: « Vậy hãy thong-thả mấy hôm, rồi ta sẽ mở tiệc mừng em. » Lúc bấy giờ thì hai người nắm hai tay tôi. Hai chị cũng đứng lên mà ân-cần hỏi tôi rằng: « Em bệnh gì mà làm cho người ta khiếp-đảm lên thế? » — « Thưa chị, dễ thường em cũng không biết bệnh gì, hay ốc em bị một sự cảm-xúc gì mạnh quá, mà mê đi đó chăng. » Tôi vốn ghét những điều thớ-lợ như thế. Vả tình-hình họ sáng ngày tôi đã suốt cả trong bụng rồi, muốn trả lời thẳng ngay vào mặt họ cho họ biết, nhưng không sao mà nói nên lời.

Thôi thì thôi nói làm chi,
Người đời đã đến thế thì thì thôi!

Đương lúc ấy thì nghe có tiếng giầy lộp-cộp, nom ra thì Phật-nhi đã về. Phật-nhi tức con Bát-tuyết-tư mà là cháu tôi. Bát-tuyết-tư thấy con về cau mày lại, nét mặt hầm-hầm như là tức-bực cái gì, một lúc mới thấy dịu nét mặt lại mà bảo Phật-nhi rằng: « Con ơi, ta có việc rất nên mừng, thật là phúc to tầy đình; chú ba mày mất đi rồi lại sống lại, nhưng ta không rỗi mà nói hết cho mày nghe được, chốc rồi mẹ mày sẽ nói cho mày nghe, giờ con hãy vào mừng bà và mừng chú đi. » Bấy giờ tôi xoa đầu Phật-nhi bảo rằng: « Cháu cố chăm học, sang năm chú dẫu đi Bá-lâm lưu-học. »

Đây nói về hóa-thân tôi thì vừa nhập xác thịt lại bị nhiều sự cảm-xúc ở ngoài đem đến. Cơm sáng vừa xong, trong lòng thấy bứt-dứt không yên, mới định ra vườn hoa tản-bộ cho vui lòng giải-trí. Lại chợt nghĩ đến cái truyền-đơn đêm trước, lại lên xe tự-do về Á-đích-công-viên. Đến nơi đã thấy tiếng người rộn-rịp, xe ngựa chật đường, ô-tô rợp đất, lũ-lũ lượt-lượt, hàng đôi hàng ba kéo đến.

Trong vườn thì cỏ thơm hoa lạ, cây xanh lá tốt, muôn hồng nghìn tía, hình như hớn-hở cười cùng khách qua.

Đầy vườn đua nở trăm hoa,
Gió đưa mùi quế thơm pha nhị hồng.

Càng nhìn phong-cảnh càng ưa. Lại một tòa hội-quán của hội đề-chế hàng Áo, nguy-nguy nga-nga, coi mà đẹp mắt. Nom trong nhà có thể ngồi được đến 3000 người, trước cửa có cảnh-sát đứng canh, để giữ trật-tự và phòng khi có bạo-động sự gì chăng, vào quãng 9 giờ thì tiếng chuông vang trời, các người đều kéo nhau vào, chung quanh

lại lặng ngắt như tờ, hàng trăm nghìn con mắt, đắm-đăm nhìn lên chỗ diễn-đàn. Diễn-giả cũng bước lên phân-trần mấy lời, nghe rất là hùng-hồn khảng-khái. Cất tiếng lên dã lệ xuống như mưa. Bấy giờ các người đều gật đầu vỗ tay hoan-nghênh một nhà đại-hùng-biện Khoa-lỗ-tư kia bước lên diễn-đàn.

Đại-khái diễn rằng :

« Nay có ai chửi ta, bảo ta không phải là giống người thì ta có giận không ? Chắc ta phải nói rằng : giận lắm, giận lắm. Bởi vì ta là người kia mà, sao lại chửi ta bảo không phải là giống người. Song không luận những lời đau-đớn ấy, bởi vì những lời ấy cũng không quan-trọng bằng người Áo họ lại chửi nước ta rằng :«Nước Ý-đại-lợi chỉ có tên không trên mặt quả địa-cầu đó thôi ». Chao ôi ! Như thế thì sao gọi là nước, thực họ chửi ngay nước ta không phải là nước đó, họ mà chửi nước ta không phải là nước, thì có khác chi cả người trong nước ta không phải là loài người không ? Than ôi, anh em đồng-bào ơi, ai là người không có huyết-tính mà nghe thấy những câu ấy cũng phải băng máu điên người lên (vỗ tay). Nay đồng-bào ta có một người bị họ giết, cái giết ấy là cái giết vô-lý, mà nó vẫn lọt ra ngoài vòng pháp-luật, nghĩa là vô-tội mà giết, đã bao nhiêu lâu nay, mà cái án ấy cũng không thấm. Cứ như thế này, thì những sinh-mệnh người nước Ý ta đều treo ở trong tay người Áo cả rồi, giá bây giờ ta ra có người Áo đón ta ở cửa, cầm dao giết ta, thực ta cũng đành chịu chết, chứ không có kế gì mà chống nữa.

« Trời đất ơi, đồng-bào ơi, người ta sống một cách khổ-sở như thế, còn có gọi là người được không ? Thế thì cái giá-trị của sinh-mệnh người ta có khác gì con trâu con ngựa không ? Mà dễ thường lại không được bằng con trâu con ngựa, chỉ như con sâu con kiến mà thôi (vỗ tay). »

Nói đến đấy Khoa-lỗ-tư làm ra giọng thảm-thiết rền-rĩ mà rằng :

« Ruột ta đứt rồi, gan ta héo rồi, tim ta cũng nát rồi, ta không thể nói nên lời nữa ! »

Nói xong, móc túi lấy khăn ra lau mắt, lau xong nước mắt lại giỏ xuống như mưa, càng lau càng giỏ, không lúc nào ngớt bột. Tiếng nói càng ngày lại càng khản dần đi, làm cho ai ai cũng cảm-động mà sa hàng lệ.

Điều đâu như khóc như than,
Khiến người nghe cũng lệ tràn thấm khăn.

Cả nhà đều nức-nở khóc lên, người nào có nghị-lực mới cưỡng-chế được nước mắt lại mà thì-thào với nhau rằng : « Khoa-lỗ-tư diễn-thuyết khẩn-thiết như thế, thực không phụ cái tiếng gọi là một nhà hùng-biện đại-gia của quốc-dân ta.» Lúc bấy giờ tôi lại chợt nhớ đến truyện anh ta thấm khăn tay vào bát nước vàng vàng kia là khôn-khéo.

Các người vừa im thì lại thấy anh ta nói kế mấy câu rằng :

« Việc đề-chế hàng Áo này đề-xướng lên dã lâu. Chính-phủ cũng không can-thiệp đến, binh-lực cũng không theo mà ngăn-trở được, thực là ông xanh xanh kia phú cho hết thảy mọi người một cái chủ-quyền để hết sức làm đó, nếu mà người Áo bị tổn-hại một phần, sức ta đây trả thù được một phần. Các ông nên theo đấy (vỗ tay). Đồ của Áo vừa xinh vừa khéo, tôi trước rất thích dùng, trong nhà hiện còn hai trai rượu Âu-tư-khắc, mấy thước vải Kham-tư cùng là các giống bì giấy bút mực của Áo. Nay tôi xin đem đốt cả ở trước mặt các ông, công việc làm quí ở thực-hành, tôi nói tôi xin làm trước. »

Nói xong mở cặp lấy hai chai rượu ném xuống hè kêu choảng một cái, các người vỗ tay. Anh ta lại lấy vải xé tươm ra từng mảnh mà đốt đi, bút thì bẻ ngòi ra, mực thì đổ nước đi, phong-bì và giấy thì xé ra từng mảnh, bay như bươm-bướm. Tôi trông cái hình-dáng anh ta lúc bấy giờ hầm-hầm như người giận, khắp tòa đều vỗ tay mà tung-hô lên rằng: «Nhiệt-tâm ái-quốc! Nhiệt-tâm ái-quốc!», vang-lừng cả khắp chung quanh mình Khoa-lỗ-tư như sấm rậy đất long vậy. Giờ tôi mới biết cái cớ canh khuya mà anh ta còn đi mua hàng của Áo là vì lẽ thế.

Sáng hôm sau đã thấy các báo tán-tụng công-nghiệp anh ta; khắp mọi hạng người trong xã-hội, chỗ nào cũng thấy nói đến tên Khoa-lỗ-tư. Ôi, cổ-kim-lai, thánh-hiền tiên-phật, anh-hùng hào-kiệt, tiếng thơm lừng-lẫy, muôn đời chói-lọi, nghìn kiếp không phai, dễ thường có lẽ cũng như anh Khoa lỗ-tư này mà thôi! Tôi vốn là một hạng hiếu-danh, tôi nay cũng chịu bỏ cái thanh-danh mà không dám mong đến nữa.

Thì-giờ như thoi, quang-âm vùn-vụt, thấm-thoắt mà trời đã sang đông. Tôi trước vẫn bỉ cái chủ-nghĩa kim-tiền, cho kim-tiền là một vật rất vô-dụng ở thế-giới này, rét không làm áo mà mặc được, đói cũng không có thể làm cơm mà ăn được, cùng với thân-thể mình thực cũng không có liên-thuộc gì. Nhắm mắt lại tiền ngùn-ngụt kia sẽ vần chuyển đi đâu, như thế thì cần gì mà phải lo nghĩ phiền-phức lắm kế để mà giữ-gìn lấy để làm chi. Vả lúc mới có vàng bạc thì chẳng qua cũng như các loài kim khác như đất như đá mà thôi, có khác chi. Bởi người đời qui-chuộng cho nên giá-trị nó càng ngày càng tăng cao mãi lên, giá thế-giới bây giờ lại quay lại phục-cổ, lại lấy bối-xác làm cơ-quan giao-dịch, thì kim-ngân lại càng như bối-xác mà thôi. Mẹ tôi yêu tôi trong bụng cũng muốn chia gia-tài cho tôi nhiều hơn các anh tôi thật, song thực tôi cũng không muốn để việc ấy vào bụng làm gì. Thế mà Bát-tuyết-tư lại lấy việc đó làm không bằng lòng là cớ gì? Còn như học-phí của Phật-nhi mà anh ta lo nghĩ mưu tính đến nỗi biếng ăn quên ngủ thì cũng khổ thật.

Tôi đây chưa có vợ con gì, mà số tiền tôi làm cũng có thừa, giả phỏng để cả cho Phật-nhi, tôi cũng xin vui lòng mà cho, để nó lưu-học Bá-lâm, chứ có ngại gì, mà Bát-tuyết-tư phải nhân đó mà nghĩ-ngợi. Vả tôi cũng muốn mượn thế đưa cháu đi học để ra ngoài mà quan-sát tính-tình phong-tục người nước họ xem ra làm sao, hoặc-giả thế-giới này còn có một giống người chân thật nào chăng, họa may còn có thể vãn-hồi được cái chủ-nghĩa chân đời của tôi chăng? Bấy giờ tôi mới vào bẩm mẹ tôi, mẹ tôi thấy tôi ở nhà quanh năm chỉ thấy uất-ức như thế cũng không đành, nên bằng lòng cho tôi đi ngay. Song lại vào thưa hai anh, Ngột-lỗ-chân thì không nói gì, còn Bát-tuyết-tư thì bảo: «Phật-nhi lưu-học, việc đó là trách-nhiệm của tôi, tôi xin gánh hết, có việc gì đến chú mà chú chịu phí-tổn?» Tôi nói: «Anh em ta cùng ở với nhau, tiền của cùng tiêu chung thì có ngại gì. Vả tôi giỏi tiếng Đức, để tôi đi Bá-lâm cho tiện.» Bát trước còn từ chối không nghe, mãi sau mới chịu cho tôi đi. Bấy giờ mới định đến mồng 3 tháng 2 thì đi.

Đến hẹn, tôi cùng với Phật-nhi cùng lên xe hỏa đi. Từ Mễ-lan qua Thụy-sĩ, rồi qua sông sang bắc. Đường hỏa-xa phần nhiều là đi ở gầm đất cả, còn đường trên thì khuất-khúc, núi non quanh-quất, chót-vót lưng trời.

Sương gieo tuyết phủ đầu non,
Chim kêu vượn hót véo-von lưng trời

Có khi tuyết xuống gẫy cả cây-cối, đồ cả, nhà-cửa ; trông vào địa-giới nước Đức, nào non nào nước, nào cửa nhà xan-xát, nào vườn ruộng xanh um sông hồ sông biếc, cửu-khúc uốn quanh, mạch tuôn hồ-phách, nước dường thủy-tinh. Gần nơi thành-thị thì phố-phường rộn-rịp, buôn-bán vui-vẻ, người đi như nước chảy, nhà làm như bát úp, thấy người rộn-rịp, xe vừa dừng bánh, biết là đã đến Bá-lâm.

Nước Đức là một nước tân-tạo, lập-quốc chưa đầy 50 năm, mà nay cũng đã đứng vào một nước cường-thịnh trong sáu nước Âu-châu.

Luận-giả cứ lấy từng phương-diện mà xét tình-trạng trong các xã-hội thì chủng-tộc Nhật-nhĩ-man mới hưng-thịnh chưa được bao lâu, mà từ đây về sau có lẽ lại là một nước cường-thịnh nhất hoàn-cầu, cũng chưa biết đâu được, cứ xem cái tính-chất cùng sự cử-động của người họ thì cũng khác hẳn người thường, lục-quân của họ thì giỏi hơn hết cả thế-giới, thế mà đương lúc đánh nhau với Pháp, thua Pháp, bấy giờ thì tướng nước Phổ không bao giờ ra nước. Song được tự đấy mà đi, Mao-Kỳ tướng-quân cùng với Tỉ-tư-mạch lại hết lòng diễn-tập quân-sĩ, đặt ra pháp-luật, bắt hết thảy mọi người trong nước đều phải đi lính cả. Lúc bấy giờ dân lấy sự đi lính làm lo, thậm-chí có người chặt cả tay chân đi để mà trốn lính. Sau các thầy tu họ mới đặt lên một câu chuyện thần-tiên hoang-đường rằng : « Những quân-sĩ chết ở chiến-trường thì được Thượng-đế sai các nàng tiên ở trên trời xuống tấu nhạc để đón hồn-phách lên thiên-đường. » Người Đức vốn là một giống đa-tình, thấy nói đến tiên thì chắc là đẹp lắm, gì mà chả mê tít đi, thành ra lúc bấy giờ họ cho sự đi lính là vinh-hạnh, tự đấy mà đi giá-trị của nhà binh càng ngày càng bành-trướng ra, mới thành tục : nếu ai không được quan-chức gì về lục-quân, thì con gái họ không chịu lấy, mà bọn thượng-lưu xã-hội họ cũng không chơi với, nhưng kỳ-thực thì bọn quí-tộc hiền-tước họ cũng vẫn cho bọn lính là bọn thô-tục mà khinh-bỉ. Song than ôi, cái cách đi lính là một cái hạnh-phúc ở đời của họ, nên bất-đắc-bất ra con đường ấy, vì sung vài năm binh-lính, trải vài phen trận-mạc, có chút vẻ-vang là chồng quan sang vợ hầu đẹp ngay. Nhưng xét ra lúc ở lính thì ai cũng có cái lòng thâm-vọng cho nước nhà khỏi có chiến-tranh, có ai lấy cái sự bêu đầu ở nơi đao-kiếm, bỏ xác ở chỗ sa-trường, mới thật là cái hi-vọng cuối cùng của nam-nhi đâu. Thế mà không may gặp phải chiến-họa, đến phải vào sinh ra tử trong vòng tên đạn, mà chém lấy thủ-cấp quân thù, xẩy thua mà về, thì lại bị xã-hội xỉ-tiếu, thành ra bao nhiêu những cái vui-vẻ ở đời không được hưởng-thụ cả, như thế thì chẳng thà lấy cái chủ-nghĩa chiến-tử sa-trường làm một cái sự-nghiệp độc-nhất-vô-song vậy, may một mai công thành danh toại, thì đã quan sang vợ đẹp, nhà cao vườn rộng, ghế trúc giường đồng, chỉnh-chện ngay, cứ ngồi đó mà hưởng phúc thăng-bình thôi, chứ quyết lại không ai chịu đem thân bỏ chốn chiến-trường lấy da ngựa bọc thây làm vinh-hạnh nữa. Thói thường thì cứ đương lúc trong nước có việc thì xử với lính rất hậu, một mai mãn-khóa trở về, thì lại rất bạc, lương cấp thường không đủ ăn, vợ đói con rét, nhà nước cũng chẳng buồn cố-tuất đến nữa, cực đến nỗi phải sinh ra trộm cướp mà ăn, như thế mà họ cho binh-lính là một bậc tôn-quí, chẳng là một câu nói lào dư ? Lại tết đến thì kéo cờ làm lễ Kỳ-phúc cho các người tử-trận, thì chẳng qua cũng là một cách hiếu - danh và dương-uy thị-hùng với ngoài đó thôi, chứ cũng chẳng có chủ-não gì cả. Xét như thế thì biết được cả cái sự cường-

thịnh của bọn lục-quân nước Đức, chẳng qua cũng chỉ bởi ở cái lòng ham muốn riêng của các người mà thôi.

Đức chính-phủ lại rất mong cho dân-số một ngày một nhiều, để bành-trướng cái thế-lực của chủng-tộc họ ra, cho nên mới đặt ra một cái nhà bí-mật hộ-sinh để cho các con gái trửa hoang vào đẩy sinh nở, mà giấu-giếm cha mẹ cho dễ, nên những hạng gái trăng hoa lăng-mạn, có chỗ nương nhờ, không còn biết quí-sỉ sợ-hãi gì nữa. Xem như thế thì thực là chính-phủ chỉ mong lấy nhân-số cho nhiều, mà không nghĩ đến cái sự xấu-sa nhơ-nhuốc kia cho nòi-giống. Họ lại có tục không kể nhà nào hay người nào lỡ phải đứa trẻ hèn yếu không làm gì được, có phép tự-do giết đi, không can-thiệp gì đến chính-phủ cả.

Tôi thực cũng không hiểu tại sao mà thế. Tôi sở-dĩ sang Đức, ý cũng muốn xét xem khoa-học của họ thế nào, mà tinh khéo hơn người, nên muốn tìm các hạng sĩ-phu mà học tập lấy sự học-vấn cũng là kỹ-thuật của tôi xem có tiến-bộ hơn lên chăng, nhưng mà những bọn học-thức của họ toàn là những hạng vụ-danh, người nào cũng có tính giấu-giếm tự-tư tự-lợi, muốn giữ một mình để chiếm lấy độc-quyền ở thế-giới không muốn bảo cho ai biết, thấy thế, tôi cũng chẳng muốn cưỡng hỏi họ làm gì.

Dẫn Phật-nhi vào học rồi vơ - vẩn không biết đi đâu, bất-đắc-dĩ lại phải hóa-thân lần nữa.

Hôm ấy, tối tôi đi ngủ ngay, dặn chủ trọ không được thiện-tiện vào buồng, tôi vặn tắt đèn điện đi, mới hóa-thân ra ngoài theo gió bay đến một cái mái nhà thường-dân kia, lại quay vào một cái buồng, thấy một ông lão đang ngồi trốc bàn viết. Nom ra thì ông ta thảo một cái tờ để dâng lên bộ văn - học hàng tỉnh, khuyên bạn học-giới không nên uống rượu, lời rất khẩn-thiết, đại-ước nói : « Tích thiểu thành đa, giá góp nhặt hết cả tiền uống rượu của người nước ta lại trong một ngày cũng đủ làm một cái chiến-hạm to. » Viết xong, xem ông ta lấy làm hớn-hở đắc-ý lắm. Chợt có người ở ngoài đẩy cửa vào hỏi ông ta rằng : « Thảo đã xong chưa ? »

— Xong rồi. Bác có muốn viết tên vào đây không ?

— Vâng, giá được như thế, cũng là một sự hân-hạnh cho tôi lắm. Song cứ như ý tôi thì việc này chẳng qua rồi cũng là việc nói hão, chứ quyết không bao giờ thực-hành được.

Ông ta đáp: « Tôi cũng chẳng cần chi rằng thực-hành hay chẳng thực-hành, miễn là thư tôi sao cho lọt đến văn-bộ, đăng vào báo-trương, cho cao thêm cái danh-dự của bọn mình lên là được rồi, còn thì không cần. Vả thiên-hạ-sự nhất - nhất việc gì cũng muốn cho thành-hiệu cả, thì quyết không có một sự gì nên làm. » Nói xong người kia ra, còn ông lão kia thấy cởi áo ngoài ra ; tôi trông cái áo ấy rất là tồi-tàn cổ-lỗ, xem đến áo trong của ông ta thì thật là sang-trọng lịch-sự, thật đúng với « mốt » mới ở Ba-lê bây giờ, vừa nhẹ vừa ấm, phi nhà phú-quí không sắm nổi mà cũng không dám mặc. Ông ta cầm đầu ngồi nghĩ hồi lâu, lại thấy đem cái áo ngoài kia ra tháo hết những chỗ rách vá, làm cho tả-tơi ra, lại đem kéo cắt cả tà đi, rồi đem kim chỉ vá lại, xé ra vá vào trông rất buồn cười, tôi tưởng ông này chẳng ngẩn-ngơ thì cũng điên-cuồng chứ không sai. Đồng-hồ chuông đã điểm ba, ông mới đi nghỉ. Bấy giờ hóa-thân tôi mới trông trước trông sau, trông khắp các đồ trần-thiết ở trong nhà thì phần nhiều là những đồ dạy học cả, trên vách treo một cái thời-khắc-biểu, cũng là các địa-đồ khác, tôi thấy thế lấy làm ngờ quá, nghĩ thầm bảo quái khoa giáo-dục của nước

Đức rất phát-đạt, sao lại có ông giáo ngơ-ngẩn như thế ? Lại trở về chỗ bàn giấy xem lại cái tờ dâng lên bộ văn-học của ông ta xem thế nào, thì đã thấy :

Tiếng gà xao-xác gáy mau,
Tiếng người nghe đã mải sau rộn-ràng.

Ông ta cũng giở mình mà bò dậy, rửa mặt xong, thấy cắp cặp ra đi, hóa-thân tôi mới theo ông ta đi, thấy ông ta lên xe ngựa đi độ non hai dặm thì xuống xe đi bộ chừng non dặm nữa, thấy vào một cái trường học, trông vào trong cửa, thấy toàn một lũ học-trò, rặt những con nhà thường-dân cả. Ông ta vào, thấy học-trò đứng cả lên thì ông ta nói rằng : « Các con ơi, người ta càng cần-lao bao nhiêu, thì tinh-thần càng mạnh-mẽ lên bấy nhiêu, ta từ nhà đi lại đây quá 3 dặm, đường hãy còn sương chưa ráo, trời rét như cắt, ta đi, trước còn hơi sợ rét, song đi độ một dặm thì mình-mẩy thấy ấm lên, nhiệt-độ thấy cao lên, đến đây thì mồ-hôi ra như tắm vậy. » Nói xong lại lấy khăn phẩy bụi ở giầy đi làm bộ ra như là vất-vả khó-nhọc lắm, trông cái điệu-bộ ông ta thì rõ thật là một nhà giáo-dục lão-luyện, chốc thấy ông ta vào buồng ăn cơm sáng. Cơm xong thì giờ học vừa đến, ông ta đứng lên bắt đầu giảng ngay khoa tu-thân, học-trò tập xong, ông ta viết lên bảng một chữ « Kiệm » mà giải - nghĩa rằng : « Các con ơi, ăn mặc rách-rưới, kẻ học-giả không lấy thế làm thẹn, mà người ta cũng không phải vì thế mà xấu đi, ăn mặc xa-hoa, mắt coi thì đẹp thật, lịch-sự thật, nhưng người ta lại cũng không phải vì thế mà đẹp ra, càng ăn mặc sẻn-nhặt, người ta càng kính-trọng. Vả người ta sống ở thế-giới này, kiếm được mà ăn cũng không phải là dễ đâu, các con nên hết lòng sẻn-nhặt, sau này các con có ăn chắt để dành ra được đồng nào, thì các con nên làm việc công-ích cho xã-hội, chứ các con đừng nên lãng-phí vô-ích. » Nói xong, ông ta lại đập vào mình ông ta mà rằng : « Các con coi ta đây này, ta bây giờ ăn mặc gì mà chả được, thế mà cái áo ngoài của ta rách và hàng trăm mảnh, mà ta cũng không lấy thế làm xấu ; áo ta rất mỏng mà ta cũng không biết là rét, thế thì biết sự sẻn-nhặt cũng dễ, miễn là hết sức làm thì được. Nghĩ những hạng thế-tục ngày nay không có chịu nghĩ gì đến việc công-ích, chỉ giấn thân vào trong vòng thanh-sắc, say-đắm ở những nơi hi-viện ca-trường, miệt-mài trong cuộc truy-hoan, đi về ở những chỗ trà-lâu đồ-giới, chìm-đắm trong vòng đen-đỏ, thì những hạng ấy thực là một hạng mọt của thế-giới, không được bằng con chó con lợn vậy. Ai mà nghĩ đến nước nhà sau này thì nên mong cho những hạng ấy mau mau chết bớt đi, để khỏi hại cho quốc-gia xã-hội. Các con ơi, điều ấy là một điều rất đau-đớn cho ta, có thế mà thôi đâu, cái hại ở chỗ hi-viện ca-trường là một cái hại vô-chừng, cái hại khốc-liệt, khiến cho người ta sợ, khiến cho người ta cười, ta càng nghĩ đến càng thấm-thía lại càng đau, muốn nói cũng không thể nói được. »

Lúc bấy giờ các học-sinh nghe ông ta nói cảm-động vô-cùng, trăm nghìn con mắt đều đăm-đăm nhìn cả lên chỗ giảng-đàn. Tôi cũng thâm-phục ông già ấy là một ông giáo rất thích-hợp ở đời. Vừa tan giờ học, thấy có người báo Bá-tước đến, ông ta nghe báo, vội-vàng hoảng-hốt chạy ra bảo học-trò rằng: « Hễ Bá-tước vào thì các con phải đứng dậy chào. » Nói xong chạy ra đón Bá - tước vào, đoạn ông ta nói rằng : « Hôm nay Bá - tước quá - bộ đến thăm tệ-hiệu, thực là hân-hạnh cho tôi quá. »

— Cảm ơn tiên - sinh, tiên - sinh thực là một người tạo-phúc cho lũ bần-dân này, xứ này thực cảm-phục cái thịnh-đức của tiên-sinh vô-cùng.

— Không dám, cái đó là cái nghĩa-vụ của tôi phải làm, chứ Bá-tước quá khen làm chi thế, lâu nay tôi hết lòng trù-liệu, mà kinh-phí các khoản cũng chưa đâu vào đâu cả.

— Tôi vẫn biết cũng khó thật, tiên-sinh là người cổ-phác, chứ không đồ lấy cái lưu-danh như bọn thiếu niên phù-táo kia, tôi nghe thấy người ta nói tiên-sinh đi thì đi bộ, mặc thì mặc áo rách, tôi kính-phục cái bụng nhiệt-thành của tiên-sinh quá.

— Tôi đâu dám nhận những lời quá khen của Bá-tước như thế, sức tôi còn khỏe đi bộ cũng chưa thấy mệt-mã gì, cần chi phải xe, cốn sự ăn mặc, tôi vốn không thích xa-hoa. Lâu nay lại kinh-doanh vào trường này cũng chẳng rồi lúc nào mà nghĩ đến những sự ấy ; vả sự rách-rưới vá-vẩn cũng là sự thường, bình-sinh tôi cũng vẫn ăn mặc thế thôi. Thế nhưng mà làm một anh giáo-sư mạt-hạng như tôi dẫu có thừa tiền cũng không nên ăn mặc lịch-sự để học-trò họ bắt-chước.

— Phải lắm ! tiên-sinh nghĩ phải lắm !

Bấy giờ tôi lại thấy ông già kia rón-rén thưa rằng : « Cái sổ quyên tôi đưa trình Bá-tước hôm nọ, chẳng hay ngài đã xem chưa ? » Trong lúc chuyện-trò thưa gửi ấy, tôi xem hình-dạng ông già kia rụt-rè khép-nép như đứng trước thiên-thần vậy. Chỉ cúm mặt xuống mà trơ như tượng, chứ không dám chính-thị. Lại thấy Bá-tước nói rằng : « Có,cái sổ tôi có xem. có mấy tí mà dám để tiên-sinh phải nhắc lại, chẳng qua cũng đỡ món tiêu vặt cho học trò mà thôi. » Nói xong móc túi lấy ra một trăm đồng mã-khắc đưa cho ông ta. Ông ta cất mũ xuống thi-lễ mà thưa rằng : « Tôi xin thay mặt cả toàn-thể học-sinh trường tôi mà cảm ơn hậu-huệ của Bá-tước. » Xong Bá-tước đứng lên về.Học-trò mới xúm lại hỏi ông ta rằng : « Thưa thầy, Bá-tước lại có việc gì thế ?»

— Bá - tước lại nói xin cho mấy người học-sinh vào học, nhưng ta còn ngại lắm, số học-sinh thì nhiều, tiền kính-phí thì ít, ta còn lo lắm.

Đây lại nói về hóa-thân tôi lúc ấy thì vui-vẻ dị-thường, tưởng một thân ông già kia mà biến-hóa đủ trăm đường vạn nẻo như là xem một tấn hí - kịch rất vui vậy. Đến giờ ăn cơm chiều, tôi thấy ông ta ăn xong rồi bảo với một người đồng-sự rằng : «Tôi hôm nay phải đi hội-đồng.» Nói xong ra cửa đi, hóa-thân tôi lại theo ông ta đi, đi bộ độ một dặm thì ông ta lên xe ngựa đi, bấy giờ tôi mới biết cái cách bỏ xe đi bộ, bỏ bộ đi xe, là một cái lệ quen của ông ta. Ông ta lên xe rồi thì xe chạy thẳng, đến Tỏa-kim thì ông ta mở cửa xe xuống. Tôi mới đến Bá-lâm lần này là một, muốn xem phong-cảnh quanh đường, cho nên hóa-thân tôi mới nhập vào vai người xa-ích, nên lúc ở trong xe tôi không hiểu ông ta làm những cách gì nữa, chỉ thấy lúc ông ta mở cửa xe ra, thấy quần áo ông ta mặc khác hẳn với lúc ở nhà trường ra, tôi giật mình lấy làm lạ quá, nghĩ thầm bảo quái ông này là một cái vật quái-gở gì vậy, lúc thì là một anh bạch-đinh, lúc thì là một ông giáo-sư, lúc thì là một thằng khách xác, lúc thì làm ra bộ rụt-rè khiếp - sợ, giờ lại thấy ăn mặc khác hẳn như thế này,thì có lạ không ! Hay ông ta lại là một người trinh-thám gì đây, việc gì ở trong xe lại thay đổi quần áo như vậy, thực người thường không ai có cái cử - động lạ - lùng thế. Tôi lại nom vào trong cặp của ông ta, thì toàn những quần áo rách mà ông ta mặc khi ở trường ra, giờ ở trong xe thay ra xếp cả vào đấy. Trông đầu ông ta thì đội một cái mũ rất lịch-sự « mốt » mới *Ba-lê*, mình mặc cái áo giạ xanh, khuy

cửa tay bằng vàng, khuy sơ-mi nạm kim-cương, cổ tròng sáng choáng, giầy đánh bóng lộn, mũi cặp kính gọng vàng của nước Thụy-sĩ, miệng ngậm cái điếu hút thuốc lá bằng răng hải-mã bịt vàng, trông trước trông sau như gọt một ông công-tử-bột vậy. Nhìn kỹ ra thì ông ta chỉ chạc độ 30 tuổi thôi, sao lại gọi là ông già nhỉ, thế nhưng mà lúc trước ông ta ăn mặc sơ-sài thì mặt mũi già-giặn, nên ai cũng tưởng ông ta là người đã quá 50 rồi, vì thế ai cũng gọi là cụ, giờ mới biết là lầm. Nhưng tự lúc ông ta đổi quần áo đi rồi, thực khác hẳn với lúc trước. Giá tôi không theo xe ông ta thì tôi cũng phải ngờ là trước sau không phải một người. Chao ôi, quần áo đẹp-đẽ, trông trẻ người ra thực là phải. Khi ông ta đi thì tôi nhớ ông ta bảo là đi hội-đồng ở hội giáo-dục, thế thì cái chỗ Tỏa-Kim này có lẽ là hội-sở của hội giáo-dục chăng? Nhưng các nhà giáo-dục vốn không chuộng phồn-hoa kia, mà sao ông này lại ăn mặc sang quá như thế, hay theo tục đây chăng? Thế ra các nhà giáo-dục cũng nhiễm trọng cái biểu-diện mà khinh cái không-khí của đạo-đức chăng? Đây thấy ông ta vào một cái nhà ở đầu phố, cửa khép, ông ta đẩy cửa vào, tôi trông vào trong nhà thì chật-chội quá chừng, chỉ có thể ngồi được 30 người thôi, chả lẽ mà một cái hội-sở của hội giáo-dục ở chỗ đại-đô-hội như thành Bá-lâm đây là hẹp như thế ư? Hay là ở chỗ phồn-hoa đô-hội thì tấc đất tấc vàng, không có đất chăng? Trông vào trong nhà, gương trong choáng mắt, hương bay ngát mũi.

Nhác trông thanh-lịch mặn-mà,
Bồng-lai tiên-cảnh dễ là đây chăng.

Chợt thấy rèm châu hé bức, người ngọc đâu ra, mây dương-liễu, mặt phù-dung, tuyết nhường màu da, mây thua nước tóc, gót sen lửng-thửng trong nhà bước ra, ông già kia cất mũ chào. Tôi thấy thế trong bụng bảo rằng cái nền giáo-dục của nước Đức thật phát-đạt quá. Ôi! nữ-giáo bất xương, quốc vô dĩ lập, hội giáo-dục của họ ngày nay trai gái đều làm hội-viên cả, chắc kỳ đại-hội-đồng này có một phen nghị-luận kinh-nhân đây. Lúc ấy tôi trông ông già kia nét mặt thật là vui-vẻ, khách đã tỏ mặt, mừng rỡ trăm bề, vừa cười vừa nói, quay lại nhìn người mĩ-nhân kia, người ấy cũng mỉm cười mà thỏ-thẻ rằng: « Hãy vào trong nhà đã. » Ông ta nghe lời ấy như là nghe mệnh-lệnh của Thượng-đế vậy, vội-vàng đứng ngay dậy cất mũ theo chân người mĩ-nhân kia vào. Lúc bấy giờ tôi tưởng để hai người này vào buồng nghỉ của hội-viên chăng. Kịp đến khi kéo màn lên thật là:

Nhà hương cao cuốn bức là,
Tưởng rằng vương-phủ hay là hầu môn.

Thấy thế tôi lại càng khen cái công-đức của người Đức.

Một cái buồng nghỉ công-cộng mà cũng trang-hoàng như một nơi vương-phủ hầu-môn vậy. Tưởng đến đấy lại nhớ đến nhà ông già kia mình vào sáng ngày, thực là một mười một chín khác xa. Ấy cái cách kinh-doanh một nơi công-cộng vẫn thường hơn một nơi tư-sản, là một cái trình-độ tối-cao của người nước văn-minh, thực là hay. Tôi nhìn quanh nhìn quẩn khắp chung quanh nhà, nào giường thất-bảo, nào màn bát-tiên, nào nơi đánh phấn, nào chỗ chải đầu, phàm những đồ tu-sức của đàn bà không cái gì là không đủ. Thấy thế tôi lại càng tin cái văn-minh của nước Đức lắm, họ vẫn bảo con gái là mẹ quốc-dân, nên họ vẫn tôn-trọng về đám thoa-quần mà hay khinh-miệt bọn tu-mi đi. Một cái buồng nghỉ của bà nữ hội-viên mà cũng còn chu-đáo đến thế. Hồi lâu lại thấy ông già móc túi đưa cho người mĩ-nhân ấy một trăm đồng mã-khắc, cô ta mỉm cười mà đỡ

lấy, tôi trông kỹ thì rõ là cái gói tiền quyên của ông Bá-tước ở trường học lúc nãy hãy còn nguyên-phong chưa mở. Bấy giờ tôi mới biết cô ta là một viên tổng-kế ở nhà hội của hội giáo-dục, cho nên mới có cái buồng độc-thiết như thế, ra trước kia tôi nghĩ lầm, chắc hẳn rằng con gái vốn có tính-chất tỉ-mỉ mịn-màng nên các nhà « băng » cũng thường dùng để trông nom về công việc xuất-nhập. Hội giáo-dục này cũng dùng một cô nữ-tổng-kế, cũng là ý ấy chăng? Nhưng mà một mình ông già kia mà hội-phí có đến trăm đồng mã-khắc thì chả xa lắm dư? Chốc thấy người mĩ-nhân kia trông lên đồng-hồ mà bảo rằng: « Chúng ta đi đi; tôi cũng còn muốn mua một vài thức lặt-vặt cần dùng.» Tôi nghe thấy hoảng-hốt không biết sao, đây là hội-sở rồi mà họ lại còn đi họp hội-đồng ở đâu, hay đây là buồng giấy riêng của hội chăng? Nghĩ đến đấy hai người cùng dắt tay nhau lên xe ngựa đi, xe đã chực sẵn ở cửa, hai người cùng bước lên xe, xe lại theo thẳng ra phố đi, hóa-thân tôi cũng nhập vào vai người xà-ích mà theo đến phố, thấy người mĩ-nhân bảo dừng xe xuống, vào hàng thấy mua nào nước hoa, nào khăn tay, nào khuy vàng, nào các đồ-vật khác nữa, cái gì cũng thấy chọn những hạng hợp thời-trang mà tốt cả. Xong lại thấy lên xe, đến « ô-ten » ăn cơm chiều, hai người thấy cùng uống rượu say cả, tôi lấy làm ngờ quá, vì các nhà giáo-dục xưa nay vốn là ghét rượu, mà lão kia sáng ngày cũng vừa viết tờ trình về văn-học-bộ hết sức phân-trần lợi hại về việc uống rượu, mà giờ lại thấy chén thù chen tạc, say tít cả như vậy, thì ra làm mà không nghĩ lại lúc nói ư? Có phải nói thì được mà làm thì không được không? Thế nhưng mà nước Đức xưa nay vẫn xưng với thế-giới là một nước hay rượu, nên người trong nước không mấy người là không biết uống rượu, ông già này dễ thường cũng theo tục đó chăng? Cơm xong hai người lại lên xe, đi đến một cái nhà rất là nguy-nga rực-rỡ, ngoài cửa thì xe ngựa rộn đường, người đi chật ních, hai người cùng dừng xe xuống, vào nhà thì thấy kèn sáo vang lừng, áo mũ nghênh-ngang, đương diễn một tấn cổ-tích, tôi đến đây cũng mê tít người đi, lại còn tán-tụng cái văn-minh của nước Đức là cực-điểm. Lại chợt nhớ đến lúc tôi sang chơi bên nước Tàu, thấy hội nọ hội kia, lúc vừa mới dựng thì bồng-bồng bột-bột, thực là nô-nức; thế mà chẳng được bao lâu, lại thấy một ngày một suy đi, các hội-viên đến hội thì rời-rạc như sao buổi sáng, chưa có hội nào phát-đạt được trọn năm bao giờ. Thậm đến nỗi các ông hội-viên đến hội-sở cũng là bất-đắc-dĩ mà đến, chứ thật không phải vui lòng mà đến, họ bảo cái qui-tắc của hội-trường là nghiêm-khắc quá, đến hội cứ ngồi nín như phỗng mà nghe những lời diễn-thuyết vô-vị cùng những nghị-án phồn tạp thì còn gì là khoái-lạc nữa. Có những thế mà thôi đâu, lại mất cả tự-do đi, hội-trường mà như nhà tù nhà ngục thế thì ai không sợ.

Nay hội giáo-dục của người Đức lại có nhà diễn-kịch để hội-viên tiêu-khiển, thì thực cái tâm-lý của hội-viên họ suy xét việc gì cũng thực là hoàn-toàn chu-đáo, nên các hội-trường của họ phát-đạt là phải, chả bù với người Tàu. Tôi ngồi nghe đã chán, mà tấn kịch vẫn chưa xong, tôi nhìn chung quanh nhà thì thấy trần-thiết những đồ diễn-kịch cả thôi. Lại thấy các người vào thì ai cũng thấy mua vé, xem trên mặt vé, thì thấy đề « mỗ mỗ đại hí-viện », bấy giờ tôi mới ngẫ ngẩt ra mà kêu lên rằng ta lầm rồi! Ta lầm rồi! Ta vào lầm nhà hát tuồng rồi! Thôi ra hóa-thân ta bây giờ ở nhà hát tuồng rồi, có phải ở trong hội giáo-

đục đâu! Hay là hóa-thân của mình lại cũng còn chiêm-bao chăng? Thế nhưng mà trăng sáng vằng-vặc đây kia, thực không phải chiêm-bao, thôi thôi ta hiểu rồi, cái nhà mà ta gọi là nhà giấy của hội giáo-dục ấy tức là nhà cô đào đấy mà; người mĩ-nhân mà ta gọi là cô tổng-kế tức là cô đào rồi, ta tự lúc lọt lòng ra đến giờ chưa thường bước chân vào xóm Bình-khang bao giờ, nay bị lừa lão này. Này lão ơi, lão thực là một giống hồ-tinh vậy. Lúc bấy giờ bao nhiêu những cái lòng tôi khâm-bội người Đức khi trước, nay đổi ra khinh rẻ hết, thế nhưng mà một lúc tôi lại nguôi ngay, là vì ý tôi trước đã cho là khắp thế-giới này không còn có sự gì chân-thật nữa.

Lòng riêng riêng đã định rồi,
Đời nay không có giống người thật đâu.

Chợt nghe thấy ở bên buồng bên cạnh có tiếng người thì-thào bàn-luận như có chuyện lạ lùng gì, tôi lắng tai nghe thấy một người nói: « Người ta sống hơn được một tuổi thì cũng biết được chán sự lạ, hôm nay ở hàng cơm kia có người khách tự-nhiên mà chết, mà mặt mũi hồng-hào như sống, xét tuyệt-nhiên không có bệnh-tật gì cả. Nguyên người khách ấy tối hôm trước đến thì vẫn mạnh-khỏe như thường, họ ăn cơm xong thì họ đi ngủ ngay, họ lại dặn chủ trọ không được vào buồng họ hôm nay, mãi đến quá trưa, chủ nhà không thấy khách dậy, mới phá cửa vào nom, thì ra chết lăn ra ở trên giường tự bao giờ rồi, sở cảnh-sát có phái quan thầy thuốc đến xét, nhưng cũng chẳng biết là bệnh gì, chỉ thấy bảo não-hệ hỏng hết, mà các bộ thần-kinh cũng đều mất hết, nghe nói đã đem xác họ về nhà xác, các thầy thuốc đã xin phép quan để mổ xét xem ra sao ».

Tôi nghe thấy họ nói thế sợ quá chừng, người chết mà người khách kia nói chuyện không phải tôi thì còn ai vào đây? Chết nỗi, tôi chỉ tham xét cái tung-tích của ông già kia mà đến nỗi quên cả mình ở nơi lữ-khách, nay quan đã khám xác rồi, mà xác thì giờ lại đặt ở nhà xác, thầy thuốc đã xin mổ để xét thì có nguy không, họ mà mổ thì hóa-thân giờ về thì nhập vào đâu? Nghĩ vẩn nghĩ vơ, vừa lo vừa sợ, vội-vàng bỏ ông lão kia ở nhà hát mà đi.

Chao ôi! thành Bá-lâm là một cái đô-hội thứ ba ở thế-giới, lâu-đài nhà cửa kín như tổ ong, đường-sá đi lại rối như mạng dện. Tôi mới đến đây đường lối chưa thuộc. Lúc đi thì theo ông già kia đi lối tắt, giờ không còn biết nhà trọ đâu mà về, thần-kinh bối-rối không còn biết theo vào đâu, chỉ nghe chỗ nào có tiếng người rộn-rịp thì đi, chỗ nào cũng thấy đèn điện sáng choang, hàng quán chật ních, các đường thông-cù thì cảnh-sát đứng đón rất là nghiêm-trang, ai đi lạc tối thì dẫn cho mà đi. Thế nhưng mà hóa-thân tôi lại bay tít ở trên không, mình trông thấy cảnh-sát nhưng cảnh-sát lại không trông thấy mình, không còn biết theo ai mà hỏi thăm đường lối được nữa, đến đây lạ nước lạ non, đường đi muôn dặm, quê khách một mình, hồn quê thui-thủi như hình theo ai. May sao tôi lại còn nhớ ra được cái hàng tôi ở đấy là về phố Khắc-linh-vật-tư, ấy là lúc tôi vơ-vẩn ở bên cái xe kia tôi thấy họ nói là xe về Khắc-linh-vật-tư, tôi mới theo họ mà đi, song ngán nỗi đi tràn, xe họ lại không về đấy nữa. Lúc ấy thần-kinh tôi lại càng quẫn quá. Tiếc rằng cái thân đã hóa ra rồi, không có thể miêu-tả được hết những cái trạng-thái khốn-quẫn của tôi những lo cùng sợ, bơ-vơ nào đã biết đâu mà tìm.

Sau đương lúc vô-ý thấy ở góc đường có hai người hỏi nhau rằng anh đi đâu đấy, một người nói là đi Khắc-linh-vật-tư, nghe thấy thế tôi mừng quá, lại mải-miết theo họ đi. Nhưng

người kia đi nửa đường gặp bạn lại kéo vào hàng uống rượu không đi nữa. Tôi lại bơ-vơ không còn biết theo ai, mới nghĩ thầm rằng: «Thôi, xác ta bây giờ chết họ mồ rồi, hóa-thân ta không biết có còn ở mãi trên không này không, còn biết sướng khổ là gì nữa không? Chắc hóa-thân ta có thể ở trên không-khí này được thật mãi không? Có khỏi đói rét được mãi không? ngộ phải mưa to gió lớn, sấm sét bất-kỳ có thể yên thân được không?» Nghĩ đến khúc ấy lại càng buồn quá, chợt có cái xe ngựa thoảng qua thấy người trong xe bảo người xà-ích rằng: «Đóng xe về hàng cơm Khắc-linh-vật-tư, thôi, không đi đâu nữa.» Tôi nghe thấy mừng quá, lại theo họ đi, ai ngờ người trong xe lại là một người khách cùng trọ với tôi. Bây giờ tôi mới yên lòng, lại không dám hoảng-hốt gì nữa, cứ bám chặt lấy ở ngoài cửa sổ xe mà theo cái xe ấy kéo bằng một con ngựa Ả-rập đi rất mạnh, tiếng chân đi cứ rôn như pháo nổ, kể cái tốc-suất của nó mau không kém gì chim bay, thế mà lòng tôi vẫn thôn-thức chỉ sợ xác mình họ mồ rồi, nên vẫn còn giận con ngựa kia là chậm, cứ đem hóa-thân đè xuống lưng nó, nó bị đè sợ lại lồng lên, người xà-ích lấy làm lạ, cho là con ngựa giở chứng, phải nhảy xuống giữ lại, nhưng khốn-nạn họ có biết là tôi tác-quái như thế đâu. Đến lúc xe đến cửa hàng, tôi trông thấy hàng thích quá, nhảy vội ngay xuống, hết sức vận-động ở trên không-trung mà vào.

Ôi! lúc giữa đường thì tôi trông cậy nương nhờ vào cái xe kia, giờ họ đã chở tôi đến nơi đến chốn, tôi lại quyết tuyệt họ bằng một cách vô-tình mà đi, không nói qua với họ một lời, thì thật là một hạng tiểu-nhân dắc-chí, ăn trái không nhớ đến kẻ trồng cây. Sau tôi lấy làm oán-hận mãi. Khi hóa-thân tôi đến cửa bay vội vào buồng mình ngay, thấy cảnh-sát hãy còn canh giữ ở cửa, trong buồng thì chẳng thấy gì cả, không biết cái thằng Cách-ân-mai nằm ở giường kia sáng ngày, bây giờ ở đâu? Nếu tôi chết thật thì thằng Cách-ân-mai ngày nay dễ bỏ thế-giới mà đi đứt rồi, không còn biết một tí gì nữa. May sao tôi lại còn thi-hành được cái kỹ-thuật của tôi. Thế nhưng mà xưa nay biết bao là thánh-hiền hào-kiệt, dễ ai tránh khỏi cái vòng sinh-tử đâu. Ôi! ngu-si đần-độn quá, cứ xua đầy mê-mệt vào cái vòng công-danh phú-quí, lấy cái phương-châm ấy mà làm kế tiến-hành không ai thoát khỏi, thì cũng xuẩn thật. Ấy tôi thích nói bông thì tôi bàn hão thế thôi, chứ nghĩ đến thân tôi bây giờ thì lại rối quá, vì họ đem vào nhà xác rồi, mà nhà xác ở đâu thì làm thế nào mà biết được? Từ lúc ở nhà bát trở về đến giờ, thật là trăm cay nghìn đắng, trải hết mọi mùi mới về được, chỉ mong mau mau đem hóa-thân nhập vào xác để mà sống lại, ai ngờ xác lại mang đi rồi, thì giờ rất cần-kíp, đường lối thời vẩn-vơ biết tính làm sao bây giờ!

(Còn nữa)

THIỆN-ĐÌNH *dịch*

NHẤT NỘ VỊ HỒNG-NHAN

一怒爲紅顏

(Lịch-sử tiểu-thuyết)

X

HỒI THỨ MƯỜI

Trần mĩ-nhân di-ngôn trách Tam-Quế,
Ngô-bình-tây tiếm-hiệu trái nhân-tâm.

Ngô Tam-Quế bằng ngày ở trong Dã-viên, cùng bọn cơ-thiếp du-hí, đồ châu ngọc đồ vàng lụa, la-liệt bày ra ở trước mặt, cho bọn cung-nhân đua nhau cướp lấy, Tam-Quế đoái trông lấy làm cả vui. Lúc ấy Trần Viên-Viên đương nhiều tật-bệnh yếu ốm luôn luôn. Tam-Quế lại mới được một người yêu nữa là ả Liên-Nhi. Liên-Nhi họ Vương tuổi mới mười bảy, dung-quang diễm-lệ, thái-độ u-nhã, văn càng hay, chữ càng tốt, thực là một vị nữ-tài-tử, thơ văn làm ra, khoái-trá một thời. Tam-Quế đặc-biệt yêu-quí, chẳng khác gì đối với Trần Viên-Viên. Thường khi mùa hè nóng-nực, Tam-Quế dắt Liên-Nhi cùng ra du-thưởng chỗ ao sen. Liên-Nhi áo trắng xiêm hồng ; đứng ở bên kiều Cửu khúc có cái phong-vận thanh-nhã khác thường. Tam-Quế thường ví Liên-Nhi là đóa hoa sen ở nước mọc lên. Liên-Nhi lại có cái tính khác người, thấy Tam-Quế say đắm vui chơi, xa-xỉ vô-độ, thường lấy làm chẳng như ý thường khuyên can Tam-Quế nên đánh lại những đồ châu-báu ấy để làm lương cho kẻ chiến-sĩ. Tam-Quế cũng cảm-động lời Liên-Nhi, không dám huy-hoắc như trước.

Liên-Nhi cùng với Viên-Viên tỏ lòng tương-đắc, thường gọi Viên-Viên là chị, kết làm nghĩa chị em. Từ sau khi Viên-Viên ốm-yếu, Liên-Nhi thường bất-ly tả hữu, vì Viên-Viên coi sóc thuốc thang. Viên Viên có bảo Liên-Nhi rằng : « Ta dành lại cái chiếu chuyên-sủng này, để đợi em đã lâu. Song le cái sự phong-lưu nó thường hữu-bạn, tất có ngày tịch-mịch nay mai. Đấng quân-vương chìm-đắm yên-vui, mọi sự sau này còn chẳng biết ra thế nào. Ta sắp sửa vào trong tấm gỗ, hoặc chẳng lại được trông thấy cái cảnh thê-lương ấy chăng. » Viên-Viên nói xong liền khóc. Liên-Nhi nói rằng : « Chị tùy-tòng đấng quân-vương từ thủa hoạn-nạn, cho đến ngày nay, há lại chẳng nói được một lời hay sao. » Viên-Viên nói rằng : « Ta cũng từng nói đã lâu, chẳng biết quân-vương có nghe hay chẳng nghe ; nay ta sắp-sửa chui vào tấm gỗ, thân ta còn chẳng thể đoái được, nữa là đoái gì đến việc sau, quyết chẳng dám nói gì nữa cho phiền lời. » Liên-Nhi nói rằng : « Chị nói thế là sai, chị nếu bất hạnh lìa bỏ cõi trần. Song le chị với quân-vương tri-kỷ đã lâu, há nỡ ngồi trông mà chẳng nói. Hoặc nhờ lấy một cái chết của chị, mà cảm-động được quân-vương, cũng chửa biết đâu. Vả chẳng chị mà có lời để lại, cũng đủ khiến cho đàn em sau này được vin lấy lời chị để khuyên can quân-vương, há chẳng là may. » Viên-

Viên cũng cho lời Liên-Nhi nói là hợp lẽ, liền sai sắp đặt nghiên bút, đặc-biệt bày-dãi một bức thư để bảo Tam-Quế, gồm dặn-dò Liên-Nhi rằng bức thư này đợi sau khi ta chết rồi, sẽ nên trình-phát. Liên-Nhi vâng lời, liền phù-tá Viên-Viên ở trong giường bệnh dời sang án viết. Viên-Viên mới cầm bút dùng mực tả ra bức thư, thư rằng :

« Thiếp tôi trộm nghĩ đại-vương khởi-gia về võ-công, đời đời chịu ân nặng nhà Minh, cha con nối dõi, được chuyên quân-chính ; ân-nghĩa của tiên-triều, dầy nặng biết bao nhiêu. Trời làm tai-vạ cho nhà Đại-Minh, giặc Sấm đột đấy, kinh-thành phá hãm, đấng tiên-đế bỏ tôi dân đi chầu trời. Đại-vương đương lúc quốc-phá gia-vong chỉ ngồi mà trông, để nỗi lầm-lỡ sự cả ; kịp khi sự thế chẳng làm gì được nữa, mới mượn sức người ngoài, để hả cái giận một chốc, ấy thực là đại-vương tự làm ra đấy. Đương khi giặc Mãn đã tiến đến kinh-thành, thì quốc-hiệu nhà Minh cũng liền mất, phút chốc mà có cái biến thiên-trầm địa-thẳm. Đại-vương chẳng thừa ngay lúc bấy giờ hiệu-triệu nhân-tâm, để khôi-phục lấy Minh-thất ; lại vì quân giặc mà giong ruổi vó ngựa, tung hoành ở đất Xuyên đất Sở, đất Biện đất Lương, kịp đến cả đất Diến-điện. Thuở ấy dịp ấy, nhà Minh mất đã đành, dòng dõi Trung-quốc cũng chẳng mong vào đâu được nữa, ấy lại là Đại-vương đã lầm mà lại lầm đó vậy. Đại-vương đối với người Mãn, lấy là khai-quốc nguyên-huân, phong vương khai-phủ, nam-diện xưng-cô, vinh-qui đã cực. Hay đâu loạn lớn mới yên, mà cái lòng ngờ ghét của người Mãn đã vội hiện. Lạ gì cổ-nhân vẫn có câu rằng thỏ khôn đã chết thì chó săn bị mổ, chim bay đã hết, thì cung tốt bị tàng, ngày nay chắc trông thấy đấy. Nay đại-vương nếu muốn bảo-toàn công-danh phú-qui, thì nên bãi-bỏ binh-quyền, qui-lão chốn sơn-lâm, may còn được một ngày cái thân an-nhàn, nhưng không khỏi muôn năm người ta thóa-mạ. Nếu hoặc xử về địa-vị hiểm nghi, mà thân cô không có kẻ giúp, thì tránh đâu cho khỏi, thế lại càng nguy. Đại-vương nếu cúi đầu nên chỉ với người được thì chớ. Nếu chẳng như thế, thì cũng nên sớm-sửa làm ra kế sách thế nào, trước là toàn-thân, sau là rửa hổ, chứ cứ dùng-dằng ngày tháng, tất hối lại không kịp, khi ấy lại còn nỡ lại nói nữa ư. Nay đại-vương chỉ chìm-đắm vui chơi, chẳng biết phát-phẫn rửa hổ là cái gì, chắc là cái vạ gớm ghê nó đến sau lưng, tương-lai không thể nói xiết. Sách có câu : Người lúc sắp chết, lời nói thường phải. Thiếp nay đã sắp-sửa chết, xin đại-vương chớ cho lời nói của thiếp là viển-vông, ấy là cái cơ-hội trong chốn chết cầu đường sống của đại-vương vậy. Xin Đại-vương nghĩ cho, thiếp tôi còn lấy làm may lắm, may lắm. »

Viên-Viên viết thư xong, trao bức thư ấy cho Liên-Nhi để đợi trình-phát, rồi ngậm-ngùi than rằng : « Cổ-nhân vẫn nói mỹ-nhân là cái vật khuynh-quốc khuynh-thành, thực thì không phải thế. Ta thủy-chung một lòng vì cố-quân cố-quốc, chẳng biết người đời sau cho ta là hạng nhi-nữ thế nào. » Viên-Viên nói xong khóc xuống như mưa. Liên-Nhi chực sẵn ở bên giường hai ba lần yên-ủi. Đêm hôm ấy Viên-Viên chết ở nơi tĩnh-thất trong Dã-viên. Kẻ thị-nhi chạy đi bảo Tam-Quế. Tam-Quế nghe được tin, cả phát bi-thương, nửa đêm đi đến chỗ Viên-Viên vỗ vào thây xác cả khóc, nói rằng trời làm mất kẻ tuyệt-thế giai-nhân của ta vậy. Tam-Quế liền sai sửa-sang cát-huyệt ở ven chùa Thương-sơn, làm nơi an-táng Viên-Viên, cả dấy thổ-mộc làm ra tráng-lệ khác thường. Vì Viên-Viên thuở sinh-thời ừng muốn thí-phát đi tu ; cho nên

an-táng ở ven chùa. Ven chùa Thương-sơn đó là mồ hồng-nhan vậy. Tự khi Viên-Viên đã chết về sau, kẻ hậu-cung của Tam-Quế chẳng kém nghìn người, tranh nhau sủng-ái, duy Tam-Quế một sủng-ái Liên-Nhi, chẳng khác gì ngày trước sủng-ái Viên-Viên.

Tam-Quế vì có lời Viên-Viên cảm-động, đã có chí làm phản nhà Thanh, hàng ngày cùng với bộ-hạ là Hạ-Quốc-Tương và Mã-Bảo, con rể là Hồ-Quốc-Trụ và Quách-Tráng-Đồ, cùng âm-mưu sự phản-chính, mượn tiếng phù-tá nhà Minh để khởi-quân. Quả-nhiên người Mãn ở Bắc-kinh cho rằng thiên-hạ đã yên, mà Ngô Tam-Quế ở Vân-nam tay cầm trọng-binh, coi đất Vân-nam dường như nước của mình, chẳng bao lâu tất-nhiên có biến, chẳng gì bằng sai Tam-Quế dời đi ra trấn địa-phương khác là hơn, lúc ấy là năm Khang-hi thứ mười một nhà Thanh vậy. Thanh-đình đặc-phái hai viên sứ-mệnh phụng tờ chiếu-dụ xuống Vân-nam, dời Tam-Quế ra trấn đất Quan-đông tức đất Liêu-đông, gồm hứa cho đời đời được tập chức. Tam-Quế tiếp tờ chiếu-dụ, trong bụng đã lấy làm giặc Mãn đối với mình quả như lời Viên-Viên liệu-lượng không sai. Nhưng Tam-Quế bất-động thanh-sắc, tức-khắc đối với sứ-giả nói rằng: « Đó là triều-mệnh ai dám chẳng tuân, đợi bản-chức bộ-thự chư-quân xong, tức-khắc tấu-báo cái nhật-kỳ khởi-trình. » Tam-Quế nói xong liền lui, trước sai mấy viên tâm-phúc ở đó khoản đãi hai sứ-giả.

Tam-Quế về phủ, tức-khắc cùng bộ-hạ chư-tướng thương-nghị. Tam-Quế nói rằng: « Triều-đình làm việc này, là chỉ muốn xách con hổ khiến cho lìa núi đó thôi, ta tuân-mệnh cũng chết chẳng tuân-mệnh cũng chết, ta nếu chết, thì lũ các ngươi cũng khó một sống được, làm kế-sách ngày nay chỉ có một đường trong cái chết cầu cái sống, các nhà ngươi tính thế nào?» Mãn-Bảo tiến nói rằng: « Đại-vương sở-dĩ còn toàn-thân được, là nhờ có binh-quyền, đại-vương há có thể lấy toàn đất Vân-nam toàn quân trăm vạn mà cam chịu chói với người hay sao. Xin mau chóng tính đường tự-lập, chúng tôi tuy hèn, xin vì đại-vương hết sức, dù có gan óc đồ-địa chăng nữa, cũng xứng-đáng với bản-tâm. » Hạ Quốc-Tương nói rằng: « Kế ta đã quyết, bất-tất nói nhiều, duy chửa biết nhân-tâm thế nào, chẳng gì bằng đem tờ chiếu-dụ cưỡng-bách dời trấn ấy, phát-biểu cho quân-sĩ biết, mượn cớ ấy để kích-động nhân-tâm. » Tam-Quế nói rằng: « Lời Hạ-quân nói phải; phàm mưu đại-sự, lấy nhân-tâm làm chủ, thừa lúc nhân tâm phẫn-kích, lo gì việc chẳng thành. » Tam-Quế liền đem tờ chiếu-dụ dời trấn tuyên-cáo cho bộ-hạ. Quả-nhiên toàn-bộ trấn-động, đều cho rằng Ngô-vương một đi thì bộ-hạ chư-tướng đều không thể bảo-toàn được, chẳng ai là chẳng nhao-nhao phẫn-kích chẳng thôi. Tam-Quế biết rằng nhân-tâm đã khả-dụng, mới bí-mật cùng họ Mã họ Hạ hai người kế-nghị, để Quách Tráng-Đồ lưu-trấn Vân-nam, ứng-tiếp lương-thảo, Tam-Quế tự mình thống-suất toàn-quân, cùng họ Mã họ Hạ và Hồ-Quốc-Trụ chia đạo tràng-khu bắc-tiến, dòm đất trung-nguyên. Hai viên sứ-mệnh thì cứ hàng ngày thúc-giục Tam-Quế dời trấn, mau chóng khởi trình. Hai viên lại cậy có khâm-sai triều-mệnh, đối với Tam-Quế sử một cách khinh-miệt vô-lễ, làm nhục Tam-Quế. Quân-sĩ thấy thế, lại càng phẫn-kích. Tam-Quế tức-khắc truyền lệnh chém đầu hai viên sứ-mệnh, để tuyên-cáo quân-sĩ, làm lễ tế cờ.

Tam-Quế sắp đặt chư-quân xong, định bắt đầu đi tế yết lăng Vĩnh-lịch-đế là lăng vua cũ, để mua chuộc nhân-tâm, mới triệu-tập quân-sĩ tuyên-cáo

rằng: « Bản-chức xưa kia đội ân-nặng của tiên-triều, ra trấn-thủ cõi đông-thùy, vì giặc Sấm làm loạn, đặc-triệu bản-chức vào hộ-vệ kinh-thành. Bản-chức vì cớ kinh-thành đã bị phá ở tay giặc Sấm, không có phương-pháp gì được lưỡng-toàn, cho nên mới mượn binh của Mãn-triều, mong để rửa hồ cho vua với cha, may mà trời kia soi xét cho, giặc Sấm tức-khắc tan-diệt, tự đấy thầy trò ta khó nhọc hơn trăm trận đánh, dẹp yên đất Điền đất Thục, rồi cùng nhau nghỉ đậu ở đây. Song lại nghĩ cho kỹ ra, cái phú-quí của chúng ta ngày nay bởi đâu mà ra, thực là đều bởi cái dư-ấm của tiên-triều đó vậy. Nay lăng-tẩm đấng cố-quân còn ở chốn này, chúng ta sắp sửa cử-hành, lẽ nào lại chẳng nên đi bái-yết. » Chư tướng-sĩ nghe được lời đi bái-yết lăng Vĩnh-lịch-đế, kẻ nào kẻ nấy đều sụp xuống hai lạy, nghe mệnh răm-rắp. Tam-Quế thấy chư-tướng-sĩ đã nhất-tâm, tức-khắc chọn ngày đi tế-yết Minh-lăng, gồm hạ-lệnh rằng nếu đi tế vua cũ, đều nên dùng lối áo mũ nước cũ mà đi. Chư-tướng-sĩ cũng đều dạ dạ vâng mệnh. Đến ngày, Tam-Quế tức-khắc cùng chư-tướng cùng đi đến trước lăng Vĩnh-lịch. Tam-Quế đi trước mặc vận đồ áo mũ nhà Minh, tự họ Hạ họ Mã trở xuống đều một loạt vận lối Minh-trang, cùng đến trước lăng. Tam-Quế trỏ lên đầu mình mà bảo chư-tướng rằng: « Mũ này chẳng phải là mũ tiên-triều ta đấy ư? » Lại trỏ vào thân mình mà rằng: « Áo này chẳng phải là áo tiên-triều ta đấy ư! » Tam-Quế nói xong liền khóc xuống như mưa. Chư-tướng cũng đều nhất-tề cảm-thương, khóc-lóc vang-động. Tam-Quế thấy chư-tướng cảm-động, tức-khắc ngậm nước mắt đối với các người nói rằng: « Cái khổ-tâm của bản-chức ngày nay, còn khó thuật ra với chư-quân cho xiết được; ngày nay trông thấy tiên-lăng, thực xấu-hổ vậy. Ôi! ông trời kia ôi! sao lại dắt bản-chức vào cảnh-ngộ này. Bản-chức ngày nay thay đổi xiêm áo, tế-yết tiên-lăng, chư-quân đều mắt trông thấy đó, người ta sao có thể quên được cố-quân, và sao có thể quên được cố-quốc. Chư-quân, chư-quân! Nghĩ đó mà mưu-toan.» Chư-quân nghe nói, đều vâng dạ như sấm ran.

Tam-Quế bái-yết Minh-lăng xong, tức-khắc truyền lệnh cho quân tiền-đội đi trước, tự mình thống-suất đại-quân đi sau, trỏ nẻo Qui-châu và Hồ-nam tiến-phát. Lại có một đạo hịch-văn bố-cáo thiên-hạ để cổ-động nhân-tâm, văn rằng:

« Ngô Tam-Quế vì việc bố-cáo như sau: Ngày trước tiên-triều ta bất-hạnh giặc Sấm làm tai-nạn, đến nỗi xã-tắc luân-vong. Bản-chức khi ấy đương đợi tội ở chốn biên-thùy, không kịp vào cứu-giúp, có tội thực nhiều. Bản-chức tự nghĩ rằng nước Mãn-châu kia lánh ở phương đông, đội ơn tiên-triều đã lâu, tưởng họ trọng cái nghĩa hữu-bang, thiết cái lòng địch-khái; cho nên bản-chức muốn trừ giặc yên nước, tạm bắt-chước như Thân Bao-Tư mượn quân Tần về khôi-phục nước Sở, mong hết lòng báo-quốc; vì thế mượn binh vào cửa quan, để quét thanh mây giặc. Ngờ đâu cửa trước đương cự nhau với con hùm già, cửa sau đã tiến ngay lại con chó sói, giặc Sấm trước đã đi, giặc Sấm sau lại đến, cái ngày bản-chức ở đất Tần đất Tấn săn đuổi giặc, tức là cái ngày người Mãn ở đất Yên đất Vân cướp ngôi tôn. Họ dùng cái thuật dàng buộc, phong bản-chức là Bình-tây-vương. Bản-chức lúc ấy bồi-hồi giữa đường, ngửa mặt lên trời, chỉ than cùng khóc; muốn thụ-mệnh thì xấu hổ với lương-tâm, muốn phản-động thì sức quân đã mỏi-mệt; bất-đắc-dĩ mới phải ẩn-nhẫn cho qua ngày, để mong tính việc sau. Hay đâu nạn lớn

mới yên, kẻ kia đã làm ngay ra cái kế chém cỏ trừ rễ, mưu sâu đã tỏ, tâm-ác đã bày. Trộm nghĩ bản-chức này trên không lấy gì báo cho quốc-gia, dưới không lấy gì đối với trăm họ, một sự chết cũng chẳng dám tiếc gì. Song lẽ lão-phu này tuy già, còn mong chuộc lại lỗi trước, há nỡ đem tấm non sông tốt đẹp ấy, bỏ hoài cho tay người khác. Vậy thu-thập quân cựu-bộ, mời đón kẻ anh-hùng, cùng khởi quân hùng, để minh nghĩa lớn. Gồm hàng quan-lại các tỉnh, cho đến kẻ quân-dân, đều là dòng-dõi họ Hán, đều là con đỏ nhà Minh, tự nên cộng-biểu đồng-tình, gồm dãi lòng phẫn; ngày hịch-văn đến, mong các lai-qui.»

Tờ hịch-văn của Tam-Quế phát biểu ra, Qui-châu đề-đốc là Lý Bản-Thân bắt đầu qui-phụ trước. Rồi tước Bình-định-vương là Cảnh-Tinh-Trung ở Phúc-kiến, tước Bình-nam-vương là Thượng-Khả-Hỷ ở Quảng-đông, viên Quảng-tây đề-đốc là Tôn Diên-Linh, viên Hồ-nam đề-đốc là Trương Đa-Lai, viên Tứ-xuyên tổng-đốc là La-Lâm, viên Thiểm-tây đề-đốc là Vương Phụ-Thần, viên Cam-túc tổng-đốc là Vương Bình-Phiên, cũng đều đồng-thời hưởng-ứng, theo về danh-nghĩa diệt Mãn phù Minh. Cả Đài-loan-vương là Trịnh Kinh ở Đài-loan, vốn phụng quốc-hiệu nhà Minh, cũng thông tin tức, đề-huề với Tam-Quế, cất quân vào đánh trung-nguyên. Thế là ba phần thiên-hạ đã hồ được hai phần. Khi quân Ngô với quân Mãn đương chiến-đấu xô-xát ở miền hồ Động-đình sông Dương-tử, thì Tam-Quế ở Hành-châu tiếm hiệu xưng là hoàng-đế, đổi quốc-hiệu là Đại-Chu. Gần xa mới cả thất-vọng, ai nấy đều ngã lòng. Vua Khang-hi nhà Thanh có nói ra rằng: « Ngô Tam-Quế nhất khởi, mà gần xa hưởng-ứng như vậy, là vì nhân-tâm nhớ nhà Minh; nay Tam-Quế đã tiếm hiệu xưng tôn, thì giặc ấy không đủ lo chẳng dẹp được yên vậy. »

(*Hết*)

TÙNG-VÂN *dịch*

VĂN-UYỂN

1.— Hệt thử phú 黠鼠賦
Của Tô-Thức 蘇軾 đời Tống

Đêm khuya Tô-tử đương ngồi,
Chuột đâu đang gặm, gặm rồi lại thôi.
Sai con đánh đuốc ra soi,
Hòm suông nghe có tiếng chòi mòi trong.
Rằng: «Ôi! chuột hiếm đường thông,
Cho nên khôn thoát được vòng mà ra.»
Mở hòm vừa mới trông qua,
Ắng không nào có gần xa vật gì.
Đuốc liền soi lại soi đi,
Thấy con chuột chết nằm ỳ trơ-trơ.
Trẻ con vừa hãi vừa ngờ,
Rằng: « Vừa còn tiếng, sao giờ đã im?
Tiếng xưa hay quỉ dập-dìm?»
Đồ ra chạy thoáng, ai tìm được chăng!
Chàng Tô than-thở nói rằng:
« Gớm thay chuột ấy hung-hăng quá chừng!
« Trong hòm lâu đã chịu bưng,
«Lăm-le đục thủng nhưng chừng gỗ dai.
« Lẽ ra không phải gặm hoài,
« Nhưng mà gặm để cho người biết ngay.
« Lẽ ra không phải chết vầy,
«Nhưng mà chết để tìm ngày thoát thân.
« Ta nghe người rất là thần,
«Ôm tròng, vuốt hổ, săn lân, cưỡi rùa.
« Trên nghìn muôn vật làm vua,

« Bây giờ sao lại chịu thua chuột này.
« Xem như mưu nó nghĩ vầy,
« Các cô kinh-thỏ sao tầy được khôn?»
Ngồi mà nghĩ lại nguồn cơn,
Có người đâu lại rỉ-ron ta rằng :
« Người tuy học rộng không chừng,
« Nhưng mà ngõ đạo chưa từng tới nơi.
« Mình không một vật thì hai,
« Nên vì con chuột mà sai tính thường.
« Người hay ném ngọc nhìn vàng,
« Mà sao chõ vỡ lại càng thêm kinh.
« Lại hay bắt hổ một mình,
« Mà sao ong kiến giật mình là sao ?
« Ấy vì lưỡng-lự khôn rào,
« Những lời ngươi nói thế nào ngươi quên.»
Ta liền cúi mặt cười liền,
Tỉnh ra mới bảo con biên rạch-ròi.

2.—Thu thanh phú 秋聲賦

Của Âu-Dương-Tư 歐陽修 đời Tống

Chàng Âu xem sách khi đêm,
Đông-nam bỗng có tiếng đem ngay về,
Buồn tình vừa nói vừa nghe,
Lạ thay hiu-hắt rồi khe-khắt lầm.
Hốt-nhiên vùn-vụt ầm-ầm,
Như cơn sóng vỗ đêm thâm mà chồn.
Lại như mưa ép gió dồn,
Chạm qua sắt đá tiếng dòn lang-xang.
Lại như quân tới chiến-trảng,
Ngậm tăm đi cứ sắp hàng mà đi.
Chẳng nghe hiệu-lệnh thấy gì,
Chỉ nghe xe ngựa tiếng đi rập-rìu.
Hỏi con rằng : « Tiếng gì kêu ?
« Mày ra xem thử nó theo chốn nào.»
Con rằng : « Trăng tỏ sông cao,
«Bốn phương chẳng thấy xì-xào tiếng ai.
« Tiếng đâu tiếng ở bụi ngoài, »
Ta liền than-thở rằng : — Hoài tiếng thu !
Sao mà cũng lại đây ru ?
Ôi ! sao sắc-trạng mịt-mù là sao.
Mây che khói lại quần vào,
Hình dung nhẹ-nhõm trời cao bóng tròn.
Khí hun xương cũng phải mòn,
Ý buồn, ôi ! cả nước non cũng buồn.
Cho nên tiếng vẫn luôn luôn,
Reo-hò ra dáng, dảy don đến điều.
Cỏ cây xanh tốt một chiều,
Gặp qua cỏ úa cây xiêu lá vàng.
Vì đâu nên sự nhỡ-nhàng,
Bởi trong khí-hậu thê sương còn rầu.
Ôi ! thu là một hình-quan,
Mà trong khí-tiết lại toàn là âm.
Lại là một tượng binh-xâm,
Mà trong hành lại là câm (kim) về đoài.
Ấy là nghĩa-khí của trời,
Thường đem túc sát làm nơi tâm-điền.
Trời sinh xuân lại thu liền,
Cho nên ở nhạc tiếng rền tiếng thương.
Chủ-trương các tiếng tây-phương,
Luật coi Di-tắc tháng thường tháng Ngâu.
Chữ thương, thương nghĩa là đau,
Vật kia đã lão thì đau-đớn thầm,
Chữ di, di nghĩa là đâm,
Vật kia đã thịnh thì đâm chém dầy.
Vô-tình ôi ! giống cỏ cây,
Mà sao rồi cũng có ngày phiêu-linh.
Người là một vật rất linh,
Đã lòng trăm nghĩ, lại hình muôn dung.
Khi nào đã động thân trong,
Thì ngay khi ấy chuyển-long tinh-thần.
Huống chi sức nghĩ còn gần,
Lại lo khôn-khéo muôn phần chưa hay.
Thân kia béo cũng ra gầy,
Tóc kia âu cũng mai ngày bạc phơ.
Đã không vàng-đá đợi chờ,
Mà sao xanh tốt lại chờ cả cây.
Nỗi-niềm tưởng-tạc ai hay,
Cùng thu thôi cũng chớ day tiếng gì.
Cạn lời thưa lại thưa đi,
Cúi đầu ta nghĩ ước kỳ một hơi.
Những nghe tiếng bốn phương trời,
Sâu kêu tì-tắc giúp lời thở than.

3. — Qui khứ lai từ 歸去來辭

Của Đào Tiềm 陶潛 đời Tấn

Về đi thôi quyết về đi,
Ruộng-nương bỏ rậm can chi không về.
Đã đem thân để làm thuê,
Sao còn áy-náy sầu-bi một mình ?

Biết rằng trước đã khôn ngăn,
Mà sao chắc hẳn khuyên-răn kịp mà.
Đường về ôi! cũng chưa xa,
Nay sao phải thế xưa đà sao hư.
Thuyền lan bỗ mái dừ-dừ,
Gió hiu hiu thổi, áo từ từ bay.
Hỏi đường năm cũ đâu đây,
Thần-quang kia những đằng-cay đã lòe.
Đoái trông vách dựng tường che.
Lòng vui vui thật, chân đi tì dồn.
Rộn-ràng tớ tớ con con,
Cảnh hoang mà cúc-tùng còn thướt-tha.
Dắt con mới dẫn vào nhà,
Chai đâu đã sẵn rượu pha đã đầy.
Chén quỳnh vừa rót vừa say,
Càng trông thêm cỏ mặt mày càng tươi.
Song nam tựa tựa cười cười,
Vạch Nguyên (1) lều Khổng (2) yên thời càng yên.
Thú vui vui với điền-viên,
Cửa tuy sẵn mở mở liền đóng mau.
Thần-thơ chống gậy đỡ sầu,
Khi chơi đôi lúc nghênh đầu mảng xem.
Vô-tình mây chạy nhả-nhem,
Chim bay mỏi cánh biết đem thân về.
Vào trông phong-cảnh đề-huề,
Vin cành thông những vui-vẻ với thông.
Về thôi thôi chẳng ai cùng,
Đời đời đã thế còn hòng mà chi.
Họ-hàng say tấm tình-si,
Mua vui khúc hát câu thi đỡ buồn.
Được tin xuân đã về luôn,
Ruộng tây mấy đỗi thông-thuôn phải bừa.
Khi xe đón, lúc thuyền đưa,
Sớm qua dạo suối, trưa qua dạo đèo
Một mầu cỏ mọc xanh reo,
Lơ-thơ nước chảy trong veo một dòng.
Khen cho muôn vật thỏa lòng,
Gớm cho người lại rối không với đời.
Thôi thôi sống được mấy thời,
Sao không quyết chí một hơi thẳng về?
Đi đâu sao lại còn mê,
Kia giàu-sang thế, nọ quê vua thì,
Ước sao khi gậy khi kỳ,
Khi ca giữa núi, khi thì giữa dòng.
Chút cùng khi-hóa đều không,
Tin đem phúc đối cùng ông trời già.

4.— Ngọc-tỉnh-liên phú

玉井蓮賦

Của Mạc Đĩnh-Chi 莫挺之 đời Trần

Khách đương ngồi ghế chon-von,
Trời hè đã điểm vầng son giữa đầu.
Trông xuống nước một mầu xanh ngắt,
Phù phù-dung xin vạch mấy câu.
Hốt-nhiên lại có người đâu,
Mũ vàng đậy tóc, áo nâu che mình.
Khác cõi tục như hình tiên lạc,
Rảnh hơi cơm không được đặm-đà.
Hỏi rằng-quê ở đâu ta?
Rằng: — Tôi ở ngọn non Hoa mới rồi.
Bèn đưa ghế bảo ngồi thư-thả,
Bỗ dưa Đông dâng quả Giao-trì.
Cười cười nói nói khì-khì,
Đã mà bảo khách là vì yêu sen.
Ta có thứ vẫn khen rằng lạ,
Tay áo này ta đã bỏ lâu.
Không như đào-lý chăn-chau,
Không như mai-trúc phải sầu cô-đơn.
Cũng không phải mẫu-đơn cầu-kỷ,
Cũng không là cúc rỉ lân sân.
Chính là một giống sen thần,
Mọc trong giếng ngọc giữa lân non Hoa.
Khách mới bảo: — Sao mà lạ thế,
Thật ngó to hoa kể mười tầm.
Lạnh như sương tuyết dãi-dầm,
Ngọt như mật tầm đường đầm ấy chăng?
Vẫn nghe thấy nói-năng khi trước,
Nhưng ngày nay biết được thật rồi.
Xem chừng đạo-sĩ cũng vui,
Rút trong tay áo mới tòi-mòi ra.
Khách trông thấy lòng đà thổn-thức,
Giấy bút bày lập-tức xong phăng.
Làm bài ca mới hát rằng:

(1-2) Nguyên là ông Nguyên; Hiến Khổng là Khổng Minh.

Thủy-tinh làm điệu, ngó bà ng lưu-ly.
Bùn phải tán pha-lê mới phải,
Sương phải đem châu sái mới xong.
Chín lần thoang-thoảng thơm nồng,
Trời kia vẫn sẵn có lòng ước-ao.
Kìa hương quế ngạt-ngào phải hết,
Nọ cỏ Hằng rất mệt ghen-tuông.
Hái rau trên bãi sông Phương,
Người yêu những nhớ sông Tương chút [tình.
Giữa dòng nước ẩn mình chi mãi,
Cố-vũ kia sao hãy chẳng về.
Há như hộ-lạc quê-nề,
Thuyền-quyên, ôi hỡi! lầm về thuyền- [quyên.
Ví dọc nọ không xiên không quẹo,
Gió mưa kia lạnh-lẽo hại gì.
Chỉn e thẩm rụng hồng suy,
Mỹ-nhân khi tới còn gì là xuân.
Đạo-sĩ bỗng ân-cần than-thở,
Rằng: «Bác sao thương-nhớ về đâu.
Tử-vi bên chốn ao sâu,
Mấy chồi hồng-dược trước lầu nhớ nao.
Lên một nước thanh cao một nước,
Chút thân-danh chiêu-chước đã
Kẻ kia lừng-lẫy trong triều, [nhiều.
Bác đâu bác cứ tiêu-diêu quê người.»
Bên ấy-ngày những lời nói đo,
Thêm kính và thêm mộ vì ai.
Trên đỉnh ngâm khúc Thành-trai,
Thơ Xương lê lại nối vài bốn câu.
Cửa xương-hạp nhòm sâu thăm-thẳm
Mảnh băng-tâm đậm-thắm dãi liền.
Mừng mừng sợ sợ chưa yên,
Xin dâng bài phú Tình-liên mấy vần.

NHÂN-VĂN-ĐÌNH *dịch*

Đêm thu ở cảnh Đông-Hồ

Màu thu đã nhuộm một trời,
Nhởn-nhơ chòm cúc, tơi-bời rừng Phong.
Phương trời hiu-hắt kim phong,
Dập-dìu hàng nhạn, não-nùng giọng Đông-hồ một giải nông sờ, [ngư.
Ven bờ cây cỏ là-đà cảnh sương.
Ả Hằng, nàng Tố hai phương,
Long-lanh dòng bích, thu quang chói [lòa.
Mặt hồ phẳng-lặng như tờ,
Trong ngầu sắc nước, lờ-đờ bóng Nga.
Cảnh thanh, xưa cũng thế mà,
Tiết này Tô-tử dòng là thưởng thu.
Vua Minh-hoàng, tiên họ La,
Nương con gảy bầu cung Nga chơi-bời.
Thừa nhân ta cũng học đòi,
Thả đôi chiếc lá, hiệp vài bạn thơ.
Cùng xem non nước bốn bề,
Non thì cần ngọc nước thì lộn mây.
Hóa-nhi trang-điểm cảnh này,
Cảnh hay quyến khách, người hay sinh [tình.
Kẻ vui-vẻ, ta buồn tênh;
Kẻ vui non nước trăng thanh một màu.
Ta buồn cho cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau-đớn lòng.
Hoàng-lương giấc mộng chưa xong,
Phù sinh cuộc thế nghĩ buồn lắm ru!
Trông vết cũ nhớ người xưa,
Mảnh hồn cố-quốc dặt-dờ mây xanh
«Phương-thành» xưa gác «Chiêu-Anh» (1)
«Phương-thành» còn đấy, «Chiêu-Anh» đâu rày.
Trăng, trời vẫn hãy còn đây,
Người xưa đâu vắng, trăng này biết cho.
Ẻo-le han-hỏi nàng Nga;
Nàng Nga nín lặng, tiếng gà vang rân.
Lặng ngồi nghĩ-ngợi xa gần,
Kiếp người tạm gửi cõi trần bao lâu.
Hoi nào tưởng chuyện đâu đâu,
Non nhân, nước trí một bầu vui chơi.
Ung-dung cho mãn một đời,
Thử xem tang-hải đổi-dời thế nào.
Rượu ngon sẵn có mấy bầu,
Rót mời non nước giải sầu bởi ai.
Chén thù, chén tạc đôi hồi,
Con thuyền giai-khách nước trời cùng say.
Túi thơ buộc chặt những ngày,
Đương cơn khiêu-hứng gượng say mở bùng.

---

(1) Phương-Thành là tên riêng của xứ Hà-tiên. Gác Chiêu-Anh của ông Mạc Thiên-Tích lập trong ấy có thập bát-anh, muốn rõ xin coi *Nam-Phong* số 107 nói mục Mạc-thị sử.

Thơ ba vận, đàn năm cung,
Nhỏ to khoan nhặt hòa cùng giang-san.
Đêm lành giá đáng nghìn vàng,
Mảng vui phong-cảnh, canh tàn nào hay.
Chén mời nhớ bữa hôm nay,
Chén mừng xin đọi đêm này năm sau.

∴

Chị nguyệt cùng ta đã hẹn-hò,
Đêm thu gặp-gỡ giữa Đông-hồ ;
Khi mờ khi tỏ dường dòn rước,
Dạo khắp dòng la mới thú cho.

∴

Đêm thu nàng Tố cuốn rèm mây,
Trang-điểm thêm xinh bức họa này ;
Đôi vẻ nước trời đôi thức đẹp,
Một bầu trăng gió một thuyền đầy.

Thiện-Trường TRẦN PHƯỚC-PHẬN
(Hà-tiên)

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Thời-cục nước Tàu. — Gần đây cái cuộc Phùng Tưởng xung-đột nhau nghe chừng đã thấy giải-quyết gần êm, không đến nỗi lại gây ra cuộc nội-chiến nữa. Tưởng Giới-Thạch lấy cái tài thao-lược ứng-biến, đã phá được cái kế người Nga tiếp-viện cho Phùng, lại chặn được cái thế tả-đảng hợp-tác với Phùng, chiêu hàng được một số lớn bộ-thuộc của Phùng, một mặt ủy Diêm Tích-Sơn đứng giữa điều-đình, khuyên Phùng giải-chức xuất-dương, giao quân-đội thuộc về Trung-ương biên-khiển. Phùng tuy đã tuyên-bố từ-chức, đã đến Sơn-tây để y hẹn với Diêm cùng đi xuất-dương. Song Phùng còn yêu-sách những điều này khoản nọ, chưa hẳn đã định kỳ xuất-dương.

Khi Phùng Ngọc-Tường dời Thiểm-tây đến Sơn-tây có hạ thủ-dụ cho Thạch Kính-Đình thay làm chức quyền Tổng-tư-lệnh, các tỉnh Thiểm-tây, Cam-túc do Tống Triết-Nguyên, Lưu Úc-Phần chiếu theo cách tổ-chức nguyên-định mà duy-trì. Lộc Chung-Lân chuyên giữ việc cùng chính-phủ trung-ương tiếp hợp.

Phùng Ngọc-Tường còn đợi Nam-kinh giao cho ba triệu của Nam-kinh đã hứa cho Phùng để trả lương quân lính.

Nay Phùng lại đòi xin thêm mười triệu, vì vậy các hội-đồng ở Nam-kinh rất là phản-đối. Các hội-đồng ấy xin để binh trừng-phạt Phùng, nhưng Tưởng Giới-Thạch không ưng việc ấy.

Chính-phủ trung-ương đối với việc Phùng Ngọc-Tường từ-chức đã định những điều-kiện sau này : Một là quân Phùng thiếu số lương ba trăm vạn đồng, do chính-phủ trung-ương cấp-phát ; hai là quân Phùng cải-biên, do Lộc Chung-Lân, Thạch Kính-Đình chủ-trì, chủ-tịch Thiểm-tây là Tống Triết-Nguyên, chủ-tịch Cam-túc là Lưu Úc-Phần, chủ-tịch Ninh-hạ là Môn Trí-Trung đều cứ để như cũ ; ba là

việc địa-phương hành-chính trực-tiếp chính-phủ trung-ương ; bốn là chính-phủ trung-ương cấp cho Phùng một số lữ phí là 20 vạn đồng ; năm là nếu Phùng xuất-dương, chính-phủ trung-ương có thể cấp cho cái danh-nghĩa tương-đương.

Tưởng Giới-Thạch ở Bắc-bình có chiêu đãi các báo-giới, nói chuyện về mấy việc như sau này :

1º Phùng Ngọc-Tường đã hiểu là bị người làm lầm-lỡ, quyết lòng xuất-dương du-lịch, chính-phủ trung-ương chỉ cầu quán-triệt được cái chính-sách hòa-bình thống-nhất, đối với việc gì cũng tỏ ý khoan-đại, vì nghĩ đến cái công trước của Phùng Ngọc-Tường sẽ cho cái danh-nghĩa xuất-dương khảo-sát và giúp đỡ lữ-phí.

2º Diêm Tích-Sơn lần này hết sức khuyên Phùng Ngọc-Tường xuất-dương và xin cùng đi, vì nước, vì bạn, khổ-tâm cán-toàn, đối với đảng-quốc bấy lâu, giàu có cái tinh-thần tích-cực phụ-trách, yêu nước như Diêm Tích-Sơn, tất không lấy tin nhỏ mà bỏ nghĩa công, ta cho rằng sự hành-chỉ nhất thời của tư-nhân, là sự người khác không thể can-thiệp được, nhưng Diêm đối với đảng-quốc phải chịu cái trách-nhiệm nặng-nề, hết thảy việc xuất-xử, đều nên lấy sự nhu-yếu của đảng-quốc làm trọng.

3º Bọn Hàn Phục-Cừ, Thạch Hữu-Tam ủng-hộ chính-phủ trung-ương, toàn bởi lòng chí-thành, bên ngoài có tin đồn là bọn Hàn trá-hàng và vận-động kia khác, những điều suy-trắc đều không thoát cái quan-niệm cũ về thời-đại quân-phiệt, mong rằng tân-văn-giới chớ đem cái nhãn-quang cũ xem-xét thời-đại mới.

Tưởng Giới-Thạch điện cho Diêm Tích-Sơn lập-tức hạ lệnh cho bộ quân-chính trù ba trăm vạn đồng để chi số lương thiếu cho quân Phùng, và phí-khoản xuất-dương của Phùng, lại điện cho Diêm Tích-Sơn phải giao khoản ấy, ở trước mặt Phùng. Nghe đâu Tưởng lại điện cho Diêm nói rằng sau khi Phùng từ chức sẽ lấy Tống Triết-Nguyên làm chức chủ-nhiệm khu biên-khiển thứ hai, Thạch Kính-Đình làm phó, để chỉnh-lý các việc của quân Phùng ở phía tây-bắc, đều do Diêm chủ-trì. Và nói nếu Phùng quả xuất-dương, thì không thể cho Diêm cùng đi được, chỉ được đưa Phùng đến Thiên-tân mà thôi.

Diêm Tích-Sơn đã điện cho Tưởng quả-quyết từ chức tuyên-ủy-sứ miền tây-bắc. Tưởng lập-tức điện trả lời giữ Diêm ở lại, nói việc quốc-phòng ở miền tây-bắc rất là hệ-trọng, tất phải Diêm mới kham nổi.

Diêm có thông điện tỏ bày tâm-sự như sau này :

1º Sơn-tây lấy việc làm cho chóng xong cuộc thống-nhất làm bổn-phận, bước thứ nhất dùng phương-pháp hòa bình, nếu không có hiệu bấy giờ xin theo như ý Chính-phủ trung-ương.

2º Đối với Chính-phủ trung-ương tuyệt đối phục-tòng ;

3º Nếu Phùng không đi, thì không kể trung-ương xử trí thế nào đều xin theo cả.

Tưởng Giới-Thạch lên Bắc-bình cốt làm bốn việc như sau này :

1º Vấn-đề tây-bắc thiện-hậu và vấn-đề kén các ủy-viên sung vào chính-phủ các tỉnh ở Tây-bắc.

2º Theo cái nghị án hội biên-khiển xử-trí quân Phùng, đem quân đội cả nước biên thành 60 sư-đoàn.

3º Tiễn Phùng Ngọc-Tường xuất-dương, và hội-kiến Trương Học-Lương.

4° Đại biểu chính-phủ trung-ương lưu giữ Diêm Tích-Sơn ở lại, nếu Diêm không bỏ ý xuất-dương đi, quyết cùng Diêm cùng xuất-dương.

Tưởng Giới-Thạch có nói chuyện rằng ta sở-dĩ ân-cần lưu Diêm Tích-Sơn ở lại, thực là vì cái vấn-đề tây-bắc thiện-hậu và quốc-phòng, biên-khiển đều đợi giải-quyết. Hiện nay phái phản-động âm-mưu phá-hoại, nếu Diêm bỏ nước mà đi thì trúng kế của chúng nó. Chính-phủ trung-ương đối với sự Diêm xin xuất-dương khảo-sát quân-chính, rất là ngợi khen, nhưng cân nhắc hoãn-cấp, không thể cho Diêm bỏ chức mà đi được. Ta thường tiếp được điện ở thủ-đô nói rằng đối với Diêm cần phải đợi cái vấn-đề tây-bắc thu xếp đâu vào đấy rồi mới có thể cho xuất-dương du-lịch được, mệnh-lệnh trung-ương cần phải giữ lấy uy-tín, ở Diêm nên phải thực lòng tuân giữ. Sau khi Phùng đi rồi, quân bộ Phùng cần phải chỉnh-đốn như thế nào, cũng lo Diêm chịu trách-nhiệm. Chắc Diêm có thể bỏ cái ý từ chức đi, để yên lòng quốc-dân và chính-phủ trung-ương.

Tưởng Giới-Thạch có nói chuyện rằng nếu Diêm Tích-Sơn quyết lòng xuất-dương thì mình cũng không về Nam-kinh nữa, sẽ cùng Diêm cùng thuyền cùng đi. Nhưng cùng làm đảng-viên nên phải phục-tòng trung-ương, lấy quốc-gia làm nghĩ, không thể nghĩ được đến sự tự-do của cá-nhân.

Chính-phủ Quốc-dân đã hạ lệnh giữ Diêm Tích-Sơn ở lại để giữ chức truyền-ủy-sứ miền tây-bắc. Các ủy-viên chấp-hành là bọn Hồ Hán-Dân cũng điện đến Bắc-bình tỏ ý khẩn-khoản mời Diêm ở lại.

Hội-đồng quốc-nghị và ban thường-trực của hội-đồng trung-ương hành chính có hạ-lệnh cho Diêm Tích-Sơn không được ra khỏi Trung-hoa.

Diêm có nói tỏ ý rằng sự xuất-xử của mình quyết lấy đảng-quốc làm căn-cứ. Phùng Ngọc-Tường dẫu y-ước đến Sơn-tây, nhưng bộ-hạ vẫn ở miền tây-bắc, nên phải nghĩ cách khiến cho bọn ấy yên lòng làm can-thành cho nước, mình sở-dĩ phải theo Phùng xuất-dương, chính là khiến cho bộ-hạ Phùng được yên lòng. Chính-phủ trung-ương không phải lo về miền tây-bắc nữa.

Gần đây Diêm Tích-Sơn đã nghe lời khuyên-ngăn của Tưởng Giới-Thạch, và các yếu-nhân, hoãn kỳ xuất-dương, Phùng Ngọc-Tường cũng tuyên-bố là đợi sau ba tháng cuộc biên-khiển tây-bắc đã làm xong, bấy giờ xuất-dương mới được yên lòng.

Hiện Phùng ngụ ở Tấn-từ (Sơn-tây). Diêm nói rằng Phùng sẽ yên ở đó, mình dám đảm-bảo là không xảy ra sự gì.

Diêm có tỏ ý với Tưởng Giới-Thạch rằng nếu mình hoãn kỳ xuất-dương, thì xin các phương đối với Phùng cũng bất-tất giục phải xuất-dương, Phùng ở Thái-nguyên, mình xin đảm-bảo là không bao giờ có xảy ra sự gì khác, và vấn-đề tây-bắc thiện-hậu nhân lúc Phùng chưa xuất-dương làm cho xong ngay, lại càng hay lắm.

Ngày mồng một tháng bảy tại Bắc-bình cử-hành cuộc kỷ-niệm Chính-phủ quốc-dân thành-lập năm thứ tư. Tưởng Giới-Thạch có diễn-thuyết ở đảng-bộ, đại-ý chia ra mấy điều như sau này :

1 — Nơi phát-nguyên cách-mệnh là tỉnh Quảng-đông, phải phản-động và đảng cộng-sản ở đó nếu không dẹp yên được, thì cuộc cách-mệnh không bao giờ mong thành công ;

2 — Đảng đồ đảng cộng-sản, quân-phiệt, bọn ác-hóa hủ-hóa là cái nguyên-

tắc nhất-định của cuộc cách-mệnh, xin các bạn đồng-chí nên nhận cho kỹ, quốc-dân nên một lòng đoàn-kết, thì sau ba năm có thể bỏ hết các điều-ước bất-bình-đẳng, nếu không thì không những không bỏ được, nước cũng sắp mất ;

3. — Báo-giới miền bắc phần nhiều không rõ cái nghĩa của đảng, báo chỉ là đại-biểu cho dân chúng xã-hội, ký-giả nên lấy đảng nghĩa, mà chỉ-dẫn cho dân-chúng ;

4º Mong các bạn đồng-chí thanh-niên chớ tin lầm những điểm phiến-hoặc của phái chia rẽ, mà đảng cộng-sản, giữ những tôn-chỉ, trách-nhiệm ở các người, mong trước mưu sự thành-công của đảng, mới có thể bỏ được các điều-ước-bất-bình-đẳng.

Có tin ở Thượng-hải rằng : Trương Học-Lương đến Bắc-bình, bọn Hà Thành-Tuấn, Chu Thụ-Quang, Lưu Trấn-Hoa, Phương Bản-Nhân cùng đến đón Trương, Trương có phát-biểu mấy điều rằng :

1º Cái mục-đích đến Bắc-bình là theo lời triệu của Tưởng Giới-Thạch, nên phải thân đến để báo-cáo các tình-hình quân-chính ở phía đông-bắc ;

2º Vì đảng-quốc quyết giữ Diêm Tích-Sơn ở lại ;

3º Đông-bắc tuyệt-đối phục-tòng chính-phủ trung ương ;

4º Chỉ ở Bắc-bình ít ngày lại về Liêu-ninh.

Lại có tin rằng Tưởng Giới-Thạch, Diêm Tích-Sơn, Trương Học-Lương, Hà Thành-Tuấn ngày 9 Juillet có mở cuộc hoan yến ở lầu lớn ngoại-giao ở Bắc-bình và bàn về mấy vấn-đề sau này :

1º Vấn-đề ngoại-giao Đông-bắc ;

2º Vấn-đề thiện-hậu Tây-bắc ;

3º Vấn-đề biên-khiển ;

4º Vấn-đề quốc-thuế, địa-thuế ở các tỉnh đông-bắc, tây-bắc.

Việc thiện-hậu ở miền tây-bắc thì quyết giao cho Diêm Tích-Sơn sau khi trở về Sơn-tây cùng Phùng Ngọc-Tường tiếp-hợp, và triệu Lộc Chung-Lâu, Thạch Kính-Đình đến Thái-nguyên cùng bàn thứ-tự việc biên-khiển.

Tưởng Giới-Thạch cùng Trương Học-Lương bàn việc thống-nhất hải-quân, kết-quả rất viên-mãn ; ân ngoại-giao do Trương bàn với Vương Chính-Đình để tiện việc giao-thiệp đối với Nhật, và bảo Trương phải nghiêm-sức các trưởng-quan ở Đông-tam-tỉnh phải cẩn-thận sự phòng-thủ để khỏi sinh ra các việc lôi-thôi.

Tưởng Giới-Thạch khuyên bảo các thanh-niên miền bắc.— Tưởng Giới-Thạch có phát-biểu bài báo-cáo cho các thanh-niên ở miền bắc. Đại-ý nói lần này đến Bắc-bình xét ra các bạn thanh-niên có hai điều sai lầm, một là đem những cái khẩu-hiệu không đâu, công-kích chính-phủ trung-ương, hai là cái quan-niệm về đoàn-thể nhỏ, lại trọng hơn cái quan-niệm về đảng, hai điểm sai lầm ấy nếu không cải-chính, việc tiến-hành cách-mệnh sẽ sinh ra sự chướng-ngại rất lớn.

Tưởng, Diêm, Trương từ-biệt Bắc-bình.— Hồi 10 giờ đêm ngày 10 Juillet Tưởng đã cùng phu-nhân là Tống Mĩ-Linh và các tùy-viên từ-biệt Bắc-bình về Nam-kinh, Trương Học-Lương và Diêm Tích-Sơn tiễn Tưởng đến Thiên-tân, rồi Trương từ-biệt trở về Liêu-ninh, Diêm lại lên Bắc-bình, rồi lập-tức trở về Sơn-tây.

Trung Nga giao-thiệp về việc Đông-thiết-lộ.— Mấy tháng trước nhân việc tình-nghi cánh cộng-sản hoạt-động tại miền Trung-đông, chính-phủ Trung-

hoa khám tòa lãnh-sự Nga và sở xe lửa Trung-đông, bắt được những giấy-má khả-nghi, nhân thế mà có hơn ba-mươi người Nga bị bắt và trục-xuất. Trung Nga từ đó mới gây ra hiềm-khích.

Người Trung-hoa lại tịch-biên các đường điện báo riêng của công-ti Đông-thiết-lộ từ Cáp-nhĩ-tân đến Mãn-châu-lý và từ Cáp-nhĩ-tân đến *Pogranitchnaya*, cùng đường điện-thoại nối hai nơi ấy với nhau, chỉ để cho công-ti các đường đủ dùng về việc thương-mại mà thôi.

Chính phủ Trung-hoa lại bắt mười viên chức của Nga, trong số ấy có viên chánh-phòng chính-trị và viên chánh-phòng thương-mại của công-ti.

Các quan Trung-hoa lại bắt các hội liên-hợp nghệ-nghiệp của Nga về Đông-thiết-lộ, về thương-thuyền, vân-vân, dựng lên ở miền Đông-thiết-lộ phải đóng cửa.

Cứ như các giấy-má bắt được và ngày 27 Mai mới đây đến khám tại bộ lãnh-sự Nga có bắt được đại-biểu của các hội ấy, thì rõ rằng các hội ấy dự vào việc cổ-động cộng-sản.

Các quan Trung-hoa cho giải ra bờ cõi Tây-bá-lợi-á 33 người của Đông-thiết-lộ trú-cư ở Cáp-nhĩ-tân, 26 người trú-cư ở các nơi khác.

Các quan Trung-hoa tịch-biên xong đường điện-báo và đường điện-thoại rồi, thì bắt vô-số viên-chức Nga ở Cáp-nhĩ-tân, nhiều người bị đem đi đầy. Các quan Trung-hoa nói rằng lại bắt được một việc âm-mưu cộng-sản định hại Mãn-châu, nên phải xử-trí như thế để giữ cho được vững.

Ông Chánh-giám-đốc Nga của công-ti Đông-thiết-lộ, và ông phó-giám-đốc cũng là người Nga bị các quan Trung-hoa ở Mãn-châu cách-chức và tống giam cả.

Người ta nói chính-phủ Nga đối-phó lại việc ấy định cấm cửa đường cương-giới, không cho đường hỏa-xa qua Tây-bá-lợi-á đi lại, và giao-thông với Âu-châu.

Người Nhật báo tin rằng hội-đồng hỏa-xa ở ba tỉnh phía đông, họp ở Cáp-nhĩ-tân, đã theo mệnh-lệnh ở Cáp-nhĩ-tân mà đặt quyền kiểm-duyệt của Chính-phủ Trung-hoa về các đường Đông-thiết-lộ và đem đầy nhiều viên chức của Nga. Người Trung-hoa viện lẽ rằng người Nga không tuân bản giao-ước ký trong năm 1924 định rằng cả hai nước cùng có quyền kiểm-duyệt đường hỏa-xa, mà lại tự giữ lấy quyền kiểm-duyệt một mình. Người Trung-hoa lại nói người Nga có đặt một cái chương-trình truyền-bá chủ-nghĩa quá-khích ở Mãn-châu. Việc ấy có thể gây nên sự rối-loạn lớn ở Mãn-châu và ở Mông-cổ, mà hai miền ấy Nhật có nhiều sự ích-lợi quan-thiết.

Nguyên đường thiết lộ Trung-đông, xưa gọi là Đông-Thanh thiết-lộ, từ đời Tiền-Thanh, Quang-tự thứ 22, vua Nga làm lễ gia-miện, nhà Thanh phái Lý Hùng-Chương qua Mạc-tư-khoa làm hạ-sứ rồi cùng nước Nga lập tờ mật-ước, qua tháng tám năm ấy, nước Nga khởi sự kinh-doanh, hạn sau khi đường thiết-lộ đã thành rồi, trong 80 năm đường sắt và những tài-liệu phụ-thuộc không phải trả đền gì lại cho Trung-hoa cả. Sau khi xe hỏa đã chạy được 36 năm, nếu Trung-hoa có tiền chuộc về cũng cho. Đường ấy khởi công làm từ Quang-tự năm thứ 23 đến năm thứ 29, mới hoàn-thành. Tới sau khi Nhật, Nga chiến-tranh, ngả đường tự Trường-xuân qua phía nam, Nga phải nhượng quyền quản-lý cho Nhật. Hiện bây giờ suốt con đường ấy còn dài ước 1030 dặm Nga. Khi Âu-chiến thì về các nước Đồng-minh quản-lý, sau Trung-hoa lấy về, đổi làm cả Nga và Tàu cùng chung hưởng quyền-lợi, trừ ra từ

Trường-xuân qua phía nam hơn 1400 dặm, Tàu cắt cho Nhật-bản không kể, còn từ phía tây Hắc-long-giang, tới Hải-sâm-uy, dài 306 hoa-lý, từ Cáp-nhĩ-tân đến Khoan-thành còn dài ước 436 hoa-lý. v.-v..

Thư tối-hậu của Nga. — Chính-phủ Moscou hạ tối-hậu-thư cho chánh-phủ Nam-kinh hẹn trong ba ngày phải giải-quyết xong việc Đông-thiết-lộ. Ở Phụng-thiên có họp một hội-đồng để phúc-đáp lại chánh-phủ Moscou.

Chánh-phủ Moscou lại có giao cho quan đại-lý Trung-hoa ở Moscou một bức thư nói về việc bài Nga ở Mãn-châu, yêu-cầu cho những người Nga bị bắt được tha ngay, phải bãi cái lệnh của chánh-phủ Trung-hoa về việc quản-lý Đông-thiết-lộ, hẹn trong ba ngày phải trả lời, nếu trả lời không vừa ý, thì sẽ dùng cách khác để bảo-hộ quyền-lợi của mình ở Trung-hoa.

Người Nhật cho bức tối-hậu-thư của Nga có ý dậm dọa, song không sợ xảy ra chiến-sự. Nếu sinh-mệnh và tài-sản của kiều-dân Nhật, cùng là các quyền-lợi của Nhật ở Mãn-châu không có điều gì nguy-ngập, thì Nhật không can-thiệp đến.

Chánh-phủ Nam-kinh có ý nghe ngóng xem cái thái-độ của Nhật ra làm sao, vì việc này kết-cục thế nào, một phần quan-hệ ở cái thái-độ của Nhật.

Bức thư đáp lại nước Nga. — Bức thư đáp lại tối-hậu-thư của Nga mới công-bố. Trong thư không nhận những khoản của Nga lại tỏ tình bất-phục về việc đãi người Trung-hoa ở Nga.

Tình-hình ở Cáp-nhĩ-tân lại nguy-ngập hơn. Hai bên đường cương-giới Mãn-châu đều có quân hành-động. Đường hỏa-xa qua Tây-bá-lợi-á không đi lại được.

Nga tuyệt-giao với Trung-hoa. — Ở Moscou có tin rằng chánh-phủ Xô-viết đã tuyệt-giao với Trung-hoa.

Chánh-phủ Xô-viết đã đem một sư-đoàn kỵ-binh đến đường cương-giới Mãn-châu; ở Mông-cổ lại có quân khác dự-bị sẵn sàng.

Trung-hoa cũng dự-bị đem quân đi phía *Prograntchnaya* và *Mandchouli*. Đường hỏa-xa qua Tây-bá-lợi-á không chạy. Người Nhật đình việc bán vé về xe hỏa qua Tây-bá-lợi-á và thêm số quân đóng ở Mãn-châu.

Có tin đích-xác rằng quân Nga tụ-tập ở dọc đường hỏa-xa qua Tây-bá-lợi-á. Từ Cáp-nhĩ-tân đến Âu-châu không giao-thông được với nhau.

Tưởng Giới-thạch đọc diễn-văn trước các viên chức có chân trong Quốc-dân-đảng có nói cái vấn-đề Mãn-châu đã giải-quyết một cách hòa-bình, tình-thế đáng yên-tâm và sự tương-lai không có điều gì đáng ngại.

Chánh-phủ Nam-kinh không có ý đáp lại chánh-phủ Xô-viết trong cái kỳ-hạn đã định.

Các báo bản-xứ có nói Chánh-phủ Trung-hoa có vẻ điềm-tĩnh mà nhất là nước Nhật thì lại có ý quan-tâm vào việc ấy nhiều lắm.

Vân-nam-phủ. — Ở tỉnh thành Vân-nam vừa rồi có xảy ra cái tai-nạn nổ kho thuốc súng, người Tàu chết hại đến hơn nghìn người.

Gần đây chủ-tịch Vân-nam là tướng Long-Vân có đem quân đánh Hồ Nhược-Ngu. Long-Vân có báo tin rằng địch-quân đã phải lui. Nếu không xảy ra sự phản-trắc, thì địch-quân không vào Vân-nam-phủ được.

Đường hỏa-xa vẫn không việc gì. Người Pháp người Nam ở Vân-nam đều vô-dạng cả.

Tỉnh Vân-nam hiện có 14 chiếc tầu bay kiểu Pháp và Hoa-kỳ. Các quan Vân-nam định kíp đặt đường thương-mại hàng-không nối với Tứ-xuyên, Qui-châu, Quảng-tây, Quảng-đông và Nam-kinh, định để bổ-cứu sự giao-thông khó-khăn của Vân-nam với các tỉnh, về sau này thì sẽ đặt đường hỏa-xa nối Vân-nam với các tỉnh phía đông.

Việc điều-đình với liệt-quốc. — Ban hội đồng Trung Anh bàn việc giao đất Uy-hải-vệ trả cho Trung-hoa.

Ban hội-đồng Trung Bỷ họp để xét việc nhượng lại cho Trung-hoa tô-giới của Bỷ ở Thiên-tân, lại hoãn để đợi mệnh-lệnh của chánh-phủ hai nước.

Các báo Trung-hoa lại đăng tin rằng quan sứ-thần Pháp đã đến Nam-kinh để điều-đình về bản giao-ước thương-mại với Đông-dương.

Có người hỏi Vương Chính-Đình về bản giao-ước với Đông-dương. Vương nói chỉ còn có việc quá vãng Bắc-kỳ và đường hỏa-xa Vân-nam là chưa giải-quyết xong, nhưng nay mai cũng điều-đình được ổn.

Sự ngăn-trở về điều-ước mới của Trung Nhật. — Có tin ở Bắc-bình rằng nước Nhật đối việc sửa ước vẫn ngang-ngạnh, quyền vận-tải đường sông ở nội-địa không chịu bỏ, chỉ chịu sự tra xét của các quan Trung-quốc mà thôi, quyền lãnh-sự tài-phán trước khi các nước chưa chịu bỏ, nước Nhật cần phải giữ lại, xem ra là đợi các nước bỏ hết mình mới bỏ sau.

Việc trong nước

Việc « Hội kín ». — *Trong tháng 7 tây này chỉ có một việc quan-hệ, là việc xử cái án « hội kín » ở Sài-gòn và ở Hà-nội. Nguyên gần đây sở mật-thám có dò xét ra ở Nam-kỳ và ở Bắc-kỳ có một cái phong-trào lập hội bí-mật để phản-đối Chính-phủ. Ở Nam-kỳ thời có Nguyễn An-Ninh là nhà làm báo đã can về việc quốc-sự mấy lần, hồi năm ngoái có kẻ cáo-giác là đứng chủ-trương lập hội kín, liền phải bắt, giam-cứu từ bấy đến nay, sau đem ra xử kín ở tòa án Trừng-trị, phải kết án ba năm tù, ngày 17 tháng 7 mới rồi tòa Phúc-thẩm chiếu đơn kháng-án lập phiên tòa công xử lại, cũng y cái án của tòa Trừng-trị. Thế là kết liễu việc « Hội-kín » ở Nam kỳ. Không rõ thực-hư thế nào, nhưng ở trong Nam thì việc chỉ có thế thôi, không có bành trướng to như người ngoài Bắc.*

Ở Bắc-kỳ thì cái án hội-kín phát ra tự sau việc ám-sát Bazin *(chính việc này hiện cũng vẫn chưa xét xong.) Tự đấy đặt Hội-đồng Đề-hình để xét. Hội-đồng đề-hình là một tòa án đặc-biệt, đặt ra ở xứ bảo-hộ để xét về các cái án có quan-hệ đến quốc-sự. Khác tòa án thường là trong hội-đồng có hai quan cai-trị, một quan binh và chỉ có một quan về ngạch thẩm-phán thôi. Lại khác về cái thủ-tục dự-thẩm và kết án nữa : ở tòa án thường thì việc dự-thẩm là do một quan án dự-thẩm riêng, xét xong rồi đệ ra tòa xử, không can-thiệp đến nữa ; ở tòa đề-hình thì cùng một hội-đồng vừa dự-thẩm, lại vừa xét xử và kết án ; — ở tòa án thường thì trong khi dự-thẩm, người bị cáo được mượn thầy kiện giúp đỡ ; ở tòa đề-hình thì dự-thẩm kín, thầy kiện không được can-thiệp, duy khi kết án thời tùy ý*

hội-đồng muốn xử kín hay xử ngỏ cũng được, khi ấy người bị-cáo có thể mượn thầy kiện cãi hộ. Lại còn một điều khác nữa, là án kết ở tòa án thường có thể kháng-cáo sang tận Thượng-thẩm bên Tây được, còn án của Hội-đồng Đề-hình thì chỉ kháng-cáo lên Hội-đồng Bảo-hộ, tức là quan Thống-sứ mà thôi. Tòa Đề-hình mới rồi có quan Giám-đốc chính-trị BRIDE *làm chủ, xét trong mấy tháng, bắt tới ngót ba trăm người, thuộc về đủ các giới, phần nhiều là trong bọn các giáo-viên tiểu-học, và là hạng thanh-niên cả. Khi dự-thẩm thì kín, không ai được biết, đến ngày thứ ba mồng 2 tháng 7 mới đặt phiên tòa công kết-án, khi ấy chỉ còn có 75 người bị-cáo thôi, còn ngoại-giả xét ra bị tố-cáo hay bị tình-nghi oan, không có chứng-cớ, được tha. Theo lời cáo-trạng thì những người bị-cáo đó là vì âm-mưu đặt một hội bí-mật tên là «Việt-Nam quốc-dân đảng», chủ-ý khuynh-đảo Chính-phủ Bảo-hộ Pháp và đặt chế-độ cộng-hòa dân-chủ cho nước Nam. Hội có tổng-bộ ở Hà-nội, chi-bộ ở các nơi; tổng-bộ lại chia ra các cơ-quan lập-pháp, ngoại giao, kinh-tế, văn-vân, thậm-chí có cả một cơ-quan « ám-sát » nữa. Những tay chủ-trương là Nguyễn Thái-Học, Dương Hạc-Đỉnh, Phạm Tuấn-Tài, v.v... Những người bị cáo đã do cùng bấy nhiêu quan hội-đồng hỏi xét trong khi dự-thẩm rồi, nên khi ra phiên công chỉ hỏi qua loa mỗi người một chút xem có điều gì khai thêm nữa không, rồi để thầy kiện cãi. Cho nên đến tối ngày thứ năm mồng 4 tháng 7 thì xong cả, 11 giờ đêm tuyên-án. Trong 75 người, chỉ có 2 người được tha trắng án; còn thì 3 người phải 20 năm cấm-cố (1) (là Nguyễn Thái-Học, Dương Hạc-Đỉnh và Nguyễn Khắc-Nhu, đều xử vắng mặt, vì chưa bắt được); 2 người phải 15 năm (là Phạm Tuấn-Tài có mặt, và*

(1-2). — Tòa Đề-hình đây kết hai thứ tội: tội cấm-cố (*détention*) và tội phạt giam (*emprisonnement.*) Theo Hình-luật thì tội cấm-cố là thuộc về trọng-tội (*crimes*) và tội phạt-giam là thuộc về khinh-tội (*délits*).

Điều thứ 13 Luật Hình Bắc-kỳ nói về tội cấm-cố như sau này:

« Người bị tội cấm-cố thì sẽ bị câu-giam ở một trường-sở trong cõi Đông-Pháp, trường-sở ấy « do nghị-định quan Toàn-quyền chiếu ý-kiến bàn thường-trực của Hội-đồng Chính-phủ mà « chỉ-định. Người bị cấm-cố thì không giam chung với các người bị tội thường-phạm khác.

« Người ấy được phép thông tin-tức hoặc với người ở trong sở giam, hoặc với người ngoài « theo như qui-tắc cẩn-sát của nghị-định quan Toàn-quyền đã định.

« Cái hạn cấm-cố không được xử nhẹ dưới 5 năm và nặng quá 20 năm.»

Tội phạt-giam thì điều thứ 17 Luật Hình nói rằng:

« Người bị tội phạt-giam thì bị giam và bắt phục-dịch ở giám-thất.

« Cái hạn phạt-giam thuộc về khinh-tội thì từ 6 ngày đến 5 năm, trừ ra khi phải tội tái-phạm « thì không kể...»

Còn về « án-treo » (*sursis*) thì điều 322 luật Hình nói rằng:

« Khi nào có người phạm chưa bề bị phạt-giam về khinh-tội trọng-tội bao giờ mà nhất-sơ bị « phạt-giam hoặc phạt bạc, thời quan thẩm-phán có thể kết án cho được huyền khoản hình- « phạt, không bắt phải thụ-hình ngay. Khi ấy quan thẩm-phán sẽ hiểu-thị cho người bị án biết « rằng kỳ-hạn huyền-án là 5 năm, nếu trong hạn ấy lại vì tội gì phải phạt-giam hay phạt nặng « hơn nữa, thì án trước án sau đều phải thi-hành phân-biệt nhau; nếu trong 5 năm ấy không bị « án gì nữa thì cái hình-phạt trong án còn huyền ấy sẽ được tiêu-trừ.»

Nguyễn Văn-Viên vắng mặt) ; 9 người phải 10 năm, 17 người 5 năm ; 15 người 5 năm phạt-giam 2), 11 người 2 năm, 4 người 5 năm án treo và 22 người 2 năm án treo. Tổng-cộng là 426 năm vừa phạt giam vừa cấm-cố. Nhưng chắc công việc Hội-đồng Đề-hình thế cũng chưa xong và cái án hội kín ở Bắc-kỳ này chưa phải đã liễu-kết như ở Nam-kỳ. Vì những tay thủ-phạm còn đương trốn, chưa biết đến khi bắt được còn tra xét những gì nữa.

Sách mới

Bản-chí tiếp được những sách mới xuất-bản như sau này, xin vui lòng giới-thiệu :

1.— Nữ-lưu văn-học sử 女流文學史. Của Sở-Cuồng soạn. Sách chép lược-sử cùng những thi-ca nôm hay của các bậc khuê-viện có tiếng nước ta, như Hồ Xuân-Hương, Nguyễn Thị-Điểm, bà Huyện Thanh-quan, v. v.— 74 trang.— Đông-Tây ấn-quán, 193 phố hàng Bông Hà-nội, giá 3 hào rưỡi.

2.— Nhi-đồng lạc-viên. Của Ôn-như Nguyễn-Văn-Ngọc soạn. Sách những bài ca-từ nho nhỏ cho trẻ con tập đọc. — 134 trang, Vĩnh-hưng-Long thư-quán, 51 phố hàng Đường, Hà-nội, giá 3 hào.

3.— Văn-đàn bảo-giám 文壇寶鑑. Tập thơ cổ của các bậc danh nho đời Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Nguyễn.— Trần Trung-Viên sao-lục.— Nam-kỳ thư-quán, 17 Boulevard Francis Garnier, Hà-nội, quyển thứ I, 272 trang, giá 7 hào.

Nam-Phong Tùng-Thư

Mới xuất-bản

— *Khảo về Tiểu-thuyết*, của Phạm Quỳnh soạn. Có phụ-dịch mấy bài Đoản-thiên Tiểu-thuyết. Cuối sách có Tự-vựng. Dày hơn 120 trang. Giá 4 hào.

Đã xuất-bản trước :

1.— *Văn-minh luận* ;

2.— *Ba tháng ở Paris* ;

3.— *Văn-học nước Pháp* ;

4.— *L'Idéal du Sage* ;

5.— *Chính-trị nước Pháp*, quyển I ;

6.— *Chính-trị nước Pháp*, quyển II.

Năm quyển trên giá 4 hào một quyển ; quyển thứ 6 dày hơn giá 5 hào.

Đương in :

Lịch-sử thế-giới